

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DÂN LẬP HÀI PHÒNG

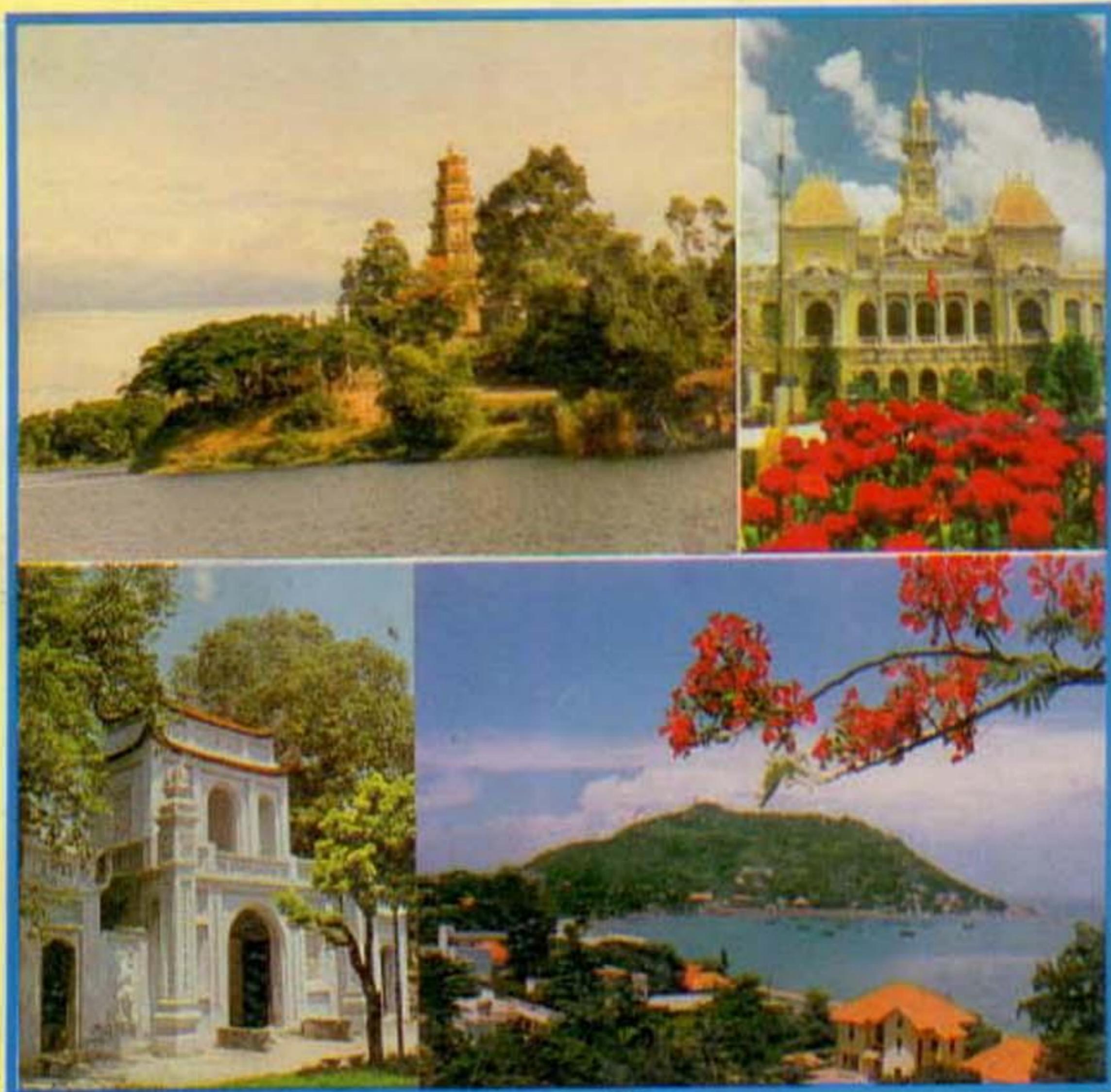
THƯ VIỆN

91(V)

Đ301L

PTS. NGUYỄN MINH TUỆ
MŨ TUẤN CẢNH - PGS.PTS. LÊ THÔNG
XUÂN HẬU - PTS NGUYỄN KIM HỒNG

Địa lý Du lịch



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHÂN LÝP HP

ĐỀ 04 L

SỐ:

PTS. NGUYỄN MINH TUỆ
PGS.PTS. Vũ Tuấn Cảnh — PGS.PTS. Lê Thông
PTS. Phạm Xuân Hậu — PTS. Nguyễn Kim Hồng

ĐỊA LÝ DU LỊCH

THƯ VIỆN BR.ĐĂNG LẬP (B)
PHÒNG ĐỌC

2000 DV 745

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

కెన్విట్
గాంధీ

కెన్విట్ గాంధీ

ప్రమాదిత్త వ్యక్తిగత సాంఘిక కులాల వ్యక్తిగత సాంఘిక
ప్రమాదిత్త వ్యక్తిగత సాంఘిక కులాల వ్యక్తిగత సాంఘిక

LỜI NÓI ĐẦU

CUỐN ĐỊA LÝ DU LỊCH do PTS Nguyễn Minh Tuệ cùng tập thể tác giả soạn thảo đáp ứng phần nào nhu cầu nghiên cứu và học tập của các cơ quan quản lý, các tổ chức nghiên cứu phát triển du lịch, của các sinh viên ngành du lịch thuộc các trường đại học, cao đẳng, trung học, các trường nghiệp vụ du lịch...

Nội dung **SÁCH ĐỊA LÝ DU LỊCH** gồm hai phần chính :

- *Phân I : Cơ sở địa lý du lịch (gồm 3 chương)*
 - + *Chương I : Đề cập đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Địa lý du lịch*
 - + *Chương II : Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch*
 - + *Chương III : Tổ chức lãnh thổ du lịch*
- *Phân II : Địa lý du lịch Việt Nam*

Trong phần này, các tác giả phân tích sâu về tiềm năng du lịch ở mỗi vùng có giá trị đối với trong và ngoài nước. Qua đó, người làm công tác du lịch có thể xác định những tuyến, điểm du lịch thích hợp nhất để tổ chức các hoạt động du lịch cho phù hợp với khách du lịch nội địa cũng như khách quốc tế.

Trong khuôn khổ của cuốn sách, các tác giả không thể trình bày hết những lãnh vực của địa lý du lịch, nhưng hy vọng **ĐỊA LÝ DU LỊCH** sẽ đáp ứng phần nào nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của bạn đọc.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ phía bạn đọc.

NHÓM TÁC GIẢ

ANSWER

1. *What is the name of the author of the book?*
The author of the book is **John Galsworthy**.

2. *What is the name of the book?*
The name of the book is **The Forsyte Saga**.

3. *What is the name of the main character?*
The main character is **Syd**.

4. *What is the name of the author's wife?*
The author's wife is **Frances Galsworthy**.

5. *What is the name of the author's son?*
The author's son is **John Galsworthy Jr.**

6. *What is the name of the author's daughter?*
The author's daughter is **Frances Galsworthy**.

7. *What is the name of the author's mother?*
The author's mother is **Frances Galsworthy**.

8. *What is the name of the author's father?*
The author's father is **John Galsworthy**.

9. *What is the name of the author's brother?*
The author's brother is **John Galsworthy**.

10. *What is the name of the author's sister?*
The author's sister is **Frances Galsworthy**.

11. *What is the name of the author's grandmother?*
The author's grandmother is **Frances Galsworthy**.

12. *What is the name of the author's grandfather?*
The author's grandfather is **John Galsworthy**.

13. *What is the name of the author's great-grandmother?*
The author's great-grandmother is **Frances Galsworthy**.

14. *What is the name of the author's great-grandfather?*
The author's great-grandfather is **John Galsworthy**.

15. *What is the name of the author's great-great-grandmother?*
The author's great-great-grandmother is **Frances Galsworthy**.

16. *What is the name of the author's great-great-grandfather?*
The author's great-great-grandfather is **John Galsworthy**.

17. *What is the name of the author's great-great-great-grandmother?*
The author's great-great-great-grandmother is **Frances Galsworthy**.

18. *What is the name of the author's great-great-great-grandfather?*
The author's great-great-great-grandfather is **John Galsworthy**.

19. *What is the name of the author's great-great-great-great-grandmother?*
The author's great-great-great-great-grandmother is **Frances Galsworthy**.

20. *What is the name of the author's great-great-great-great-grandfather?*
The author's great-great-great-great-grandfather is **John Galsworthy**.

ANSWER

MỤC LỤC

PHẦN I. CƠ SỞ ĐỊA LÝ DU LỊCH

Chương I: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu
Địa lý du lịch

Chương II. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành
và phát triển du lịch

- A. Tài nguyên du lịch.
- B. Các nhân tố kinh tế, xã hội, chính trị.
- C. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Chương III. Tổ chức lãnh thổ du lịch

- I. Lịch sử và xu hướng phát triển du lịch thế giới.
- II. Các loại hình du lịch.
- III. Tổ chức lãnh thổ du lịch.
 - 1. Quan niệm.
 - 2. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch.
 - 3. Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch.
 - 4. Phương pháp phân vùng du lịch.

PHẦN II. ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

Chương I. Vùng du lịch Bắc Bộ

- I. Khái quát.
- II. Tiềm năng du lịch.
- III. Cơ sở hạ tầng.
- IV. Cơ sở vật chất kỹ thuật.
- V. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn
hoạt động du lịch chủ yếu của vùng.
- VI. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc tế và quốc gia.
 - A- Tiểu vùng du lịch trung tâm.
 - B- Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc.

C – Tiêu vùng du lịch miền núi Đông Bắc.

D – Tiêu vùng du lịch miền núi Tây Bắc.

E – Tiêu vùng du lịch Nam Bắc Bộ.

Chương II. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ

I. Khái quát.

II. Tiềm năng du lịch.

III. Cơ sở hạ tầng.

IV. Cơ sở vật chất kỹ thuật.

V. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng.

VI. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc tế và quốc gia.

A – Tiêu vùng du lịch phía Bắc.

B – Tiêu vùng du lịch phía Nam.

Chương III. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

I. Khái quát.

II. Tiềm năng du lịch.

III. Cơ sở hạ tầng.

IV. Cơ sở vật chất kỹ thuật.

V. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng.

VI. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc tế và quốc gia.

A – Á vùng du lịch Nam Trung Bộ.

– Tiêu vùng du lịch Duyên Hải Nam Trung bộ.

– Tiêu vùng du lịch Tây nguyên.

B – Á vùng du lịch Nam Bộ.

– Tiêu vùng du lịch Đông Nam Bộ.

– Tiêu vùng du lịch Tây Nam Bộ.

Tài liệu tham khảo chính

- 1. Cơ sở Địa lý du lịch phục vụ tham quan**
I. Pirôgionic, Minxk, 1985 – (Tiếng Nga).
- 2. Địa lý du lịch**
M. Buchvarov. Vacna, 1985 (Tiếng Bungari).
- 3. Địa lý du lịch**
H. Robinson. London, 1976 (Tiếng Anh).
- 4. Địa lý du lịch**
Jean – Pierre Lozato. – Giotart, Paris, 1990 (Tiếng Pháp).
- 5. Địa lý du lịch**
*Nguyễn Minh Tuệ, Trần Văn Thắng, Nguyễn Đức Vũ.
Đại học Huế, Huế 1994.*
- 6. Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam**
*Vũ Tuấn Cảnh (chủ nhiệm), Lê Thông,
Đặng Duy Lợi, Nguyễn Minh Tuệ.
Đề tài nghiên cứu khoa học. H.1991*
- 7. Qui hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam (1995–2010)**
1994 Viện nghiên cứu phát triển du lịch. Tổng cục Du lịch.
- 8. Thiết kế các tuyến điểm du lịch trong
và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010**
*Hồ Hùng Vân (chủ nhiệm đề tài).
Thành phố Hồ Chí Minh – 1995.*

Driving electric vehicles in Europe

12. 2. 1969. 10. 00. 100% 100% 100% 100% 100% 100%

“The first time I saw him, he was wearing a tattered jacket and a torn shirt. He had a look of exhaustion and despair on his face. I asked him if he wanted to come inside and have a warm meal. He accepted my invitation and we sat down to eat. As we talked, I learned that he had been homeless for several months and had nowhere to go. I offered him a place to stay for the night, and he gratefully accepted. From that day forward, we became close friends. He taught me about the challenges of being homeless and helped me understand the importance of compassion and empathy. His presence in my life has been a reminder that even the most vulnerable among us deserve to be treated with respect and kindness.”

2003-04-16 10:45:00

10. *—* *Leptodora* *hirsutum* *L.* *var.* *hirsutum*

Digitized by Google

For more information about the AIA's role in the development of the Code, see the sidebar.

REFERENCES AND NOTES

17. *Alouatta palliata* (Bridges) *Alouatta palliata* (Bridges)

1. *Chlorophytum comosum* (L.) Willd. (Asparagaceae) (Fig. 1)

10. $\sin \theta = \frac{1}{2}$ when $\theta = 30^\circ$ or 150°

1998-02-21 10:00:00 1998-02-21 10:00:00

10. The following table gives the number of hours worked by each of the 100 workers.

For more information about the study, contact the study team at 1-800-258-4263 or visit www.cancer.gov.

Figure 1. A typical example of the effect of the initial condition on the solution.

10. The following table shows the number of hours worked by each employee.

PHẦN I. CƠ SỞ ĐỊA LÝ DU LỊCH

Chương I

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ DU LỊCH

I. DU LỊCH VÀ CHỨC NĂNG CỦA DU LỊCH

1. Khái niệm du lịch

Ngày nay, trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa - xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ, trở thành một ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới.

Thuật ngữ "*du lịch*" trở nên rất thông dụng. Nó bắt nguồn từ tiếng Pháp: "*Tour*" nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn "*touriste*" là người đi dạo chơi. Du lịch gắn liền với việc nghỉ ngơi, giải trí nhằm hồi phục, nâng cao sức khỏe và khả năng lao động của con người, nhưng trước hết liên quan mật thiết với sự chuyển chỗ của họ. Vậy du lịch là gì?

Trong vòng hơn 6 thập kỷ vừa qua, kể từ khi thành lập Hiệp hội quốc tế các tổ chức du lịch IUOTO (International of Union Official Travel Organization) năm 1925 tại Hà Lan, khái niệm du lịch luôn luôn được tranh luận. Đầu tiên, du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong khoảng thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi, giải trí hay chữa bệnh. Ngày nay, người ta đã thống nhất rằng về cơ bản, tất cả các hoạt động di chuyển

của con người ở trong hay ngoài nước trừ việc di cư trú chính trị, tìm việc làm và xâm lược, đều mang ý nghĩa du lịch.

Lúc đầu, số người đi du lịch rất hạn chế, sau đó dần dần tăng lên. Với việc hoàn thiện các phương tiện và mạng lưới giao thông, những cuộc đi như vậy kéo dài hơn, xa hơn. Lúc này du lịch mang tính nhận thức và trở thành một hiện tượng lặp lại thường xuyên, phổ biến. Trên bình diện quốc gia hay quốc tế, vấn đề cấp thiết đang đặt ra là phải tạo các điều kiện nhằm thỏa mãn tối mức cao nhất các nhu cầu của người du lịch về giao thông, ăn uống, quần áo, giày dép, đồ lưu niệm và nhiều mặt hàng khác. Du lịch không chỉ tạo nên sự vận động của hàng triệu, triệu người từ nơi này sang nơi khác, mà còn để ra nhiều hiện tượng kinh tế - xã hội gắn liền với nó.

Như vậy du lịch là một khái niệm bao hàm nội dung kép. Một mặt, nó mang ý nghĩa thông thường của từ: việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi, giải trí... Mặt khác, du lịch được nhìn nhận dưới một góc độ khác như là hoạt động gắn chặt với những kết quả kinh tế (sản xuất, tiêu thụ) do chính nó tạo ra.

Trong điều kiện kinh tế phát triển, du lịch là một hoạt động không thể thiếu được trong cuộc sống bình thường của mỗi người dân. Ở các chuyến du lịch trong hoặc ngoài nước, con người không chỉ dừng lại ở việc nghỉ ngơi, giải trí, mà còn nhằm thỏa mãn cả những nhu cầu to lớn về mặt tinh thần. Mỗi quốc gia, dân tộc đều có những đặc trưng riêng biệt về tự nhiên, lịch sử, văn hóa, truyền thống... thu hút khách du lịch. Thông qua việc phát triển du lịch quốc tế, sự hiểu biết và mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng được mở rộng. Năm 1979, Đại hội của Tổ chức du lịch thế giới (WTO) đã thông qua hiến chương du lịch và chọn ngày 27/9 làm ngày du lịch thế giới với các chủ đề cho từng năm gắn du lịch với việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, vì nền hòa bình và tình hữu nghị trên toàn thế giới. Du lịch không còn là hiện tượng lẻ loi, đặc quyền của cá nhân hay

nhóm người nào đó. Ngày nay nó mang tính phổ biến và tính nhận thức với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho con người, củng cố hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Nội dung thứ hai của khái niệm du lịch là hệ quả của nội dung thứ nhất. Du lịch là một hiện tượng kinh tế - xã hội thu hút hàng tỉ người trên thế giới. Bản chất kinh tế của nó là ở chỗ sản xuất và cung cấp hàng hóa phục vụ việc thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của khách.

Trong những thập kỷ gần đây, du lịch phát triển rất nhanh. Theo số liệu của Tổ chức du lịch thế giới, hàng năm trên trái đất có 3 tỉ người đi du lịch. Tất nhiên, ngành kinh tế tổng hợp phục vụ du lịch phải ra đời và phát triển với tốc độ như vũ bão để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt khổng lồ của 80 triệu người du lịch bình quân cho mỗi ngày.

Dòng người du lịch đông đảo đã có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của nhiều nước. Các ngành kinh tế gắn liền với du lịch như giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, ăn uống công cộng v.v... trong chừng mực nhất định phải đổi cả hướng và cơ cấu sản xuất.

Bản chất sản xuất của du lịch được thể hiện qua tất cả các ngành kinh tế. Du lịch đòi hỏi phải phát triển và mở rộng các ngành công nghiệp khác nhau phục vụ cho nhu cầu du lịch như sản xuất các phương tiện giao thông, thiết bị điện, đồ gỗ..., các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến... Ngay cả nhu cầu. Một số mặt hàng như đồ lưu niệm, tuy đơn giản nhưng lại có tác dụng làm sống lại những ngành nghề thủ công truyền thống.

Nông nghiệp cũng hướng vào việc sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch. Để thỏa mãn nhu cầu của khách, trước mắt các ngành kinh tế đang đặt ra những nhiệm vụ nặng nề, phát triển và hiện đại hóa tất cả các loại giao thông, hoàn thiện các phương tiện liên lạc, xây dựng các khách sạn, nhà hàng, các tổ hợp dịch vụ.

Việc tăng nhanh dòng người du lịch đòi hỏi không chỉ nhiều mặt hàng tiêu dùng, mà còn cả bản thân sự phục vụ nữa. Nhu cầu về người phục vụ, những cán bộ du lịch có tay nghề cao tăng lên đáng kể. Cần phải nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ từ những người phục vụ khách sạn, hướng dẫn khách đi tham quan, cho đến những người nấu ăn, thông tin liên lạc.

Về phương diện lãnh thổ, du lịch cũng có những tác động nhất định, đặc biệt đối với các vùng xa xôi, nền kinh tế chậm phát triển nhưng có nhiều tiềm năng lôi cuốn khách du lịch. Bộ mặt nền kinh tế của vùng dần dần được thay đổi tùy thuộc nhiều vào số lượng khách đến. Đời sống nhân dân được cải thiện nhờ có thêm việc làm và tăng nhanh thu nhập.

Du lịch đạt được hiệu quả kinh tế cao, được gọi là "ngành xuất khẩu vô hình" đem lại nguồn ngoại tệ lớn. Tốc độ tăng thu nhập của du lịch vượt xa nhịp độ tăng của nhiều ngành kinh tế. Năm 1950 thu nhập ngoại tệ về du lịch quốc tế chỉ ở mức 2,1 tỉ đô la Mỹ (USD), năm 1960 đạt 6,8 tỷ, năm 1970 đạt 18 tỷ, năm 1980 đạt 102 tỷ, năm 1991 đạt 260 tỷ và năm 1994 đạt 338 tỷ.

Số khách du lịch trên thế giới cũng tăng từ 25 triệu lượt người năm 1950 lên 69 triệu lượt người năm 1960, 160 triệu lượt người năm 1970, 285 triệu lượt người năm 1980; đạt mức 450 triệu lượt người năm 1991 và trên 500 triệu lượt người năm 1994.

Châu Âu là khu vực có du lịch phát triển sớm, đã và sẽ dẫn đầu thế giới cả về số khách và thu nhập du lịch. Châu Á - Thái Bình Dương có nhịp độ tăng trưởng du lịch rất cao và sẽ chiếm vị trí quan trọng trong du lịch thế giới. Các nước trong vùng Đông Nam Á đã trở thành những trung tâm du lịch sôi động và hấp dẫn của khu vực và thế giới. Tốc độ phát triển hàng năm của vùng Đông Nam Á cao gấp 2 lần tốc độ tăng trưởng hàng năm của du lịch thế giới. Năm 1994, Thái Lan đón 6,2 triệu lượt khách du lịch quốc tế và thu được 6,6 tỷ USD, Indônêxia đón 4,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế, thu được 5,3 tỷ USD, Singapo

dón 6,0 triệu lượt khách quốc tế, thu 6,5 tỷ USD. Ở Việt Nam, ngành du lịch đang mở ra nhiều triển vọng to lớn.

Năm 1990, ngành du lịch nước ta đón 25 vạn lượt khách quốc tế và 1 triệu lượt khách nội địa đến năm 1994 đã tăng lên 1,018 triệu lượt khách quốc tế và 3,5 triệu lượt khách nội địa. Nguồn thu nhập xã hội từ du lịch cũng không ngừng phát triển, từ 650 tỷ đồng năm 1990 lên 4000 tỷ đồng (trong đó có 210 triệu đô la) năm 1994.

Trong một số tài liệu công bố gần đây nhất, có người quan niệm du lịch bao hàm 3 mặt nội dung, song thực chất không khác gì hai nội dung trên, bởi vì nội dung đầu được tách ra làm đôi. Theo I.I Pirögionic (1985), thuật ngữ du lịch chuyển tải 3 nội dung cơ bản:

1) Cách thức sử dụng thời gian rỗi bên ngoài nơi cư trú thường xuyên. 2) Dạng chuyển cư đặc biệt. 3) Ngành kinh tế, một trong những ngành thuộc lĩnh vực phi sản xuất nhằm phục vụ các nhu cầu văn hóa - xã hội của nhân dân.

Du lịch không chỉ bao gồm các dạng hoạt động của dân cư trong thời gian tới, mà còn bao trùm lên không gian nơi diễn ra các hoạt động khác nhau, đồng thời cũng là nơi tập trung các xí nghiệp dịch vụ chuyên môn hóa.

Khái niệm du lịch có thể được xác định như sau:

Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức - văn hóa hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hóa (I.I. Pirögionic, 1985).

2. Chức năng của du lịch

Du lịch có những chức năng nhất định. Có thể xếp các chức năng ấy thành 4 nhóm: xã hội, kinh tế, sinh thái và chính trị.

2.1. Chức năng xã hội

Chức năng xã hội thể hiện ở vai trò của nó trong việc giữ gìn, hồi phục sức khỏe và tăng cường sức sống cho nhân dân. Trong chừng mực nào đó, du lịch có tác dụng hạn chế các bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và khả năng lao động của con người. Các công trình nghiên cứu về sinh học khẳng định rằng nhờ chế độ nghỉ ngơi và du lịch tối ưu, bệnh tật của dân cư trung bình giảm 30%, bệnh đường hô hấp giảm 40%, bệnh thần kinh giảm 30%, bệnh đường tiêu hóa giảm 20% (Crivôsep, Dorin, 1981).

Thông qua hoạt động du lịch, đông đảo quần chúng có điều kiện tiếp xúc với những thành tựu văn hóa phong phú và lâu đời của các dân tộc, từ đó tăng thêm lòng yêu nước, tình thần đoàn kết quốc tế, hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp như lòng yêu lao động, tình bạn... Điều đó quyết định sự phát triển cân đối về nhân cách của mỗi cá nhân trong toàn xã hội.

2.2. Chức năng kinh tế

Chức năng kinh tế của du lịch liên quan mật thiết với vai trò của con người như là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Hoạt động sản xuất là cơ sở tồn tại của mọi xã hội. Việc nghỉ ngơi, du lịch một cách tích cực và được tổ chức hợp lý sẽ đem lại những kết quả tốt đẹp. Một mặt, nó góp phần vào việc hồi phục sức khỏe cũng như khả năng lao động và mặt khác đảm bảo tái sản xuất mở rộng lực lượng lao động với hiệu quả kinh tế rõ rệt. Thông qua hoạt động nghỉ ngơi, du lịch, tỷ lệ ốm đau trong khi làm việc giảm đi, tỷ lệ tử vong ở độ tuổi lao động hạ thấp và rút ngắn thời gian chữa bệnh, giảm số lần khám bệnh tại các bệnh viện. Ở các nước kinh tế phát triển, nguồn lao động gia tăng rất chậm. Vì thế, sức khỏe và khả năng lao động trở thành nhân tố quan trọng để đẩy mạnh nền sản xuất xã hội và nâng cao hiệu quả của nó.

Chức năng kinh tế của du lịch còn thể hiện ở một khía cạnh khác. Đó là dịch vụ du lịch, một ngành kinh tế độc đáo,

ảnh hưởng đến cả cơ cấu ngành và cơ cấu lao động của nhiều ngành kinh tế. Hơn nữa, nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của con người được thỏa mãn thông qua thị trường hàng hóa và dịch vụ du lịch, trong đó nổi lên ưu thế của dịch vụ giao thông, ăn ở. Chính vì vậy, dịch vụ du lịch là cơ sở quan trọng kích thích sự phát triển kinh tế, là nguồn thu ngoại tệ lớn của nhiều nước.

2.3. Chức năng sinh thái

Chức năng sinh thái của du lịch được thể hiện trong việc tạo nên môi trường sống ổn định về mặt sinh thái. Nghỉ ngơi du lịch là nhân tố có tác dụng kích thích việc bảo vệ, khôi phục và tối ưu hóa môi trường thiên nhiên bao quanh, bởi vì chính môi trường này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và các hoạt động của con người. Để đáp ứng nhu cầu du lịch, trong cơ cấu sử dụng đất đai nói chung phải dành riêng những lánh thổ nhất định có môi trường tự nhiên ít thay đổi, xây dựng các công viên rừng quanh thành phố, thi hành các biện pháp bảo vệ nguồn nước và bầu khí quyển nhằm tạo nên môi trường sống thích hợp. Dưới ảnh hưởng của các nhu cầu ấy đã hình thành một mạng lưới các nhà nghỉ, các đơn vị du lịch. Con người tiếp xúc với tự nhiên, sống giữa thiên nhiên. Tiềm năng tự nhiên đối với du lịch của lánh thổ góp phần tối ưu hóa tác động qua lại giữa con người với môi trường tự nhiên trong điều kiện công nghiệp hóa, đô thị hóa... phát triển mạnh mẽ.

Mặt khác, việc đẩy mạnh hoạt động du lịch, tăng mức độ tập trung khách vào những vùng nhất định lại đòi hỏi phải tối ưu hóa quá trình sử dụng tự nhiên với mục đích du lịch. Đến lượt mình, quá trình này kích thích việc tìm kiếm các hình thức bảo vệ tự nhiên, đảm bảo điều kiện sử dụng nguồn tài nguyên một cách hợp lý.

Nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch của đông đảo quần chúng đòi hỏi phải có các ~~lành thổ~~ ^{THƯ VIỆN QUỐC DÂN TỘC} ~~được bảo vệ~~ - các công viên quốc gia. Từ đó hàng loạt ~~công viên~~ ^{PHÒNG ĐỘ} thiên nhiên quốc gia đã xuất hiện

để vừa bảo vệ các cảnh quan thiên nhiên có giá trị, vừa tổ chức các hoạt động giải trí du lịch.

Việc làm quen với các danh thắng và môi trường thiên nhiên bao quanh có ý nghĩa không nhỏ đối với khách du lịch. Nó tạo điều kiện cho họ hiểu biết sâu sắc các tri thức về tự nhiên, hình thành quan niệm và thói quen bảo vệ tự nhiên, góp phần giáo dục cho khách du lịch về mặt sinh thái học.

Giữa xã hội và môi trường trong lĩnh vực du lịch có mối quan hệ chặt chẽ. Một mặt xã hội cần đảm bảo sự phát triển tối ưu của du lịch, nhưng mặt khác lại phải bảo vệ môi trường tự nhiên khỏi tác động phá hoại của dòng khách du lịch và của việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Du lịch - bảo vệ môi trường là những hoạt động gần gũi và liên quan với nhau.

2.4. *Chức năng chính trị*

Chức năng chính trị của du lịch được thể hiện ở vai trò to lớn của nó như một nhân tố củng cố hòa bình, đẩy mạnh các mối giao lưu quốc tế, mở rộng sự hiểu biết giữa các dân tộc. Du lịch quốc tế làm cho con người sống ở các khu vực khác nhau hiểu biết và xích lại gần nhau. Mỗi năm, hoạt động du lịch với các chủ đề khác nhau, như "Du lịch là giấy thông hành của hòa bình" (năm 1967), "Du lịch không chỉ là quyền lợi, mà còn là trách nhiệm của mỗi người" (năm 1983)... kêu gọi hàng triệu người quý trọng lịch sử, văn hóa và truyền thống của các quốc gia, giáo dục lòng悯 khách và trách nhiệm của chủ nhà đối với khách du lịch, tạo nên sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

3. Ý nghĩa kinh tế - xã hội của du lịch

Ngành du lịch có tác động tích cực đến nền kinh tế của đất nước và của một vùng thông qua việc tiêu dùng của khách du lịch. Do vậy để nhận rõ vai trò của du lịch trong quá trình tái sản xuất xã hội, cần hiểu kỹ những đặc điểm của tiêu dùng du lịch. Những đặc điểm quan trọng nhất là:

1) Nhu cầu trong tiêu dùng du lịch là những nhu cầu đặc biệt: nhu cầu hiểu biết kho tàng văn hóa, lịch sử, nhu cầu vãn cảnh thiên nhiên, bơi và tắm ở biển, hồ, sông v.v... của con người.

2) Tiêu dùng du lịch thỏa mãn các nhu cầu về hàng hóa (thức ăn, hàng hóa mua sắm, hàng lưu niệm v.v...) và đặc biệt chủ yếu là các nhu cầu về dịch vụ (lưu trú, vận chuyển hành khách, dịch vụ y tế, thông tin...).

3) Việc tiêu dùng các dịch vụ và một số hàng hóa (thức ăn) xảy ra cùng một thời gian và cùng một địa điểm với việc sản xuất ra chúng. Trong du lịch không phải vận chuyển dịch vụ và hàng hóa đến cho khách hàng, mà ngược lại, tự khách du lịch phải đi đến nơi có hàng hóa.

4) Việc tiêu dùng du lịch chỉ thỏa mãn những nhu cầu thứ yếu, những nhu cầu không thiết yếu đối với con người (với ngoại lệ ở thể loại du lịch chữa bệnh, khi đó du lịch có ý nghĩa sống còn đối với người bệnh).

5) Tiêu dùng du lịch xảy ra thông thường theo thời vụ.

Với những đặc điểm trên, các mối quan hệ trong tiêu dùng du lịch được phân làm 2 loại: các mối quan hệ vật chất này sinh khi khách đến nơi du lịch và mua dịch vụ, hàng hóa ở đó bằng tiền tệ; và các mối quan hệ phi vật chất này sinh khi khách tiếp xúc với văn hóa, phong tục và tập quán của dân địa phương.

Thông qua tiêu dùng, du lịch tác động mạnh lên lĩnh vực lưu thông, và do vậy gây ảnh hưởng lớn lên những lĩnh vực khác của quá trình tái sản xuất xã hội. Kinh tế du lịch gây biến đổi lớn trong cơ cấu của cán cân thu chi của đất nước, của vùng du lịch. Đối với du lịch quốc tế, việc khách mang ngoại tệ đến đổi và tiêu ở khu du lịch làm tăng tổng số tiền trong cán cân thu chi của vùng và của đất nước. Còn đối với du lịch nội địa, việc tiêu tiền của dân ở vùng du lịch chỉ gây biến động trong cơ cấu cán cân thu chi của nhân dân theo vùng, chứ không làm thay đổi tổng số như tác động của du lịch quốc tế.

Trong quá trình hoạt động, du lịch đòi hỏi số lượng lớn vật tư và hàng hóa đa dạng. Ngoài ra, việc khách mang tiền kiếm ra từ nơi khác đến tiêu ở vùng du lịch góp phần làm sống động kinh tế ở vùng du lịch và ở đất nước du lịch. Du lịch góp phần huy động nguồn vốn rỗi rãi trong nhân dân vào vòng chu chuyển, vì chi phí cho hành trình du lịch là từ tiền tiết kiệm của dân.

Thông qua lĩnh vực lưu thông mà du lịch có ảnh hưởng tích cực lên sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp (như công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp gỗ, công nghiệp dệt, ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi v.v...). Du lịch luôn đòi hỏi hàng hóa có chất lượng cao, phong phú về chủng loại, kỹ thuật và hình thức. Do vậy, du lịch góp phần định hướng cho sự phát triển của các ngành ấy trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm và việc chuyên môn hóa của các xí nghiệp trong sản xuất. Ảnh hưởng của du lịch lên sự phát triển các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân như: thông tin, xây dựng, y tế, thương nghiệp, văn hóa v.v... cũng rất lớn: Sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch của một vùng không chỉ thể hiện ở chỗ những nơi đó có tài nguyên du lịch, mà bên cạnh chúng phải có cả cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống đường sá, nhà ga, sân bay, bưu điện, ngân hàng, mạng lưới thương nghiệp v.v... Việc tận dụng đưa những nơi có tài nguyên du lịch vào sử dụng, kinh doanh đòi hỏi phải xây dựng ở đó hệ thống đường sá, mạng lưới thương nghiệp, bưu điện v.v... qua đó cũng kích thích sự phát triển tương ứng của các ngành có liên quan. Ngoài ra, du lịch phát triển còn đánh thức một số ngành sản xuất thủ công cổ truyền.

Kinh tế du lịch góp phần làm tăng thu nhập quốc dân (đối với du lịch quốc tế; hoạt động ăn uống trong du lịch nội địa, sản xuất hàng lưu niệm, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật v.v...) trên hai mặt sáng tạo và sử dụng. *Hoạt động du lịch quốc tế là nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước*. Ở các nước du lịch phát triển, thu nhập ngoại tệ từ du lịch chiếm tới 20% hoặc hơn thu nhập

ngoại tệ của đất nước. Ngoại tệ thu được từ du lịch quốc tế làm sống động cán cân thanh toán của đất nước du lịch và thường được sử dụng để mua sắm máy móc, thiết bị cần thiết cho quá trình tái sản xuất xã hội. Do vậy, du lịch quốc tế góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho đất nước.

Cũng như ngoại thương, du lịch quốc tế tạo điều kiện cho đất nước phát triển du lịch tiết kiệm lao động xã hội khi xuất nhập khẩu một số mặt hàng. Nhưng xuất khẩu theo đường du lịch có lợi hơn nhiều so với xuất khẩu ngoại thương. Trước hết, một phần rất lớn đối tượng mua bán trong du lịch quốc tế là các dịch vụ (lưu trú bổ sung, trung gian, v.v...) Do vậy "xuất khẩu" bằng du lịch là xuất đa số dịch vụ, đó là điều mà ngoại thương không thực hiện được. Ngoài ra đối tượng xuất khẩu của du lịch quốc tế còn là hàng ăn uống, hoa quả, rau xanh, hàng lưu niệm v.v... là những mặt hàng rất khó xuất theo đường ngoại thương, mà nếu muốn xuất khẩu chúng phải đầu tư nhiều chi phí cho việc đóng gói, bảo quản và vận chuyển mà giá lại rất thấp.

Việc xuất khẩu bằng du lịch quốc tế luôn đảm bảo thực hiện doanh thu lớn hơn nhiều nếu cùng những hàng hóa đó đem xuất theo đường ngoại thương. Hàng hóa trong du lịch được xuất với giá bán lẻ, luôn đảm bảo cao hơn giá xuất theo đường ngoại thương là giá bán buôn. Trong nhiều trường hợp qua giá hàng trong du lịch quốc tế còn đảm bảo thu được "địa tô du lịch". Điều đó thể hiện ở giá của những cơ sở du lịch nằm ở trung tâm du lịch. Ví dụ: giá của các khách sạn trung tâm thành phố, các khách sạn gần biển, quay ra biển v.v... luôn cao hơn giá các khách sạn xa trung tâm, xa biển và không nhìn ra được biển. Đó là chưa kể đến những trường hợp ở ngoại thương do nhu cầu ngoại tệ, phải xuất khẩu hàng với giá thấp hơn giá thành sản xuất ra chúng và do vậy số lô càng tăng khi hàng xuất đi càng nhiều.

Ngoài ra xuất khẩu bằng du lịch quốc tế không tốn chi phí vận chuyển quốc tế, tốn ít chi phí đóng gói và bảo quản như xuất khẩu ngoại thương vì vận chuyển trong phạm vi đất nước. Do vậy,

xuất khẩu bằng du lịch quốc tế tiết kiệm phương tiện vận chuyển, tiết kiệm chi phí vận hành và sử dụng các phương tiện ấy. Bên cạnh đó xuất khẩu bằng du lịch quốc tế không tốn chi phí bảo hiểm và tránh được nhiều rủi ro trên đường vận chuyển. Một lợi thế nữa của du lịch quốc tế là xuất khẩu theo đường này không tốn chi phí trả thuế xuất nhập khẩu. Trong ngoại thương có nhiều mặt hàng khi xuất khẩu sang nước khác phải trả thuế nhập khẩu vào nước đó, và do vậy mất thêm nhiều chi phí.

Do đặc điểm của tiêu dùng du lịch: khách hàng phải tự vận động đến nơi có hàng hóa và dịch vụ, chứ không phải vận chuyển hàng hóa đến với khách, nên tiết kiệm được nhiều thời gian và làm tăng nhanh vòng quay của vốn, do đó thu hồi vốn nhanh và có hiệu quả.

Việc phát triển du lịch sẽ tạo ra nhiều công ăn, việc làm và tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân địa phương.

Thông thường tài nguyên du lịch thiên nhiên thường có nhiều ở những vùng núi xa xôi, vùng ven biển hay nhiều vùng hẻo lánh khác. Việc khai thác đưa những tài nguyên này vào sử dụng đòi hỏi phải có đầu tư về mọi mặt: giao thông, bưu điện, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v... Do vậy mà việc phát triển du lịch làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở những vùng đó, và cũng vì vậy mà góp phần làm giảm sự tập trung dân cư cảng thẳng ở những trung tâm dân cư.

Du lịch quốc tế còn là phương tiện tuyên truyền và quảng cáo không mất tiền cho đất nước du lịch chủ nhà. Khi khách đến khu du lịch, khách có điều kiện làm quen với một số mặt hàng ở đó. Khi trở về đất nước của mình, khách bắt đầu tìm kiếm những thứ đó ở thị trường địa phương và nếu không thấy, khách có thể yêu cầu cơ quan ngoại thương nhập những mặt hàng ấy. Theo cách này du lịch quốc tế góp phần tuyên truyền cho nền sản xuất của nước du lịch chủ nhà.

Sự phát triển của du lịch quốc tế còn có ý nghĩa quan trọng đến việc mở rộng và củng cố các mối quan hệ kinh tế quốc tế theo các hướng: ký kết hợp đồng trao đổi khách giữa các nước, các tổ chức và các hãng du lịch, tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch.

Du lịch nội địa phát triển tốt sẽ củng cố sức khỏe cho nhân dân lao động và do vậy góp phần làm tăng năng suất lao động xã hội. Ngoài ra du lịch nội địa giúp cho việc sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch quốc tế được hợp lý hơn. Vào trước và sau thời vụ du lịch, khi khách quốc tế vắng có thể sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật ấy vào phục vụ khách du lịch nội địa.

Du lịch quốc tế bị động có ý nghĩa khác hẳn với du lịch quốc tế chủ động. Nó là hình thức nhập khẩu đối với đất nước gửi khách đi ra nước ngoài. Bù đắp vào đó là hiệu quả của chuyến đi du lịch đối với người dân: sau các chuyến đi, sức khỏe người dân được củng cố, khách đi du lịch ra nước ngoài mở rộng hiểu biết, nâng cao tầm nhìn và thường rút ra được kinh nghiệm nhiều mặt cho bản thân.

➤ Ngoài các ý nghĩa to lớn về kinh tế, du lịch còn có ý *nghĩa xã hội quan trọng*. Thông qua du lịch, con người được thay đổi môi trường, có ấn tượng và cảm xúc mới, thỏa mãn được trí tò mò, đồng thời mở mang kiến thức, đáp ứng lòng ham hiểu biết, do đó góp phần hình thành phuơng hướng đúng đắn trong mơ ước sáng tạo, trong kế hoạch cho tương lai của con người - khách du lịch.

Trong thời gian đi du lịch, khách thường sử dụng các dịch vụ, hàng hóa và thường tiếp xúc với dân địa phương. Thông qua các cuộc giao tiếp đó, văn hóa của cả khách du lịch và của người bản xứ được trau dồi và nâng cao. Du lịch tạo khả năng cho con người mở mang hiểu biết lẫn nhau; mở mang hiểu biết về lịch sử; văn hóa, phong tục tập quán, đạo đức, chế độ xã hội, kinh tế v.v... Du lịch còn làm giàu và phong phú thêm khả năng thẩm

mỹ của con người khi họ được tham quan các kho tàng mĩ thuật của một đất nước.

Du lịch còn là *phương tiện giáo dục lòng yêu đất nước*, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc. Thông qua các chuyến đi tham quan, nghỉ mát, vãn cảnh v.v... người dân có điều kiện làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử và văn hóa dân tộc, qua đó thêm yêu đất nước mình.

Ngoài ra sự phát triển du lịch còn có ý nghĩa lớn đối với việc *góp phần khai thác, bảo tồn các di sản văn hóa và dân tộc*, góp phần bảo vệ và phát triển môi trường thiên nhiên xã hội.

II. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ CỦA ĐỊA LÝ DU LỊCH

1. Đối tượng

Địa lý du lịch là một ngành khoa học tương đối non trẻ. Vào đầu thế kỷ XX lẻ tẻ xuất hiện một số công trình về địa lý nghỉ ngơi. Còn trong các công trình mô tả địa lý các nước, các vùng mà chúng ta thường gặp chưa đựng một lượng thông tin đáng kể về du lịch - địa phương học. Quá trình hình thành địa lý du lịch như một ngành khoa học bắt đầu vào nửa sau của những năm 30 ở thế kỷ này.

Từ khi ra đời cho đến nay, đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch luôn luôn trở thành đề tài tranh luận của các nhà khoa học. Thời gian trôi đi, những lỗ hổng trong một số quan niệm dần dần được lấp đầy. Đối tượng nghiên cứu của ngành khoa học non trẻ này ngày càng rõ nét và cụ thể hóa, phù hợp với trình độ phát triển chung của ngành khoa học.

Từ những quan niệm không đầy đủ, cho rằng đối tượng của địa lý du lịch là chỉ nghiên cứu mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên của môi trường địa lý với những kiểu nhất định của cảnh quan tự nhiên, tình hình hiện nay và khả năng sử dụng tài nguyên ấy trong tương lai (M.Milesca, 1963); hoặc địa lý du lịch nghiên cứu những tiền đề tổng hợp cho việc hình thành các luồng

du lịch và những khác biệt của chúng theo lãnh thổ (C. Pêtrescu, 1973), dần dần đổi tượng nghiên cứu của địa lý du lịch đã hoàn thiện hơn. Địa lý du lịch tập trung chủ yếu vào nghiên cứu tài nguyên du lịch và hoạt động kinh tế... gắn với du lịch (Buchovarôp, 1975, 1979).

Trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, các quan điểm hiện đại thâm sâu vào nhiều ngành khoa học, kể cả địa lý học. Có thể hiểu đổi tượng nghiên cứu của địa lý du lịch như sau:

Địa lý du lịch nghiên cứu hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch, phát hiện qui luật hình thành, phát triển và phân bố của nó thuộc mọi kiểu, mọi cấp; dự báo và nêu lên các biện pháp để hệ thống ấy hoạt động một cách tối ưu.

Hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch, đổi tượng nghiên cứu của địa lý du lịch, là một hệ thống gồm nhiều thành phần có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau.

I.I. Pirôgionic (1985) đã coi hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch là một hệ thống địa lý xã hội với các phân hệ khách du lịch; tổng thể tự nhiên, lịch sử - văn hóa; công trình kỹ thuật; phân hệ cán bộ phục vụ và cơ quan điều khiển.

Phân hệ khách (du lịch) là phân hệ trung tâm, quyết định những yêu cầu đối với các thành phần khác của hệ thống phụ thuộc vào đặc điểm (xã hội - nhân khẩu, dân tộc...) của khách du lịch. Phân hệ này được đặc trưng bởi cấu trúc và lượng nhu cầu, bởi tính lựa chọn, tính mùa và tính đa dạng của các luồng du lịch.

Phân hệ tổng thể tự nhiên, lịch sử - văn hóa tham gia hệ thống với tư cách là tài nguyên và điều kiện để thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch và là cơ sở lãnh thổ cho việc hình thành hệ thống. Tổng thể này có sức chứa, độ tin cậy, tính thích hợp, tính ổn định và tính hấp dẫn.

Phân hệ công trình kỹ thuật đảm bảo cuộc sống bình thường cho khách du lịch (ăn ở, đi lại) và những nhu cầu giải trí đặc

biệt (chữa bệnh, tham quan, du lịch...). Toàn bộ các xí nghiệp loại này tạo nên cơ cấu hạ tầng của du lịch.

Phân hệ cán bộ phục vụ. Hoàn thành chức năng dịch vụ cho khách và đảm bảo cho các xí nghiệp hoạt động bình thường. Đặc trưng cho phân hệ này là số lượng, trình độ chuyên môn - nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên và mức độ đảm bảo lực lượng lao động.

Phân hệ cơ quan điều khiển có nhiệm vụ giữ cho toàn bộ hệ thống nói chung và từng phân hệ nói riêng hoạt động tối ưu.

2. Nhiệm vụ

2.1. Nghiên cứu tổng hợp mọi loại tài nguyên du lịch, sự kết hợp của chúng theo lãnh thổ và xác định phương hướng cơ bản của việc khai thác các loại tài nguyên ấy.

Tài nguyên có ý nghĩa đặc biệt đối với việc phát triển du lịch. Khi nghiên cứu chúng, ngoài việc xem xét một cách riêng lẻ (theo từng loại), cần phải tìm hiểu sự kết hợp tài nguyên theo lãnh thổ. Sau đó là việc đánh giá tài nguyên trên những quan điểm nhất định (kinh tế, sinh thái...). Trên cơ sở đánh giá từng loại và sự kết hợp tài nguyên trên một lãnh thổ, lúc ấy mới có căn cứ để xác định phương hướng khai thác.

2.2. Nghiên cứu nhu cầu du lịch phụ thuộc vào đặc điểm xã hội - nhân khẩu của dân cư và đưa ra các chỉ tiêu phân hóa theo lãnh thổ về cấu trúc các xí nghiệp và cơ cấu hạ tầng phục vụ du lịch. Căn cứ vào nhu cầu cùng với nguồn tài nguyên vốn có của lãnh thổ, người ta mới tính toán xây dựng các xí nghiệp và cơ cấu hạ tầng thích hợp.

2.3. Xác định cơ cấu lãnh thổ tối ưu của vùng du lịch bao gồm: a) Cấu trúc sản xuất - kỹ thuật của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch phù hợp với nhu cầu và tài nguyên; b) Các khối liên hệ giữa hệ thống nghỉ ngơi du lịch với các hệ thống khác; c) Hệ thống tổ chức điều khiển được xây dựng trên cơ sở phân vùng du

lịch phản ánh những khác biệt theo lãnh thổ về nhu cầu, tài nguyên và phân công lao động trong lĩnh vực nghỉ ngơi du lịch.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ DU LỊCH

1. Phương pháp tiếp cận và phân tích hệ thống

Hệ thống lãnh thổ du lịch như một thành tạo toàn vẹn về hoạt động và lãnh thổ có sự lựa chọn các chức năng xã hội nhất định. Một trong những chức năng quan trọng đó là việc hồi phục, tái sản xuất sức khỏe, khả năng lao động, thể lực và tinh thần của con người. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tạo thành từ nhiều phân hệ khác nhau về bản chất nhưng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Đó là các phân hệ khách du lịch, phân hệ tổng thể tự nhiên lịch sử - văn hóa, phân hệ công trình kỹ thuật phục vụ du lịch, phân hệ cán bộ công nhân viên phục vụ và bộ phận điều khiển.

Như vậy, hệ thống lãnh thổ du lịch có đặc điểm tổng hợp với tính đa dạng và phức tạp của các mối liên hệ, của các chức năng xã hội, điều kiện và các yếu tố phát triển, của các hình thức tổ chức theo lãnh thổ.

Việc sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống cho phép tìm kiếm và nêu lên các mô hình của đối tượng nghiên cứu, thu thập và phân tích thông tin ban đầu, vạch ra các chỉ tiêu thích hợp, xác định cấu trúc tối ưu của hệ thống lãnh thổ du lịch.

Phân tích hệ thống lãnh thổ du lịch nhằm mục đích nghiên cứu cơ chế hoạt động bên trong của hệ thống trong quá trình tác động qua lại giữa các thành phần (phân hệ), cũng như cả hoạt động bên ngoài và tác động qua lại của nó với môi trường xung quanh.

2. Phương pháp nghiên cứu thực địa

Là một phương pháp truyền thống của địa lý học, được sử dụng rộng rãi trong địa lý du lịch để tích lũy tài liệu thực tế về sự hình thành, phát triển và đặc điểm của tổ chức lãnh thổ nghỉ

ngoài du lịch. Trong nhiều trường hợp (thí dụ, nghiên cứu hoạt động du lịch cá nhân không có người đứng ra tổ chức, tìm hiểu các luồng du lịch ven thành phố...) nó là phương pháp duy nhất để thu được lượng thông tin đáng tin cậy và xây dựng ngân hàng tư liệu cho các phương pháp phân tích khác (bản đồ, toán học, cân đối...).

3. Phương pháp bản đồ

Phương pháp này có mặt ngay từ khi địa lý du lịch ra đời với tư cách như một khoa học. Bản đồ không chỉ như một phương tiện phản ánh những đặc điểm không gian về nguồn tài nguyên, các luồng khách, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch hoặc các thuộc tính riêng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngoài du lịch (tính ổn định, tính thích hợp...), mà còn là một cơ sở để nhận được những thông tin mới và vạch ra tính quy luật hoạt động của toàn bộ hệ thống. Tính hệ thống của đối tượng mà địa lý du lịch nghiên cứu đòi hỏi phải sử dụng các mô hình bản đồ, phân tích liên hợp các xêri bản đồ.

4. Phương pháp phân tích toán học

Phương pháp này đem lại hiệu quả rõ rệt cho việc nghiên cứu hệ thống lãnh thổ du lịch trong điều kiện hiện nay. Nó làm việc với lượng thông tin rất lớn nhờ máy tính điện tử, rút ngắn thời gian xử lý tư liệu. Phương pháp mẫu thống kê chuyên dùng để nghiên cứu khả năng chọn lọc trong du lịch. Phương pháp phân tích tương quan nhằm xác định tổng hợp các nhân tố và ảnh hưởng của chúng đến việc hình thành hệ thống lãnh thổ nghỉ ngoài du lịch...

5. Phương pháp xã hội học

Có ý nghĩa không kém phần quan trọng trong nghiên cứu địa lý du lịch vì tính chất xã hội của đối tượng nghiên cứu. Phổ biến nhất là phương pháp hỏi ý kiến (trực tiếp hoặc gián tiếp qua các phiếu điều tra), phương pháp quan sát cá nhân, nghiên

cứu tài liệu (sổ đăng ký du lịch, sổ điều phối, sổ ghi ý kiến phê bình và đề nghị...).

6. Phương pháp cân đối

Là tập hợp các phương pháp tính toán nhằm phân tích, lập kế hoạch, dự báo sự phát triển hệ thống lanh thổ nghỉ ngơi du lịch có chú ý tới khối lượng, cơ cấu nhu cầu, tài nguyên và sức chứa của cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch. Phương pháp này cũng có thể dùng để tính toán mức thu nhập của dân cư và chi phí của họ cho hoạt động nghỉ ngơi du lịch, đảm bảo nguồn lao động, xác định quy mô cần thiết của các lanh thổ du lịch. Nó còn tạo khả năng to lớn trong việc tối ưu hóa các luồng du lịch giữa các vùng (cân đối giữa nhu cầu và nguồn tài nguyên vốn có).

Địa lý du lịch còn sử dụng hàng loạt các phương pháp khác như:

- phương pháp thu thập và xử lý tư liệu.
- phương pháp viễn thám.
- phương pháp kinh tế, y - sinh...

Chương II

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

A. TÀI NGUYÊN DU LỊCH

I. QUAN NIỆM VỀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Vai trò của tài nguyên du lịch trong việc phát triển du lịch

Tổ chức lãnh thổ du lịch là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong việc nghiên cứu du lịch, bởi vì không thể tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động này nếu không xem xét khía cạnh không gian (lãnh thổ) của nó. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tạo thành bởi nhiều yếu tố có quan hệ qua lại mật thiết với nhau như nhóm khách du lịch, các tổng thể tự nhiên, văn hóa - lịch sử (tài nguyên du lịch), cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật, đội ngũ cán bộ công nhân viên và bộ phận tổ chức quản lý.

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hóa của vùng du lịch. Qui mô hoạt động du lịch của một vùng, một quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của

một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch các loại với chất lượng cao, có sức hấp dẫn khách du lịch lớn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách du lịch càng mạnh.

2. Quan niệm về tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ. Dĩ nhiên ảnh hưởng này chịu sự chi phối gián tiếp của các nhân tố kinh tế - xã hội như phương thức sản xuất và tính chất của quan hệ sản xuất, trình độ phát triển kinh tế - văn hóa và cơ cấu, khối lượng nhu cầu du lịch v.v... Do vị trí đặc biệt quan trọng của nó, tài nguyên du lịch được tách ra thành một phân hệ riêng biệt trong hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch.

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn (văn hóa) có thể được sử dụng cho dịch vụ du lịch và thỏa mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay du lịch. Khái niệm "tài nguyên du lịch" không đồng nhất với các khái niệm "điều kiện tự nhiên" và "tiền đề văn hóa - lịch sử" để phát triển du lịch. Cũng tương tự như vậy, nếu đồng nhất tài nguyên du lịch với các điều kiện làm này sinh nhu cầu nghỉ ngơi du lịch của xã hội là hoàn toàn không đúng. Các điều kiện trên thường gọi là điều kiện phát sinh (đô thị hóa, công nghiệp hóa...). Chúng làm xuất hiện nhu cầu của xã hội về nghỉ ngơi du lịch, nhưng việc thỏa mãn nhu cầu này chỉ có thể đạt được trên cơ sở có các đối tượng và hiện tượng thuộc phạm trù tài nguyên du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hóa - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Trong ngành du lịch, đối tượng lao động là tài nguyên du lịch, còn dịch vụ du lịch được thể hiện như sản phẩm của quá trình lao động. Nét đặc trưng của ngành du lịch là sự trùng khớp về thời gian giữa quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ dịch vụ du lịch.

Xét về cơ cấu tài nguyên du lịch, có thể phân làm hai bộ phận hợp thành: tự nhiên và nhân tạo (tài nguyên tự nhiên và tài nguyên văn hóa - lịch sử của hoạt động du lịch).

Lúc đầu, các thành phần và các tổng thể tự nhiên xuất hiện với tư cách như những điều kiện của hoạt động du lịch. Như những thành tạo tự nhiên, chúng tồn tại một cách nguyên sinh cho đến trước khi phát triển ngành du lịch. Sau đó, do sự phát triển và thay đổi cơ cấu nhu cầu xã hội cùng với những đòi hỏi về nghỉ ngơi du lịch, sau khi nghiên cứu, đánh giá và chuẩn bị khai thác, chúng chuyển sang phạm trù tài nguyên du lịch. Yếu tố quyết định trong việc chuyển các điều kiện tự nhiên thành tài nguyên là chi phí lao động xã hội cho quá trình điều tra, nghiên cứu và đánh giá khả năng sử dụng trực tiếp của chúng trong du lịch. (I.I. Pirögionic, 1985).

Việc đưa các tổng thể tự nhiên vào tài nguyên du lịch diễn ra theo sơ đồ dưới đây:

- 1) Các tổng thể tự nhiên tồn tại như những thành tạo tự nhiên. Vì chưa có nhu cầu du lịch nên chúng cũng không có tính chất của tài nguyên.
- 2) Nhu cầu du lịch xuất hiện đòi hỏi phải nghiên cứu và đánh giá các tổng thể tự nhiên.
- 3) Do tác động của nhu cầu xã hội và đầu tư lao động sống cũng như các phương tiện cần thiết khác, các tổng thể tự nhiên có giá trị nhất biến thành tài nguyên.
- 4) Nhu cầu du lịch ngày càng tăng lên dẫn đến việc đưa cả các tổng thể tự nhiên kém thuận lợi hơn vào tài

nguyên du lịch sau khi đã cải tạo chúng theo ý định của con người.

Quá trình tương tự cũng xảy ra khi chuyển các đối tượng văn hóa - lịch sử thành lớp tài nguyên du lịch. Đầu tiên những đòi hỏi tham quan du lịch đối với các đối tượng văn hóa - lịch sử, dân tộc học yêu cầu phải nghiên cứu, đánh giá và sử dụng các đối tượng được bảo quản và có giá trị nhất. Việc mở rộng nhu cầu, nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân góp phần mở rộng phạm vi các đối tượng cần được sử dụng. Nhiều đối tượng sau khi sửa chữa, trùng tu đã thu hút đông đảo khách du lịch. Là sản phẩm lao động của nhiều thế hệ trước đây, các đối tượng văn hóa - lịch sử đang trở thành đối tượng lao động của ngành dịch vụ du lịch mang tính chất nhận thức.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử, bởi vì những thay đổi cơ cấu và lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hóa - lịch sử. Nó là một phạm trù động, bởi vì khái niệm tài nguyên du lịch thay đổi tùy thuộc vào sự tiến bộ kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên và xác định hướng khai thác chúng cần phải tính đến những thay đổi trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế - kỹ thuật khai thác các loại tài nguyên du lịch mới.

Từ những điều trình bày trên đây có thể xác định khái niệm tài nguyên du lịch như sau:

Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Tài nguyên đối với mỗi loại hình du lịch có đặc trưng riêng. Đối với du lịch chữa bệnh, người ta thường quan tâm tới các nguồn

nước khoáng và bùn chữa bệnh; thời tiết và khí hậu tốt có tác dụng cho việc chữa bệnh; hang động và mỏ muối kết hợp với khí hậu độc đáo. Du lịch bồi dưỡng sức khỏe được phát triển trên cơ sở những thời kỳ khí hậu thích hợp, nguồn nước, thực vật, địa hình thuận lợi và các thành phần tính chất khác của cảnh quan góp phần bồi bổ sức khỏe. Có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch thể thao và theo lộ trình là đặc điểm của lãnh thổ như khả năng vượt chướng ngại và sự tồn tại của các vật chướng ngại (ghềnh, đèo; vượt sông), vùng có ít dân và cách xa nhau. Đối tượng của du lịch tham quan lại là những danh lam thắng cảnh văn hóa - lịch sử và tự nhiên, các mục tiêu kinh tế độc đáo, lễ hội và thành phần của văn hóa dân tộc (trò chơi dân tộc, thủ công mỹ nghệ truyền thống).

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Đặc điểm

1) Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

2) Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

3) Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tối ưu tập trung các loại tài nguyên đó.

4) Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

5) Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các qui định về sử dụng tự nhiên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chung.

Muốn đánh giá tài nguyên du lịch cần phải tổng hợp nhiều tri thức của các lĩnh vực khoa học: sinh lý học, tâm lý học, thủy lý học, địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế, lịch sử văn hóa và nghệ thuật, kiến trúc và đô thị, kế hoạch hóa lanh thổ và kinh tế du lịch. Khía cạnh lanh thổ của đánh giá tài nguyên du lịch là nhiệm vụ của địa lý du lịch.

2. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 nhóm:

- Tài nguyên tự nhiên:

- + Địa hình.
- + Khí hậu.
- + Nguồn nước.
- + Thực, động vật.

- Tài nguyên nhân văn:

- + Các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc.
- + Các lễ hội.
- + Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.
- + Các đối tượng văn hóa - thể thao và hoạt động nhận thức khác.

III. TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN

1. Quan niệm

Tài nguyên tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta. Ở một địa phương nào đó *tự nhiên tác động đến người quan sát qua hình dạng bên ngoài của bản thân nó*. Sự tiếp nhận hình dạng bên ngoài của tự nhiên gọi là phong cảnh. Trong đó tự nhiên chỉ tham gia với những đặc điểm của mình mà có thể quan sát bằng mắt thường. Đó là hình dạng bề mặt đất, thực vật và nguồn nước. Ngoài ra, đóng vai trò quan trọng đối với nhiều loại hình du lịch là khí hậu, đặc biệt

là các chỉ tiêu có liên quan tới trạng thái tâm lý - thể lực của con người - đó là khí hậu sinh học. Phong cảnh của khu vực càng đa dạng bao nhiêu, khí hậu càng thuận lợi bao nhiêu thì chất lượng của khu vực giành cho du lịch và nghỉ ngơi càng tốt lên bấy nhiêu. *Căn cứ vào* mức độ thay đổi của môi trường tự nhiên do con người gây nên, có thể chia ra 4 loại phong cảnh: 1) Phong cảnh nguyên sinh, thực tế trên thế giới rất ít gặp. 2) Phong cảnh tự nhiên trong đó thiên nhiên bị thay đổi tương đối ít bởi con người. 3) Phong cảnh nhân tạo (văn hóa), trước hết là những yếu tố do con người tạo ra. 4) Phong cảnh suy biến, loại phong cảnh bị thoái hóa khi có những thay đổi không có lợi đối với môi trường tự nhiên.

Trong bốn loại phong cảnh trên, phần lớn các địa điểm du lịch được xây dựng ở phong cảnh tự nhiên, có một số trường hợp được xây dựng trong phong cảnh nhân tạo. Như vậy môi trường tự nhiên có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển nghỉ ngơi và du lịch. Qua nhiều công trình nghiên cứu, qua các phiếu điều tra và qua thực tiễn, thấy rằng những người dân thành phố hàng ngày sống trong môi trường công nghiệp và đô thị hóa có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch trong môi trường tự nhiên. Các thành phần của tự nhiên có tác động mạnh nhất đến du lịch là địa hình, khí hậu, nguồn nước và tài nguyên thực vật.

2. Các loại tài nguyên

2.1. Địa hình

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài (nội sinh, ngoại sinh). Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Tất nhiên tùy thuộc vào mục đích hoạt động kinh tế mà sự phụ thuộc đó nhiều hay ít hay phụ thuộc vào khía cạnh này hay khác của địa hình. Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa

hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn khai thác cho du lịch.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ chênh của địa hình. Khách du lịch thường ưa thích những nơi có phong cảnh đẹp và đa dạng, những vùng có nhiều đồi núi; và thường tránh những nơi bằng phẳng mà họ cho là tẻ nhạt, không thích hợp với du lịch.

Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về ngoại hình, một cách trực tiếp ít gây những cảm hứng nhất định cho tham quan du lịch. Song do đồng bằng là nơi thuận lợi cho hoạt động kinh tế, cho canh tác nông nghiệp nên từ lâu ở đây là nơi quần cư đông đúc. Thông qua các hoạt động nông nghiệp, văn hóa của con người địa hình đồng bằng có ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

Địa hình vùng đồi thường tạo ra một không gian thoáng đãng và bao la. Do sự phân cắt của địa hình nên có tác động mạnh đến tâm lý du lịch dã ngoại, rất thích hợp với các loại hình cắm trại, tham quan. Vùng đồi là nơi tập trung dân cư tương đối đông đúc, lại là nơi có những di tích khảo cổ và tài nguyên văn hóa, lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch, tham quan theo chuyên đề.

Trong các dạng địa hình thì miền núi có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch, đặc biệt là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an dưỡng, các trạm nghỉ, các cơ sở du lịch, các khu vực tiện cho chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi... Trong tài nguyên du lịch miền núi, cùng với địa hình, khí hậu và thực động vật tạo nên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày.

Ngoài các dạng địa hình chính với các ý nghĩa phục vụ du lịch khác nhau, cần chú ý đến các kiểu địa hình đặc biệt có giá trị rất lớn cho tổ chức du lịch - kiểu địa hình Karst (Đá vôi) và kiểu địa hình bờ bãi biển.

- *Kiểu địa hình Karsto* là kiểu địa hình được thành tạo do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hòa tan (đá vôi, dolomit, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...), ở Việt Nam chủ yếu là đá vôi. Thuật ngữ "karsto" bắt nguồn từ tên một miền thuộc Nam Tư, nơi mà địa hình này được nghiên cứu lần đầu.

Các kiểu Karsto có thể được tạo thành từ sự hòa tan của nước trên mặt cũng như của nước ngầm. Một trong các kiểu Karsto được quan tâm nhất đối với du lịch là hang động Karsto. Những cảnh quan thiên nhiên và văn hóa của hang động Karsto rất hấp dẫn khách du lịch. Đây chính là một nguồn tài nguyên du lịch, một loại hàng hóa đặc biệt có thể sinh lợi dễ dàng. Hiện nay trên thế giới có khoảng 650 hang động đã được sử dụng cho du lịch, hàng năm thu hút khoảng 15 triệu khách tới thăm. Trên thế giới có 25 hang động Karsto dài nhất và 25 hang động Karsto sâu nhất, điển hình như hang Flint Mammoth Cave System dài 530 km ở Hoa Kỳ, hang Optimisticeskaya dài 153 km ở Ukraina, hang Holloch dài 133,5 km ở Thụy Sĩ, hang Rescău Jecan Bernard sâu 1535 m ở Pháp, hang Sistema de Trave sâu 1380 m ở Tây Ban Nha.

Hang động Karsto ở Việt Nam không dài, không sâu, nhưng rất đẹp. Động Phong Nha (ở Bố Trạch, Quảng Bình) dài gần 8 km, có cửa vào rộng 25 m và cao 10 m, được coi là hang nước đẹp nhất thế giới, "kỳ quan nhất thế giới" hay "Phong Nha Đệ nhất động". Đây sẽ là điểm du lịch đông khách nhất, đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn nhất của Quảng Bình trong những năm tới. Một số các hang động khác của Việt Nam cũng là các điểm du lịch hấp dẫn như Bích Động (Ninh Bình), động Hương Tích (Hà Tây), Hang Bồ Nâu, Luồn (Quảng Ninh)...

Ngoài hang động Karsto, các kiểu địa hình Karsto khác cũng có giá trị lớn đối với du lịch, chẳng hạn kiểu Karsto ngập nước mà tiêu biểu là vịnh Hạ Long, một trong những kỳ quan của thế giới, với khả năng du ngoạn bằng tàu thủy, thuyền bè. Kiểu Karsto đồng bằng ở vùng Ninh Bình được mệnh danh là một Hạ Long

khô tuyệt vời, thu hút sự chú ý của khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Các kiểu địa hình ven bờ các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, sông, hồ...) có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch. Nói chung, địa hình ven bờ có thể tận dụng khai thác du lịch với các mục đích khác nhau: từ tham quan du lịch theo chuyên đề khoa học, nghỉ ngơi an dưỡng, tắm biển, thể thao nước. Địa hình được đánh giá chủ yếu trên quan điểm có xây dựng được những bãi tắm và có cát không? Đặc điểm lý hóa của chúng như thế nào? Diện tích, độ sâu, vị trí của chúng. Địa hình đáy ven bờ có nguy hiểm không, có thực vật không và khí hậu bãi tắm ra sao?...

Trên phạm vi thế giới, số khách du lịch lớn nhất là khách đi nghỉ ở bờ biển. Một bãi biển thích hợp cho du lịch tắm biển là một bãi biển rộng, bằng phẳng, kết hợp với phong cảnh đẹp, hấp dẫn. Bãi biển càng ở gần thành phố trung tâm du lịch thì càng thu hút khách vì tiện lợi cho việc đi lại, tham quan.

2.2. Tài nguyên khí hậu

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Nó thu hút người tham gia và người tổ chức du lịch qua khí hậu sinh học. Trong các chỉ tiêu khí hậu, đáng chú ý là hai chỉ tiêu chính: nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như gió, lượng mưa, thành phần lý hóa của không khí, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Để đánh giá cụ thể các điều kiện khí hậu đối với hoạt động du lịch, ngoài các đặc điểm chung của từng khu vực, cần thiết phải đánh giá ảnh hưởng của các điều kiện đó tới sức khỏe con người và các loại hình du lịch.

Nhiều nhà khí hậu trên thế giới đã sử dụng những chỉ tiêu khí hậu sinh học để xác định mức độ thích nghi của khí hậu đối với con người. Các học giả Ấn Độ đã đưa ra các chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con người như sau:

Bảng 1: Chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con người

Hạng	Ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (°C)	Nhiệt độ TB tháng nóng nhất (°C)	Biên độ năm của nhiệt độ TB (°C)	Lượng mưa năm (mm)
1	Thích nghi	18–24	24–27	< 6	1250–1900
2	Khá thích nghi	24–27	27–29	6–8	1900–2550
3	Nóng	27–29	29–32	8–14	> 2550
4	Rất nóng	29–32	32–35	14–19	< 1250
5	Không thích nghi	> 32	> 35	> 19	< 650

Nhìn chung, những nơi có khí hậu điều hòa thường được khách du lịch ưa thích. Nhiều cuộc thăm dò cho thấy khách du lịch thường tránh những nơi quá lạnh, quá ẩm, hoặc quá nóng, quá khô. Những nơi có nhiều gió cũng không thích hợp cho sự phát triển của du lịch. Mỗi loại hình du lịch đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. Ví dụ, khách du lịch ở biển thường ưa thích những điều kiện khí hậu sau:

- Số ngày mưa tương đối ít vào thời vụ du lịch. Điều đó có nghĩa là vùng hay khu vực bãi biển cần có mùa du lịch tương đối khô. Mỗi một ngày mưa đối với khách du lịch là một ngày hao phí cho mục đích của chuyến đi du lịch và như vậy làm giảm hiệu quả của chuyến đi nghỉ biển.

- Số giờ nắng trung bình trong ngày cao. Khách du lịch thường chuộng những nơi có nhiều ánh nắng mặt trời. Những nơi có số giờ nắng trung bình trong ngày cao thường được ưa thích và có sức thu hút mạnh đối với khách du lịch, chẳng hạn như vùng biển Địa Trung Hải, vùng biển Caribê, vùng biển Đông Nam Á...

- Nhiệt độ trung bình của không khí vào ban ngày không cao lắm. Đối với khách du lịch ở phương Bắc, nhiệt độ cao khiến họ không chịu nổi.

- Nhiệt độ nước biển điều hòa, thích hợp nhất đối với khách du lịch tắm biển là nhiệt độ nước biển từ 20°C đến 25°C. Nếu nhiệt độ nước biển dưới 20°C và trên 30°C là không thích hợp. Một số dân tộc ở Bắc Âu có thể chịu được nhiệt độ nước biển từ 17°C đến 20°C.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động dịch vụ về du lịch. Ở mức độ nhất định cần phải lưu ý tới những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở tới kế hoạch du lịch, thí dụ như những sự cố thời tiết đáng kể ở Việt Nam là bão trên các vùng biển và duyên hải, hải đảo, gió mùa đông bắc, gió bụi trong mùa khô, lũ lụt trong mùa mưa...

Tính mùa của du lịch chịu tác động chủ yếu của nhân tố khí hậu. Các vùng khác nhau có tính mùa du lịch không như nhau do ảnh hưởng của các thành phần khí hậu.

+ Mùa du lịch cả năm (liên tục) thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh suối khoáng, du lịch trên núi cả mùa đông và mùa hè. Tất nhiên trong thực tế rất hiếm khi có sự phân phối đồng đều các dòng du lịch theo mùa vì chịu ảnh hưởng của các nguyên nhân khí hậu, tự nhiên, xã hội, kinh tế - kỹ thuật.

+ Mùa đông - là mùa du lịch trên núi. Sự kéo dài của mùa đông có ảnh hưởng tới khả năng phát triển du lịch thể thao mùa đông và các loại hình du lịch mùa đông khác.

+ Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất vì có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch biển, các loại hình du lịch trên núi và ở khu vực đồng bằng - đồi. Khả năng du lịch ngoài trời về mùa hè rất phong phú và đa dạng.

3. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch thì nguồn nước mặt có ý nghĩa rất lớn. Nó bao gồm đại dương, biển, hồ, sông, hồ chứa nước nhân tạo, suối, Karsto, thác nước, suối phun... Nước được dùng chủ yếu cho các nhà tắm

(thiên nhiên hay có mái che). Tùy theo thành phần lý hóa của nước người ta phân ra nước ngọt (lục địa) và nước mặn (biển, một số hồ nội địa).

Nhằm mục đích du lịch, nước được sử dụng tùy theo nhu cầu cá nhân, theo độ tuổi và nhu cầu quốc gia. Nói chung giới hạn nhiệt độ lớp nước trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận được là 18°C , đối với trẻ em là trên 20°C . Cùng với các chỉ tiêu cơ bản trên, cần chú ý đến tần số và tính chất sóng của dòng chảy, độ sạch của nước...

Đối với du lịch thể thao nên đánh giá tài nguyên cá, khả năng bắt cá, bảo vệ nguồn cá và định ra qui chế đánh cá.

Tài nguyên nước không chỉ có tác dụng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng nhiều đến các thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm dịu khí hậu ven bờ.

Ngoài ra, nước còn cần thiết cho đời sống: để uống, vệ sinh và cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Đáp ứng cho những nhu cầu này đòi hỏi phải có nguồn nước ngọt dồi dào. Các tổ hợp du lịch ở vùng khô hạn và nửa khô hạn, cũng như ở các vùng du lịch thuộc các đới khí hậu cận nhiệt và ôn đới, nhu cầu cung cấp nước rất lớn.

Du lịch biển có nhiều điều kiện thuận lợi nhờ khí hậu bờ biển dịu mát cho phép nghỉ ngơi dài ngày, nhờ bãi cát ven bờ vừa có thể tắm biển lại vừa tắm nắng, tắm khí trời...

Trong tài nguyên nước, cần phải nói đến *tài nguyên nước khoáng*. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị du lịch an dưỡng và chữa bệnh.

Nước khoáng là nước thiên nhiên (chủ yếu là nước dưới đất) chứa một số thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hóa học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...), hoặc có một số tính chất vật lý (nhiệt độ cao, độ pH...) có tác dụng sinh lý đối với con người.

Mặc dù cho đến nay trên thế giới chưa có qui định thống nhất giới hạn dưới của các nguyên tố, độ khoáng hóa, thành phần

khí... để phân biệt nước khoáng và nước bình thường, song có thể căn cứ vào các chỉ tiêu chủ yếu dưới đây để xếp loại nước thiên nhiên vào nước khoáng.

Bảng 2: Giới hạn dưới để xếp nước thiên nhiên vào nước khoáng

TT	Các chỉ tiêu	Giới hạn dưới
1	Độ khoáng hóa	1,0 g/l
2	Khí cacbônic	500 g/l
3	H_2S^+ HS^-	1 mg/l
4	Brôm	5 mg/l
5	Iốt	1 mg/l
6	Asen	0,7 mg/l
7	$H_2SiO_3 + HSiO_3$	50 mg/l
8	Pluo	2 mg/l
9	$Fe_2 + Fe_3$	20 mg/l
10	HBO_2	50 mg/l
11	Li	1 mg/l
12	Ra	10 mg/l
13	Rn	5 mg/l
14	Nhiệt độ	- 35°C

Một trong những công dụng quan trọng nhất của nước khoáng là chữa bệnh. Các nguồn nước khoáng là tiêu đề không thể thiếu được đối với việc phát triển du lịch chữa bệnh. Tính chất chữa bệnh của các nguồn nước khoáng đã được phát hiện từ thời Đế chế La Mã. Trên thế giới, những nước giàu nguồn nước khoáng nổi tiếng cũng là những nước phát triển du lịch chữa bệnh như Liên Xô (cũ), Bungari, Italia, CHLB Đức, CH Séc và Slovac...

Để thuận lợi cho việc chữa bệnh, các nhà bác học đã tiến hành phân loại nước khoáng vào mục đích chữa bệnh khác nhau.

+ Nhóm nước khoáng cacbônic là nhóm nước khoáng quý có công dụng giải khát rất tốt và chữa một số bệnh như cao huyết áp, sơ vữa động mạch nhẹ, các bệnh về hệ thần kinh ngoại biên.

Nhóm nước khoáng cacbonic quí nổi tiếng trên thế giới như Vicky (Pháp), Boczomi (Grudia), Visbaden (CHLB Đức). Ở Việt Nam tiêu biểu có nước suối Vĩnh Hảo, nổi tiếng từ năm 1928 đến nay với sản phẩm nước khoáng đóng chai, đã xuất khẩu sang một số nước ở Đông Nam Á.

+ Nhóm nước khoáng Silic có công hiệu đối với các bệnh đường tiêu hóa, thần kinh, thấp khớp, phụ khoa... Trên thế giới, nổi tiếng về nước khoáng Silic là nguồn nước khoáng Kul dur (Liên Xô cũ). Ở Việt Nam tiêu biểu có nguồn nước khoáng Kim Bôi (Hoa Bình) và Hội Vân (Phù Cát-Bình Định). Tại hai nơi này đã xây dựng 2 nhà an dưỡng chữa bệnh sử dụng nước khoáng Silic.

Nhà nghỉ Kim Bôi nằm ở xóm Mò Đá, xã Hạ Bì, cách huyện lỵ Kim Bôi 3 km và cách thị xã Hòa Bình 30 km, cách Hà Nội khoảng 80 km. Khu nhà nghỉ được xây dựng từ năm 1975 trên nền đất rộng 73 ha mà dưới là những túi nước khoáng đầy ắp, đủ sức phục vụ cho 1600 - 3000 người/ngày, nhiệt độ nguồn nước ổn định quanh năm 37°C, có hàm lượng Na, Ca khá nhiều, có công dụng tốt với các bệnh thấp khớp, dạ dày, viêm đại tràng.

Nhà an dưỡng chữa bệnh Hội Vân ở thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát (Bình Định). Nước khoáng Hội Vân có hàm lượng Axit Silic rất cao, nhiệt độ nước từ 79°C với công dụng chính là chống viêm loét dạ dày, viêm đại tràng, thấp khớp, viêm cổ tử cung, viêm âm đạo, điều hòa chức năng tiêu hóa... Hiện nay tại nguồn nước khoáng này tỉnh Bình Định tiến hành liên doanh với nước ngoài để xây dựng khu du lịch, chữa bệnh và đóng chai nước khoáng.

+ Nhóm nước khoáng Brôm - Iốt - Bo có tác dụng chữa các bệnh ngoài da, thần kinh, phụ khoa... Nổi tiếng trên thế giới là nước khoáng Margeutheia và Fricarichshal (CHLB Đức). Ở Việt Nam có hai nhà nghỉ an dưỡng sử dụng nguồn nước khoáng này là Quang Hanh (thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh) và Tiên Lãng (Hải Phòng).

Tại xã Quang Hanh, giữa hai dãy núi đá có những nguồn nước khoáng ngầm. Đã có 3 giếng khoan khai thác đóng chai. Loại nước khoáng này được công nhân mỏ rất ưa chuộng, có tác dụng chống mất nước cho cơ thể vào mùa hè rất tốt. Người dân Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng và nhiều tỉnh khác bắt đầu thích dùng loại nước khoáng này. Tại Quang Hanh còn có điểm lô nước khoáng tự phun. Sở Y tế Quảng Ninh đã xây dựng ở đây một trạm điều dưỡng, sử dụng nguồn nước khoáng nóng này (45°C) để chữa một số bệnh (khớp mãn tính, suy nhược thần kinh, đau thần kinh tọa...) và phục hồi sức khỏe cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh.

Ngoài ra còn nhiều nhóm nước khoáng khác (sunfuahydrô, Asen - fluo, liti; nhóm phóng xạ...) với các ý nghĩa du lịch chữa bệnh khác nhau.

Nước khoáng là loại tài nguyên tổng hợp mà giá trị kinh tế và du lịch chữa bệnh thể hiện rất rõ. Trên thế giới, nhu cầu du lịch kết hợp với việc an dưỡng, chữa bệnh, dùng nước khoáng giải khát tăng lên đáng kể. Việc đi du lịch chữa bệnh, an dưỡng ở các nguồn nước khoáng ngày càng thu hút khách du lịch quốc tế. Thụy Sĩ có 6,5 triệu dân, mỗi năm đón 34 triệu khách đến nghỉ tại nhà nghỉ chữa bệnh bằng nước khoáng. Hàng năm ngành du lịch đem lại 10% thu nhập quốc dân. Tại Pháp, CHLB Đức, Italia, mỗi năm có hàng triệu người đi du lịch chữa bệnh tại các nguồn nước khoáng. Nhiều trung tâm du lịch, thành phố du lịch nổi tiếng đều gắn liền với các nguồn nước khoáng quý mà tiêu biểu là Xôtri, Caclovy Vary, Wisbaden, Vichy...

4. Tài nguyên thực, động vật

Hiện nay, khi mức sống của con người ngày càng nâng cao thì nhu cầu nghỉ ngơi tham quan du lịch và giải trí trở thành nhu cầu cấp thiết. Thị hiếu về du lịch cũng ngày càng đa dạng và phong phú. Ngoài một số hình thức truyền thống như tham quan phong cảnh, các di tích văn hóa - lịch sử của loài người, đã xuất hiện một hình thức mới, với sức hấp dẫn rất lớn khách du

lịch. Đó là du lịch các khu bảo tồn thiên nhiên với đối tượng là các loại động - thực vật, việc tham quan du lịch trong thế giới động thực vật sống động, hài hòa trong thiên nhiên làm cho con người tăng thêm lòng yêu cuộc sống.

Sở dĩ một số nước trên lục địa châu Phi, Đông Âu, và vùng Đông Nam Á thu hút được đông đảo khách du lịch là do họ đã biết tận dụng khai thác các tiềm năng thiên nhiên - đó là nguồn tài nguyên thực - động vật cùng với quang cảnh hài hòa của nó.

Không phải mọi tài nguyên thực động vật đều là đối tượng của du lịch, tham quan. Để phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau, người ta đã đưa ra các chỉ tiêu sau đây:

- *Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch*

- + Thảm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình.
- + Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.
- + Có một số động vật (thú, chim, bò sát, côn trùng cá...) phong phú hoặc điển hình cho vùng.
- + Có các loại khai thác đặc sản phục vụ nhu cầu khách du lịch.
- + Thực, động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe tiếng hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.
- + Đường sá (đường mòn) thuận tiện cho việc đi lại quan sát, vui chơi của khách.

- *Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắn thể thao*

Qui định loài được săn là loài phổ biến, không ảnh hưởng đến số lượng, quý gien; loài động vật hoạt động (ở dưới nước, mặt đất, trên cây) nhanh nhẹn có địa hình tương đối dễ vận động; xa khu cư trú của nhân dân, quân đội và cơ quan. Ngoài ra khu vực dành cho săn bắn thể thao phải tương đối rộng, bảo đảm tầm

bay của đạn, và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho khách du lịch. Phải cấm dùng súng quân sự, mìn và chất nổ nguy hiểm.

- *Đối với mục đích du lịch nghiên cứu khoa học*

- + Nơi có hệ thực, động vật phong phú và đa dạng.
- + Nơi còn tồn tại loài quý hiếm.
- + Nơi có thể đi lại quan sát, chụp ảnh.
- + Có qui định thu mẫu của cơ quan quản lý...

Như vậy tài nguyên thực động vật có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành du lịch.

Thực vật, đặc biệt là các khối rừng tự nhiên và cả các khu rừng nhân tạo kiểu công viên ở các khu vực ngoại ô thành phố, với sự phổ biến của các loại thực vật địa phương kết hợp với các loại khác đã thích nghi với khí hậu, thực hiện chức năng nhiều mặt - làm sạch không khí, cản gió, tăng độ ẩm. Ngoài ra nó còn có tác dụng thu hút tiếng ồn một cách tự nhiên, tạo nên cảm giác ấm cúng. Cần phải bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, các quần thể thực vật ven sông, hồ ở vùng đồng bằng và thung lũng bởi vì chúng rất có giá trị đối với loại hình du lịch cuối tuần. Đối với khách du lịch, những loại thực vật không có ở đất nước họ thường có sức hấp dẫn mạnh. Chẳng thế mà khách du lịch châu Âu thường thích đến nơi có rừng rậm nhiệt đới, nhiều cây leo, cây to và cao...

Thực vật gắn liền với môi trường sống tự nhiên của đại đa số động vật cạn. Khi phân tích và đánh giá lớp phủ thực vật phải xem xét cả thế giới động vật. Bộ phận này đôi khi có ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với du lịch nhận thức và nhất là du lịch săn bắn. Ở một số nước, ví dụ như Hungari, Kênia, CH Séc và CH Slovac hệ động vật là một trong những mục đích du lịch trong nước và quốc tế. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây cũng có nhiều đoàn khách du lịch quốc tế tham quan du lịch nghiên cứu động vật như Voọc đầu trắng - loài động vật quý hiếm và đặc hữu của Cát Bà, chim và các sân chim phía Nam (Bird

tour) như sân chim Bạc Liêu, Đầm Dơi, Cái Nước, U Minh (tỉnh Minh Hải), Sếu đầu đỏ (tỉnh Đồng Tháp), khu bảo vệ chim nước quốc tế RAMSA ở Xuân Thủy (tỉnh Nam Hà). Riêng khu bảo vệ sếu đầu đỏ Đồng Tháp đã có 8 đoàn gồm 120 người từ Mỹ, Nhật, Thái Lan, Ấn Độ, Hồng Kông, Đức, Pháp đến du lịch.

Cần phải phát hiện, tổ chức bảo vệ các khu bảo tồn tự nhiên để phục vụ du lịch.

Cùng với việc đánh giá chi tiết từng thành phần của môi trường tự nhiên theo quan điểm của "người tiêu thụ" cũng như theo quan điểm của người tổ chức, cần phải đánh giá tổng hợp bốn thành phần chủ yếu của nó thông qua hàng loạt chỉ tiêu. Bốn thành phần: địa hình, khí hậu, nguồn nước, thực-động vật luôn luôn tác động lẫn nhau mặc dù với mức độ khác nhau và hiệu quả du lịch không như nhau. Nếu như tác động của địa hình đối với các mục đích du lịch, nghỉ ngơi tương đối thường xuyên, thì các thành phần còn lại, nhất là khí hậu và nguồn nước dao động rất lớn theo mùa và theo ngày đêm.

Trên cơ sở tác động tổng hợp của các thành phần môi trường tự nhiên đã hình thành 3 kiểu tổ hợp du lịch trên phạm vi thế giới.

A- Tổ hợp ven biển

Ở tổ hợp này, tài nguyên du lịch ven biển thuộc các vùng ôn đới, cận nhiệt đới và một số vùng nhiệt đới có sức hấp dẫn nhiều nhất cho mục đích nghỉ ngơi, du lịch. Hiện nay nguồn tài nguyên du lịch ven biển được sử dụng rộng rãi hơn cả đối với nghỉ ngơi dài ngày trên phạm vi thế giới và nhất là nghỉ ngơi chữa bệnh quốc tế. Trong cơ cấu tài nguyên du lịch ven biển, có hiệu quả nhất là tắm biển, đón khí trời, thể thao, tắm nắng v.v... Ý nghĩa giải trí của địa hình và thực vật tuy nhỏ hơn song không nên xem nhẹ. Tài nguyên du lịch ven biển được phân bố theo tuyến, trên diện tích tương đối hẹp dọc đường bờ biển. Bộ phận có giá trị nhất của nguồn tài nguyên du lịch ven biển là các bãi

tắm và mặt nước ven bờ. Tài nguyên ven biển chịu tác động lớn theo mùa.

B- Tổ hợp núi

Tài nguyên du lịch miền núi là nguồn tài nguyên tổng hợp nhất. Tác dụng khôi phục của chúng rất cao. Người ta hy vọng rằng nguồn tài nguyên du lịch miền núi sẽ thu hút khách du lịch nhiều hơn và nhanh hơn nữa. Ở vùng núi có một số loại hình du lịch như dạo chơi, thể thao, sưu tập thực-động vật núi và rừng, săn bắn, đánh cá, tắm khí trời, tắm nước... Khác với tài nguyên du lịch biển là nguồn tài nguyên có tính thống nhất hơn, mỗi vùng núi có đặc trưng riêng. Hơn nữa, từng bộ phận như suối núi, đỉnh núi, hẻm núi, thung lũng lại có những điều kiện khác biệt cơ bản cho việc du lịch. Độ cao trên mực nước biển có vai trò quyết định trong việc phân loại tài nguyên du lịch vì nó là nguyên nhân của sự phân hóa các điều kiện khí hậu, thực vật, động vật theo độ cao, thậm chí tạo nên sự phân tầng địa hình. Các vùng núi thấp và trung bình có khả năng giải trí và du lịch nhận thức tự nhiên đông đảo hơn. Vùng núi thấp còn có nguồn nước khoáng với khả năng du lịch chữa bệnh rất dồi dào. Các vùng núi cao có giá trị du lịch đặc biệt đối với những người có sức khỏe, các nhà thể thao và du lịch chuyên nghiệp. Tài nguyên du lịch núi không hạn chế về không gian như tài nguyên du lịch ven biển. Trong các vùng núi có thể phát triển các hình thức du lịch và nghỉ ngơi dài ngày cũng như ngắn ngày.

C- Tổ hợp đồng bằng - đồi

Khu vực đồng bằng - đồi là khu vực có mật độ tài nguyên du lịch ít nhất. Song đại đa số nhân loại và đặc biệt là những người dân của các thành phố lớn sinh sống ở chính những khu vực này. Nhu cầu của các vùng dân cư đồng đúc và các vùng đô thị hóa đã đặt ra việc tìm kiếm nguồn tài nguyên ở ngay trong các vùng đồng bằng, đồi và lòng chảo để nghỉ ngơi và du lịch, đặc biệt là nhu cầu nghỉ ngơi hàng ngày và cuối tuần. Ở vùng

đồng bằng có các tài nguyên rừng, đồi, sông, bắc thềm ven sông, hồ, hồ chứa nước. Ở đây nguồn nước và thực vật có ý nghĩa lớn đối với du lịch, trong khi địa hình và khí hậu có ý nghĩa nhỏ hơn.

Bằng phương pháp nhân tạo, nguồn tài nguyên tự nhiên địa phương được phát triển và phong phú thêm.

Khu vực đồng bằng - đồi có những ưu thế dành cho du lịch như gần các trung tâm dân cư lớn, điều kiện giao thông thuận lợi và dễ dàng, có diện tích trống để xây dựng bằng phương pháp công nghiệp. Song do hậu quả xấu của công nghiệp và đô thị hóa, ôn ào... làm ảnh hưởng đến hoạt động du lịch.

5. Bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên

Một trong những vấn đề quan trọng của địa lý du lịch là bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên.

Bảo vệ môi trường sống và nghỉ ngơi là một bộ phận không thể thiếu được của chính sách sinh thái toàn vẹn. Bản thân việc du lịch và nghỉ ngơi có thể đe dọa nghiêm trọng tài sản xuất tự nhiên của chất lượng sống trong môi trường bao quanh, có thể đe dọa chính tài nguyên du lịch nếu không sử dụng chúng một cách đúng đắn. Cần phải hiểu rằng bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên có nghĩa là bảo vệ môi trường sống cho hoạt động du lịch chứ không phải là bảo vệ du lịch.

Hệ thống nghỉ ngơi, du lịch rất nhạy cảm đối với sự nhiễm bẩn ngày càng tăng của bầu khí quyển, nguồn nước, thổ nhưỡng, của tiếng ồn, chấn động... Những ảnh hưởng xấu này có nguồn gốc kỹ thuật, là kết quả chủ yếu của sự phát triển công nghiệp và giao thông. Việc công nghiệp hóa trong nông nghiệp cũng có thể làm nhiễm bẩn môi trường xung quanh. Hiện nay, đối với hoạt động du lịch mối đe dọa lớn nhất là dầu mỏ và phế liệu của nó, cùng với tiếng ồn. Bảo vệ tài nguyên du lịch là vấn đề sinh tử của hệ thống nghỉ ngơi, du lịch. Có thể nói rằng du lịch và bảo vệ môi trường sống là hai hoạt động bổ sung và hỗ trợ

cho nhau. Hoạt động bảo vệ tự nhiên tạo thuận lợi cho sự phát triển nghỉ ngơi - du lịch. Về phần mình, du lịch phải quan tâm tới việc bảo vệ môi trường tự nhiên, nhất là những nơi tập trung các nguồn tài nguyên du lịch.

Du lịch cũng có thể gây ảnh hưởng xấu tới điều kiện sống và nghỉ ngơi. "Ô nhiễm du lịch" do sử dụng tài nguyên du lịch không đúng đắn. Ví dụ, bãi tắm biển bị ô nhiễm bởi rác ruồi, hoặc qui chế không đúng khi sử dụng tài nguyên du lịch, không phù hợp với khả năng phục vụ hay khả năng tiếp nhận của chúng, không phù hợp với tính ổn định và thời hạn tự phục hồi. Để sử dụng tài nguyên du lịch hợp lý, cần phải xác định số lượng khách tới thăm trên một đơn vị diện tích hay là khả năng trang bị vật chất - kỹ thuật đối với diện tích tài nguyên.

Bảo vệ môi trường tự nhiên là nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Trong việc sử dụng đúng đắn môi trường tự nhiên du lịch là một bộ phận đáng được quan tâm.

6. Việc ghi các tài sản thiên nhiên vào danh sách di sản thế giới

Theo Công ước về di sản thế giới, "di sản thiên nhiên" là: các công trình thiên nhiên hợp thành bởi những thành tạo vật lý và sinh học hoặc những nhóm thành hệ có một giá trị toàn cầu, đặc biệt về mặt thẩm mỹ hoặc khoa học; các thành hệ địa chất và địa văn, các miền được phân định ranh giới rõ ràng làm nơi sinh sống của các loài động vật và thực vật bị đe dọa, có một giá trị toàn cầu đặc biệt về mặt khoa học hoặc bảo tồn; các địa điểm tự nhiên hoặc các vùng tự nhiên được phân định ranh giới rõ ràng, có giá trị toàn cầu, đặc biệt về các mặt khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên.

Tiêu chuẩn một di sản thiên nhiên (như định nghĩa trên đây) được đề xuất để ghi vào danh sách di sản thế giới, sẽ được coi là có giá trị toàn cầu đặc biệt theo tinh thần của công ước, khi Ủy ban về di sản thế giới cho rằng di sản đó đáp ứng được

ít nhất một trong các tiêu chuẩn và đầy đủ những điều kiện về tính toàn vẹn nêu dưới đây. Do vậy, những địa điểm đó phải:

1. Là những mẫu hết sức tiêu biểu cho những giai đoạn tiến hóa của trái đất.

2. Là những mẫu hết sức tiêu biểu cho các quá trình địa chất đang diễn biến, cho sự tiến hóa sinh học và tác động qua lại giữa con người và môi trường thiên nhiên. Loại mẫu này khác biệt với loại thuộc các thời kỳ của lịch sử trái đất và liên quan đến quá trình tiến hóa đang diễn ra của thực vật và động vật, các dạng địa hình, các miền biển và miền nước ngọt.

3. Có những hiện tượng, thành tạo hoặc đặc điểm tự nhiên hết sức nổi bật, như những mẫu tiêu biểu nhất cho những hệ sinh thái quan trọng nhất, những phong cảnh tuyệt đẹp, hoặc những tổ hợp đặc sắc các yếu tố thiên nhiên và văn hóa.

4. Bao gồm những nơi cư trú tự nhiên quan trọng nhất và tiêu biểu nhất, trong đó còn sống sót những loại thực vật và động vật bị đe dọa và có giá trị toàn cầu, đặc biệt về mặt khoa học hoặc bảo tồn.

Ngoài những tiêu chuẩn trên đây, các địa điểm đó còn phải đáp ứng các điều kiện về tính toàn vẹn sau:

a) Những địa điểm mô tả ở mục 1 phải bao gồm toàn bộ hoặc phần lớn những thành phần chủ yếu liên quan với nhau và phụ thuộc lẫn nhau trong mọi quan hệ tự nhiên. Chẳng hạn, một miền thuộc "thời kỳ đóng băng" phải bao gồm bãy tuyết, sóng băng cũng như các dạng điển hình xói mòn do sóng băng, các trầm tích và các di thực thực vật (các vết khía do băng, băng tích, các giai đoạn đầu diễn thế thực vật...).

b) Những địa điểm mô tả ở mục 2 phải khá rộng lớn và bao gồm những thành phần cần thiết cho việc minh họa những khía cạnh chủ yếu của quá trình đó và cho sự tự sinh sản của chúng. Vì vậy, một miền "rừng nhiệt đới ẩm ướt" phải có một số

độ cao khác nhau so với mực nước biển, những biến đổi địa hình, loại đất, loại bờ sông và nhánh sông di sót khác nhau để minh họa sự đa dạng và phức tạp của hệ thống.

c) Những địa điểm mô tả ở mục 3 phải bao gồm những thành phần của hệ sinh thái cần thiết cho sự bảo tồn của các loài hay là sự nối tiếp của các quá trình hoặc các thành phần thiên nhiên cần được bảo tồn. Những thành phần này thay đổi tùy theo từng trường hợp. Chẳng hạn, khu vực được bảo vệ của một thác nước phải bao gồm toàn bộ hoặc đại bộ phận lưu vực cung cấp nước cho nó về phía thượng lưu; một địa điểm ám tiêu san hô phải bao gồm một khu vực bảo vệ chống sự bồi lấp hoặc gây ô nhiễm mà các dòng sông hoặc các dòng đại dương có thể gây ra cùng với quá trình cung cấp, dinh dưỡng đến cho ám tiêu san hô.

d) Những địa điểm chứa đựng những loài bị đe dọa như các loài mô tả ở mục 4 phải khá rộng lớn và bao gồm những yếu tố về nơi cư trú cần thiết cho sự sống còn của các loài tồn tại.

c) Trường hợp đối với các loài di cư, những vùng cư trú theo mùa cần thiết cho sự tồn tại của các loài, bất kể chúng ở đâu, phải được bảo vệ thích đáng. Ủy ban di sản thế giới phải được đảm bảo là các biện pháp cần thiết sẽ được thi hành để các loài được bảo vệ thích đáng suốt chu kỳ sống của chúng. Những thỏa thuận về điểm này, thông qua việc tham gia các công ước quốc tế hoặc dưới hình thức những thỏa thuận giữa nhiều bên hay hai bên, sẽ đem lại sự bảo đảm này.

Mỗi địa điểm tự nhiên phải được đánh giá một cách tương đối, nghĩa là phải được so sánh với những địa điểm khác cùng loại, cả trong lẫn ngoài nước hữu quan, thuộc cùng một vùng địa lý sinh vật hay trên cùng một đường di trú.

IV. TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN

IV.1. Quan niệm.

Nhóm tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra, hay nói cách khác, nó là đối tượng và hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho tài nguyên du lịch nhân tạo có những đặc điểm rất khác biệt so với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên.

1. Tài nguyên du lịch nhân tạo có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

2. Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo diễn ra trong thời gian rất ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến du lịch người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân tạo thích hợp nhất đối với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình.

3. Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân tạo thường có văn hóa cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

4. Tài nguyên du lịch nhân tạo thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn. Chúng ta đều biết các thành phố lớn lại là đầu mối giao thông nên rõ ràng việc tiếp cận với nguồn tài nguyên này dễ dàng hơn nhiều. Khi đến thăm nguồn tài nguyên nhân tạo có thể sử dụng cơ sở vật chất của du lịch đã được xây dựng trong các điểm quần cư mà không cần xây thêm cơ sở riêng.

5. Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân tạo là đại bộ phận không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên du lịch nhân tạo ngoài giới hạn các mùa chính do các tài nguyên tự nhiên gây ra và giảm nhẹ tính mùa nói chung của các dòng du lịch. Trong mùa hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ, có những ngày, không thích hợp cho giải trí ngoài trời. Ở những trường hợp như thế, việc đi thăm tài nguyên du lịch nhân tạo là một giải pháp lý tưởng.

6. Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân tạo rất phúc tạp và rất khác nhau. Nó gây nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân tạo. Khác với tài nguyên tự nhiên có một số phương pháp đánh giá định lượng tài nguyên. Tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên nhân tạo chủ yếu dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực cảm. Việc tìm tòi tài nguyên du lịch nhân tạo chịu ảnh hưởng mạnh của các nhân tố như độ tuổi, trình độ văn hóa, hứng thú, nghề nghiệp, thành phần dân tộc, thế giới quan, vốn tri thức v.v... Ví dụ như đối với người có quan tâm đặc biệt tới toàn thế giới thì các kim tự tháp Ai Cập là đối tượng mong muốn đầu tiên; nhưng những người dân địa phương thì lại ưu tiên các đối tượng khác.

7. Tài nguyên du lịch nhân tạo tác động theo từng giai đoạn. Các giai đoạn được phân chia như sau: a) Thông tin, ở giai đoạn này khách du lịch nhận được những tin tức chung nhất, thậm chí có thể nói là mờ nhạt về đối tượng nhân tạo, và thường thông qua thông tin miệng hay các phương tiện thông tin đại chúng; b) Tiếp xúc, là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thường với đối tượng, tuy chỉ là lướt qua nhưng là quan sát bằng mắt thực; c) Nhận thức, trong giai đoạn này khách du lịch làm quen với đối tượng một cách cơ bản hơn, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc lâu hơn; d) Đánh giá nhận xét, ở giai đoạn này, bằng kinh nghiệm sống của bản thân về mặt nhận thức, khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng khác gần với nó. Thường thì việc làm quen với tài nguyên du lịch nhân tạo dừng lại ở hai giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá nhận xét giành cho khách du lịch có trình độ văn hóa nói chung và chuyên môn cao.

IV.2. Các loại tài nguyên nhân văn

1. **Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử - văn hóa** được coi là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du

lịch. Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử, văn hóa gắn liền với môi trường xung quanh... bảo đảm sự sinh động của quá khứ đã nhào nặn nên chúng và bảo đảm cho khung cảnh cuộc sống sự đa dạng của xã hội. Qua các thời đại, những di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử văn hóa đã minh chứng cho những sáng tạo to lớn về văn hóa, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ, khôi phục và tôn tạo những vết tích hoạt động của loài người trong các thời kỳ lịch sử, những thành tựu văn hóa, nghệ thuật... không chỉ là nhiệm vụ lớn của nhân loại trong thời kỳ hiện đại, mà còn giá trị rất lớn với mục đích du lịch.

a. Di sản văn hóa thế giới

Trong thế giới cổ xưa, có bảy kỳ quan vĩ đại do bàn tay con người tạo ra nằm tập trung ở những nơi của nền văn minh nhân loại. Đây là bảy kỳ quan kỳ diệu được khắc mốc ghi tên từ thế kỷ VI sau Công nguyên, như những chứng tích kinh điển. Cụ thể là:

1. Những kim tự tháp cổ Ai Cập.
2. Vườn treo Babilon.
3. Tượng khổng lồ Heliôtx trên đảo Rôt.
4. Lăng mộ vua Môdôn ở Halicacnaso.
5. Đền thờ nữ thần Actêmis ở Ephedo.
6. Tượng thần Dót ở tỉnh Olempia.
7. Ngọn hải đăng cao nhất thế giới và thư viện đầu tiên của loài người ở Alécxandria.

Trong số 7 kỳ quan trên, chỉ có những ngọn tháp khổng lồ ở Ai Cập vẫn giòn nắng gió sa mạc và là kỳ quan cổ đại duy nhất còn sót lại.

Ngày nay, Liên hiệp quốc đã đưa ra Công ước quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên. Trên 100 nước, trong đó có Việt Nam đã tham gia ký công ước này, và trên cơ sở đó đã thành lập Hội đồng di sản thế giới (WHO).

Các di sản của nhân loại ở các nước, muốn được xếp hạng là di sản thế giới phải đáp ứng những tiêu chuẩn nhất định do WHO đưa ra. Hàng năm WHO họp một lần vào tháng 12 để xét duyệt và công nhận di sản.

Đối với các di sản văn hóa có 6 tiêu chuẩn:

1. Là tác phẩm nghệ thuật độc nhất vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.
2. Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, trong một khung cảnh văn hóa nhất định.
3. Chúng có xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.
4. Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho một thể loại xây dựng hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử có ý nghĩa.
5. Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống nói lên được một nền văn hóa đang có nguy cơ bị hủy hoại trước những biến động không cuồng lại được.
6. Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu, về cách tạo lập cũng như về vị trí.

Việc một di sản quốc gia được công nhận, tôn vinh, là di sản thế giới mang lại nhiều ý nghĩa. Tâm vóc giá trị của di sản được nâng cao, đặt nó trong mối quan hệ có tính toàn cầu. Các giá trị văn hóa, thẩm mỹ cũng như các ý nghĩa kinh tế, chính trị, vượt khỏi phạm vi một nước. Khả năng thu hút khách du lịch và phát triển dịch vụ sẽ to lớn hơn nhiều.

Đến hết năm 1994 danh mục di sản thế giới đã ghi đến số 443, trong đó 99 di sản thiên nhiên và 344 di sản văn hóa. Di sản được đánh số đầu tiên là Viện quốc gia Nahanni của Canada, con số cuối cùng 443 là di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long của Việt Nam.

Trên thế giới, khá nhiều quốc gia có số di sản tương đối lớn được thế giới công nhận. Ví dụ như Pháp - có 18 di sản thế giới (tiêu biểu như Cung điện Vecxây, Lâu đài Phông-ten-no-blô, Nhà hát La Mã, Khải hoàn môn, kiến trúc đồi bờ sông Xen ở Pari v.v.), Ấn Độ-18 (Lăng mộ Taj Mahal, các đền thờ Brihadisvara, Komarak...), Trung Quốc - 14 (Cố cung ở Bắc Kinh, Vạn lý trường thành, Lăng Tân Thủy Hoàng, Núi Thái Sơn, Hang đá Đôn Hoàng,...), Tây Ban Nha - 16, Anh - 14, Canada - 10, Nhật Bản - 5,... Việt Nam có 2 di sản thế giới là Huế và Vịnh Hạ Long. Các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng có khá nhiều di sản được thế giới công nhận: Thái Lan - 4, Indônêxia - 4, Malaixia -2, Philíppin - 2, Campuchia - 1 và mới đây Lào - 1 (Kinh đô Luôngprabăng).

b. Các di tích lịch sử - văn hóa

b.1. Quan niệm

Di tích lịch sử - văn hóa là tài sản văn hóa quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử - văn hóa có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

Trên thế giới: những Kim tự tháp ở Ai Cập, đền đài Páctênhông ở Hy Lạp, Chùa Tháp dát vàng, dát bạc ở Ấn Độ, Mianma,

Campuchia (Ăngcovát) và trong nước như thành Cố Loa, đền Hùng, cung điện, lăng tẩm ở cố đô Huế... mãi mãi là những biểu tượng chói ngời trong kho tàng văn hóa dân tộc và nhân loại.

Được gọi chung là *Di tích lịch sử - văn hóa* vì chúng được tạo ra bởi con người (tập thể hoặc cá nhân) trong quá trình hoạt động sáng tạo lịch sử, hoạt động văn hóa. Văn hóa ở đây bao gồm cả văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần.

Mỗi một quốc gia trên thế giới đều có những qui định về di tích lịch sử - văn hóa. Theo quy định trong Hiến chương Vnitido - Italia năm 1964, khái niệm di tích lịch sử - văn hóa bao gồm những công trình xây dựng lè loi, những khu di tích ở đô thị hay ở nông thôn, là bằng chứng của một nền văn minh riêng biệt, của một sự tiến hóa có ý nghĩa hay là một biến cố về lịch sử.

Ở Ai Cập, theo luật số 117 về bảo vệ các cổ vật ban hành ngày 8-6-1983, các di tích lịch sử - văn hóa được gọi là cổ vật bất động sản và động sản. Cụ thể là: "Được coi là cổ vật mọi động sản hoặc bất động sản được làm ra từ các nền văn minh khác nhau, hoặc là một sáng tạo nghệ thuật, khoa học, văn hóa, hoặc tôn giáo của thời đại tiền sử, hoặc các thời kỳ kế tiếp nhau của lịch sử và ngược trở lên một trăm năm, khi tài sản đó có một giá trị quan trọng về khảo cổ học hay lịch sử, là chứng cứ của những nền văn minh khác nhau đã tồn tại trên đất Ai Cập, hoặc đã có với đất nước Ai Cập những quan hệ lịch sử, cũng đều được coi là cổ vật, kể cả các di hài người và động vật cùng niên đại với thời kỳ ấy."

Tại Tây Ban Nha, đạo luật 16 về di sản lịch sử công bố ngày 25-6-1985 qui định di tích lịch sử - văn hóa được gọi là di sản lịch sử. "Di sản lịch sử Tây Ban Nha bao gồm các bất động sản và các động sản có lợi ích nghệ thuật, cổ sinh vật học, khảo cổ học, dân tộc học, khoa học hoặc kỹ thuật. Cũng kể cả di sản tư liệu và thư mục; các lớp mỏ, các khu vực khảo cổ cũng như

các thăng cảnh thiên nhiên; các công viên, các vườn có giá trị nghệ thuật, lịch sử hay nhân chủng học."

Ở Việt Nam, theo Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thăng cảnh công bố ngày 4-4-1984 thì di tích lịch sử - văn hóa được qui định như sau:

"Di tích lịch sử - văn hóa là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa - xã hội".

"Danh lam thăng cảnh là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp, hoặc có công trình xây dựng cổ nổi tiếng".

Từ những qui định về di tích lịch sử - văn hóa ở các nước trên thế giới và ở nước ta. Có thể rút ra những qui định chung một cách khoa học và hệ thống như sau:

- + Di tích lịch sử - văn hóa là những nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa khảo cổ.
- + Những địa điểm, khung cảnh ghi dấu về dân tộc học.
- + Những nơi diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy lịch sử đất nước, lịch sử địa phương phát triển.
- + Những địa điểm ghi dấu chiến công chống xâm lược, áp bức.
- + Những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, khoa học.
- + Những công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị toàn quốc hoặc khu vực....
- + Những danh lam thăng cảnh do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay con người tạo dựng thêm vào, được xếp là một loại trong các loại hình di tích lịch sử - văn hóa.

b.2. Định nghĩa

Di tích lịch sử - văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị diển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

b.3. Phân loại

Di tích lịch sử - văn hóa chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hóa, lượng thông tin riêng biệt khác nhau. Cần phải phân biệt các loại di tích khác nhau để xác định tên gọi đúng với nội dung của nó và khai thác, sử dụng và bảo vệ di tích một cách có hiệu quả.

Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thăng cảnh ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân chia thành:

- + Di tích văn hóa khảo cổ.
- + Di tích lịch sử.
- + Di tích văn hóa nghệ thuật.
- + Các loại danh lam thăng cảnh.

Loại hình di tích văn hóa nghệ thuật ở nhiều nước, người ta thường gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Đến lượt mình loại này lại được chia ra di tích kiến trúc và di tích tác phẩm nghệ thuật (tượng đài...).

1. *Loại hình di tích văn hóa khảo cổ*: là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hóa, thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loại người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đa số các di tích văn hóa khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất (thí dụ các bức chạm khắc trên vách đá...).

Di tích văn hóa khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ, nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

Di chỉ cư trú gồm có di chỉ hang động, di chỉ cư trú có thành lũy (bằng đất hoặc xếp bằng đá), di chỉ cư trú không có thành lũy (gắn với tộc người sinh sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi - ở các bāi, suòn đồi gò, dọc triền sông, bên cạnh những đầm hồ lớn) và di chỉ đống vỏ sò (thường gặp ở các vùng ven biển).

2. *Loại hình di tích lịch sử*

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng, được ghi dấu lại ở những di tích lịch sử. Sự ghi dấu ấy có khác nhau về số lượng, sự phân bố và nội dung giá trị.

Loại hình di tích lịch sử thường bao gồm:

Di tích ghi dấu về dân tộc học: sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.

Di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược (Điện Biên Phủ, Đồng Đa...).

Di tích ghi dấu những kỷ niệm.

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động.

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

Cũng có khi người ta còn phân chia loại hình di tích lịch sử thành các thời kỳ khác nhau: thời kỳ cổ, cận đại và thời kỳ hiện đại.

3. *Loại hình di tích văn hóa nghệ thuật*: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần (Tháp Eppen, Khải Hoàn môn ở Pháp, các ngôi đình làng, văn miếu Quốc Tử Giám, nhà thờ Phát Diệm, tòa thánh Tây Ninh...).

4. Các danh lam thắng cảnh:

Ở mỗi đất nước, cùng với các di tích lịch sử - văn hóa, không nhiều thì ít, còn có những giá trị văn hóa do thiên nhiên ban cho, đó là các danh lam thắng cảnh.

Ở Việt Nam, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa là nơi cảnh đẹp, có chùa nổi tiếng. Phần lớn các danh lam thắng cảnh đều có chùa thờ Phật. Hương Tích - Hà Tây có cả một hệ thống chùa (Long Vân, Thiên Trù, Giải Oan, Tuyết Sơn). Động Tam Thanh - Lạng Sơn có chùa Tiên. Cảnh đẹp Yên Tử cũng gắn với hệ thống chùa...

Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay, khói óc của con người tạo dựng nên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử - văn hóa và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

b.4 Tiêu chuẩn xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa

Công nhận di tích là một hoạt động có tính chất pháp lý và khoa học được thực thi phổ biến ở tất cả các quốc gia trên thế giới.

+ *Ý nghĩa:* Việc xếp hạng các di tích là tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng di tích, tạo quyền bất khả xâm phạm cho các di tích. Trên cơ sở đó có kế hoạch đầu tư, phát huy cao độ những giá trị tốt đẹp trong xã hội hiện đại.

+ Tiêu chuẩn xếp hạng (ở Việt Nam).

- Là những động sản và bất động sản có giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học, nghệ thuật; những công trình mang tính chất sáng tạo trên nhiều lĩnh vực của xã hội từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần.
- Các di tích được xếp hạng phải là chứng tích cho một nền văn minh riêng biệt. Phải là những công trình, vật dụng có giá trị xuất sắc mang tính chất tiêu biểu

hoặc là đỉnh cao của từng mặt sinh hoạt xã hội của một thời đại.

- Những di tích có liên quan đến những sự kiện lịch sử và quá trình phát triển văn hóa xã hội. Là chứng tích những mốc lịch sử, chiến công hiển hách, những thành tích lớn có tác dụng thúc đẩy lịch sử, chuyển biến một giai đoạn lịch sử, cách mạng hay sự chuyển biến lớn hình thái xã hội.
- Các danh lam thắng cảnh phải có giá trị nổi tiếng.

+ *Cấp xét duyệt và xếp hạng*

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương chịu trách nhiệm tổ chức việc đăng ký các di tích thuộc địa phương mình và lập hồ sơ đề nghị công nhận.

Căn cứ vào đề nghị của các địa phương, Bộ trưởng Bộ Văn hóa ra quyết định công nhận Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (kể cả việc xóa tên một di tích lịch sử - văn hóa hoặc danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng).

b.5. Các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng ở Việt Nam

+ Trước đây, các triều đại phong kiến Việt Nam cũng từng cấp sắc phong cho các vị thần thành hoàng làng.

Theo thư tịch cổ, thời Lê có khoảng 2511 vị thần có sắc phong, có nghĩa là 2511 thiết chế tôn giáo đã được đặt dưới sự bảo hộ của nhà nước. Các thiết chế đó được phân loại: Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần, Hạ đẳng thần và Đại danh lam, Trung danh lam và Tiểu danh lam.

+ Thời Pháp, toàn quyền Đông Dương cũng đã ký quyết định liệt hạng 404 di tích của Việt Nam (tính đến 1930).

+ Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, việc công nhận di tích đã trở thành nhu cầu của đông đảo quần chúng.

Từ năm 1962 đến 1988 cả nước có 357 di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin ra quyết định chính thức công nhận. Đến tháng 10/1993, con số này lên tới 1320, trong đó chia ra:

- Di tích khảo cổ: 14.
- Di tích lịch sử: 687, trong đó có 199 di tích giai đoạn cách mạng và kháng chiến. Bao gồm 30 di tích lưu niệm danh nhân, 116 di tích ghi dấu các sự kiện lịch sử và chính trị, 22 di tích ghi dấu các sự kiện quân sự, 10 di tích nhà tù, 5 di tích địa đạo và 16 di tích căn cứ địa cách mạng - kháng chiến.
- Di tích kiến trúc nghệ thuật: 572, bao gồm 4 cổ đô cổ, 10 thành cổ, 14 cụm tháp, 332 đình, 210 chùa, 2 khu phố cổ.
- Danh lam thắng cảnh: 47.

Từ tháng 10-1993 đến tháng 9-1994 Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận thêm 255 di tích, đưa tổng số di tích được công nhận lên 1575. Trong đó tập trung nhiều nhất ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Trung du phía Bắc (1223 di tích các loại, chiếm 78% tổng số di tích được xếp hạng trong cả nước).

Các tỉnh, thành phố có số di tích được xếp hạng nhiều nhất là Hà Nội, Hà Tây, Hà Bắc, Hải Hưng, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Hà, Nghệ An, Vĩnh Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu...

Để đánh giá ý nghĩa của các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ mục đích du lịch, cần chú ý một số các chỉ tiêu thể hiện số lượng và chất lượng di tích.

+ *Mật độ di tích* phản ánh số lượng di tích các loại trên một đơn vị diện tích và được coi là chỉ tiêu quan trọng nhất về mặt số lượng. Nhìn chung, mật độ di tích của lãnh thổ càng cao thì lãnh thổ đó càng có điều kiện để phát triển du lịch. Tất nhiên chỉ tiêu này chỉ mang ý nghĩa tương đối, bởi vì mật độ di tích trên một lãnh thổ nào đó có thể cao, nhưng chất lượng di tích không đảm bảo (hoặc ít giá trị, hoặc bị xuống cấp) thì việc sử

dụng chúng với mục đích du lịch cũng bị hạn chế. Hơn nữa, mật độ di tích là một đại lượng trung bình, chưa phản ánh hết được sự phân bố của các di tích, nhất là trên một lãnh thổ lớn. Mật độ di tích không giống nhau giữa các lãnh thổ.

+ *Số lượng di tích* là một chỉ tiêu thể hiện số lượng (tuyệt đối) di tích có trên một lãnh thổ. So với chỉ tiêu mật độ di tích, chỉ tiêu số lượng di tích chỉ cho chúng ta khái niệm "nhiều" hay "ít" một cách tương đối. Trong một lãnh thổ, số di tích có thể nhiều nhưng chúng phân bố quá rải rác thì ý nghĩa cũng ít nhiều bị hạn chế. Ngược lại, số di tích tuy tương đối ít, song phân bố tập trung hơn thì giá trị của chúng đối với du lịch lại lớn hơn.

+ *Số di tích được xếp hạng* là một chỉ tiêu quan trọng thể hiện chất lượng của các di tích. Nó có giá trị hơn so với các chỉ tiêu số lượng. Việc tổ chức và phát triển du lịch, trong chừng mức lớn, phụ thuộc vào mặt chất lượng của di tích.

+ *Số di tích đặc biệt quan trọng* cũng phản ánh chất lượng của di tích bởi vì trên thực tế số di tích này không nhiều và không phải ở lãnh thổ nào cũng có.

- Các di tích lịch sử - văn hóa còn có thể được phân theo cách khác như: Những di tích lịch sử đặc biệt gắn với nền văn hóa chung của loài người. Những di tích này đánh thức những hứng thú chung và thu hút khách du lịch với nhiều mục đích du lịch khác nhau. Không phải ngẫu nhiên mà các nước như Ai Cập, Hy Lạp, Ấn Độ, Trung Quốc, Mêhicô, Italia... với những công trình có lịch sử nổi tiếng từ thời cổ đại lại thu hút số lượng lớn khách du lịch quốc tế.

Những di tích có giá trị lịch sử đặc biệt, loại này không nhiều lắm và thường chỉ được các chuyên gia cùng lĩnh vực quan tâm.

Các bảo tàng là nơi bảo tồn tài sản văn hóa dân tộc, truyền thụ tri thức, chấn hưng tinh hoa truyền thống... Cùng với việc bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, việc xây dựng các bảo tàng

luôn luôn được đặt trong quốc sách về kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Chính các bảo tàng cũng là nơi thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước. Bảo tàng Hoàng Gia (Anh), Bảo tàng Luvoro (Pháp), Bảo tàng Nhiệt đới (Hà Lan), Bảo tàng Oasinhton (Mỹ), Bảo tàng Egiomitát (LB Nga), Bảo tàng mỹ thuật Vacsava (Ba Lan), Bảo tàng Cố cung (Trung Quốc)... với khối lượng khổng lồ những hiện vật lịch sử, những tác phẩm nghệ thuật thể hiện sự sáng tạo, tài năng và trí tuệ bất tận của con người lúc nào cũng đón tiếp với số lượng lớn khách du lịch.

2. Các lễ hội

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, vào bất cứ mùa nào cũng có những ngày lễ hội. Lễ hội đã tạo nên "tấm thảm muôn màu. Mọi sự ở đó đều đan quyền vào nhau, thiêng liêng và tràn tục, nghi lễ và hồn hậu, truyền thống và phóng khoáng, của cải và khốn khổ, cô đơn và kết đoàn, trí tuệ và bản năng" (tạp chí Người đưa tin UNESCO, 12-1989).

Các lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu, giúp cho người tham dự có điều kiện tiếp xúc với bí ẩn của nguồn khởi mội sinh vật sống. Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho con người hành hương về với cội rễ, bản thể của mình. Trong kho báu các di sản của quá khứ để lại cho hôm nay, các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Và vì thế các lễ hội dân tộc lành mạnh không bị mất đi, mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả về hình thức lẫn nội dung. Các lễ hội có sức hấp dẫn du khách không kém gì các di tích lịch sử - văn hóa.

a. Quan niệm

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: nguồng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

b. Nội dung lễ hội

Lễ hội gồm 2 phần: phần nghi lễ và phần hội

- *Phần nghi lễ*: các lễ hội, dù lớn hay nhỏ, đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian.

Phần nghi lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng dân tộc lỗi lạc có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển xã hội.

Nghi thức tế lễ nhằm bày tỏ lòng tôn kính với các bậc thánh hiền và thần linh, cầu mong được thiên thời, địa lợi, nhân hòa và sự phồn vinh hạnh phúc.

Nghi lễ tạo thành nền móng vững chắc, tạo một yếu tố văn hóa thiêng liêng, một giá trị thẩm mỹ đối với toàn thể cộng đồng người đi hội trước khi chuyển sang phần xem hội.

- *Phần hội* diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hóa dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên. Trong hội, thường có những trò vui, những đêm thi nghề, thi hát, tượng trưng cho sự nhớ ơn và ghi công của người xưa. Tất cả những gì tiêu biểu cho một vùng đất, một làng xã được mang ra phô diễn, mang lại niềm vui cho mọi người. Các chàng trai, cô gái đi hội là cái cớ để gặp nhau, tìm nhau. Phần hội thường gắn liền với tình yêu, giao duyên nam nữ nên có phong vị tình.

Hội làng người Việt ở đồng bằng sông Hồng là loại lễ hội truyền thống rất tiêu biểu cho xã hội nông thôn Việt Nam và truyền thống của người Việt Nam. Tại lễ hội này người ta thường diễn lại những sinh hoạt thường niên do nhu cầu tồn tại và phát triển cộng đồng, mặt khác cũng là cân bằng sinh thái và tâm lý của người lao động nông nghiệp.

Mặc dù có mô hình khác nhau (có hội làng, hội vùng và hội cả nước), nhưng đều phải có một làng làm gốc, đăng cai. Hội làng là lễ hội tổ chức theo đơn vị làng. Làng là tổ chức thuần

Việt và là cơ cấu gốc của xã hội cổ truyền. Bản sắc dân tộc ở từng làng quy tụ thành bản sắc dân tộc Việt Nam chung. Nước là sức mạnh tổng thể của làng, cũng như làng là gốc của nước.

Từ rất lâu, những ngôi đình đã dựng mốc cho chuẩn mực văn hóa và định hình cho đời sống tâm linh và đạo đức cho từng thành viên trong làng. Mỗi làng đều có đình thờ Thành Hoàng. Thành Hoàng là một ông tổ của một nghề truyền thống nào đó, ngày xưa mang nghề nghiệp về, mang sự no ấm cho dân. Cũng có thể là những anh hùng dân tộc có công đánh giặc giữ nước, là người làng xuất thân hoặc là người của nơi khác nhưng khi hóa thân ở làng, hoặc có công lao với làng, được dân tôn thờ làm Thành Hoàng. Những ngày mất, ngày sinh của Ngài trở thành ngày hội để dân làng nhớ ơn, đến nơi đình làng bái vọng, chiêm ngưỡng tưởng niệm, tạ ơn công đức. Đình làng là nơi hàng năm diễn ra lễ thần và hội làng - gọi chung là lễ hội.

c. Thời gian lễ hội

Lễ hội xuất hiện vào thời điểm linh thiêng của sự chuyển tiếp giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc một chu kỳ lao động, chuẩn bị bước sang một chu kỳ mới.

Lễ hội tập trung nhất vào mùa xuân, ngoài ra còn có Hội thu.

d. Bản sắc của lễ hội Việt Nam

Lễ hội Việt Nam, mà tiêu biểu là lễ hội vùng đồng bằng sông Hồng, mang bản sắc chung của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Lễ hội liên quan mật thiết đến nghi lễ nông nghiệp. Thể hiện ở:

+ *Thời gian*: theo lịch nông, theo chu kỳ cây lúa, chu kỳ mùa màng.

Người nông dân làm ruộng theo tiết, nghỉ ngơi và thực hành lễ hội theo tết, tất cả theo chu kỳ năm, tháng âm lịch (lịch mặt trăng).

+ *Nội dung*: đối tượng thờ cúng của lễ hội trước hết là thờ cúng tổ tiên, mang bản chất của tâm thức tiểu nông, cha truyền con nối giữ nếp nhà, nghiệp ruộng vườn. Sau đó là thờ cúng các vị thần Đất, thần Nước, thần Nông... chuyển hóa Thần làng thành Thần Hoàng. Đó chính là vị thần bảo hộ của cả làng, bảo hộ sự an lạc của dân định cư làm ruộng nước.

Những nội dung của phần lễ hội ngoài tính chất đua tài, thể thao, văn nghệ, tiếp xúc nam nữ... còn mang tính chất phồn thực. Trò bơi trǎi (thí dụ ở Hội Đàm - Hà Tây) không phải chỉ là cuộc đua thuyền để thi thố tài năng, sức khỏe trên sông nước, mà xuất xứ của nó từ lâu được các nhà dân tộc học xác nhận là lễ thúc cầu mưa.

Trò chơi kéo co hay đánh đu không đơn giản chỉ là cuộc thi sức khỏe mà còn là một nghi thức thể hiện sự giằng co giữa hai mùa mưa và nắng (kéo co) hay biểu hiện sự chu chuyển của 4 mùa trong một nhịp điệu tuần hoàn liên tục...

e. Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý những đặc điểm sau:

- Tính thời gian của lễ hội: Các lễ hội không phải diễn ra quanh năm mà chỉ tập trung trong thời gian ngắn. Các lễ hội nhìn chung thường diễn ra vào mùa xuân. Có lẽ ở thời điểm bắt đầu mỗi năm mới, con người càng có nhu cầu thông qua các lễ hội dân tộc để nạp lại năng lượng sống bẩn nǎng nhằm tiếp tục "chiến đấu với đời." Không chỉ riêng đối với người Việt Nam, "tháng giêng là tháng ăn chơi", nội môt cái tháng giêng đã có tới 91 lễ hội diễn ra trên phạm vi cả nước. Người Nga có "Maxlenisa", người Braxin có "Cacnavan", người Lào có Bumpimay, người Campuchia có Chon chnam thơ may (lễ hội té nước...).

Có lễ hội được tiến hành trong khoảng một hai tháng, nhưng cũng có lễ hội chỉ diễn ra trong một vài ngày. Trong thời gian lễ hội, khách du lịch (trong nước, quốc tế) tới rất đông (với nhiều

mục đích khác nhau, trong đó có cả mục đích du lịch). Sau khi hội tan rã như không còn du khách nữa.

- Qui mô của lễ hội: Các lễ hội có qui mô lớn, nhỏ khác nhau. Có lễ hội diễn ra trên địa bàn rộng và có lễ hội chỉ bó gọn trong một địa phương nhỏ hẹp. Điều này rõ ràng ảnh hưởng đến hoạt động du lịch và nhất là khả năng thu hút du khách.

- Các lễ hội thường được tổ chức tại những di tích lịch sử - văn hóa. Điều đó cho phép khai thác tốt hơn cả di tích lẫn lễ hội vào mục đích du lịch. Di tích và lễ hội là hai loại hình hoạt động văn hóa sống đôi và đan xen ở nước ta. Lễ hội gắn với di tích. Lễ hội không tách rời di tích. Có thể nói di tích là dấu hiệu truyền thống được đọng lại, kết tinh lại ở dạng cứng, còn lễ hội là cái hồn và nó chuyển tải truyền thống đến cuộc đời ở dạng mềm, phần mềm.

Trên thế giới, lễ hội có những nguồn gốc và hình thức vô cùng đa dạng. Chính sự đa dạng này thể hiện vai trò trọng yếu của hội hè nói chung trong đời sống cộng đồng. Có thể phân biệt một số hình thức lễ hội chính sau đây:

+ Lễ mừng sự kiện của đời sống như sinh nở, khai tâm, cưới xin, ma chay. Đó là những hành động tập thể qua đó một xã hội đáp ứng những trói buộc không thể vượt qua được của tự nhiên - nhu cầu sinh lý, chết. Nhiều khách du lịch nước ngoài rất ưa thích đến với lễ hội này ở các quốc gia khác nhau.

+ Lễ hội "phục hồi" vì chúng làm sống lại một cách ngoạn mục ký ức về một quá khứ hay một nền văn hóa đã tiêu vong. Thí dụ như hội Diablada ở Bolivia, trong đó những người da đỏ, thợ mỏ hay thợ thủ công, phục sức thành những nhân vật của đế quốc Inca thời thượng cổ và đương đầu với một ông thánh Georges chiến thắng oanh liệt trong một trận giao tranh tượng trưng. Hay hội mừng ở bãi biển Yemanja ở Braxin là một ảo ảnh diễn lại bằng điệu bộ và nhảy múa về một châu Phi xa xưa mà

biển là nơi chốn và biểu tượng. Hay nghi lễ ở hoàng cung của Trung Quốc.

+ Hội có nghi lễ mô phỏng một cuộc tế lễ, nó mang một khía cạnh sân khấu và có một vẻ đẹp trang nghiêm, chẳng hạn như những lễ mừng... bắt nguồn từ đạo Phật ở châu Á, trong đó có Việt Nam, những lễ hội huyền bí của Thiên Chúa giáo La Mã ở Italia hay Tây Ban Nha...

+ Lễ hội kỷ niệm mà tất cả các chế độ, các quốc gia đều tổ chức một cách trang nghiêm, long trọng để nhắc nhở bằng biểu tượng thích hợp một công ước hay khế ước, giữa một dân tộc, hoặc một sự kiện khai sinh ra nhà nước hiện tại. Những lễ hội này được sắp đặt và mang tính giáo dục. Thí dụ ngày Quốc khánh, ngày Quốc tế lao động 1-5...

Khách du lịch thường có nhu cầu tham dự các lễ hội này. Họ thường cảm thấy một sự hòa đồng mãnh liệt, say mê nhập cuộc. Những hội hè như vậy gắn chặt vào kết cấu của đời sống khu vực hay quốc gia và chính tại đây tình cảm cộng đồng, sự hiểu biết về dân tộc được bộc lộ mạnh mẽ.

3. Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với khách du lịch. Như tạp chí Người đưa tin UNESCO đã viết: "Cuộc phiêu lưu giờ đây không còn chân trời địa lý, không còn những lục địa trinh bạch, không còn những đại dương chưa ai biết tới, không còn những hòn đảo bí ẩn. Vậy mà, về nhiều mặt, các dân tộc vẫn còn xa lạ với nhau và những phong tục, những niềm hy vọng ẩn giấu, những xác tin sâu kín của mỗi dân tộc vẫn tiếp tục là những thứ mà các dân tộc khác chẳng mấy biết đến..." (12 - 1989). Các nhà du lịch thời nay bị cuốn hút bởi tiếng gọi của những con đường không gian và của những con người. Họ mong

muốn thực sự được gặp gỡ những kẻ khác trong các chuyến viễn du của họ để quan sát, để đối thoại, để "hấp thu các nguồn dinh dưỡng của các nền văn hóa khác" và "nuôi dưỡng lại các nền văn hóa ấy", đồng thời cũng là để "không ngừng tìm kiếm bản sắc dân tộc mình".

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong qui hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc...

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều thể hiện những sắc thái riêng biệt của mình để thu hút khách du lịch. Người Tây Ban Nha ở vùng biển Địa Trung Hải với nền văn hóa Phlamancô và truyền thống đấu bò là đối tượng hấp dẫn khách du lịch nghỉ hè ở châu Âu. Đất nước Pháp, Italia, Hy Lạp... là những cái nôi của văn minh châu Âu. Kho tàng văn hóa, sinh hoạt văn hóa đặc thù là điều kiện thuận lợi cho công nghiệp du lịch phát triển.

Việt Nam với 54 dân tộc còn giữ gìn nguyên vẹn những phong tục tập quán, hoạt động văn hóa - văn nghệ đặc sắc, nhiều kỹ năng độc đáo. Ở Việt Nam còn có hàng trăm làng nghề truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng mang tính nghệ thuật cao, đặc biệt các nghề chạm khắc, đúc đồng, dệt tơ lụa, sơn mài, gốm sành sứ... Các món ăn dân tộc độc đáo với nghệ thuật chế biến và nấu nướng cao.

Nước ta còn có một nền kiến trúc có giá trị và được bố cục theo thuyết phong thủy của triết học phuông Đông, nhiều kiến trúc tôn giáo (kể cả kiến trúc Chăm) có giá trị hấp dẫn khách du lịch.

4. Các đối tượng văn hóa, thể thao và hoạt động nhận thức khác

Các đối tượng văn hóa cũng thu hút khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các

thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, biểu diễn balê, các cuộc thi hoa hậu, thi giọng hát hay...

Các đối tượng văn hóa thường tập trung ở các thủ đô và thành phố lớn, như Luân Đôn, Pari, Matxcova, Viên, Roma, Bruxelles... Thành phố Can (Pháp) hàng năm có tổ chức liên quan phim quốc tế và thu hút khá đông khách du lịch quốc tế. Xanh Petersburg (LB Nga) nổi tiếng bởi nhiều tượng đài gắn với tên tuổi của vua Pie đại đế, với Ecgiomitat... Các đối tượng văn hóa - thể thao thu hút khổng lồ chỉ khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu, mà còn thu hút đa số khách đi du lịch với các mục đích khác, ở các lĩnh vực khác và từ nơi khác đến. Tất cả các khách du lịch có trình độ văn hóa trung bình trở lên đều có thể thưởng thức các giá trị văn hóa của đất nước mà họ đến thăm. Do vậy tất cả các thành phố có các đối tượng văn hóa hoặc tổ chức những hoạt động văn hóa - thể thao đều được nhiều khách tới thăm và đều trở thành những trung tâm du lịch văn hóa.

Các thành tựu kinh tế của đất nước hoặc vùng cũng có sức hấp dẫn đặc biệt đối với phần lớn khách du lịch. Để tuyên truyền cho những thành tựu kinh tế của đất nước hay vùng, nhiều cuộc trưng bày, triển lãm, hội chợ... thường được tổ chức. Tại đây những kết quả của công cuộc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thông tin, y học... sẽ được thông báo. Rất nhiều thành phố đã trở thành trung tâm cho những hoạt động triển lãm thành tựu kinh tế, khoa học - kỹ thuật và hội chợ như Lepzich (CHLB Đức), Poznan (Ba Lan), Viên (Áo), Bruxelles (Bỉ), Plostdip (Hungary), Cairô (Ai Cập), Matxcova (LB Nga), Xanh Petersburg (LB Nga). Các cuộc triển lãm, hội chợ này thu hút nhiều đối tượng khác nhau. Đó là những người tham dự triển lãm, đến trao đổi kinh nghiệm sản xuất, tuyên truyền cho các sản phẩm đem trưng bày. Một số người khác là các thương nhân, họ tìm đến triển lãm để thiết lập quan hệ với các hàng, các công ty, tổ chức nước ngoài, để ký hợp đồng

mua bán các sản phẩm đem triển lãm. Ngoài ra là các khách tham quan bình thường. Đây là số đông nhất với nhiều mối quan tâm khác nhau. Phần đông trong số họ đến triển lãm là do tò mò, một số khác là các chuyên gia, nhà văn, nhà báo...

5. Bảo vệ tài nguyên du lịch nhân tạo

Các đối tượng du lịch do con người tạo ra bị phá hủy chậm hơn so với tài nguyên tự nhiên, chẳng hạn như thực vật, nguồn nước. Khác với tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn không có khả năng tự phục hồi. Ngày nay, những tổn thất có thể được loại trừ nhờ các giải pháp công trình - công nghệ và phục chế. Song do sự phát triển rộng rãi của du lịch đã dẫn đến sự phá hủy hoàn toàn hay từng phần những giá trị du lịch của nhiều tài nguyên nhân văn. Để tránh những hậu quả xấu do sử dụng không hợp lý, do lượng khách đến thăm quá tải, do ô nhiễm cơ học và hóa học... cần có những quy định cụ thể nội quy tham quan các đối tượng này, có những biện pháp qui hoạch lãnh thổ ở các địa phương có một hay một nhóm đối tượng văn hóa - lịch sử, bảo vệ các tài nguyên này không bị thất thoát, xuống cấp...

B. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Dân cư và lao động

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Cùng với hoạt động lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch. Số lượng người lao động và học sinh tăng lên sẽ tham gia vào các loại hình du lịch khác nhau. Số lượng người lao động trong hoạt động sản xuất và dịch vụ ngày càng đông gắn liền trực tiếp với kinh tế du lịch. Việc nắm vững số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu, cấu trúc, sự phân bố và mật độ dân cư có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển du lịch. Nhu cầu du lịch của con người tùy thuộc vào đặc điểm xã hội, nhân khẩu của dân cư.

Cần phải nghiên cứu, phân tích kết cấu dân cư theo nghề nghiệp, lứa tuổi để xác định nhu cầu nghỉ ngơi du lịch, vì đây là nhân tố có tác dụng thúc đẩy du lịch phát triển.

Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự tăng dân số, tăng mật độ, độ dài của tuổi thọ, sự phát triển đô thị hóa... liên quan mật thiết với sự phát triển du lịch.

2. Sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Không thể nói tới nhu cầu hoặc hoạt động du lịch của xã hội nếu như lực lượng sản xuất xã hội còn ở trong tình trạng thấp kém.

Vai trò to lớn của nhân tố này được thể hiện ở nhiều khía cạnh quan trọng. Sự phát triển của nền sản xuất xã hội để ra nhu cầu nghỉ ngơi du lịch. Các nhà kinh điển đã chỉ ra rằng sự xuất hiện và mở rộng những nhu cầu khác nhau (tất nhiên trong đó có nhu cầu nghỉ ngơi du lịch) là kết quả của sự phát triển nền sản xuất. Các nhu cầu thường này sinh trực tiếp từ sản xuất. Nền sản xuất xã hội càng phát triển, thị trường nhu cầu của nhân dân càng lớn, chất lượng càng cao.

Ở các nước có nền kinh tế chậm phát triển, nhìn chung nhu cầu nghỉ ngơi du lịch còn hạn chế. Ngược lại, nhu cầu nghỉ ngơi du lịch ở các nước kinh tế phát triển rất đa dạng. Bên cạnh nhu cầu giải trí cuối tuần, hàng năm nhân dân còn đòi hỏi những đợt nghỉ dài ngày ở vùng biển (vào mùa hè), trên núi (vào mùa đông), trong nước hoặc ở nước ngoài. Rõ ràng những nhu cầu này phải dựa trên cơ sở vững chắc của nền sản xuất xã hội.

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tác dụng trước hết làm ra đòi hỏi hoạt động du lịch, rồi sau đó đẩy nó phát triển với tốc độ nhanh hơn. Giữa nhu cầu và hiện thực tồn tại một khoảng cách nhất định. Khoảng cách ấy phụ thuộc rất nhiều vào

trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội: trình độ càng cao khoảng cách càng rút ngắn. Sự phát triển của du lịch cũng bị chi phối bởi nền sản xuất xã hội. Để giải quyết nhu cầu ăn ở, đi lại, nghỉ ngơi du lịch của con người, tất yếu phải có, thí dụ, cơ cấu hạ tầng tương ứng. Những cái thiết yếu nhất đối với khách du lịch như mạng lưới đường sá, phương tiện giao thông, khách sạn, nhà hàng... khó có thể trông cậy vào một nền kinh tế ốm yếu.

Nền sản xuất xã hội phát triển tạo điều kiện ra đời của nhiều nhân tố khác nhau như nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, mức sống, mức thu nhập, thời gian rỗi rãai.

Trong nền sản xuất xã hội nói chung, hoạt động của một số ngành như công nghiệp, nông nghiệp và cả giao thông có ý nghĩa quan trọng để phát triển du lịch.

- *Công nghiệp* cùng với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật tạo nên những tiền đề nâng cao thu nhập của người lao động, đồng thời tăng thêm khả năng đi du lịch. Công nghiệp phát triển cao, sản xuất ra những vật liệu đa dạng để xây dựng các công trình du lịch và hàng tiêu dùng cho khách du lịch. Sự tập trung dân cư trong các trung tâm công nghiệp lớn, bầu không khí bị các xí nghiệp công nghiệp làm bẩn, tình trạng cảng thẳng và tiếng ồn làm tăng thêm bệnh tật khiến cho con người phải tìm chỗ nghỉ và hồi phục sức khỏe ngoài nơi sinh sống. Công nghiệp phát triển là sức hút đón đáo khách du lịch trong và ngoài nước.

- *Nông nghiệp* có ý nghĩa rất lớn vì du lịch không thể phát triển được nếu như không bảo đảm việc ăn uống cho khách du lịch. Nhiều du khách đi tham quan các nước khác vì nguồn hoa quả và rau xanh có thể tìm được ở đó. Sự có mặt của nguồn hoa quả, rau xanh, ... mở ra khả năng phát triển ngành hoa quả chữa bệnh.

- *Mạng lưới giao thông* cũng là một trong những tiền đề kinh tế quan trọng nhất để phát triển du lịch. Nhờ mạng lưới giao thông hoàn thiện mà du lịch phát triển với tốc độ nhanh.

Hoa bình, trình độ vật chất văn hóa và thời gian tự do tạo điều kiện phát triển du lịch, nhưng chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng, du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến. Ngày nay, con người có thể di chuyển một cách nhanh chóng, thuận tiện bằng phương tiện giao thông hiện đại: tàu hỏa cao tốc với tốc độ trên 200 km/giờ, tàu chạy trên đệm từ, máy bay phản lực hiện đại tốc độ trên 2000 km/giờ...

Điều đó làm giảm thời gian đi lại, tăng thời gian nghỉ ngơi và du lịch. Sản xuất ô tô tăng nhanh cũng có ý nghĩa lớn đối với du lịch. Hàng năm số lượng xe du lịch tăng lên. Hiện nay 3/4 khách du lịch châu Âu đi lại bằng ôtô riêng.

Cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật là nhân tố trực tiếp làm nảy sinh nhu cầu và hoạt động du lịch. Trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật, hoạt động sản xuất của con người được thay đổi tận gốc. Lao động chân tay giảm xuống với tốc độ nhanh chóng, cường độ và sự căng thẳng trong lao động lại tăng lên với tốc độ tương ứng. Điều đó đòi hỏi phải được phục hồi sức lực sau những ngày làm việc căng thẳng thông qua con đường du lịch nghỉ ngơi. "Công nghiệp du lịch" chắc chắn không phát triển mạnh được nếu thiếu sự hỗ trợ của cách mạng khoa học kỹ thuật và quá trình công nghiệp hóa. Cuộc cách mạng này đã khuấy động mọi ngành sản xuất, đem lại năng suất lao động và hiệu quả cao. Đó là tiền đề nâng cao thu nhập của người lao động, tăng thêm khả năng thực tế tham gia hoạt động nghỉ ngơi du lịch, hoàn thiện cơ cấu hạ tầng và tạo cho du lịch có bước phát triển mới vững chắc hơn.

3. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch và sự thay đổi của nó theo thời gian và không gian trở thành một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình ra đời và phát triển du lịch. Sự hoạt động mang tính chất xã hội của cá nhân trong thời gian rỗi được quyết

định bởi nhu cầu và những định hướng có giá trị. Nhu cầu nghỉ ngơi là hình thức thể hiện và giải quyết mâu thuẫn giữa chủ thể với môi trường bên ngoài, giữa điều kiện sống hiện có với điều kiện sống cần có thông qua các dạng nghỉ ngơi khác nhau.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch có tính chất kinh tế - xã hội là sản phẩm của sự phát triển xã hội. Nó được hình thành trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội dưới tác động của các yếu tố khách quan thuộc môi trường bên ngoài và phụ thuộc trước hết vào phương thức sản xuất. Cụ thể hơn, đó là nhu cầu của con người về khôi phục sức khỏe và khả năng lao động, thể chất và tinh thần bị hao phí trong quá trình sinh sống.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch là một hệ thống và được thể hiện ở 3 mức độ: xã hội - nhóm người - cá nhân.

Trong các mức kể trên, quan trọng hàng đầu là nhu cầu nghỉ ngơi phát triển xã hội. Nó được xác định như nhu cầu của xã hội về phục hồi sức khỏe và khả năng lao động, về sự phát triển toàn diện thể chất và tinh thần cho mỗi thành viên trong xã hội. Nhu cầu này quyết định cấu trúc của ngành du lịch và được phản ánh qua các hình thức tổ chức lãnh thổ của nó.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch theo nhóm thể hiện nhu cầu của một nhóm dân cư phân theo nghề nghiệp, lứa tuổi... Trong thời gian gần đây, du lịch thanh niên với nhu cầu rất đa dạng đang phát triển mạnh mẽ. Có thể coi đó là nhu cầu của một nhóm xã hội.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch cá nhân bao gồm những đòi hỏi của cá nhân về hoạt động nghỉ ngơi du lịch nhằm góp phần tăng sức khỏe, giảm mệt mỏi, mở rộng khả năng lao động, tầm hiểu biết... cho bản thân.

Nhu cầu của xã hội, nhóm người và cá nhân không phải tách rời nhau, mà có mối liên hệ qua lại biện chứng. Trong các mối liên hệ ấy, nhu cầu của cá nhân có tác động đến cơ cấu nhu cầu của nhóm người và xã hội. Thông qua việc thỏa mãn nhu cầu

của nhóm người có nghĩa là nhu cầu của xã hội đã được thực hiện.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch đặc trưng cho mọi giai đoạn phát triển của xã hội. Nó ra đời ở một trình độ nhất định của sự phát triển lực lượng sản xuất, là kết quả tác động tổng hợp của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, tăng mật độ và sự tập trung dân cư vào các thành phố, kéo dài tuổi thọ... Song chỉ trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật, nhu cầu mới trở thành hiện thực trên quy mô xã hội. Điều đó được giải thích ở chỗ, giống như bất kỳ hiện tượng xã hội nào, nhu cầu là sự phản ánh chủ quan của các điều kiện khách quan tồn tại con người.

4. Cách mạng khoa học kỹ thuật

Các mạng khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa và tự động hóa quá trình sản xuất liên quan chặt chẽ với nhau. Chúng là những nhân tố trực tiếp làm nảy sinh nhu cầu du lịch và hoạt động du lịch.

Trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật, hoạt động sản xuất của con người được thay đổi tận gốc. Nhờ cơ khí hóa, nhất là tự động hóa sản xuất, lao động chân tay giảm xuống đáng kể. Theo tính toán của viện sĩ A.I. Bégo, vào giữa thế kỷ trước trong tổng số năng lượng dùng để sản xuất và tiêu dùng trên trái đất, phần của máy hơi nước và các phương tiện cơ giới khác chỉ chiếm 4%. Số còn lại (96%) thuộc về sức cơ bắp của con người. Cho đến nay, năng lượng do cơ bắp sản ra giảm xuống chỉ còn không vượt quá 1% cán cân năng lượng của thế giới.

Mặt khác, lao động của con người bằng các công cụ sản xuất hiện đại lại có những đặc điểm riêng. Mặc dù lao động chân tay giảm xuống với tốc độ nhanh chóng, nhưng cường độ và sự căng thẳng trong lao động lại tăng lên với tốc độ tương ứng. Điều đó đòi hỏi phải được phục hồi sức lực sau những ngày làm việc căng thẳng thông qua con đường nghỉ ngơi du lịch.

Một mâu thuẫn đầy lý thú xuất hiện dưới tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật, đặc biệt ở các nước kinh tế phát

triển. Nó thể hiện sự mất cân đối giữa chế độ ăn uống và chế độ làm việc; nghĩa là lượng calo của mỗi người ở đầu vào (ăn uống) vượt quá đầu ra (chi phí cho lao động).

Báo cáo của Hội y học Hoàng gia Anh, cho thấy rằng, hiện nay 30% dân Anh ở trong tình trạng béo phì. Các nhà khoa học Hoa Kỳ dẫn ra một số liệu lý thú. Năm 1975 tổng trọng lượng thừa quá mức cần thiết của 146,8 triệu người Mỹ từ 18 đến 79 tuổi lên tới hơn một tỷ kg. Đây là một trong những nguyên nhân phổ biến hàng loạt bệnh tật. Thí dụ, số người chết vì bệnh tim mạch trong độ tuổi 40 - 50 ở những người quá béo gấp 2 lần những người có trọng lượng bình thường. Năng lượng cung cấp cho khẩu phần ăn uống hàng ngày của con người mà chi phí của nó trong một ngày đêm không vượt quá 2800 kcal đã tăng 4000 - 6000, thậm chí tới 10000 - 11000 ở các nước công nghiệp phát triển. Nói chung, trên thế giới các nhân tố không thuận lợi gây ra do hậu quả của cách mạng khoa học kỹ thuật và thói quen của "xã hội tiêu thụ" (ruou, thuốc lá...) chiếm khoảng 1/5 tổng số các nguyên nhân làm giảm tuổi thọ của con người. Những nhân tố trên đẩy hoạt động nghỉ ngơi du lịch lên thành điều kiện cần thiết cho cuộc sống con người.

Dưới một góc độ khác, cách mạng khoa học kỹ thuật đồng thời là nhân tố đẩy mạnh sự phát triển của du lịch. "Công nghiệp du lịch" chắc chắn không phát triển mạnh được nếu thiếu sự hỗ trợ của cách mạng khoa học kỹ thuật và quá trình công nghiệp hóa. Cuộc cách mạng này đã khuấy động mọi ngành sản xuất, đem lại năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao. Đó là tiền đề nâng cao thu nhập của người lao động, tăng thêm khả năng thực tế tham gia hoạt động nghỉ ngơi du lịch, hoàn thiện cơ cấu hạ tầng và tạo cho du lịch có bước phát triển mới, vững chắc hơn...

5. Đô thị hóa

Là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất, đô thị hóa như nhân tố phát sinh góp phần đẩy mạnh nhu cầu du lịch.

Đô thị hóa tạo nên một lối sống đặc biệt - lối sống thành thị, đồng thời hình thành các thành phố lớn và các cụm thành phố.

Tỷ lệ dân sống tại thành phố (có từ 5000 người trở lên) trong tổng số dân thế giới tăng từ 35% năm 1800 lên 37,5% vào giữa thập kỷ 70 của thế kỷ này. Trong khi đó, số dân thành phố tăng từ 19% năm 1920 lên 37% năm 1970, tới 41% năm 1980 và dự kiến vượt quá 51% tổng số dân trên trái đất vào năm 2000.

Sự "bùng nổ" các thành phố lớn và các cụm thành phố trở thành nét đặc trưng cho toàn thế giới. Nếu như năm 1970 chỉ có 4 cụm thành phố cực lớn với số dân vượt quá 10 triệu người thì đến năm 1985 con số này lên tới 17.

Đô thị hóa có những đóng góp to lớn trong việc cải thiện điều kiện sống cho nhân dân về phương diện vật chất và văn hóa, thay đổi tâm lý và hành vi của con người. Nhấn mạnh ý nghĩa tích cực của quá trình đô thị hóa, V.I. Lenin chỉ rõ rằng việc dân nông thôn di chuyển tới các thành phố đã kéo họ vào cơn lốc của cuộc sống xã hội hiện đại, nâng cao trình độ, nhận thức của họ và làm cho họ quen với thói quen và nhu cầu văn hóa.

Mặt khác, đô thị hóa cũng bộc lộ những mặt trái của nó. Quá trình đô thị hóa làm biến đổi các điều kiện sống tự nhiên, tách con người ra khỏi môi trường tự nhiên xung quanh, thay đổi bầu không khí và các quá trình khác của tự nhiên.... Tất cả điều đó, trong nhiều trường hợp, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người. Hàng loạt yếu tố như mật độ dân cư dày đặc, thông tin phong phú, tần số tiếp xúc cao, tiếng ồn quá lớn v.v... trở thành nguyên nhân của cái gọi là "stresss (căng thẳng thần kinh) xã hội".

Tuy nhiên, thật sai lầm nếu cho rằng nguyên nhân làm suy giảm sức khỏe dân cư và gia tăng tỷ lệ tử vong ở độ tuổi lao động là hậu quả tất yếu của sự phát triển xã hội. Ngày nay người ta đang tiến hành hàng loạt biện pháp để khắc phục mặt trái của quá trình đô thị hóa và cải thiện môi trường sống của con người.

Từ những mặt trái nêu trên, nghỉ ngơi giải trí trở thành một trong những nhu cầu không thể thay thế được của người dân thành phố. Ngoài những chuyến đi nghỉ dài ngày, vào ngày nghỉ cuối tuần họ có nhu cầu thay đổi không khí và được sống thoái mái giữa thiên nhiên. Nhu cầu này đã làm xuất hiện một loại hình du lịch đặc biệt, du lịch ngắn ngày, rất phổ biến trên thế giới.

6. Điều kiện sống

Điều kiện sống của nhân dân là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Nó được hình thành nhờ việc tăng thu nhập thực tế và cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao khẩu phần ăn uống, phát triển đầy đủ mạng lưới y tế, văn hóa, giáo dục...

Du lịch chỉ có thể phát triển khi mức sống (vật chất, tinh thần) của con người đạt tới trình độ nhất định. Một trong những nhân tố then chốt là mức thu nhập thực tế của mỗi người trong xã hội. Không có mức thu nhập (cả cá nhân và xã hội) cao thì khó có thể nghĩ đến việc nghỉ ngơi du lịch. Nhìn chung, ở những nước kinh tế phát triển, có mức thu nhập cao tính bình quân theo đầu người, nhu cầu và hoạt động du lịch trên thực tế phát triển mạnh mẽ nhất. Mức thu nhập cao, nên tiền tiết kiệm gửi ngân hàng ngày càng nhiều.

Cùng với việc tăng mức thu nhập thực tế, các điều kiện sống khác liên tục được cải thiện. Các phương tiện di lại của cá nhân (chủ yếu là ôtô) tăng lên góp phần phát triển rộng rãi hoạt động du lịch, tăng cường tính cơ động của nhân dân trong quá trình nghỉ ngơi giải trí.

7. Thời gian rỗi

Du lịch trong nước và quốc tế không thể phát triển được nếu con người thiếu thời gian rỗi. Nó thực sự trở thành một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy hoạt động du lịch.

Thời gian rỗi (tự do) là thời gian cần thiết cho con người để nâng cao học vấn, phát triển trí tuệ, hoàn thành các chức năng xã hội, tiếp xúc với bạn bè, vui chơi giải trí bằng sức lực và trí tuệ...

Thời gian rỗi là phần thời gian ngoài giờ làm việc, trong đó diễn ra các hoạt động nhằm hồi phục và phát triển thể lực, trí tuệ, tinh thần của con người. Trong các tài liệu địa lý và kinh tế xã hội người ta coi phần thời gian trên là thời gian nghỉ ngơi.

Số thời gian rỗi nhiều hay ít phụ thuộc vào năng suất lao động, đặc điểm của quan hệ sản xuất và các nhân khẩu xã hội. Nâng cao năng suất lao động xã hội, một mặt cho phép có thêm thời gian rỗi, mặt khác, đòi hỏi phải tăng thời gian này như một điều kiện cần thiết cho tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng sức lực và tinh thần của con người.

Trong các công trình nghiên cứu về kinh tế xã hội thời gian nghỉ ngơi cần thiết cũng được xem xét tương tự như thời gian làm việc cần thiết cho xã hội.

Độ dài bình thường của thời gian rỗi thay đổi phụ thuộc vào đặc điểm của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa, nhờ những cuộc đấu tranh bền bỉ, người lao động đã giành được quyền nghỉ ngơi ở mức độ nhất định. Ở các nước dân chủ và tiến bộ, độ dài của thời gian rỗi được quyết định bởi mục đích vì quyền lợi của đồng bào người lao động. Những nước này đã thiết lập những tiền đề kinh tế, xã hội cần thiết để điều chỉnh thời gian rỗi. Một cách đầy đủ nhất, có thể hiểu thời gian rỗi là "thời gian cần thiết cho việc hồi phục sức lực của con người đã bỏ ra để tạo nên sản phẩm nào đấy trong điều kiện bình thường của sản xuất... và cả thời gian cần thiết cho việc hồi phục mở rộng để đảm bảo tiếp tục nâng cao năng suất lao động" (Crivôsép, 1978).

Nguồn quan trọng nhất làm tăng thời gian rỗi là giảm độ dài của tuần làm việc và giảm thời gian của công việc nội trợ. Nhiều nước đã thực hiện chế độ tuần làm việc 5 ngày. Để phát

triển du lịch trong nước, điều kiện quan trọng đặc biệt là có nhiều thời gian rỗi vào cuối tuần. Bằng cách này, người lao động có tổng số ngày nghỉ các loại (cuối tuần, phép...) chiếm khoảng 1/3 thời gian trong năm (130-133 ngày). Có thể coi đây là nhân tố rất thuận lợi để phát triển loại hình du lịch dài ngày.

8. Các nhân tố chính trị

Là điều kiện đặc biệt quan trọng có tác dụng hoặc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của du lịch trong nước và quốc tế. Không phải ngẫu nhiên mà năm 1967 được tuyên bố là "năm du lịch quốc tế" dưới khẩu hiệu "du lịch là giấy thông hành của hòa bình".

Du lịch chỉ có thể xuất hiện và phát triển trong điều kiện hòa bình và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Ngược lại, chiến tranh ngăn cản các hoạt động du lịch, tạo nên tình trạng mất an ninh, đi lại khó khăn, phá hoại các công trình du lịch, làm tổn thất cả đến môi trường tự nhiên. Trong thời gian chiến tranh, số khách du lịch giảm đi rõ rệt. Thí dụ, năm 1937 có 1,6 triệu khách du lịch tới thăm Thụy Sĩ, nhưng đến năm 1944, khi ngọn lửa của Chiến tranh Thế giới thứ hai vẫn đang bùng cháy, số khách vào xứ sở trung lập này chỉ còn 75000 người.

Hoa bình rõ ràng là đòn bẩy đẩy mạnh hoạt động du lịch. Ngược lại, du lịch có tác dụng trở lại đến việc củng tồn tại hòa bình. Thông qua du lịch quốc tế con người thể hiện nguyện vọng nóng bỏng của mình là được sống, lao động trong hòa bình và hữu nghị.

C. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

I. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh du lịch. Về phương diện này, mạng lưới và phương tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu.

Du lịch gắn với sự di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc vào giao thông: mạng lưới đường sá và phương tiện giao thông. Một đối tượng có thể có sức hấp dẫn đối với khách du lịch nhưng vẫn không thể khai thác được khi thiếu nhân tố giao thông. Việc phát triển giao thông, nhất là tăng nhanh phương tiện vận chuyển (công cộng và cá nhân) bằng ôtô cho phép mau chóng khai thác các nguồn tài nguyên du lịch mới. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Mỗi loại giao thông có những đặc điểm riêng biệt. Giao thông bằng ôtô tạo điều kiện cho khách du lịch dễ dàng đi theo lộ trình mình lựa chọn. Giao thông đường sắt rẻ tiền, tất cả mọi người đều có thể đi được nhưng chỉ theo tuyến đường có sẵn. Giao thông đường không rất nhanh, rút ngắn thời gian đi lại tuy có đắt tiền. Còn giao thông đường thủy, mặc dù tốc độ đi lại chậm, nhưng có thể kết hợp với việc tham quan giải trí... dọc theo sông hoặc ven biển.

Giao thông là một bộ phận của cơ sở hạ tầng kinh tế, nhưng cũng có các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và sử dụng chủ yếu phục vụ nhu cầu du lịch (ôtô, tàu thủy, máy bay đặc biệt, đường dây cáp...). Chúng được tách ra như một bộ phận của cơ sở hạ tầng du lịch. Ngay các phương tiện giao thông dùng cho khách nghỉ đêm cũng có thể xếp vào bộ phận này.

Mạng lưới và phương tiện giao thông trên thế giới không ngừng được hoàn thiện. Từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến nay, chiều dài đường sắt tăng khá nhanh với nhiều tuyến đường điện khí hóa, sử dụng rộng rãi dầu máy chạy điện. Các tuyến đường ôtô vươn dài khắp nơi. Mạng lưới đường hàng không dày đặc... Tất cả điều đó giảm bớt thời gian đi lại, tăng thời gian nghỉ ngơi và du lịch.

Thông tin liên lạc là một phần quan trọng trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để đảm

bảo giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là những nhu cầu trao đổi các dòng tin tức khác nhau của xã hội, được thỏa mãn bằng nhiều loại hình thông tin khác nhau.

Trong hoạt động du lịch, nếu màng lưới và các phương tiện giao thông vận tải phục vụ cho việc đi lại của con người thì thông tin liên lạc đảm nhiệm việc vận chuyển các tin tức một cách nhanh chóng và kịp thời, góp phần thực hiện các mối giao lưu giữa các vùng, các nước. Trong đời sống kinh tế, xã hội hiện đại nói chung cũng như trong ngành du lịch không thể thiếu được các phương tiện thông tin liên lạc. Nhờ các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các phương tiện thông tin liên lạc hiện nay phong phú hơn trước nhiều. Nhờ có các cáp điện thoại ngầm mắc qua các biển và đại dương, các vệ tinh thông tin, các máy vi tính và điện báo, điện thoại đường dài đã được sử dụng phổ biến. Các máy viễn thông còn cho phép ngay tức khắc truyền cả hình ảnh tới bất cứ nơi nào trên trái đất.

Trong cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện, nước. Các sản phẩm của nó phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách.

Như vậy, cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế, trong đó có hoạt động du lịch.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Du lịch là một ngành "sản xuất" nhiều và đa dạng về thể loại dịch vụ, hàng hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch. Do vậy cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần khác nhau. Việc tiêu dùng dịch vụ, hàng hóa du lịch đòi hỏi phải có một hệ thống các cơ sở, công trình đặc biệt... Tài nguyên du lịch chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong tiêu dùng của khách du lịch. Việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đó đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống các công trình. Căn cứ vào các đặc điểm trên có thể hiểu cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm toàn bộ các phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra và thực hiện dịch vụ hàng hóa du lịch nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân tham gia phục vụ du lịch như thương nghiệp, dịch vụ... Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và tài nguyên du lịch (tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng tới công suất, thể loại, thứ hạng của hầu hết các thành phần cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Khả năng tiếp nhận của tài nguyên du lịch là cơ sở xác định công suất các công trình phục vụ du lịch. Sức hấp dẫn của chúng ảnh hưởng tới thứ hạng của các cơ sở này.

Sự kết hợp hài hòa giữa các tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật giúp cho sự hoạt động có hiệu quả của cơ sở phục vụ du lịch, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm. Vị trí của tài nguyên du lịch là căn cứ để bố trí hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật trên các vùng lãnh thổ của đất nước và là tiền đề căn bản để hình thành các trung tâm du lịch.

Sự phụ thuộc của cơ sở vật chất kỹ thuật vào tài nguyên du lịch không chỉ diễn ra theo một chiều, mà về phía mình các công trình, cơ sở phục vụ du lịch cũng có tác động nhất định tới mức độ sử dụng tài nguyên du lịch và việc giữ gìn, bảo vệ chúng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng mang những chức năng khác nhau và có ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch. Để đảm bảo cho việc tham quan du lịch trên quy mô lớn cần phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng như các khách sạn, nhà hàng, camping, cửa hiệu, trạm cung cấp xăng dầu, trạm y tế, nơi vui chơi thể thao... Khâu trung tâm của cơ sở vật chất kỹ thuật là các phương tiện phục vụ cho việc ăn ngủ của khách, tức là nguồn vốn cố định của du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được căn cứ vào ba loại tiêu chuẩn chủ yếu: 1) Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi du lịch; 2) Đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật; 3) Thuận tiện cho việc đi lại của khách từ các nơi đến.

Để đi sâu tìm hiểu nhằm sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, cần chú ý các thành phần chủ yếu sau:

II.1. Cơ sở phục vụ ăn uống, lưu trú

Cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống của ngành du lịch bao gồm các công trình đặc biệt nhằm đảm bảo nơi ăn, ngủ và giải trí cho khách du lịch. Đây là thành phần đặc trưng nhất trong toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Chúng đáp ứng nhu cầu căn bản nhất của con người (ăn và ngủ) khi họ sống ngoài nơi thường trú của họ. Các cơ sở này có thể chịu sự quản lý của tổ chức, xí nghiệp du lịch, hoặc có thể hoạt động độc lập. Chúng được phân hạng tùy theo tiêu chuẩn và mức độ đồng bộ của dịch vụ có trong đó.

Các cơ sở lưu trú là các cơ sở thương mại kinh doanh buồng giường hay các căn hộ nhằm phục vụ khách vãng lai hay khách đến nghỉ ngơi. Họ có thể thuê theo ngày, tuần hay tháng chứ không hẳn lâu dài như nhà của họ. Các cơ sở lưu trú có thể bao gồm các cơ sở ăn uống được kinh doanh quanh năm hay chỉ một số tháng trong năm. Các cơ sở lưu trú được phân chia thành nhiều loại.

+ Các cơ sở lưu trú du lịch xã hội, chủ yếu đón nhận khách du lịch trong nước vì mức độ tiện nghi và chất lượng phục vụ ở mức trung bình, không cho phép tiếp đón khách du lịch quốc tế, nhất là từ các nước phát triển đến. Các cơ sở này thường nằm ở các đô thị và điểm du lịch.

+ Nhà khách là các cơ sở kinh doanh nhỏ có thể phục vụ cả vấn đề ăn uống cho khách. Có khoảng từ 1 đến 6 phòng, có kiến trúc và thiết kế nội thất theo truyền thống địa phương. Các nhà khách này thường nằm ở các vùng nông thôn hoặc ngoại vi thành phố.

+ Khách sạn trung chuyển du lịch là các cơ sở kinh doanh nhỏ, đáp ứng các tiêu chuẩn phân loại khách sạn, là một mắt xích trong các sản phẩm du lịch trọn gói chào bán cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Thường nằm tại các vùng nông thôn và được xây dựng theo sắc thái kiến trúc địa phương. Thông thường có từ 6 đến 16 phòng.

+ Khách sạn thông thường là các cơ sở kinh doanh quy mô trung bình. Đối tượng phục vụ là khách du lịch, thương nhân hay khách công vụ. Có khoảng từ 6 đến 60 phòng. Vị trí thường nằm ở các đô thị hoặc tại các danh lam thắng cảnh có tiếng.

+ Khách sạn du lịch lớn là các cơ sở kinh doanh quy mô lớn. Đối tượng phục vụ là các thương gia hay khách du lịch nhiều tiền. Có trên 60 phòng. Thường nằm ở các trung tâm đô thị hay các khu du lịch nổi tiếng. Các khách sạn du lịch lớn gồm nhiều loại, như khách sạn phục vụ các thương gia hay khách du lịch quá cảnh, các khách sạn nghỉ ngơi (3 đến 5 sao) nhằm đón các khách du lịch đến nghỉ trong thời gian ngắn, các làng du lịch (từ 2 đến 3 sao) nhằm phục vụ các khách du lịch đến nghỉ trong từng thời gian ngắn. Ngoài các cơ sở ăn uống, lưu trú trên, trong thành phần của chúng còn bao gồm cả hệ thống nhà kho, nhà bảo quản, nhà bếp, Trang thiết bị và trang trí nội thất phải được bố trí hợp lý, tạo được bầu không khí thoải mái, dễ chịu cho

khách du lịch. Ngoài ra, các cơ sở này còn là nơi vui chơi giải trí cho họ, vì vậy chúng còn có thể có hệ thống công trình trang thiết bị phục vụ vui chơi giải trí như dàn nhạc, sàn khiêu vũ, phòng xem video, trò chơi điện tử...

II.2. Mạng lưới cửa hàng thương nghiệp

Là một thành phần trong cơ cấu cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Mục đích của chúng là đáp ứng nhu cầu về hàng hóa của khách du lịch (trong nước cũng như quốc tế) bằng việc bán các mặt hàng đặc trưng cho du lịch, hàng thực phẩm và các hàng hóa khác.

Cơ sở vật chất kỹ thuật này bao gồm 2 phần: một phần thuộc các trung tâm dịch vụ du lịch, chúng phục vụ khách du lịch là chủ yếu. Phần khác thuộc mạng lưới thương nghiệp địa phương với nhiệm vụ phục vụ nhân dân địa phương, đồng thời cũng đóng vai trò quan trọng đối với việc phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch ở nơi đó.

Do khách du lịch đông, lại từ nhiều nơi đến nên nhu cầu về hàng hóa của họ rất phong phú, đa dạng, tùy theo đặc điểm tiêu dùng như tính truyền thống, tính dân tộc... Từ đó cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu trên cũng phong phú, đa dạng, từ cửa hàng bán thực phẩm, rau quả, cửa hàng bán đồ lưu niệm đến các cửa hàng bán đồ chuyên dùng cho du lịch, bán hàng tiêu dùng (bằng ngoại tệ hay nội tệ...).

Các cửa hàng có thể được bố trí trong khách sạn, tại khu du lịch, đầu mối giao thông.

II.3. Cơ sở thể thao

Là một bộ phận của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Chúng có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho kỳ nghỉ của khách du lịch, làm cho nó trở nên tích cực hơn. Các cơ sở thể thao gồm có các công trình thể thao, các phòng thể thao hay trung tâm thể

thao với nhiều loại khác nhau, các thiết bị chuyên dùng cho mỗi loại (bể bơi, xe đạp nước, cầu trượt nước, cho thuê ô tô...).

Ngày nay, công trình thể thao là một bộ phận không thể tách rời khỏi cơ cấu vật chất kỹ thuật của các trung tâm du lịch. Chúng làm tăng hiệu quả sử dụng của khách sạn, camping... và làm phong phú thêm các loại hình hoạt động du lịch.

II.4. Cơ sở y tế

Nhằm mục đích phục vụ du lịch chữa bệnh và cung cấp dịch vụ bổ sung tại các điểm du lịch. Cơ sở vật chất kỹ thuật ở đây bao gồm các trung tâm chữa bệnh (bằng nước khoáng, ánh nắng mặt trời, bùn, các món ăn kiêng...), các phòng y tế với các trang thiết bị trong đó (phòng tắm hơi, massage).

Các cơ sở y tế luôn gắn liền với các công trình thể thao và có thể được bố trí trong khách sạn.

II.5. Các công trình phục vụ hoạt động thông tin văn hóa

phục vụ du lịch nhằm mục đích nâng cao, mở rộng kiến thức văn hóa xã hội cho khách du lịch, tạo điều kiện giao tiếp xã hội, tuyên truyền về truyền thống, thành tựu văn hóa của các dân tộc.

Các công trình này bao gồm trung tâm văn hóa, thông tin, phòng chiếu phim, nhà hát, câu lạc bộ, phòng triển lãm... Chúng có thể được bố trí trong khách sạn hoặc hoạt động một cách độc lập tại các trung tâm du lịch.

Hoạt động văn hóa thông tin có thể được tổ chức thông qua các buổi dạ hội hữu nghị, hội hóa trang, đêm ca nhạc, tuần lễ biển, buổi gặp gỡ trao đổi giữa những khách du lịch có cùng một nghề, buổi chiếu phim, xem kịch, tham quan viện bảo tàng...

Tuy các công trình này có ý nghĩa thứ yếu đối với quá trình phục vụ du lịch, nhưng chúng giúp cho khách du lịch sử dụng thời gian rỗi một cách hợp lý, làm cho họ cảm thấy thoải mái trong kỳ nghỉ của mình tại khu du lịch.

II.6. Cơ sở phục vụ các dịch vụ bổ sung khác

Các công trình này là điều kiện bổ sung, giúp cho khách du lịch sử dụng triệt để hơn tài nguyên du lịch, tạo ra những tiện nghi khi họ đi lại và lưu trú tại điểm du lịch.

Bộ phận này bao gồm trạm xăng dầu, thiết bị cấp cứu (ở biển hoặc núi), xưởng sửa chữa dụng cụ thể thao, phòng rửa tráng phim ảnh, hiệu cắt tóc, hiệu sửa đồng hồ, nhà giặt là, buu điện, telex, phòng sao chụp...

Các công trình này được xây dựng thường là để phục vụ nhân dân địa phương là chủ yếu, còn đối với du lịch chúng có vai trò thứ yếu. Nhưng tại các điểm du lịch, chúng góp phần làm tăng tính đồng bộ của hệ thống dịch vụ du lịch. Các bộ phận trong cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra và thực hiện toàn bộ sản phẩm du lịch. Chúng tồn tại một cách độc lập song đồng thời lại có mối quan hệ khắng khít với nhau, góp phần nâng cao tính đồng bộ của sản phẩm du lịch, tính hấp dẫn của điểm du lịch.

Chương III

TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH

I. LỊCH SỬ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THẾ GIỚI

1. Lịch sử phát triển

Ngành kinh tế du lịch được hình thành và phát triển từ khi xã hội loài người bước vào quá trình phân công lao động lớn lần thứ hai, khi nghề tiểu thủ công được tách khỏi sản xuất nông nghiệp, khi xã hội bắt đầu có sự phân chia giai cấp.

Trong thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ bắt đầu quá trình phân công lao động xã hội lớn lần thứ ba, ngành thương nghiệp được tách ra khỏi các ngành sản xuất vật chất. Sự mua bán trao đổi hàng hóa giữa các vùng, giữa những người sản xuất phát triển rất nhanh. Từ đây đã xuất hiện một tầng lớp thương gia. Họ là những người thường xuyên chuyên chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác để trao đổi. Trong thời gian tạm xa nhà, họ cần đến các dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi và các dịch vụ vận chuyển. Những nhu cầu này chính là cơ sở để hình thành ba hoạt động chính của ngành kinh doanh du lịch, đó là: vận chuyển, nghỉ ngơi, ăn uống.

Trong xã hội Ai Cập cổ đại, ngoài những nhà hoạt động chính trị, các thương gia, giới quý tộc thường xuyên phải đi lại trong nước và ra nước ngoài, còn hầu hết những người có nhu cầu đi lại là những người tín ngưỡng, sùng bái tôn giáo. Trong những ngày lễ, hàng ngàn người đã hành hương đến các đền chùa, nhà thờ, tu viện... để cầu nguyện, cúng bái. Cuộc hành trình của họ kéo dài ngày này qua ngày khác, có khi tới hàng tháng. Trong thời gian này, khi chưa có các hoạt động kinh doanh ăn nghỉ, thì những người này thường phải ăn nghỉ nhờ những người quen. Dần

dẫn dọc theo những con đường dẫn đến các khu Thánh địa, các nhà trọ, quán ăn đã được xây dựng để phục vụ khách bộ hành ăn nghỉ và bắt đầu hình thành hoạt động kinh doanh trong du lịch tôn giáo.

Khi con người phát hiện ra tính chất chữa bệnh của một số nguồn chất khoáng (nước khoáng, bùn khoáng) thì loại du lịch chữa bệnh được ra đời. Hàng năm có hàng trăm ngàn người tìm đến các nguồn nước khoáng để nghỉ ngơi, dưỡng sức và chữa bệnh. Tại những khu vực có nguồn nước khoáng, người ta đã xây dựng những khu nhà an dưỡng, các nhà tắm, bể bơi sử dụng nước khoáng, các khu vui chơi giải trí... nhằm phục vụ tốt các nhu cầu về nghỉ ngơi, chữa bệnh, ăn ở... cho bệnh nhân. Con người sử dụng rất nhiều nước khoáng để uống, tắm, nhằm bảo vệ sức khỏe và chữa một số bệnh. Chính vì vậy nhu cầu sử dụng nước khoáng ngày càng tăng. Ở những nguồn nước khoáng có tính chất chữa bệnh cao, nhất là ở những nguồn nước khoáng nóng, người ta đã xây dựng thành trung tâm du lịch chữa bệnh. Khách đến đây được điều trị bằng nước khoáng theo sự chỉ dẫn của bác sĩ và được tham gia vào các hoạt động khác nhau nhằm nhanh chóng phục hồi sức khỏe.

Hy Lạp cổ đại là cái nôi của nền văn minh nhân loại. Con người sống trong xã hội này đã có ham muốn hành trình để thỏa mãn các nhu cầu về tìm hiểu thế giới xung quanh. Họ không những chỉ đi khắp đất nước mình mà còn đi sang cả các nước láng giềng để tìm cái mới cái lạ nhằm nâng cao nhận thức về mọi mặt. Du lịch công vụ cũng rất phát triển trong thời kỳ Hy Lạp cổ đại. Các chính khách, thương gia... thường xuyên phải đi để thực thi những nhiệm vụ đặc biệt. Họ được cung cấp đầy đủ các dịch vụ về ăn uống, nghỉ ngơi, thậm chí có cả người dẫn đường bảo vệ.

Các kỳ Đại hội Olimpic, các sự kiện thể thao lớn luôn là mục tiêu thu hút hàng ngàn, hàng vạn người từ nhiều nước khác nhau đến trực tiếp tham gia hoặc thưởng thức các cuộc thi

đấu. Xung quanh những khu vực thi đấu người ta đã xây dựng nhiều cơ sở để phục ăn nghỉ, vui chơi cho các vận động viên và khán giả. Nhiều nơi đã được xây dựng thành làng Olimpic, làng thể thao với đầy đủ các điều kiện về ăn uống, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho hàng ngàn người.

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong ngành giao thông vận tải đã mở ra một kỷ nguyên mới cho sự phát triển ngành du lịch. Việc sử dụng đầu máy hơi nước và sử dụng hệ thống đường sắt đã làm cho các cuộc hành trình tăng lên rõ rệt. Số lượng người đi đông hơn, nhanh hơn, tiết kiệm được thời gian, nên hành trình xa hơn, đến nhiều nơi hơn.

Cuộc hành trình du lịch tập thể đầu tiên ở Anh do Tomas Cuc tổ chức năm 1841 bằng tàu hỏa đã đánh dấu một bước phát triển mới trong ngành kinh doanh du lịch. Chuyến đi của ông gồm có 570 đại biểu đi dự hội nghị, họ được phục vụ ca nhạc, các món ăn nhẹ và nước chè. Sau chuyến đi, Tomas Cuc đạt được một thành công lớn chứng tỏ việc tổ chức các chuyến đi du lịch sẽ mang lại nguồn thu nhập cao. Một năm sau (1842) ông thành lập Văn phòng du lịch đầu tiên ở Anh nhằm tổ chức cho người Anh đi du lịch ra nước ngoài và trong nước. Từ đó đã hình thành và phát triển một hoạt động kinh doanh mới trong du lịch - hoạt động lữ hành, có chức năng làm cầu nối giữa khách du lịch và các đơn vị trực tiếp kinh doanh phục vụ khách du lịch.

Vào giữa thế kỷ XIX, du lịch nghỉ núi, nghỉ biển bắt đầu được phát triển. Giới quý tộc và thực dân đã tìm đến những vùng biển, vùng núi có phong cảnh thiên nhiên tuyệt mĩ, khí hậu trong lành, không gian yên tĩnh để xây dựng nên các biệt thự làm nơi nghỉ dưỡng trong ngày hè nóng nực.

Năm 1880 vùng biển phía nam nước Pháp có một bước nhảy vọt trong việc xây dựng các khách sạn hiện đại. Thành phố Nice trở thành trung tâm du lịch nghỉ biển quan trọng. Cũng trong thời gian này, ở các vùng núi của Thụy Sĩ, Pháp, Áo... những

khách sạn hiện đại được xây dựng để đón tiếp những du khách yêu thích núi, yêu thích phong cảnh thiên nhiên ở vùng núi.

Vào khoảng năm 1877, các chuyến đi du lịch bằng tàu biển bắt đầu được tổ chức. Chiếc tàu biển mang tên "Cvaker City" cùng với 60 du khách đã thực hiện một chuyến du hành 5 tháng. Cũng trong thời gian đó, khách du lịch Mỹ đến châu Âu tăng rất nhanh, số lượng du khách Đức cũng tăng đáng kể. Tại cuộc triển lãm thế giới tổ chức ở Pari năm 1878, Tomas Cuc cũng đã tổ chức một chuyến du lịch cho 75.000 người Anh.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, công nghiệp xe hơi đã đạt được những thành tựu nhất định, số người sử dụng xe hơi để làm phương tiện đi du lịch ngày càng tăng.

Cho đến trước Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, du lịch quốc tế đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Nhưng trong những năm chiến tranh, du lịch quốc tế hầu như bị tê liệt.

Trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, các khu du lịch nghỉ biển lại được phục hồi và phát triển nhanh chóng, đặc biệt là ở Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Anh, Đức... Ở những nước này đã thành lập cơ quan nhà nước về du lịch, ở một vài nước đã thành lập Bộ du lịch. Và vào năm 1925 thì "Liên minh Quốc tế của các tổ chức du lịch" được thành lập.

Trong Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, các hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế hầu như bị đình trệ. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong du lịch phần thì bị phá hủy, phần thì bị biến thành cơ sở phục vụ chiến tranh. Cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, các hệ thống thông tin liên lạc tập trung phục vụ chiến tranh và ở nhiều nơi bị phá hủy nặng nề.

Trong những năm đầu sau chiến tranh, du lịch quốc tế được phục hồi rất chậm, bởi vì lúc này các nước bị tàn phá trong chiến tranh đang bước vào giai đoạn hàn gắn vết thương chiến tranh và khôi phục nền kinh tế đất nước.

Trong bá thập kỷ (từ những năm 50 - đến những năm 80) sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới đã đạt được những tiến bộ vượt bậc, nó thúc đẩy ngành kinh tế du lịch phát triển thật sự. Sự tăng trưởng trung bình hàng năm của du lịch quốc tế thập kỷ 1950-1960 là 10,9%, 1960-1970 là 8,3 %, thập kỷ 1970-1980: 6%, thập kỷ 1980-1990 khoảng 5%, trong mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng lại nâng lên 7,5-9%.

Cùng với sự tăng nhanh về số lượng, sự thay đổi về cơ cấu của khách du lịch, với sự gia tăng của tổng doanh thu trong ngành du lịch, đã ra đời và phát triển nhiều loại hình du lịch. Vận chuyển khách bằng đường bộ và đường hàng không đã chiếm lĩnh một vị trí quan trọng trong ngành du lịch quốc tế. Các công ty khách sạn, lữ hành, các công ty môi giới... lần lượt ra đời đã làm nảy sinh cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường du lịch quốc tế.

Ngày nay ở những nước phát triển, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân đã đạt tới mức cao thì nhu cầu đi du lịch là không thể thiếu được. Chế độ làm việc 4-5 ngày một tuần ở một số nước đã và đang tạo điều kiện cho người dân có nhiều thời gian rỗi để đi du lịch. Nhu cầu của khách du lịch ngày càng tăng đòi hỏi các cơ sở kinh doanh du lịch phải tiếp cận thị trường kịp thời để thỏa mãn mọi nhu cầu cho khách.

2. Xu hướng phát triển và phân bố du lịch trên thế giới

Sự phát triển của du lịch đại chúng trong thời gian gần đây đã chỉ ra những hướng chủ yếu và tính chất phức tạp của phân bố địa lý của nó. Trên 5% dân cư thế giới tham gia vào du lịch quốc tế. Nhờ có vị trí địa lý đặc biệt của mình, sự phát triển cao về lực lượng sản xuất và có nhiều di tích lịch sử, văn hóa mà châu Âu có ngành du lịch quốc tế phát triển sớm và mạnh. Dòng du lịch chủ yếu của châu lục này theo hướng Bắc-Nam và Tây-Đông. Hướng du lịch có thể mở rộng thêm nếu như nền hòa bình ở Trung Đông được đảm bảo. Theo dự đoán, cho đến năm

2000, châu Âu vẫn sẽ là châu lục có nhiều người đi và đến du lịch nhất. Hiện nay du lịch quốc tế đang có xu hướng phát triển nhanh ở châu Á, châu Phi, Ôxtrâylia và châu Đại Dương, tuy rằng ở các khu vực này thu nhập về du lịch chưa nhiều.

Các vùng khác nhau trên thế giới có sự khác biệt lớn về thu nhập do du lịch mang lại. Sự khác biệt này liên quan trực tiếp với số khách du lịch. Các khu vực có giá du lịch đắt là Mỹ Latinh, châu Á, Ôxtrâylia, Niu Dilon và châu Đại Dương. Mặc dù số lượng tuyệt đối các cuộc du lịch ở Mỹ Latinh và châu Á còn khiêm tốn, song sự tăng trưởng ở đó nhanh nhất. Các cuộc du lịch tới Bắc Mỹ tăng trưởng chậm hơn. Sự phát triển du lịch ở Trung Cận Đông và châu Phi có triển vọng lớn, nhưng hiện tại ở các khu vực này tình hình chính trị và kinh tế chưa ổn định. Người Mỹ đi du lịch ra nước ngoài nhiều nhất thế giới. Họ thường đi tới châu Âu, vùng Caribê và Nhật Bản. Ở châu Âu, người Mỹ thích du lịch ở Pháp, Anh, Italia; CHLB Đức, Thuỵ Sĩ, Tây Ban Nha, Áo, Hy Lạp cũng như một số nước ở Đông Âu: Liên Xô (cũ), Ba Lan, Nam Tư, Cộng hòa Séc và Slovakia, Hungari...

Căn cứ vào số khách nước ngoài tới du lịch và số người đi du lịch ra nước ngoài của từng nước, số ngoại tệ thu được của du khách cùng với cán cân thanh toán du lịch, có thể phân ra 3 loại nước khác nhau trong sự phát triển du lịch quốc tế.

1. Các nước chủ yếu là du lịch bị động (gửi khách đi) gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, CHLB Đức, Anh, các nước ở bán đảo Xcăng Dinavơ, Ôxtrâylia, Niu Dilon, Ba Lan, CH Séc và Slôvakia.

2. Các nước phát triển du lịch chủ động (đón khách) gồm Tây Ban Nha, Italia, Thuỵ Sĩ, Áo, Bồ Đào Nha, Ai Cập, các nước vùng Ban Căng, một số nước ở Trung Cận Đông, Bắc Phi, Mêhicô và các nước khác ở vùng Caribê, Canada, Kênia, Hồng Công...

3. Các nước có sự phát triển cân bằng du lịch quốc tế bị động và chủ động gồm Pháp, Hungari, Ixraen, Thổ Nhĩ Kỳ, một vài nước ở Nam Mỹ và các nước ở châu Á.

Trên phạm vi thế giới, số khách du lịch lớn nhất là khách đi nghỉ ở bờ biển. Địa lý các trung tâm du lịch ven biển lại thay đổi theo mùa. Các trung tâm nghỉ biển quan trọng nhất là các nước Tây Âu và Trung Âu thuộc Địa Trung Hải, xu hướng tới các nước vùng Caribê sẽ tăng lên. Trong tương lai, tỷ lệ du lịch biển sẽ giảm đi do phát triển du lịch trên núi.

Một đặc điểm quan trọng của du lịch hiện đại và có ý nghĩa lớn đối với phân bố là tính chất giải trí du lịch đối lập (trái ngược) nhau, tức là người du lịch thường tìm tới môi trường đối lập với nơi họ vẫn thường sinh sống. Thí dụ, những người dân sống ở các thành phố thì thích các hình thức nghỉ ngơi, du lịch gắn với thiên nhiên; ngược lại, những người sống ở nông thôn thường bị hấp dẫn bởi các thành phố lớn...

Tài nguyên du lịch tự nhiên có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các chuyến du lịch, tới các đặc điểm và hiệu quả của cơ sở vật chất - kỹ thuật và giao thông. Trong số các tài nguyên du lịch tự nhiên thì vai trò chủ yếu là tổ hợp ven biển (khí hậu, nước, các dạng địa hình...). Trên 2/3 cuộc du lịch trên thế giới có mục tiêu hàng đầu là tới các đối tượng nguồn nước, nhất là những nơi có sự kết hợp giữa nguồn nước với các thắng cảnh vùng núi, văn hóa lịch sử. Thí dụ ở Cápado, ven biển Anpơ, Libăng, Caliphooenia...

II. CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH

Hoạt động du lịch có tính phong phú và đa dạng về loại hình. Phụ thuộc vào các nhân tố khác nhau, dựa vào đặc điểm, vị trí, phương tiện và mục đích, có thể chia thành các loại hình riêng biệt.

Để phân loại các loại hình du lịch, ta cần xác định một số khía cạnh sau:

1. Theo nhu cầu của khách du lịch

a. *Du lịch chữa bệnh*:

Là hình thức đi du lịch để điều trị một căn bệnh nào đó về thể xác hay tinh thần. Mục đích đi du lịch là vì sức khỏe. Loại du lịch này gắn liền với việc chữa bệnh và nghỉ ngơi tại các

trung tâm chữa bệnh (ví dụ như nguồn nước khoáng), các trung tâm được xây dựng bên các nguồn nước khoáng, có giá trị, giữa khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và khí hậu thích hợp.

Du lịch chữa bệnh còn có thể phân ra thành các loại khác nhau như chữa bệnh bằng khí hậu, bằng phương pháp thủy lý (tắm ngâm), bằng bùn, bằng hoa quả...

b. Du lịch nghỉ ngơi (giải trí):

Này sinh do nhu cầu cần phải nghỉ ngơi để phục hồi thể lực và tinh thần cho con người. Đây là loại hình du lịch có tác dụng giải trí, làm cho cuộc sống thêm đa dạng và bứt con người ra khỏi công việc hàng ngày.

c. Du lịch thể thao:

Xuất hiện do lòng say mê thể thao. Đây là hình thức du lịch gắn liền với sở thích của khách về một loại hình thể thao nào đó. Du lịch thể thao có thể chia làm 2 loại: du lịch thể thao chủ động và du lịch thể thao bị động. Du lịch thể thao chủ động bao gồm các chuyến đi du lịch và lưu trú để khách tham gia trực tiếp vào hoạt động thể thao, thí dụ du lịch leo núi (phát triển ở châu Âu và châu Mỹ), du lịch săn bắn (phát triển ở Tiệp Khắc, Thụy Điển, Ba Lan...), du lịch câu cá (ở Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển...) và du lịch tham gia chơi các loại thể thao khác như bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, trượt tuyết... Du lịch thể thao bị động bao gồm những cuộc hành trình du lịch để xem các cuộc thi đấu thể thao, các cuộc diễu hành, các thế vận hội...

d. Du lịch văn hóa:

Mục đích chính là nâng cao hiểu biết cho cá nhân, loại hình du lịch này thỏa mãn lòng ham hiểu biết và ham thích nâng cao văn hóa thông qua các chuyến đi du lịch đến những nơi lị để tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử, kiến trúc, kinh tế, chế độ xã hội, cuộc sống và phong tục tập quán của đất nước du lịch. Loại hình du lịch này rất phát triển ở Ai Cập, Hy Lạp, Italia...

e. Du lịch công vụ

Với mục đích chính là nhằm thực hiện nhiệm vụ công tác hoặc nghề nghiệp nào đó. Tham gia loại hình này là khách đi dự các hội nghị, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các cuộc gặp gỡ.

Từ sau Chiến tranh Thế giới II, số khách đi du lịch - hội nghị tăng lên rõ rệt. Khách đi du lịch - hội nghị thường là người đại diện cho một giai cấp, đảng phái, quốc gia, một hãng hay tổ chức nào đó. Thành viên của các hội nghị thường được đảm bảo đầy đủ các phuong tiện vật chất, do vậy họ có khả năng thanh toán cao. Hiện nay, du lịch - hội nghị là một trong những loại hình thu được hiệu quả kinh tế cao nhất cho nước chủ nhà. Nhiều nước trên thế giới đã đầu tư xây dựng những công trình tổ hợp đảm bảo phục vụ toàn bộ các thành viên của hội nghị như ở Køpenhaghen, Pari, Rôm, Viên, Bruxen, Gionevo...

f. Du lịch tôn giáo:

Loại hình này thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng đặc biệt của những người theo các tôn giáo khác nhau. Đây là loại hình du lịch lâu đời và rất phổ biến ở các nước tư bản. Loại hình này có hai dạng: đi thăm nhà thờ, đền chùa vào ngày lễ và đi xung tội.

Các trung tâm nổi tiếng của loại hình du lịch này là Vaticang (Italia), Giêrusalem...

g. Du lịch thăm hỏi:

Nảy sinh do nhu cầu giao tiếp xã hội, nhằm thăm hỏi bà con, họ hàng, bạn bè thân quen, đi dự lễ cưới, lễ tang... Hình thức du lịch này có ý nghĩa quan trọng đối với những nước có nhiều người sống ở nước ngoài.

2. Theo phạm vi lãnh thổ

Căn cứ theo phạm vi lãnh thổ của chuyến du lịch mà phân chia thành du lịch quốc tế và du lịch nội địa.

— **Du lịch trong nước (nội địa)**: đến thăm các tỉnh lỵ, thành phố

Được hiểu là chuyến đi của người du lịch từ chỗ này sang chỗ khác nhưng trong phạm vi đất nước mình, chi phí bằng tiền nước mình. Điểm xuất phát và điểm đến đều nằm trong lãnh thổ của một đất nước.

— *Du lịch quốc tế:*

Được hiểu là chuyến đi từ nước này sang nước khác. Ở hình thức này, khách phải đi qua biên giới và tiêu ngoại tệ ở nơi đến du lịch. Thí dụ người Pháp, người Anh, người Nhật đến thăm Việt Nam, hoặc người Việt Nam đi du lịch ra nước ngoài. Ở đây, du lịch quốc tế chia ra hai loại: du lịch chủ động và du lịch bị động. Du lịch chủ động là nước này chủ động đón khách du lịch nước khác đến và tăng thêm thu nhập ngoại tệ. Du lịch bị động là nước này gửi khách đi du lịch sang nước khác và phải mất một khoản ngoại tệ. Tất cả các nước đều muốn phát triển du lịch quốc tế chủ động hơn là du lịch quốc tế bị động.

3. Theo vị trí địa lý của các cơ sở du lịch

— *Du lịch nghỉ biển:*

Là những cơ sở du lịch nằm ở vùng ven biển với mục đích đón khách tắm biển. Trên phạm vi thế giới số khách du lịch lớn nhất là số khách đi nghỉ ở biển.

— *Du lịch nghỉ núi:*

Là loại hình sẽ phát triển trong tương lai.

4. Theo việc sử dụng các phương tiện giao thông

Có thể phân thành các loại sau:

— *Du lịch xe đạp:*

Phát triển ở những nước có địa hình bằng phẳng như Áo, Hà Lan, Đan Mạch... Du lịch xe đạp thường được tổ chức từ 1 đến 3 ngày vào cuối tuần sau những ngày làm việc căng thẳng, hoặc tổ chức trong tuần, sau giờ làm việc, đến những điểm du lịch ở gần.

— *Du lịch ô tô:*

Đây là loại hình du lịch rất phổ biến, chiếm tỷ trọng cao nhất trong luồng khách du lịch. Ở châu Âu loại hình này chiếm 80% tổng số khách du lịch và khách thường sử dụng ô tô riêng.

— *Du lịch máy bay:*

Là một trong những loại hình tiên tiến nhất, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch ở những nước, những vùng xa xôi. Ngày nay trên thế giới sử dụng nhiều loại máy bay hiện đại, có tốc độ lớn, có thể đi xa mà tốn ít thời gian, có trang bị tiện nghi đầy đủ, hợp với sở thích của khách du lịch. Du lịch máy bay có nhược điểm là giá thành vận chuyển cao, không phù hợp với tầng lớp xã hội có thu nhập thấp. Ngoài ra đi máy bay còn có nhiều rủi ro, có thể xảy ra tai nạn khi trời nhiều mây, có bão... Tuy vậy, số khách du lịch máy bay vẫn tăng lên không ngừng.

— *Du lịch tàu hỏa:*

Xuất hiện sau những năm 40 của thế kỷ trước. Loại hình này có chi phí giao thông thấp, nên nhiều người có khả năng tham gia.

— *Du lịch tàu thủy:*

Là loại hình du lịch xuất hiện đã lâu. Ngày nay tàu thủy dùng trong du lịch thường là một tổ hợp đảm bảo nhiều loại dịch vụ. Du lịch tàu thủy thỏa mãn nhu cầu của khách về nghỉ ngơi, giải trí, thể thao...

5. Theo thời gian của cuộc hành trình

— *Du lịch ngắn ngày:*

Thường vào cuối tuần, phát triển nhiều nhất ở Mỹ, CHLB Đức, Anh, Pháp... Ở những nước có chế độ làm việc tuần 5 ngày. Thường kéo dài đến 3 ngày và lưu trú từ 1 đến 3 đêm. Hoặc du lịch trong ngày, ngắn hơn du lịch cuối tuần, kéo dài 1 ngày và không ngủ qua đêm.

— *Du lịch dài ngày:*

— **Thường vào kỳ nghỉ phép năm hoặc những kỳ nghỉ đông, nghỉ hè.** Thông thường du lịch loại này kéo dài vài tuần, thực hiện các chuyến đi thăm những địa điểm lịch sử ở xa, du lịch nghỉ ngơi hay du lịch văn hóa.

6. Theo lứa tuổi

— **Du lịch thanh niên:** tuổi từ 17 đến 35, đi theo tổ chức của đoàn và cá nhân.

— **Du lịch thiếu niên:** dưới 17 tuổi, thường đi du lịch trong dịp hè hoặc theo chương trình học tập, tham quan.

— **Du lịch gia đình:** hình thức đi nghỉ cả gia đình.

7. Theo hình thức tổ chức

— **Du lịch có tổ chức** theo đoàn với sự chuẩn bị chu đáo từ trước, hay thông qua các tổ chức du lịch (đại lý du lịch, tổ chức công đoàn...). Mỗi thành viên trong đoàn được thông báo trước chương trình của chuyến đi.

• — **Du lịch cá nhân:** Cá nhân tự định ra tuyến hành trình, kế hoạch lưu trú, địa điểm và ăn uống tùy nghi. Loại hình này phát triển với tốc độ nhanh và trong những năm gần đây đã chiếm ưu thế.

Nhìn chung, các loại hình du lịch thường kết hợp chặt chẽ với nhau, thí dụ du lịch leo núi, dài ngày, có tổ chức...

III. TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH

1- Quan niệm

Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm mục đích nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức - văn hóa hoặc thể thao, kèm theo việc tiêu thụ các giá trị tự nhiên, kinh tế và văn hóa (I.I. Pirojnik, 1985). Cũng như các dạng hoạt động khác của xã hội, du lịch có những chức năng phong phú và

đa dạng. Đó là các chức năng xã hội, chức năng kinh tế, chức năng sinh thái và chức năng chính trị.

Trong việc nghiên cứu du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu, bởi vì không thể tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động này nếu không xem xét khía cạnh không gian (lãnh thổ) của nó.

Nói một cách đơn giản nhất, tổ chức lãnh thổ du lịch được hiểu là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch và các cơ sở phục vụ có liên quan dựa trên việc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên du lịch (tự nhiên, nhân văn), kết cấu hạ tầng và các nhân tố khác nhằm đạt hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường) cao nhất.

Là một dạng của tổ chức lãnh thổ xã hội, tổ chức lãnh thổ du lịch mang tính chất lịch sử. Cùng với sự phát triển của xã hội, trước hết của sức sản xuất, đã dần dần xuất hiện các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch. Có thể có 3 hình thức chủ yếu: hệ thống lãnh thổ du lịch, thể tổng hợp lãnh thổ du lịch và vùng du lịch, trong đó, hình thức cuối cùng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

a- Hệ thống lãnh thổ du lịch:

Hệ thống lãnh thổ du lịch như một thành tạo toàn vẹn về hoạt động và lãnh thổ có sự lựa chọn các chức năng xã hội nhất định. Một trong những chức năng quan trọng được chọn lựa là hồi phục và tái sản xuất sức khỏe, khả năng lao động, thể lực và tinh thần của con người. Vì vậy, hệ thống lãnh thổ du lịch thường được coi là ... hệ thống xã hội được tạo thành bởi các yếu tố có quan hệ qua lại mật thiết với nhau như nhóm người du lịch; các tổng thể tự nhiên, văn hóa - lịch sử; các công trình kỹ thuật; đội ngũ cán bộ công nhân viên và bộ phận tổ chức quản lý. Nét đặc trưng quan trọng của hệ thống lãnh thổ du lịch là tính hoàn chỉnh về chức năng và về lãnh thổ (Từ điển bách khoa địa lý - Các khái niệm và thuật ngữ, 1988).

Về phương diện cấu trúc, hệ thống lãnh thổ du lịch là một hệ thống gồm nhiều thành phần có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Có thể coi các điều kiện và nhân tố du lịch trong sự thống nhất của chúng là một hệ thống mỏ phức tạp gồm có cấu trúc bên trong và cấu trúc bên ngoài. Cấu trúc bên trong gồm các nhân tố hoạt động với sự tác động qua lại với nhau, còn cấu trúc bên ngoài gồm các mối liên hệ với điều kiện phát sinh và với các hệ thống khác (tự nhiên, kinh tế, xã hội). Đây là một dạng đặc biệt của địa hệ mang tính chất hỗn hợp, nghĩa là có đủ các thành phần: tự nhiên, kinh tế, xã hội và chịu sự chi phối của nhiều loại quy luật cơ bản.

Xét trên quan điểm hệ thống, hệ thống lãnh thổ du lịch được cấu thành bởi nhiều phân hệ khác nhau về bản chất, nhưng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Đó là các phân hệ khách du lịch; tổng thể tự nhiên, lịch sử, văn hóa; công trình kỹ thuật; cán bộ phục vụ và điều khiển.

- Phân hệ khách du lịch là phân hệ trung tâm, quyết định những yêu cầu đối với các thành phần khác của hệ thống, bởi vì các thành phần này phụ thuộc vào đặc điểm (xã hội - nhân khẩu, dân tộc...) của khách du lịch. Các đặc trưng của phân hệ khách là cấu trúc và lượng nhu cầu, tính lựa chọn, tính mùa và tính đa dạng của luồng khách du lịch.

- Phân hệ tổng thể tự nhiên, lịch sử - văn hóa tham gia hệ thống với tư cách là tài nguyên, là điều kiện để thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi du lịch và là cơ sở lãnh thổ cho việc hình thành hệ thống. Tổng thể này có sức chứa, độ tin cậy, tính thích hợp, tính ổn định và tính hấp dẫn. Nó được đặc trưng bằng lượng nhu cầu, diện tích phân bố và thời gian khai thác.

- Phân hệ công trình kỹ thuật đảm bảo cho cuộc sống bình thường của khách du lịch, nhân viên phục vụ (ăn ở, đi lại) và những nhu cầu giải trí đặc biệt (chữa bệnh, tham quan, du lịch...). Toàn bộ công trình kỹ thuật tạo nên cơ sở hạ tầng của du lịch.

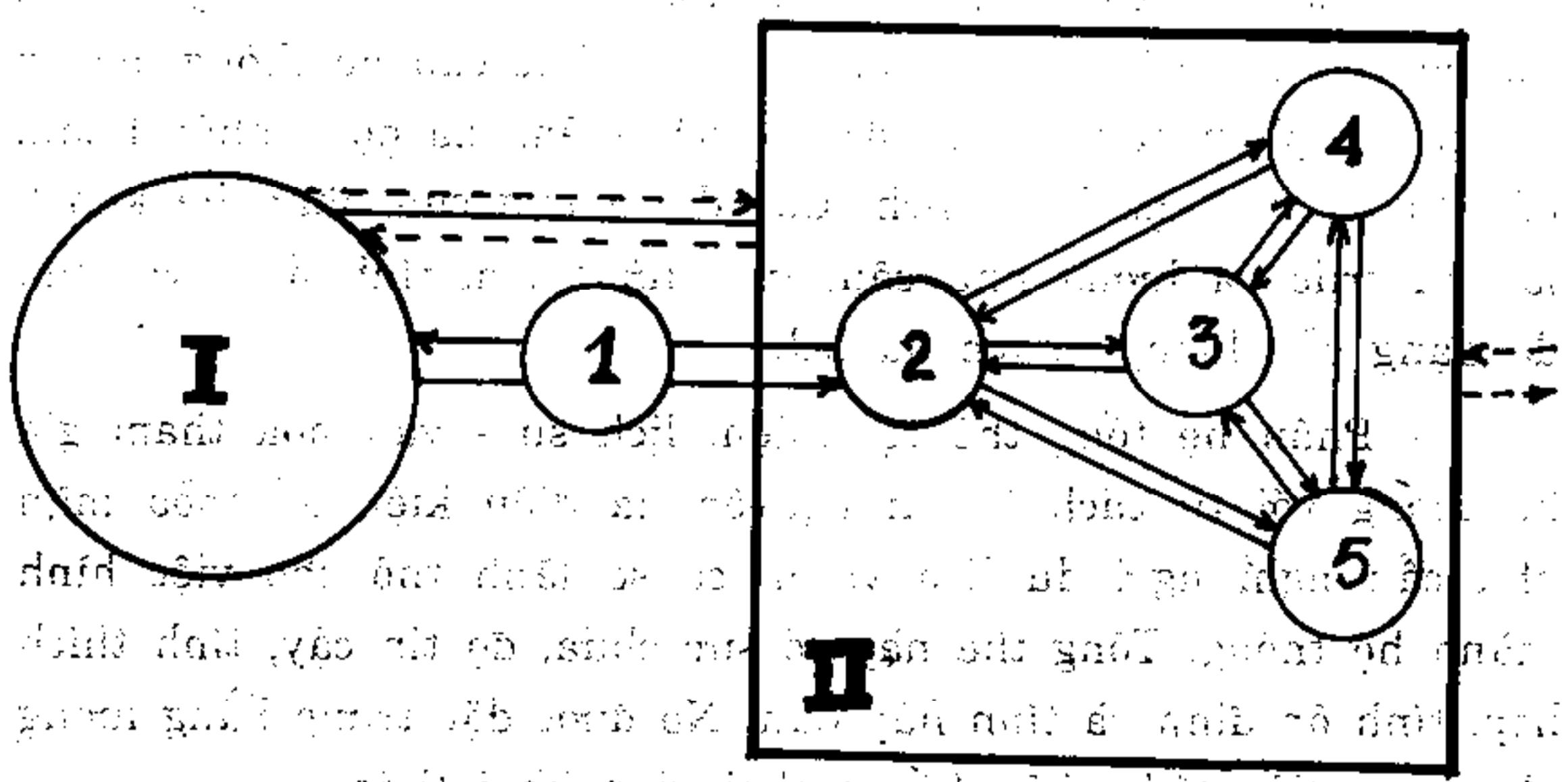
Nét đặc trưng của phân hệ là sức chứa, tính đa dạng, tính thích hợp, mức độ chuẩn bị khai thác...

- Phân hệ cán bộ nhân viên phục vụ hoàn thành chức năng dịch vụ cho khách và đảm bảo cho các xí nghiệp hoạt động bình thường. Số lượng, trình độ chuyên môn - nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên và mức độ đảm bảo lực lượng lao động là những đặc trưng chủ yếu của phân hệ.

- Bộ phận điều khiển có nhiệm vụ giữ cho cả hệ thống nói chung và từng phân hệ nói riêng hoạt động tối ưu.

Toàn bộ các phân hệ và mối liên hệ của chúng được thể hiện ở sơ đồ 1.

Sơ đồ 1: Hệ thống lãnh thổ du lịch (M. Buchovarop, 1975)



Chú giải:

- I. Môi trường với các điều kiện phát sinh (như cầu du lịch).
- II. Hệ thống lãnh thổ du lịch.
 - 1) Phương tiện giao thông vận tải.
 - 2) Phân hệ khách du lịch.
 - 3) Phân hệ cán bộ phục vụ.
 - 4) Phân hệ tài nguyên du lịch.
 - 5) Phân hệ công trình kỹ thuật.

Luồng khách du lịch

Các mối liên hệ bên trong hệ thống

Các mối liên hệ với hệ thống khác

Các mối liên hệ thông tin giữa I và II

b- Thể tổng hợp lãnh thổ du lịch:

Thể tổng hợp lãnh thổ du lịch là sự kết hợp giữa các cơ sở du lịch với các xí nghiệp thuộc cơ sở hạ tầng được liên kết với nhau bằng các mối liên hệ kinh tế, sản xuất và cùng sử dụng chung vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và kinh tế của lãnh thổ (E. A. Kotliarov 1978). Thể tổng hợp lãnh thổ du lịch bắt nguồn từ học thuyết về các thể tổng hợp sản xuất - lãnh thổ do N. N. Koloxovski đưa ra từ những năm 40 của thế kỷ này. Về cơ bản, nó được hiểu, như khái niệm để chỉ một thể tổng hợp từ cấp lớn nhất đến cấp nhỏ nhất.

Tất nhiên, thể tổng hợp lãnh thổ chỉ xuất hiện ở trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Mỗi thể tổng hợp có lịch sử hình thành riêng và ở mỗi giai đoạn có cấu trúc và tổ chức lãnh thổ tương ứng. Động lực chủ yếu của nó là nhu cầu du lịch xã hội. Các tiền đề làm nảy sinh thể tổng hợp là các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Có 3 giai đoạn hình thành thể tổng hợp lãnh thổ du lịch. Giai đoạn đầu tiên chỉ là việc tập trung một cách đơn giản các

cơ sở, xí nghiệp du lịch. Giai đoạn tiếp theo phát triển các ngành chuyên môn hóa và tập trung các xí nghiệp du lịch theo dấu hiệu ngành và lãnh thổ. Giai đoạn cuối cùng hình thành cấu trúc lãnh thổ của thể tổng hợp. Việc nghiên cứu thể tổng hợp lãnh thổ du lịch có ý nghĩa quan trọng. Mục tiêu cuối cùng của nó nhằm tổ chức tối ưu hoạt động du lịch trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên (tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử...).

c- *Vùng du lịch:*

Trong quá trình nghiên cứu du lịch, một yêu cầu cấp thiết là phải phân nhóm các đối tượng và hiện tượng du lịch theo không gian. Nó thể hiện tính liên tục của các đối tượng và hiện tượng du lịch trong thời gian và không gian. Tuy nhiên, một trong những đặc điểm của hoạt động du lịch là tính phân tán trong không gian. Khác với tổ chức lãnh thổ công nghiệp, đối với việc tổ chức lãnh thổ du lịch, cần phải có khoảng không gian rộng lớn. Nếu tổ chức lãnh thổ một cách hợp lý, ngoài ý nghĩa kinh tế, có thể "tiết kiệm" được không gian để sử dụng cho các mục đích khác. Trong nhiệm vụ nặng nề này có công sức không nhỏ của phân vùng du lịch.

Phân vùng du lịch thực chất là phân vùng ngành, và tất nhiên, phải dựa vào lý luận chung về phân vùng kinh tế tổng hợp. Phân vùng có cơ sở khoa học trở thành điều kiện cần thiết cho việc hoàn thiện chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế của lãnh thổ.

Về vùng du lịch, có rất nhiều quan niệm khác nhau. Xin đưa cử một vài định nghĩa về vùng du lịch:

Theo E. A. Kotliarov (1978), vùng du lịch được hiểu là: 1) một lãnh thổ hoàn chỉnh với sự kết hợp các điều kiện, đối tượng và chuyên môn hóa du lịch; 2) không chỉ là lãnh thổ để chữa bệnh, nghỉ ngơi, du lịch, mà còn là một cơ chế kinh tế hành chính phức tạp; 3) có các xí nghiệp nông nghiệp, công nghiệp, vận tải,

xây dựng và các cơ sở văn hóa, 4) hình thành do phân công lao động theo lãnh thổ trong lĩnh vực phi sản xuất.

Vùng du lịch, theo quan niệm của N.X. Mironeko và I.T. Tirodokholebok (1981) là một cộng đồng lãnh thổ của các xí nghiệp du lịch chuyên môn hóa phục vụ du khách có quan hệ về mặt kinh tế nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách trên cơ sở sử dụng tổng thể tự nhiên, văn hóa - lịch sử hiện có và các điều kiện kinh tế của lãnh thổ.

Tất nhiên, mỗi quan niệm có những ưu, nhược điểm nhất định. Sau khi xem xét các quan niệm khác nhau, chúng tôi chấp nhận quan niệm của I.I. Pirojnik (1985) bởi tính chất đầy đủ và hợp lý của nó.

Như vậy, vùng du lịch là hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội, một tập hợp các hệ thống lãnh thổ du lịch thuộc mọi cấp có liên hệ với nhau và các xí nghiệp thuộc cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cho hoạt động của hệ thống lãnh thổ du lịch với việc có chung chuyên môn hóa và các điều kiện kinh tế - xã hội để phát triển du lịch.

Trên quan điểm hệ thống, có thể trình bày vùng du lịch như một tập hợp hệ thống lãnh thổ được tạo nên bởi hai yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau: hệ thống lãnh thổ du lịch và không gian kinh tế - xã hội xung quanh nhằm đảm bảo cho cả hệ thống hoạt động có hiệu quả. Giữa chúng có các mối liên hệ với nhau. Mỗi liên hệ giữa các yếu tố tạo thành hệ thống lãnh thổ du lịch mang tính chất liên hệ công nghệ có tác dụng thực hiện đầy đủ các khâu công nghệ của quá trình du lịch. Còn các mối liên hệ của hệ thống lãnh thổ du lịch với không gian kinh tế - xã hội xung quanh là các mối liên hệ kinh tế.

Như vậy, hệ thống lãnh thổ du lịch là hạt nhân tạo nên vùng du lịch. Hệ thống lãnh thổ du lịch và vùng du lịch là các khái niệm rất gần gũi nhau, đồng thời lại có những khác biệt cơ bản. Nói một cách chung nhất, sự khác biệt giữa chúng là ở chỗ

hệ thống lãnh thổ du lịch là hạt nhân của vùng du lịch. Chính từ hạt nhân này đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện và phát triển của vùng trong môi trường xung quanh. Các yếu tố của môi trường "nuôi dưỡng" hạt nhân, giúp nó hoạt động và cùng với bản thân hạt nhân trở thành vùng du lịch.

Theo cách hiểu này, hệ thống lãnh thổ du lịch không phải là toàn bộ lãnh thổ của vùng, mà chỉ là nơi tập trung nguồn tài nguyên du lịch và các công trình kỹ thuật... Vùng du lịch có không gian rộng lớn hơn, trong đó bao gồm cả các khu vực sản xuất hàng hóa, vật liệu, năng lượng, có đội ngũ cán bộ, thông tin, kho tàng, các công trình công cộng... Quan hệ giữa hệ thống lãnh thổ du lịch và vùng du lịch tương tự như quan hệ giữa thể tổng hợp sản xuất - lãnh thổ và vùng kinh tế tổng hợp.

Tóm lại, việc nghiên cứu các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch là rất cần thiết. Mỗi hình thức có quá trình hình thành và phát triển riêng, có đặc trưng riêng, nhưng giữa các hình thức có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trong tổ chức lãnh thổ du lịch, phân vùng du lịch có tầm quan trọng hàng đầu.

2- Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch

Khi nghiên cứu phân vùng, dù là phân vùng kinh tế ngành hay phân vùng kinh tế tổng hợp, không thể không đề cập đến hệ thống phân vị. Vai trò của nó đã quá rõ ràng, bởi vì không thể phân vùng nếu thiếu hệ thống phân vị.

Hệ thống phân vị trong phân vùng luôn là đề tài gây ra nhiều tranh luận. Đối với việc nghiên cứu du lịch, vấn đề các cấp phân vị cũng không phải là trường hợp ngoại lệ, nghĩa là mỗi nhà nghiên cứu có thể sử dụng một hệ thống phân vị khác nhau.

Trong điều kiện Liên Xô, E.A. Kotliarov (1978) đề nghị hệ thống phân vị 4 cấp: nước cộng hòa (vùng, biên khu, tỉnh) - vùng du lịch - địa phương du lịch - tiểu vùng du lịch. Ở một nước có diện tích nhỏ như Bungari, người ta cũng không thống nhất các cấp trong hệ thống phân vị. Thí dụ, viện nghiên cứu tổng hợp về

thiết kế lãnh thổ, xây dựng đô thị và kiến trúc dựa ra hệ thống phân vị tương đối đơn giản gồm 3 cấp: đồi - tiểu vùng - vùng. L. Dinev, nhà địa lý du lịch có tiếng tăm, sử dụng hệ thống phân vị 6 cấp: đồi tương du lịch - hạt nhân - khu - tiểu vùng - vùng - du lịch cơ bản (1973). M. Buchvarov (1982) xây dựng hệ thống phân vị 5 cấp: điểm du lịch - hạt nhân du lịch - tiểu vùng - á vùng - vùng du lịch.

2.1- Điểm du lịch

- Điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị. Về mặt lãnh thổ, điểm du lịch có quy mô nhỏ. Trên bản đồ các vùng du lịch, người ta thể hiện điểm du lịch là những điểm riêng biệt. Tuy nhiên, trong thực tế dù quy mô rất nhỏ, điểm du lịch cũng chiếm một diện tích nhất định trong không gian. Sự chênh lệch về diện tích giữa các điểm du lịch có thể tương đối lớn (thí dụ, điểm du lịch Cúc Phương, điểm du lịch Điện Biên Phủ...)

- Điểm du lịch là nơi tập trung một loại tài nguyên nào đó (tự nhiên, văn hóa - lịch sử hoặc kinh tế - xã hội) hay một loại công trình riêng biệt phục vụ du lịch hoặc kết hợp cả hai ở quy mô nhỏ. Vì thế, điểm du lịch có thể được phân thành 2 loại: điểm tài nguyên và điểm chức năng.

- Thời gian lưu lại của khách du lịch tương đối ngắn (không quá 1-2 ngày) vì sự hạn chế của đối tượng du lịch, trừ một vài trường hợp ngoại lệ (thí dụ, điểm du lịch với chức năng chữa bệnh, nhà nghỉ của cơ quan...)

Các điểm du lịch được nối với nhau bằng *tuyến du lịch*. Trong trường hợp cụ thể, các tuyến du lịch có thể là tuyến nội vùng (á vùng, tiểu vùng, trung tâm) hoặc là tuyến liên vùng (giữa các vùng).

2.2- Trung tâm du lịch

- Trung tâm du lịch là một cấp hết sức quan trọng. Về đại thể, đó là sự kết hợp lãnh thổ của các điểm du lịch cùng loại hay khác loại. Trên lãnh thổ trung tâm du lịch tập trung rất

nhiều điểm du lịch. Nói cách khác, mật độ điểm du lịch trên lãnh thổ này tương đối dày đặc. Mặt khác, trung tâm du lịch gồm các điểm chức năng được đặc trưng bởi sự gắn kết lãnh thổ về mặt kinh tế - kỹ thuật và tổ chức. Nó có khả năng và sức thu hút khách du lịch (nội địa, quốc tế) rất lớn.

- Nguồn tài nguyên du lịch tương đối tập trung và được khai thác một cách cao độ. Có thể nguồn tài nguyên không thật đa dạng (về loại hình), song điều kiện cần thiết là phải tập trung và có khả năng lôi cuốn khách du lịch.

- Có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối phong phú đủ để đón, phục vụ và lưu khách lại trong một thời gian dài.

- Có khả năng tạo vùng du lịch rất cao. Về cơ bản, trung tâm du lịch là một hệ thống lãnh thổ du lịch đặc biệt, hạt nhân của vùng du lịch. Chính nó đã tạo dựng bộ khung để cho vùng du lịch hình thành và phát triển. Theo cách nói thông thường, đây là các "cực" để thu hút các lãnh thổ lân cận vào phạm vi tác động của vùng.

- Có quy mô nhất định về mặt diện tích, bao gồm các điểm du lịch kết hợp với các điểm dân cư và môi trường xung quanh. Về độ lớn, trung tâm du lịch có thể có diện tích tương đương với diện tích của một tỉnh.

2.3- Tiêu vùng du lịch

- Tiêu vùng du lịch là một tập hợp bao gồm các điểm du lịch và trung tâm du lịch (nếu có). Về quy mô, tiêu vùng du lịch bao trùm lãnh thổ của một vài tỉnh. Tuy vậy, sự dao động về diện tích giữa các tiêu vùng cũng khá lớn.

- Tiêu vùng du lịch có nguồn tài nguyên tương đối phong phú về số lượng, đa dạng về chủng loại.

Trong thực tế ở nước ta, có thể phân biệt 2 loại hình tiêu vùng du lịch: tiêu vùng du lịch đã hình thành (hay còn gọi là

tiểu vùng du lịch thực tế) và tiểu vùng du lịch đang hình thành (tiểu vùng du lịch tiềm năng).

Giữa hai loại hình tiểu vùng du lịch có sự chênh lệch đáng kể về trình độ phát triển. Loại tiểu vùng thứ nhất tập trung nhiều tài nguyên và được khai thác mạnh mẽ. Loại hình thứ hai có thể có tài nguyên, song do những lý do nhất định, tiềm năng chưa có điều kiện để trở thành hiện thực.

2.4- Á vùng du lịch

- Á vùng du lịch là tập hợp các điểm vùng, trung tâm (nếu có) và các tiểu vùng du lịch thành một thể thống nhất với mức độ tổng hợp cao hơn, vai trò của cơ sở hạ tầng lớn hơn các thông số hoạt động và lãnh thổ du lịch rộng hơn. Xét về các mối quan hệ dân cư - quân cư và cung cấp những nhu cầu vật chất cho khách du lịch thì á vùng bao gồm cả những địa phương không có các điểm tài nguyên du lịch. Các mối liên hệ bên trong lãnh thổ đa dạng hơn.

- Trong á vùng du lịch có nhiều loại tài nguyên. Trong chừng mức nhất định, chuyên môn hóa đã bắt đầu được thể hiện, mặc dù có thể chưa đậm nét. Sự hình thành và phát triển á vùng du lịch phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Có thể trong một số vùng du lịch, sự phân hóa lãnh thổ chưa dẫn đến hình thành các á vùng. Trong trường hợp ấy, hệ thống phân vị thực sự chỉ còn 4 cấp: Điểm du lịch - Trung tâm du lịch - Tiểu vùng du lịch - Vùng du lịch.

2.5- Vùng du lịch

- Vùng du lịch là cấp cao nhất trong hệ thống phân vị. Đó là một kết hợp lãnh thổ của các á vùng (nếu có), tiểu vùng, trung tâm và điểm du lịch có những đặc trưng riêng về số lượng và chất lượng. Nói cách khác, như trên đã trình bày, vùng du lịch như một tổng thể thống nhất của các đối tượng và hiện tượng tự nhiên, nhân văn - xã hội... bao gồm hệ thống lãnh thổ du lịch và

môi trường kinh tế - xã hội xung quanh với chuyên môn hóa nhất định trong lĩnh vực du lịch.

- Nói tới vùng du lịch, không thể không đề cập tới chuyên môn hóa. Nó chính là bản sắc của vùng, làm cho vùng này khác hẳn với vùng kia.

Ở nước ta, chuyên môn hóa của các vùng du lịch đang trong quá trình hình thành. Tuy nhiên, mỗi vùng chuyên môn hóa gì và xu hướng phát triển ra sao thì còn cần phải nghiên cứu sâu hơn nữa.

- Các mối liên hệ nội, ngoại vùng đa dạng dựa trên nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có của vùng. Về phương diện lãnh thổ, vùng du lịch có diện tích rất lớn, bao gồm nhiều tỉnh. Ngoài ra, với hoạt động du lịch mạnh mẽ, nó còn bao chiếm cả các khu vực không du lịch (điểm dân cư, các khu vực không có tài nguyên và cơ sở du lịch nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với kinh tế du lịch).

- Cũng như các tiểu vùng, người ta chia ra thành vùng du lịch đang hình thành (vùng du lịch tiềm năng) và vùng du lịch đã hình thành (vùng du lịch thực tế). Ở nước ta, có thể có tiểu vùng du lịch thực tế và tiểu vùng du lịch tiềm năng. Song trên bình diện vùng du lịch, chúng ta chưa có vùng du lịch đã hình thành. Vì vậy, *vùng du lịch Việt Nam là vùng du lịch đang hình thành*. Quan niệm này phù hợp hơn với thực tế khách quan đang diễn ra ở nước ta về phương diện du lịch. Chỉ có trên cơ sở quan niệm như vậy mới có thể cất nghĩa một số hiện tượng rất khó lý giải trong thực tế sinh động và đa dạng của hoạt động du lịch.

Chính trong trường hợp này, phân vùng du lịch thể hiện rõ tính kiêng thiết của nó. Vùng du lịch là một thực thể khách quan, tồn tại ngoài ý muốn của con người. Nói như vậy không có nghĩa là con người không có vai trò gì trong việc hình thành và phát triển các vùng. Con người, thông qua công tác phân vùng du lịch, có thể thúc đẩy sự ra đời và phát triển của các vùng du lịch nếu

như việc nghiên cứu của họ tôn trọng các quy luật và thực tế khách quan. Ngược lại, nếu nghiên cứu hoàn toàn chủ quan, không chú ý đến thực tế khách quan thì họ sẽ phải trả giá đắt cho hành động của mình.

3- Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch

Hệ thống phân vị và hệ thống chỉ tiêu là hai vấn đề trung tâm thu hút sự chú ý đặc biệt của những người nghiên cứu. Trong chừng mực nào đó, hệ thống chỉ tiêu phản ánh tính chất khách quan, khoa học của sơ đồ các vùng du lịch bởi vì đó là cơ sở để xác định ranh giới các vùng.

Trong các tài liệu nước ngoài liên quan đến phân vùng du lịch, chúng ta rất ít gặp một hệ thống chỉ tiêu tổng hợp dùng để phân định ranh giới các vùng. Trong khi đó lại có khá nhiều tài liệu đề cập đến phương pháp đánh giá từng loại tài nguyên du lịch, thí dụ, khí hậu, nguồn nước và nước khoáng, động thực vật v.v...

Ở trong nước, dĩ nhiên, thiếu những công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực này. Dù muốn hay không, nhất định phải xây dựng hệ thống chỉ tiêu để xác định ranh giới các vùng du lịch.

Hệ thống chỉ tiêu mà chúng tôi đưa ra xuất phát từ những điểm cơ bản dưới đây:

1. Vùng du lịch được tạo thành bởi nhiều yếu tố. Đó là các yếu tố tạo vùng. Hệ thống chỉ tiêu phân vùng du lịch trước hết phải nhắm vào các yếu tố tạo vùng. Các yếu tố tạo vùng chủ yếu là nguồn tài nguyên (tự nhiên, văn hóa - lịch sử, kinh tế - xã hội), dòng khách du lịch, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật...

Về phương diện lý thuyết, vùng du lịch là một hệ thống lớn bao gồm nhiều hệ thống nhỏ ứng với hệ thống lãnh thổ du lịch. Như đã trình bày ở trên, hệ thống này được hình thành bởi các phân hệ khách, phân hệ tài nguyên, phân hệ công trình kỹ thuật và đội ngũ cán bộ phục vụ. Như vậy, rõ ràng các chỉ tiêu phân

vùng phải đề cập tới nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Đặc trưng của mỗi vùng du lịch được thể hiện qua chuyên môn hóa của nó. Chuyên môn hóa du lịch của vùng bắt nguồn ít nhất từ hai yếu tố: nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch và số lượng du khách với khả năng (tài nguyên, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật...) của vùng.

2. Mỗi vùng du lịch phải có một sức đủ mạnh để thu hút các khu vực xung quanh vào lãnh thổ của vùng. Trong việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu, cần phải lưu ý đúng mức tới vấn đề này.

Từ những quan điểm nêu trên, chúng tôi đưa ra hệ thống chỉ tiêu phân vùng bao gồm 3 *loại chỉ tiêu chính*:

1) Số lượng, chất lượng tài nguyên và sự kết hợp các dạng tài nguyên theo lãnh thổ; 2) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật; 3) Trung tâm tạo vùng.

1- Số lượng, chất lượng tài nguyên và sự kết hợp của chúng theo lãnh thổ

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức lãnh thổ du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch. Do vị trí đặc biệt quan trọng của nó, tài nguyên du lịch được tách ra thành một phân bê riêng biệt trong hệ thống lãnh thổ du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hóa - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng phục vụ trực tiếp vào mục đích du lịch. Xét về cơ cấu có thể chia tài nguyên du lịch làm hai bộ phận cấu thành: tự nhiên và nhân tạo.

Như một yếu tố tạo vùng, tài nguyên du lịch tác động không chỉ tới sự hình thành và phát triển, mà còn đến cả cấu trúc chuyên môn hóa của vùng. Khối lượng nguồn tài nguyên rất cần thiết để xác định quy mô hoạt động của vùng. Thời gian có thể

khai thác quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Trên cơ sở tác động tổng hợp của tài nguyên tự nhiên (khí hậu, địa hình, thực động vật, nguồn nước) đã xuất hiện các kiểu tổ hợp du lịch: tổ hợp du lịch ven biển, tổ hợp du lịch núi, tổ hợp du lịch đồng bằng - đồi. Tài nguyên nhân tạo có nhiều nét khác với tài nguyên tự nhiên. Trước hết, tài nguyên du lịch nhân tạo có tác dụng nhận thức hơn tác dụng giải trí. Việc quan sát các đối tượng nhân tạo thường diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Trong phạm vi một chuyến du lịch, người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng. Từ đó, loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình (tuyến) là thích hợp với khách du lịch. Thứ hai, về phương diện khách du lịch, những người du lịch quan tâm đến tài nguyên nhân tạo thường có trình độ học vấn, thẩm mỹ cao với sở thích rất đa dạng. Thứ ba, tài nguyên nhân tạo thường tập trung ở các điểm dân cư và thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng tốt hơn. Ngoài ra, đại bộ phận tài nguyên nhân tạo không mang tính mùa, ít bị phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Tác động của tài nguyên nhân tạo đến khách du lịch theo từng giai đoạn: thông tin, tiếp xúc, nhận thức, đánh giá, nhận xét.

- Khi đề cập tới chỉ tiêu về tài nguyên, trước hết cần xem xét về mặt số lượng tài nguyên vốn có. Tất nhiên, việc xác định số lượng tài nguyên có tính chất tương đối. Nó phụ thuộc vào trình độ phát triển lực lượng sản xuất. Thí dụ, có thể có tài nguyên ở nơi xa xôi (nhất là tài nguyên tự nhiên). Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật ở đó quá thấp kém. Vì vậy, tài nguyên này được sử dụng hạn chế. Khi "kiểm kê", rõ ràng phải tính đến, nhưng thực tế giá trị sử dụng thấp. Hơn nữa, nếu chỉ tính số lượng đơn thuần nhiều khi không phản ánh hết được thực tế khách quan, thí dụ số lượng tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn có sự khác nhau rất lớn.

- Chất lượng tài nguyên du lịch có tác dụng tạo vùng rất lớn. Trong nhiều trường hợp, số lượng và chất lượng tài nguyên không phù hợp với nhau. Ở một lãnh thổ có thể có rất nhiều tài nguyên, nhưng giá trị của chúng rất kém. Ngược lại, ở lãnh thổ khác tuy ít tài nguyên, song giá trị sử dụng lại cao. Các loại tài nguyên chỉ phát huy tác dụng hấp dẫn khách du lịch khi có chất lượng cao (với điều kiện các yếu tố khác như nhau).

- Ngay đối với từng loại tài nguyên, không phải bất cứ đặc điểm nào của nó cũng đều có ý nghĩa đối với du lịch. Thông thường chỉ có một số đặc điểm nhất định tham gia vào quá trình tạo vùng. Thí dụ, với tư cách là tài nguyên, không phải tất cả các dạng địa hình đều có giá trị du lịch. Tính đa dạng của địa hình có sức thu hút khách rất cao, trong khi đó địa hình đơn điệu ít hấp dẫn du khách. Địa hình núi lôi cuốn khách du lịch mạnh hơn địa hình đồng bằng, bởi vì phong cảnh núi non đa dạng, đẹp, không khí sạch sẽ, mát mẻ, thích hợp cho hoạt động nghỉ ngơi, giải trí v.v... Tất cả những điều trên ít nhiều liên quan tới chất lượng tài nguyên.

- Mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc tạo vùng. Vai trò tạo vùng của tài nguyên du lịch không chỉ dừng lại ở số lượng và chất lượng, mà còn ở sự kết hợp các loại tài nguyên. Mức độ kết hợp tài nguyên càng phong phú, sức thu hút khách du lịch càng mạnh, tác dụng vùng của nó càng cao.

2- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch

- Nếu như tài nguyên là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch thì cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật tạo điều kiện biến những tiềm năng của tài nguyên trở thành hiện thực. Giữa hai chỉ tiêu này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Không có cơ sở hạ tầng và nhất là cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch, tài nguyên

vẫn mãi mãi nằm im dưới dạng tiềm năng. Ngược lại, nếu thiếu tài nguyên sẽ chẳng khi nào có cơ sở vật chất - kỹ thuật cho du lịch. Vì thế, giáo sư người Đức Hunziker mới phân biệt 3 nhóm yếu tố: nhóm tạo nên sức hấp dẫn du lịch (các loại tài nguyên du lịch); nhóm đảm bảo việc đi lại, tham quan du lịch của khách (chủ yếu là giao thông) và nhóm đảm bảo việc lưu lại của khách (cơ sở vật chất - kỹ thuật).

- Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc hình thành và phát triển vùng du lịch. Trong cơ sở hạ tầng, nổi lên hàng đầu là mạng lưới và phương tiện giao thông.

Du lịch gắn liền với việc di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc rất nhiều vào giao thông (mạng lưới đường sá và phương tiện vận chuyển). Một đối tượng có sức hấp dẫn cao đối với khách du lịch, nhưng vẫn chưa thể khai thác được khi thiếu giao thông. Việc phát triển giao thông, đặc biệt là tăng nhanh phương tiện vận chuyển (công cộng và cá nhân) cho phép mau chóng khai thác các nguồn tài nguyên du lịch mới. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, du lịch mới có điều kiện trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội, các vùng du lịch mới nhanh chóng được hình thành.

Mỗi loại giao thông có những đặc điểm riêng, có ưu nhược điểm riêng, nhưng đều nhằm mục đích phục vụ cho việc đi lại của khách. Trong một số trường hợp, các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và chuyên dùng trong du lịch. Nó được trở thành một bộ phận riêng tách ra từ cơ sở hạ tầng.

- Để đảm bảo cho vùng du lịch hoạt động bình thường, phải có hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết như các khách sạn, nhà hàng, camping, cửa hiệu, nơi vui chơi giải trí... Khâu trung tâm của nó chủ yếu là các phương tiện phục vụ cho việc ăn ngủ của khách du lịch. Các công trình kỹ thuật đảm bảo cho hoạt động du lịch được coi như cơ sở hạ tầng du lịch (Khatjinicolov, 1967). Việc đánh giá cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch

dựa trên 3 loại tiêu chuẩn chủ yếu sau đây: 1) Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho việc nghỉ ngơi du lịch; 2) Đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong quá trình xây dựng và khai thác, sử dụng các công trình kỹ thuật; 3) Thuận tiện cho việc thu hút khách từ các nơi tới.

- Cần phải xem xét, đánh giá số lượng, chất lượng của cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Với tư cách là một chỉ tiêu phân vùng du lịch, việc nghiên cứu không chỉ dừng ở mức đánh giá hiện trạng (mặc dù rất quan trọng, là cứ liệu để phân vùng), mà còn thấy trước được sự phát triển tương lai của vùng để đáp ứng kịp thời nhu cầu du lịch. Ngoài ra, cần phải chú ý tới đội ngũ cán bộ nhân viên du lịch, tuy về mặt lý luận, đội ngũ cán bộ không thể xếp vào cơ sở vật chất - kỹ thuật. Đây cũng là một yếu tố có tác dụng nhất định trong việc hình thành và phát triển vùng du lịch.

3- Trung tâm tạo vùng

Mỗi vùng du lịch ít nhất phải có một trung tâm tạo vùng. Một lãnh thổ có thể có nhiều tài nguyên du lịch, song nếu thiếu sức hút của một trung tâm tạo vùng thì lãnh thổ ấy không có khả năng lôi kéo quanh mình các lãnh thổ lân cận để tạo thành một vùng du lịch. Vì thế, có thể coi trung tâm tạo vùng là một trong những chỉ tiêu để phân vùng du lịch.

Tất nhiên, các chỉ tiêu: tài nguyên - cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật - trung tâm tạo vùng có liên quan chặt chẽ với nhau. Song cần thấy rằng, một lãnh thổ có tài nguyên và cơ sở vật chất - kỹ thuật tốt, nhưng chưa chắc đã trở thành trung tâm tạo vùng. Nguoc lại, một trung tâm tạo vùng chắc chắn có tài nguyên được sử dụng triệt để và mang lưới cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật tốt.

Trung tâm tạo vùng phải có nguồn tài nguyên phong phú, được sử dụng ở mức rất cao và có cơ sở hạ tầng cũng như cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng để thỏa mãn nhu cầu của đồng

đảo khách du lịch. Các tiền đề ấy trở thành điều kiện thuận lợi cho việc hình thành trung tâm. Hơn thế nữa, trung tâm tạo vùng phải có sức thu hút mạnh mẽ các lãnh thổ xung quanh. Sức hút ấy đến đâu còn tùy thuộc vào quy mô và sức mạnh của trung tâm. Trung tâm tạo vùng càng lớn, sức hút của nó càng mạnh.

Về nguyên tắc, có thể phân biệt hai loại trung tâm tạo vùng: trung tâm tạo vùng quy mô toàn quốc (tạo nên các vùng du lịch) và trung tâm tạo vùng quy mô địa phương (tạo nên các á vùng, tiểu vùng). Những trung tâm lớn nhất thường có sức hút mạnh và tạo nên các vùng du lịch. Thí dụ, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... là hai trung tâm tạo vùng lớn nhất nước ta có vai trò lớn trong việc hình thành hai vùng du lịch. Các trung tâm nhỏ hơn tạo nên các vùng ở cấp thấp hơn.

- Ý nghĩa đặc biệt (đôi khi quyết định) của trung tâm tạo vùng được thể hiện rõ nét trong quá trình xác định ranh giới các vùng du lịch. Nhiều người cho rằng, ranh giới của vùng được xác định ở nơi mà sức hút của trung tâm tạo vùng vừa mới chấm dứt. Lãnh thổ càng gần trung tâm tạo vùng càng bị hút mạnh. Ngược lại, càng xa trung tâm, sức hút càng yếu đi. Tới một khoảng cách nào đó, sức hút của trung tâm yếu dần và chấm dứt. Đó là ranh giới của vùng du lịch. Vượt quá ranh giới này là lãnh thổ của vùng du lịch khác với trung tâm tạo vùng khác. Trong một vài trường hợp, khi các chỉ tiêu khác nhau, việc sắp xếp một lãnh thổ nào đó vào vùng du lịch này hay vào vùng du lịch kia là do sức hút của trung tâm tạo vùng quyết định.

4- Phương pháp phân vùng du lịch

4.1- Các phương pháp chung

Phân vùng du lịch sử dụng nhiều phương pháp của các ngành khoa học như địa lý học, toán học, thống kê học, bản đồ học v.v... Mỗi phương pháp có những đặc thù riêng và được áp dụng ở mức khác nhau vào phân vùng du lịch. Dưới đây là các phương pháp chung ít nhiều được sử dụng trong phân vùng

du lịch. Về cơ bản, từng phương pháp cụ thể và sự kết hợp giữa các phương pháp với nhau tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân chia các vùng du lịch một cách khách quan, có cơ sở khoa học:

• Phương pháp tiếp cận hệ thống và phân tích hệ thống

Như đã nêu ở các phần trên, hệ thống lãnh thổ du lịch có vai trò quan trọng. Nó là hạt nhân và cũng là bộ khung để hình thành vùng du lịch. Vùng du lịch thực chất là một hệ thống lớn bao gồm nhiều hệ thống nhỏ.

Hệ thống lãnh thổ du lịch có đặc điểm tổng hợp với tính đa dạng và phức tạp của các mối liên hệ (nội ngành - liên ngành, nội vùng - liên vùng), của các chức năng xã hội, điều kiện và yếu tố phát triển, của các hình thức tổ chức theo lãnh thổ. Để nghiên cứu có kết quả, phương pháp tiếp cận hệ thống và phân tích hệ thống cần được sử dụng vào phân vùng du lịch.

Sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống cho phép xác định được hệ thống lãnh thổ du lịch và các mô hình của nó với 3 mức độ khác nhau: 1) Tìm kiếm và nêu lên các mô hình của đối tượng nghiên cứu; 2) Thu thập và phân tích thông tin ban đầu, vạch ra các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; 3) Xác định cấu trúc tối ưu của hệ thống lãnh thổ du lịch với các hàm mục tiêu.

Tiếp cận hệ thống có nhiệm vụ phân tích liên hợp các khía cạnh thành phần (đối tượng), hoạt động, lịch sử của sự hình thành, động thái và phát triển các hệ thống.

Khía cạnh thành phần (đối tượng) của sự nghiên cứu hệ thống các hệ thống lãnh thổ du lịch bao gồm việc tìm lời giải của hai bài toán có liên hệ với nhau; 1) Hệ thống lãnh thổ du lịch đang được nghiên cứu (phân tích thành phần) bao gồm những thành phần (phân hệ) nào; 2) Các thành phần (phân hệ) ấy quan hệ với nhau (phân tích cấu trúc) ra sao. Đáp số của hai bài toán này cho phép xác định mức độ phức tạp, quy luật liên hệ qua lại

giữa các thành phần thuộc hệ thống, so sánh hệ thống này với hệ thống kia.

Khía cạnh hoạt động của phân tích hệ thống các hệ thống lãnh thổ du lịch nhằm mục đích nghiên cứu cơ chế hoạt động bên trong của hệ thống trong quá trình tác động qua lại giữa các thành phần, cũng như cả hoạt động bên ngoài và tác động qua lại với môi trường xung quanh. Việc phân tích tác động qua lại bên trong của hệ thống lãnh thổ du lịch tạo điều kiện cho chúng ta có thể xác định được các mô hình khách thể - trung tâm và chủ thể - trung tâm của hệ thống (Iu. A: Vedenin, 1982), toàn bộ các mối liên hệ bên ngoài và tác động qua lại với không gian xung quanh.

Khía cạnh lịch sử của việc nghiên cứu hệ thống có hai xu hướng: 1) Phân tích nguồn gốc phát sinh (vạch ra nguồn gốc, các giai đoạn hình thành và phát triển của một kiểu hệ thống lãnh thổ du lịch nào đó); 2) Phân tích dự báo (xác định tương lai phát triển và các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch). Khía cạnh này thể hiện ở việc nêu lên các giai đoạn chủ yếu của quá trình hình thành hệ thống và các phân hệ của nó, các xu hướng phát triển của hệ thống lãnh thổ du lịch với chuyên môn hóa khác nhau và dự kiến sơ đồ phân vùng du lịch trong tương lai.

- Phương pháp phân tích toán học

Trong điều kiện hiện nay, phương pháp phân tích toán học đem lại hiệu quả rõ rệt cho nghiên cứu phân vùng. Trong phân vùng du lịch, có thể còn sử dụng một số phương pháp khác. Thí dụ, phương pháp mẫu thống kê chuyên dùng để nghiên cứu khả năng chọn lọc trong du lịch. Còn phương pháp phân tích tương quan nhằm xác định tổng hợp các nhân tố và ảnh hưởng của chúng đến việc hình thành hệ thống lãnh thổ du lịch. Trong khi đó, muốn phân tích cấu trúc, đánh giá môi trường nghỉ ngơi du lịch, xác định chất lượng dịch vụ, tính động lực, tính toàn vẹn,

tính thích hợp của hệ thống lại phải nhờ sự hỗ trợ của phương pháp phân tích cấu trúc và phân tích nhân tố.

- Phương pháp cân đối

Phương pháp cân đối là tập hợp các phương pháp tính toán nhằm phân tích, lập kế hoạch và dự báo sự phát triển của hệ thống lãnh thổ du lịch có chú ý tới khối lượng, cơ cấu nhu cầu, tài nguyên và sức chứa của hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch. Phương pháp này cũng có thể dùng để tính tương quan giữa mức thu nhập của dân cư với chi phí của họ cho hoạt động nghỉ ngơi du lịch, đảm bảo nguồn lao động, xác định quy mô cần thiết của các lãnh thổ du lịch. Nó còn có khả năng to lớn trong việc tối ưu hóa các dòng khách du lịch giữa các vùng (thí dụ, cân đối giữa nhu cầu và nguồn tài nguyên hiện có). Trong phân vùng du lịch, đây là một trong những phương pháp cần thiết và tỏ ra có hiệu quả.

- Phương pháp bản đồ

Phương pháp bản đồ có mặt ngay từ khi bắt đầu nghiên cứu. Bản đồ không chỉ như một phương tiện phản ánh những đặc điểm không gian về nguồn tài nguyên, các luồng khách, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch hoặc các thuộc tính riêng của hệ thống lãnh thổ du lịch (tính ổn định, tính thích hợp...), mà còn là một trong những cơ sở để thu được lượng thông tin mới và vạch ra tính quy luật hoạt động của cả hệ thống. Tính hệ thống của đối tượng nghiên cứu đòi hỏi phải sử dụng và phân tích hàng loạt bản đồ thành phần.

- Ngoài ra, còn một số phương pháp khác được sử dụng trong phân vùng du lịch, thí dụ phương pháp thu thập tài liệu, phương pháp thực địa.

4.2. Phương pháp xác định ranh giới vùng du lịch

• Quan niệm về ranh giới vùng

Việc xác định ranh giới vùng du lịch là một trong những khâu phức tạp nhất trong phân vùng du lịch. Ở mức độ nhất

định, nó quyết định sự thành bại của phương án phân vùng. Bởi vậy, trong quá trình nghiên cứu, nhất thiết phải vận dụng các quan điểm khác nhau, đặc biệt là quan điểm tổng hợp và quan điểm hệ thống.

Trong phân vùng, người ta thường đưa ra một số nguyên tắc nhất định. Một trong những nguyên tắc chủ yếu được trình bày ở đây là nguyên tắc hành chính. Phân vùng du lịch là phân ngành. Phần lớn các tư liệu đều được thu thập theo đơn vị hành chính (thí dụ, số lượng di tích lịch sử, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ khách du lịch, số lượng khách, đội ngũ cán bộ nhân viên v.v...). Giống như các kiểu phân vùng ngành khác (thí dụ, công nghiệp, nông nghiệp), ranh giới các vùng du lịch được xác định theo ranh giới hành chính.

Hơn nữa, ranh giới các vùng du lịch nên hiểu là một dải, mặc dù nó được phân định theo ranh giới hành chính (các tỉnh). Điều này thực ra không có sự mâu thuẫn. Về nguyên tắc, ranh giới vùng là ở nơi mà sức hút của trung tâm tạo vùng vừa chấm dứt. Trong một số trường hợp, ranh giới này không phải lúc nào cũng trùng với ranh giới hành chính. Tuy nhiên, khi xác định ranh giới chính thức của vùng, để thuận tiện cho việc phân chia, người ta phải sử dụng ranh giới hành chính. Vì thế, có thể lấy ranh giới hành chính (tỉnh) gần với ranh giới theo sức hút nhất làm ranh giới của vùng. Vì vùng du lịch Việt Nam là vùng du lịch đang hình thành nên trong thực tế, ranh giới vùng ít nhiều thể hiện chưa thật rõ nét.

- Các bước và phương pháp tiến hành

Để tiến hành xác định ranh giới các vùng du lịch, chúng tôi căn cứ vào 3 chỉ tiêu như đã trình bày ở trên. Phương pháp tiến hành cụ thể như sau:

1. Xác định sự phân hóa lãnh thổ dựa theo nguồn tài nguyên du lịch:

- + Kiểm kê nguồn tài nguyên du lịch theo lãnh thổ. Đây là một công việc phức tạp bao gồm khối lượng tài liệu đồ sộ. Cần phải thu thập được các số liệu liên quan đến tài nguyên du lịch tự nhiên (địa hình, khí hậu, nguồn nước, động thực vật) và tài nguyên du lịch nhân tạo (di tích văn hóa lịch sử, các lễ hội văn hóa dân gian...)
- + Xử lý và phân loại tư liệu. Sau khi thu nhập số liệu, cần phải xử lý và phân loại, bởi vì có sự chênh lệch giữa số liệu từ các nguồn khác nhau. Do vậy, việc xử lý, phân loại và "xác minh" các số liệu đã thu thập được có tầm quan trọng đặc biệt. Không thể thu được kết quả đúng đắn nếu như việc nghiên cứu dựa trên cơ sở nguồn tư liệu thiếu chính xác.
- + Đánh giá tài nguyên du lịch theo lãnh thổ (số lượng, chất lượng). Có 2 loại tài nguyên du lịch: tự nhiên và nhân tạo.

Để đánh giá tài nguyên, nhất là tài nguyên du lịch nhân tạo, có thể sử dụng các thang điểm (phân bậc) và tính hệ số (tùy theo mức độ quan trọng của chỉ tiêu). Thông thường các thang 5 bậc (hay 3 bậc) được sử dụng rộng rãi. Thí dụ, khi đánh giá một tài nguyên nào đó cho mục đích du lịch, các bậc được phân như sau: Rất thuận lợi - Thuận lợi - Trung bình - Kém thuận lợi - Không thuận lợi.

- + Xác định sự phân hóa tài nguyên theo lãnh thổ. Dựa vào việc đánh giá từng loại tài nguyên nêu trên, tiến hành xác định sự phân hóa của tổng hợp các loại tài nguyên (tự nhiên, nhân tạo).

2- Xác định sự phân hóa lãnh thổ dựa vào cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch.

Về nguyên tắc, việc xác định sự phân hóa lãnh thổ theo tiêu chuẩn này cũng tương tự như việc xác định sự phân hóa

lãnh thổ theo tiêu chuẩn trước. Có thể tiến hành theo các bước sau đây:

- + Kiểm kê cơ sở hạ tầng (chủ yếu là mạng lưới giao thông) và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch theo các đơn vị hành chính (tỉnh). Những số liệu tối thiểu cần thu thập là: hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, các cảng, sân bay nội địa và quốc tế), hệ thống khách sạn (khả năng đón khách và trong chừng mức nhất định, thu thập cả số liệu cán bộ nhân viên phục vụ) và những cơ sở liên quan tới việc phục vụ cho khách du lịch.
- + Xử lý và phân loại tài liệu thu thập được. Có thể tham khảo và chỉnh lý số liệu từ các nguồn khác nhau (địa phương, trung ương).
- + Đánh giá cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch theo các tỉnh và xác định sự phân chia của chúng theo đơn vị tỉnh.

3- Xác định các trung tâm tạo vùng và sức hút của chúng.

- + Căn cứ vào tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch, có thể xác định được các trung tâm tạo vùng. Ví dụ, Hà Nội là thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước. Ở đây, nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối tốt. Vì thế, Hà Nội có sức hút mạnh. Cũng tương tự như vậy đối với thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với trung tâm Huế - Đà Nẵng, có thể coi đó là trung tâm đồng vị. Tuy sức hút của trung tâm không mạnh như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nhưng nó cũng đủ lớn để tạo nên vùng du lịch. Dĩ nhiên, sức hút không bằng hai trung tâm trên của Huế - Đà Nẵng được phản ánh qua quy mô lãnh thổ của vùng do nó tạo nên.

- + Việc tính toán sức hút của một trung tâm tạo vùng rất phức tạp. Sức hút của trung tâm được tính bằng sức lôi cuốn khách du lịch. Điều đó nghĩa là phạm vi lôi cuốn khách đến đâu thì ở đấy sẽ là ranh giới của vùng du lịch.

4- Xác định ranh giới của các vùng du lịch trên cơ sở tổng hợp ba chỉ tiêu kể trên.

- + Đây là bước cuối cùng của việc đưa ra sơ đồ các vùng du lịch. Trước khi xác định ranh giới các vùng, ngoài nguyên tắc hành chính đã nêu ở trên, cần lưu ý cả đến tính chất liền kề lãnh thổ của các đơn vị lãnh thổ cấu thành vùng du lịch. Trong thực tế xác định ranh giới vùng, vấn đề này có ý nghĩa rất thiết thực. Thí dụ, giữa các tỉnh có các chỉ tiêu ở mức tương đối giống nhau có thể xuất hiện 1-2 tỉnh có các chỉ tiêu ở mức thấp (hoặc cao) hơn. Về thực chất, không thể gộp 1-2 tỉnh ấy vào lãnh thổ của vùng du lịch gồm các tỉnh có các chỉ tiêu ở mức giống nhau. Thế nhưng rõ ràng không thể kéo 1-2 tỉnh ấy sang vùng du lịch

Khi vách ranh giới các vùng du lịch Việt Nam, đã xảy ra một vài trường hợp tương tự như vậy.

PHẦN II. ĐỊA LÍ DU LỊCH VIỆT NAM

Tổ chức lãnh thổ du lịch và phân vùng du lịch

Là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển du lịch để đảm bảo sự chỉ đạo, phát triển du lịch Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đạt hiệu quả kinh tế-xã hội thiết thực và duy trì môi trường lâu bền.

Tổ chức lãnh thổ du lịch là sự phân hóa không gian của du lịch căn cứ trên các điều kiện tài nguyên du lịch, hiện trạng các cơ sở hạ tầng, cở sở vật chất kỹ thuật và lao động ngành cùng các mối liên hệ với điều kiện phát sinh của ngành với các ngành khác, với các địa phương và rộng hơn với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Tổ chức lãnh thổ du lịch là một bộ phận không thể tách rời với các định hướng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và vùng, với các định hướng đô thị hóa, bảo vệ môi trường sinh thái lâu bền, với các định hướng khoa học công nghệ và các yêu cầu của an ninh quốc phòng.

Theo phương án của Viện nghiên cứu phát triển du lịch (1991), hệ thống phân vị Việt Nam có 5 cấp (từ thấp đến cao)

1- Điểm du lịch; 2- Trung tâm du lịch; 3- Tiểu vùng du lịch;
4- Á vùng du lịch; 5- Vùng du lịch.

Phân vùng du lịch Việt Nam chủ yếu dựa trên các tiêu chí sau đây:

- Loại hình sản phẩm du lịch độc đáo.
- Điều kiện môi trường tự nhiên về du lịch.

- Điều kiện môi trường nhân văn, đặc biệt là các di sản văn hóa, lịch sử, các lễ hội truyền thống.
- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị hóa và mức thu nhập bình quân/người.
- Điều kiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, đặc biệt là hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, tổ chức vui chơi giải trí, đi lại, thông tin liên lạc.

Căn cứ vào các tiêu chí trên, nước ta được chia thành ba vùng du lịch: vùng du lịch Bắc Bộ, vùng du lịch Bắc Trung Bộ và vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ với 2 á vùng du lịch: Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Để có thể xác định rõ ràng các đặc điểm riêng của từng vùng du lịch, ta cần phân tích các đặc điểm chung sau:

Đối với vùng Bắc Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

Đối với vùng Trung Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

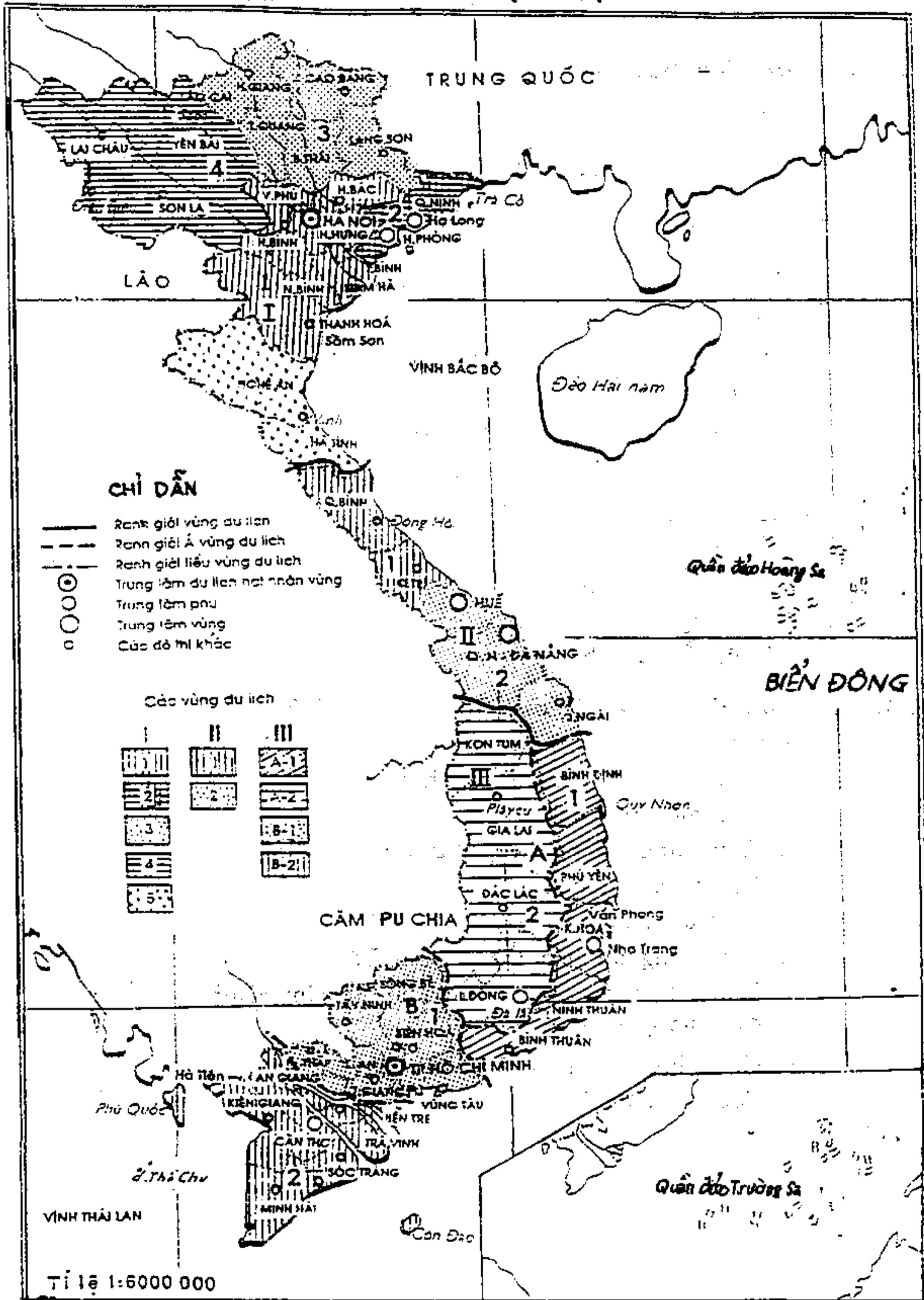
Đối với vùng Nam Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

Đối với vùng Nam Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

Đối với vùng Nam Trung Bộ, đây là vùng có khí hậu ôn đới, đất đai màu mỡ, có nhiều suối, sông, hồ, biển cả, rừng già.

CÁC VÙNG DU LỊCH VIỆT NAM



NGUỒN: VIÊN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Chú giải: Các vùng du lịch Việt Nam

I. Vùng du lịch Bắc Bộ

1. Tiểu vùng du lịch trung tâm
Trung tâm du lịch Hà Nội
Các điểm du lịch.
2. Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc
Các điểm du lịch.
3. Tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc
Các điểm du lịch.
4. Tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc
Các điểm du lịch
5. Tiểu vùng du lịch Nam Bắc Bộ
Các điểm du lịch

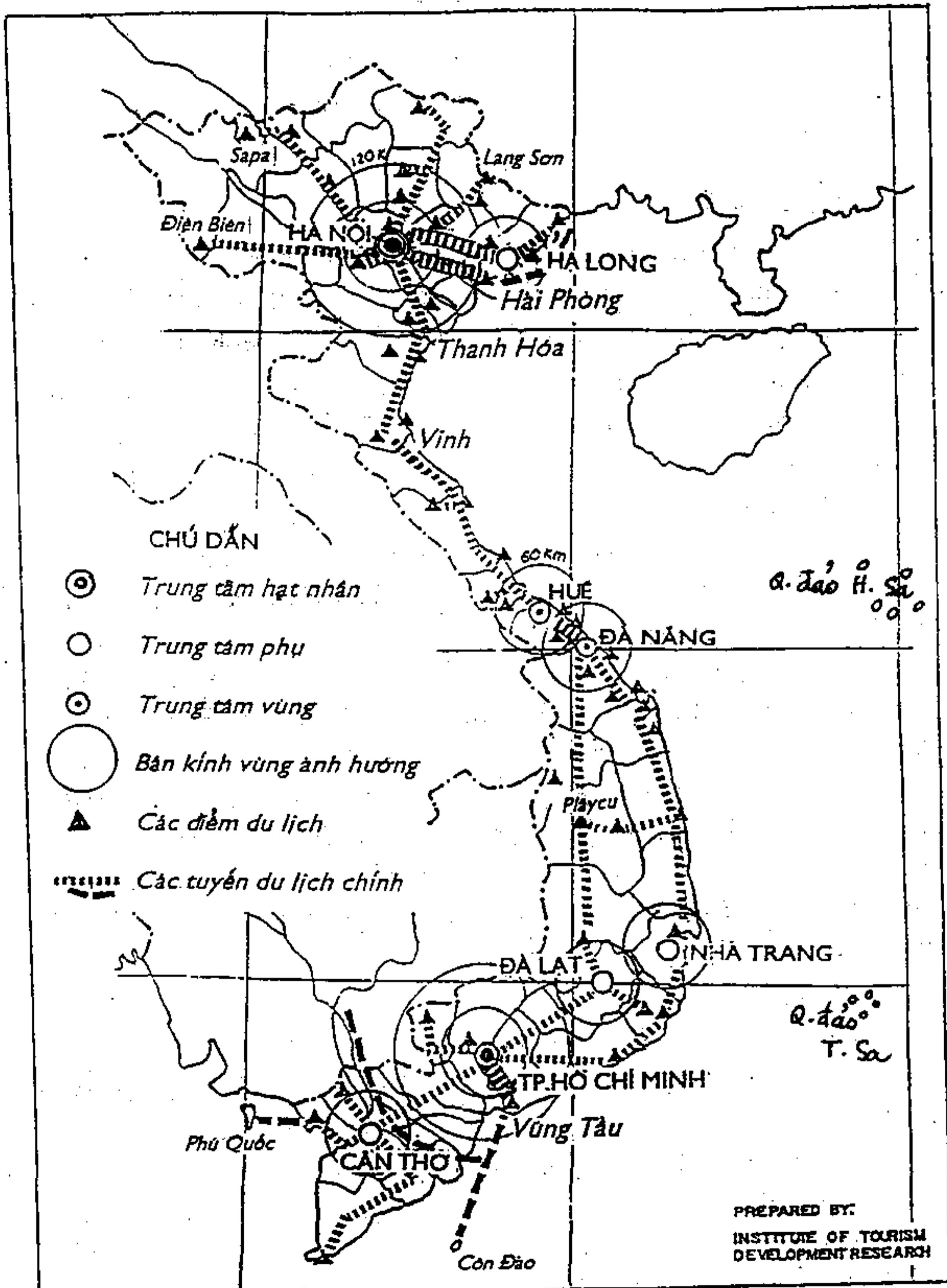
II. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ

1. Tiểu vùng du lịch phía Bắc
Các điểm du lịch
2. Tiểu vùng du lịch phía Nam
Các điểm du lịch

III. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- A. Á vùng du lịch Nam Trung Bộ
 1. Tiểu vùng du lịch duyên hải
Các điểm du lịch
 2. Tiểu vùng du lịch Tây Nguyên
Các điểm du lịch
- B. Á vùng du lịch Nam Bộ
 1. Tiểu vùng du lịch Đông Nam Bộ
Trung tâm du lịch thành phố Hồ Chí Minh
Các điểm du lịch
 2. Tiểu vùng du lịch Tây Nam Bộ
Các điểm du lịch

BẢN ĐỒ CÁC TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH CHỦ YẾU



Chương I

VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ

I. KHÁI QUÁT

Vùng du lịch Bắc Bộ bao gồm 23 tỉnh từ Hà Giang đến Hà Tĩnh với thủ đô Hà Nội là trung tâm của vùng và tam giác động lực tăng trưởng du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Vùng này có diện tích 149.064 km², với dân số 33.887.200 người (1994) chiếm 45% diện tích và 46,7% số dân của Việt Nam, mật độ dân số trung bình là 227 người/km².

Vùng du lịch Bắc Bộ có 6 tỉnh ở phía bắc là Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai và Lai Châu tiếp giáp với ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc, có 5 tỉnh ở phía Tây là Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh giáp với 5 tỉnh của Lào là Phông Xa Lỳ, Luông Pha Băng, Hùa Phăn, Xiêng Khoảng và Khăm Muộn. Đặc biệt toàn bộ phía đông của vùng này tiếp giáp với Vịnh Bắc Bộ với bờ biển gần 1.000 km và hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ. Vùng du lịch Bắc Bộ biểu hiện đầy đủ và tập trung nhất về đất nước và con người Việt Nam. Thiên nhiên ở vùng này thật phong phú, đa dạng và có nhiều nét độc đáo mang sắc thái của cảnh quan nhiệt đới gió mùa ẩm.

Ở đây có những vùng núi non hùng vĩ và hiểm trở xuất hiện sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam cách đây hàng trăm triệu năm, tiêu biểu như dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-Xi-Păng 3143m cao nhất bán đảo Đông Dương; có những cánh rừng bạt ngàn với những khu rừng nhiệt đới nguyên sinh nổi tiếng, đặc biệt phong phú về số lượng loài động thực vật, trong đó có nhiều loại được xếp vào loài quý hiếm của thế giới, lại có cả một vùng đồng bằng tam giác châu thổ được bù đắp bằng phù sa màu mỡ

của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, tạo nên một trong hai vựa lúa nổi tiếng của Việt Nam và cả một vùng biển rộng với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú, nhiều hải cảng tốt và bãi biển đẹp.

Khí hậu của vùng này cũng rất đặc sắc, quanh năm có ánh nắng chan hòa. Trừ các vùng núi cao bị rét lạnh vào mấy tháng mùa đông, nhưng lại rất mát mẻ trong những tháng hè, còn ở các vùng thấp và ven biển khí hậu khá ôn hòa, dồi dào nhiệt ẩm rất thích nghi với sự phát triển của các loài động thực vật nhiệt đới, đặc biệt rất dễ chịu với con người vào mùa thu, đông và mùa xuân.

Thiên nhiên ở vùng này càng trở nên giàu đẹp nhờ bàn tay khai phá của con người. Cảnh quan nông nghiệp trồng lúa là nét đặc trưng của vùng du lịch Bắc Bộ.

Dân tộc Việt Nam thuở đầu khai thiên lập địa cũng từ vùng này. Cùng chung sống trong một đại gia đình gồm hàng chục dân tộc anh em, người Việt Nam đã sáng tạo nên lịch sử và nền văn hóa của mình. Hàng năm từ khắp nơi trong cả nước nhân dân hành hương về viếng mộ tổ Hùng Vương tại núi Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Ở vùng này đã diễn ra những sự kiện lớn trong suốt quá trình lịch sử hơn 4.000 năm của dân tộc Việt Nam, vì thế còn tồn tại rất nhiều di tích lịch sử, lưu truyền biết bao truyền thuyết dân gian, để lại cho hậu thế nhiều công trình văn hóa, nghệ thuật có giá trị, với các danh nhân kiệt xuất, nổi tiếng khắp năm châu như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh.

Cư trú ở nhiều vùng tự nhiên, kinh tế khác nhau, con người Việt Nam có những phong tục tập quán khác nhau, có nếp sống sinh hoạt và lao động khác nhau, những tín ngưỡng và tôn giáo không giống nhau, tạo nên các địa phương với những đặc trưng rất đa dạng, kỳ thú, có sức hấp dẫn rất lớn không những đối với người nước ngoài và ngay cả đối với người trong nước ở các vùng

khác nhau quan tâm và khát khao tìm hiểu; điển hình nhất là một số vùng cư trú tập trung của dân tộc Mường ở Hoa Bình, Thanh Hóa, của dân tộc Thái ở Tây Bắc, của dân tộc Tày-Nùng ở Việt Bắc, một số làng quê truyền thống ở Hà Bắc, Nam Hà, khu phố cổ ở Hà Nội.

Bên cạnh dạng quần cư nông thôn phổ biến ở đồng bằng và miền núi Bắc Bộ, ngày nay các đô thị đã được hình thành và phát triển nhanh chóng cùng với quá trình công nghiệp hóa đất nước. Vùng du lịch Bắc Bộ có nhiều thành phố, nhiều trung tâm công nghiệp tập trung đông dân quan trọng. Hà Nội là thủ đô, là thành phố đông dân thứ hai trong cả nước, sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa khoa học của cả nước. Nhờ vị trí hết sức thuận lợi, Hà Nội còn là một đầu mối giao thông quan trọng cả về đường bộ, đường sắt, đường sông và đường hàng không. Từ Hà Nội có thể đi lại khá thuận tiện đến mọi nơi trong vùng cũng như cả nước và tới các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

II. TIỀM NĂNG DU LỊCH

Vùng du lịch Bắc Bộ có tiềm năng du lịch rất phong phú, đa dạng và có sức hấp dẫn thật lớn chẳng những đối với khách du lịch trong nước mà còn với khách du lịch nước ngoài và bà con Việt kiều ở xa Tổ quốc, có khả năng đáp ứng các yêu cầu của nhiều loại hình du lịch với các loại đối tượng khác nhau và khả năng tiếp nhận số lượng lớn khách du lịch.

Về mặt tự nhiên, trước hết ở vùng này có rất nhiều cảnh đẹp. Cảnh thiên nhiên ở đây có những nét hùng vĩ, thơ mộng của núi rừng như thị trấn Sa Pa ở độ cao 1.500m trên mực nước biển, mờ ảo trong sương mù; như treo bên sườn của dãy Hoàng Liên Sơn cao ngất, là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng ở Việt Nam; cũng có khí ôn hòa, sôi động như ở các thác nước Bản Giốc, Đầu Rồng (Cao Bằng) hoặc cảnh tĩnh mịch trong các cánh rừng già nguyên sinh như ở các Vườn Quốc gia Cúc Phương (Ninh

Bình), Ba Vì (Hà Tây), đảo Cát Bà (Hải Phòng) với hệ sinh thái rùng râm nhiệt đới rất điển hình, hoàn toàn làm thỏa mãn trí tò mò của các du khách và lòng say mê nghiên cứu của các nhà khoa học; có những nét bí hiểm, lạ mắt của các hang động như ở Hương Sơn (Hà Tây) được mệnh danh là "Nam thiên đệ nhất động" khiến khách du lịch ai mà chẳng muốn đến đó dù chỉ là một lần; có những bãi biển cát trắng phẳng lì, chan hòa ánh nắng và quanh năm lộng gió như Trà Cổ (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), có sức thu hút đặc biệt, mỗi năm đón hàng trăm nghìn người tới nghỉ mát, tắm biển. Đặc biệt cảnh đẹp thiên nhiên ở vùng này tiêu biểu nhất là Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), một danh thắng nổi tiếng thế giới. Khách du lịch tới đây hẳn phải sững sờ trước vẻ đẹp tạo hóa sinh ra, tha hồ mà khám phá những điều kỳ thú của cả một thế giới đảo đá với muôn hình muôn vẻ, nửa nổi nửa chìm trong vịnh biển.

Cùng với những cảnh đẹp, khí hậu vùng này ấm áp, trong lành, rất thích hợp với mọi hoạt động du lịch và có thể khai thác được quanh năm. Những tháng hè nóng bức của vùng nhiệt đới, ở vùng này thường từ tháng 5 đến tháng 9, lại là điều kiện kích thích mạnh mẽ dòng người đi du lịch nghỉ mát, tắm biển. Vùng núi cao và các bãi biển trong vùng đã sẵn sàng chờ đón họ. Khách du lịch nước ngoài thường khao khát và tận hưởng ánh nắng nhiệt đới chói chang ở đây, nhất là lúc đang vào thời kỳ mùa đông ở xứ sở của họ.

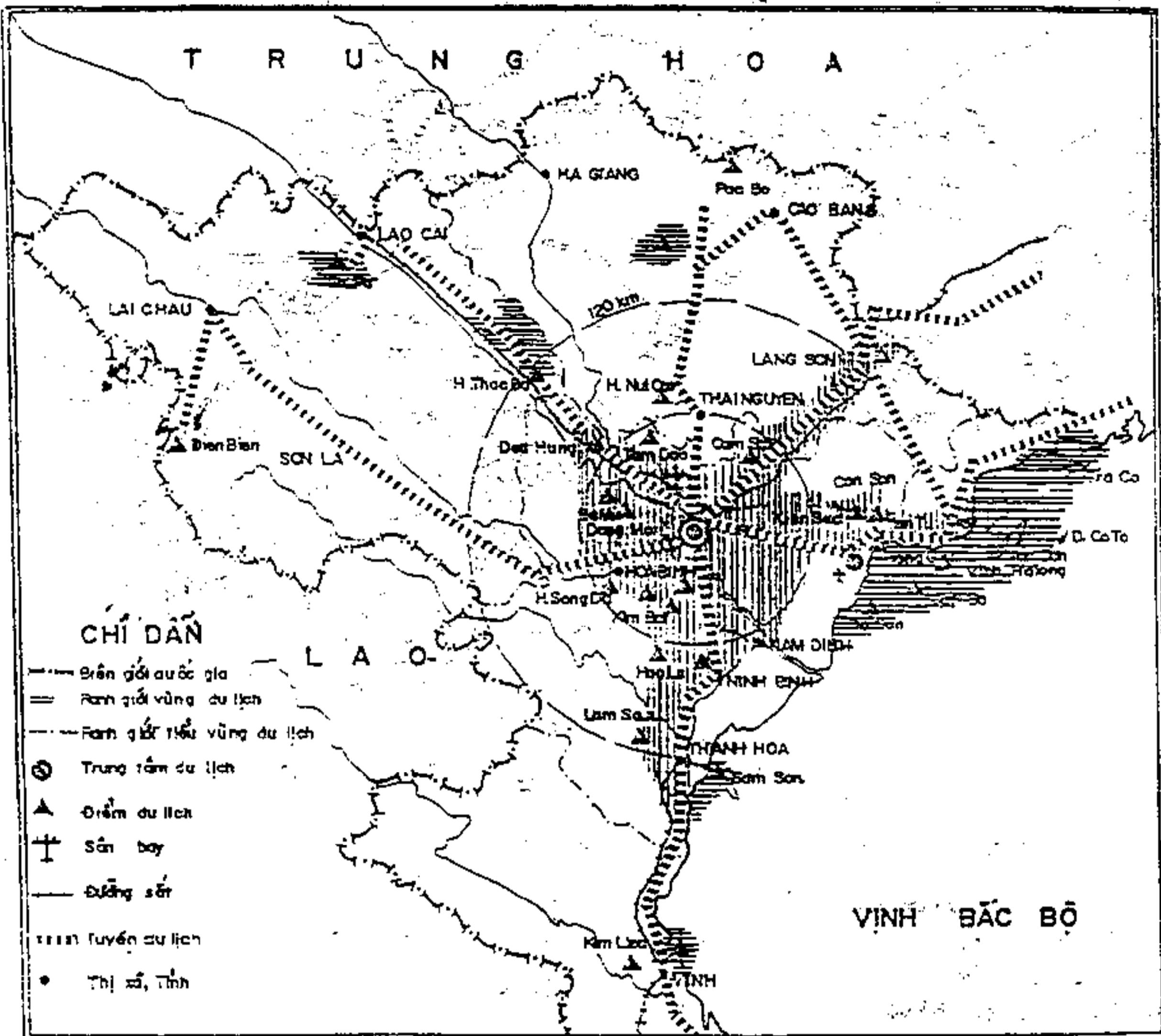
Thiên nhiên ở vùng này cũng thật hào phóng, ưu ái dành cho khách du lịch được thưởng thức nhiều của ngon vật lạ, từ những đặc sản dưới biển như các loại cá ngon, tôm hùm, sò huyết, cua biển, bào ngư... đến các đặc sản của núi rùng như măng, nấm hương, thịt chim, thú rùng được phép săn bắn, đến các loại dược liệu quý như sâm, nhung, tam thất... Ở đây còn khai thác được nguồn nước khoáng theo các mạch suối tự nhiên hay nằm sâu trong lòng đất, được chế biến làm nước giải khát hoặc để chữa

bệnh, đủ sức thỏa mãn mọi nhu cầu của khách du lịch. Nguồn nước khoáng Kim Bôi (Hòa Bình), Quang Hanh (Quảng Ninh), Tiên Hải (Thái Bình), Tiên Lãng (Hải Phòng) đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và có khả năng khai thác tốt.

Về đại thể, có thể sơ bộ đánh giá sự thu hút khách và khả năng khai thác trước mắt của một số dạng tài nguyên du lịch về mặt tự nhiên tại một số điểm du lịch ở vùng này (Bảng 3):

VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ

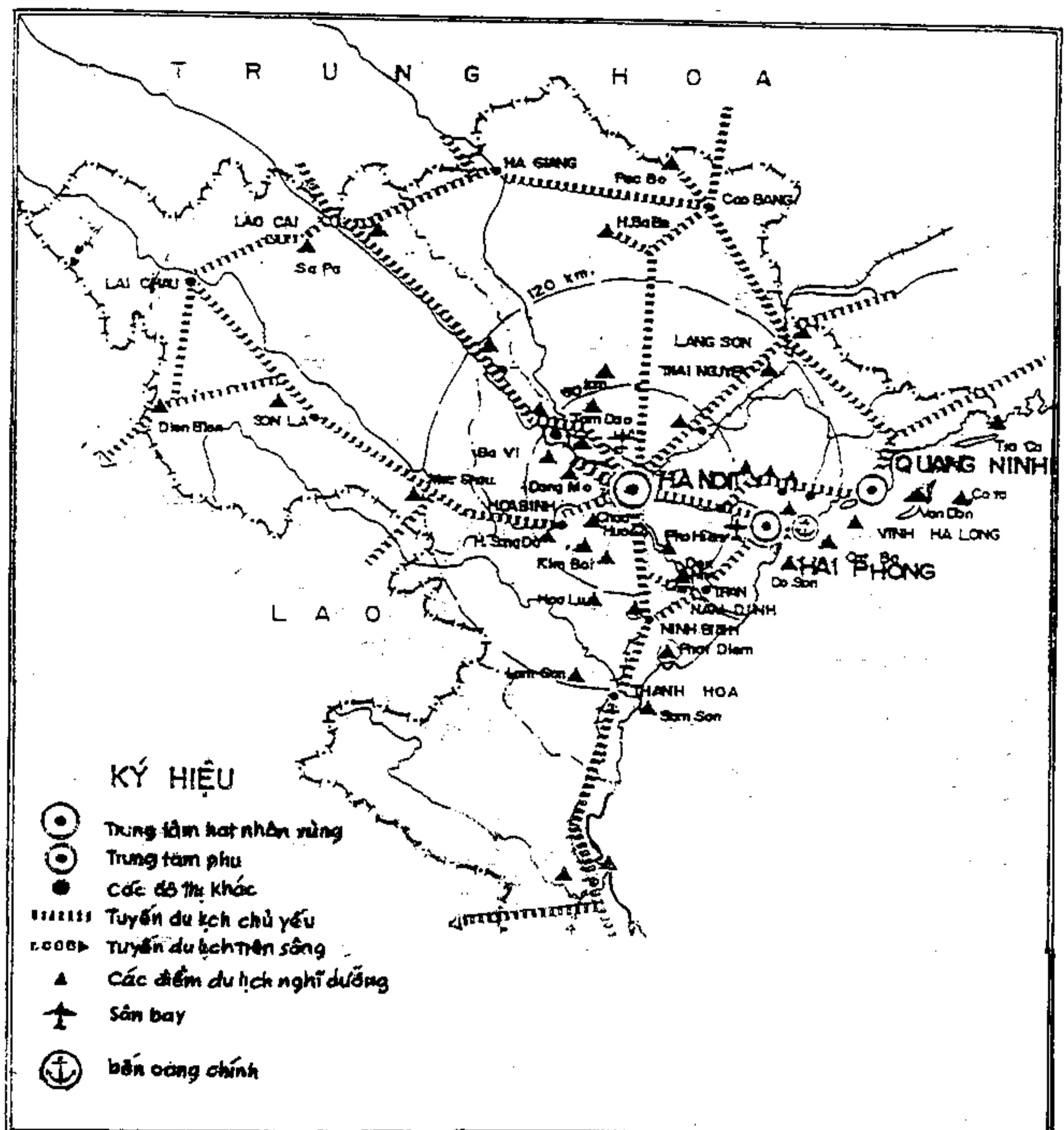
BẢN ĐỒ CÁC VÙNG CẢNH QUAN, ĐI TÍCH TẬP TRUNG



KÝ HIỆU:

-  VÙNG TẬP TRUNG DI TÍCH
 -  VÙNG TẬP TRUNG CẢNH QUAN
 -  CÁC ĐIỂM DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG
 -  ĐÔ THỊ CÓ SÂN BAY QUỐC TẾ

VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ
BẢN ĐỒ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



Bảng 3: Các tài nguyên du lịch về mặt tự nhiên điển hình

143

Thắng cảnh	Bãi biển			Vườn Quốc gia			Nước khoáng			Hồ			
Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	
Hạ Long	↑	↑	Trà Cổ	↑	↓	Cúc Phương	↑	↑	Kim Bôi	↑	→	Hồ Ba Bể	↑
Hương Sơn	↑	↑							Cát Bà	↑	→	Quang Hanh	→
Sa Pa	↑	↓											
Hoa Lu	→	↑	Đồ Sơn	↑	↑	Ba Vì	↑	↑	Tiền Hải	↓	→	Hồ Hòa Bình	→
Tam Đảo	→	→	Sầm Sơn	↑	↑				Tiên Lãng	↓	→	Hồ Núi Cốc	→
			Cửa Lò	→	→							Hồ Đại Lải	→
Lạng Sơn	→	→										Hồ Suối Hai	→
Cát Bà	↑												

Ghi chú: (Các ký hiệu được sử dụng trong các bảng 3,4,5,6,7 và 8)

Giá trị thu hút khách du lịch:

↑ cao → vừa ↓ thấp

Khả năng khai thác

↑ rất thuận lợi → thuận lợi ↓ không thuận lợi

Về mặt văn hóa-lịch sử, vùng này chứa đựng toàn bộ beras; dày của lịch sử Việt Nam. Những di tích khảo cổ học minh chứng cho nền văn hóa Đông Sơn, Hoa Bình nổi tiếng từ hồi tiền sử, những di tích lịch sử còn được bảo tồn nguyên hiện trạng hoặc suy tàn được qua các triều đại lịch sử nước ta rất có giá trị về mặt khoa học và giáo dục truyền thống, truyền bá kiến thức. Những lễ hội truyền thống như Hội Đền Hùng (Vĩnh Phúc), Hội Lim (Hà Bắc), Hội Dóng (Hà Nội), Hội pháo Đồng Kỵ (Hà Bắc), Hội Chùa Hương (Hà Tây), đậm đà màu sắc dân tộc. Ở vùng này là quê hương của những làn điệu chèo, khúc ca quan họ, câu hát văn, câu hò ví dặm, của nghệ thuật tuồng, rối nước, âm nhạc chiêng cồng và các điệu múa cổ truyền của các dân tộc anh em. Vùng này cũng có cả một kho tàng kiến trúc, mỹ thuật độc đáo như chùa Tây Phương (Hà Tây), chùa Keo (Thái Bình), tháp Cổ Lễ (Nam Hà), chùa Một Cột (Hà Nội).

Đáng chú ý là ở vùng này tập trung hầu hết những viện bảo tàng lớn và có giá trị nhất Việt Nam như các Viện Bảo tàng Lịch sử, Viện Bảo tàng Cách mạng, Viện Bảo tàng Mỹ thuật, Viện Bảo tàng Quân Đội, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (ở Hà Nội), Viện Bảo tàng Các dân tộc miền núi (ở Bắc Thái), tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch tham quan, tìm hiểu và nghiên cứu.

Những di tích văn hóa - lịch sử ở vùng này thường gắn liền và rất hài hòa với cảnh đẹp thiên nhiên nên càng tăng thêm giá trị của nhiều điểm du lịch như Hạ Long, Hương Sơn, Hoa Lư, Lạng Sơn...

Về kinh tế - xã hội, đây là vùng truyền thống về sản xuất nông nghiệp, hiện đang tiếp cận với những thành tựu kinh tế, khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, từng bước đi lên xây dựng nền kinh tế mới có cơ cấu hợp lý và nhiều thành phần nhằm đạt được hiệu quả cao để không ngừng cải thiện và nâng cao mức sống của nhân dân. Những nông sản nhiệt đới quý giá được dày công chế biến, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, rất cần thiết và giúp ích đắc lực cho hoạt động du lịch ở vùng này cũng

rất sẵn như gạo tám thơm, nếp cái, các hoa quả thơm ngon nức tiếng gần xa: đào Sa Pa, mận Bắc Hà, bưởi Đoan Hùng, cam Bố Hạ, Xã Đoài, nhãn Hưng Yên, vải Thanh Hà, các loại thuốc lá thơm Hòa An, chè Thái Nguyên, cùng các loại thực phẩm tươi sống mùa nào thức ấy, vừa ngon vừa bổ, giá cả rẻ.

Hàng thủ công mỹ nghệ sử dụng hầu hết nguyên liệu trong nước gồm các mặt hàng truyền thống như mây tre đan, sơn mài, gốm sứ, thêu đan, chạm khắc, các sản phẩm từ cát của vùng này đạt trình độ thẩm mỹ rất cao, hoàn toàn có thể thỏa mãn nhu cầu của các loại khách du lịch và xuất khẩu.

Vùng này nổi tiếng từ bao đời là nơi đất lành chim đậu, nhân dân ham chuộng cuộc sống thanh bình, cần cù lao động, thông minh, sáng tạo và giàu lòng mến khách, tạo những điều kiện xã hội rất thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Cũng có thể sơ bộ đánh giá giá trị thu hút khách du lịch và khả năng khai thác các dạng tài nguyên du lịch về mặt nhân văn tại một số điểm du lịch ở vùng này (Bảng 4).

III. CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH

So với các vùng khác trên đất nước, vùng du lịch Bắc Bộ đã có cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tương đối phát triển.

Hệ thống đường giao thông tương đối tốt với các trục đường chính từ thủ đô Hà Nội tỏa đi khắp các nơi trong vùng. Từ Hà Nội lên các tỉnh vùng núi phía Bắc có các quốc lộ 1, 2 và 3; lên Tây Bắc có quốc lộ 6; ra biển có quốc lộ 5 và tới các tỉnh phía Nam có quốc lộ 1. Các trục đường sắt chính cũng hầu như chạy song song với các trục đường bộ, bảo đảm khả năng vận chuyển khách du lịch với số lượng lớn. Tất cả các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế đều có thể đi lại bằng các phương tiện giao thông khác nhau. Một số tuyến du lịch có thể sử dụng các phương tiện liên vận đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không, khép kín, bảo đảm cho khách du lịch có thể đi bằng một lối và trở về một lối, cùng một chuyến đi mà biết được nhiều nơi.

Bảng 4: Các tài nguyên du lịch về mặt nhân văn

Lịch sử			Văn hóa nghệ thuật			Kiến trúc			Bảo tàng		
Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Điểm du lịch	Giá trị	Khả năng
Pắc Bó	↑	↓	Văn Miếu	↑	↑	Chùa Tây Phương	↑	↑	Bảo tàng Lịch sử	↑	↑
Điện Biên	↑	↑	Côn Sơn	→	→	Chùa Keo	↑	→	Bảo tàng Cách mạng	↑	↑
Đền Hùng	↑	→	Phát Diệm	→	→	Chùa Dâu	→	→	Bảo tàng Mỹ thuật	↑	↑
Kim Liên	→	Hội Chùa Hương	↑	→	Chùa Cổ Lễ	→	→	Bảo tàng Quân đội	↑	↑	
Tân Trào	→	↓	Hội Đền Hùng	↑	↑	Chùa Một Cột	→	↑	Bảo tàng Hồ Chí Minh	↑	↑
Chi Lăng	→	→	Hội Dóng	→	→				BT Dân tộc miền núi	↑	→
Cổ Loa	→	↑	Hội pháo Đồng Kỵ	↑	↑						
			Hội Lim	↑	↑						

Vùng du lịch Bắc Bộ có thuận lợi lớn là có nhiều cửa khẩu quan trọng để đưa đón khách du lịch nước ngoài. Sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) đang được nâng cấp để có thể vận chuyển 2-3 triệu lượt hành khách/năm. Cảng Hải Phòng là cảng lớn thứ hai trong cả nước, sau cảng Sài Gòn, dư sức tiếp nhận và tiễn đưa hàng chục ngàn khách du lịch sử dụng đường biển. Cửa khẩu Lạng Sơn, Lào Cai, Hải Ninh nằm trên các tuyến đường liên vận quốc tế cả về đường sắt lẫn đường bộ nối liền giữa Việt Nam và lục địa Trung Hoa rộng lớn.

Tuy vậy việc đi lại đối với các điểm du lịch xa như Trà Cổ, Ba Bể, Sa Pa, Điện Biên, hiện nay còn khá vất vả vì đường xấu và ách tắc về cầu phà. Việc đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống đường sá nhằm tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian đi lại trên đường cho khách du lịch là đặc biệt quan trọng và rất thiết thực để phát triển du lịch ở vùng này.

Về điện, đây là vùng tập trung các nhà máy điện lớn nhất nước ta cả về nhiệt điện (Phả Lại) cũng như thủy điện (Hòa Bình). Những năm gần đây sản lượng điện được tăng lên không ngừng và chất lượng điện cung cấp cũng tốt hơn, cùng với việc phát triển mạng lưới điện rộng khắp đã đảm bảo vững chắc nguồn điện phục vụ cho các ngành và các địa phương trong vùng, trong đó có hoạt động du lịch.

Vùng này cũng có điều kiện và khả năng để giải quyết tốt nhu cầu nước phục vụ du lịch trên cơ sở có nguồn cung cấp nước dồi dào, cả nước mưa, nước trên mặt và nước ngầm. Nếu kết hợp đồng bộ việc sử dụng nguồn điện và các trang thiết bị khoan, bom, lọc, dẫn nước thì có thể bảo đảm nguồn nước một cách chủ động và không mấy tốn kém như ở nhiều khu vực khác.

Về thông tin liên lạc, đặc biệt trong những năm gần đây đã có sự tiến bộ đáng kể. Ở vùng này đã xây dựng được các trạm viễn thông và lắp đặt những phương tiện thông tin hiện đại do Liên Xô, Ôxtrâylia, Pháp... giúp đỡ, nên về cơ bản đã bảo đảm

được việc thông tin liên lạc trong nước và quốc tế được thuận tiện, nhanh chóng và kịp thời, đáp ứng ngày một tốt hơn mọi yêu cầu của hoạt động du lịch.

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT DU LỊCH

Trên cơ sở kế thừa các cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch đã được xây dựng từ những năm trước đây, ở vùng du lịch Bắc Bộ còn cần phải tiếp tục cải tạo, xây dựng và từng bước hoàn thiện các cơ sở này mới có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch. Gần đây ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và Thanh Hóa đã nâng cấp và xây dựng mới được nhiều khách sạn. Cũng cần phải cân nhắc, tính toán cụ thể để giải bài toán "vừa thừa, vừa thiếu" chỗ ăn nghỉ cho khách du lịch một cách hợp lý, tránh xây dựng khách sạn tràn lan, không đúng chỗ, không đạt được hiệu quả kinh doanh vì hệ số sử dụng quá thấp, chưa kể đến việc làm ảnh hưởng xấu tới cảnh quan du lịch vốn rất đẹp của vùng.

Về phục vụ ăn uống, ở đây cũng có những điều kiện rất thuận lợi. Với nguồn lương thực thực phẩm dồi dào và đa dạng, đội ngũ nhân viên phục vụ lành nghề, đã sáng tạo ra nhiều món ăn, đồ uống ngon lành, đặc sắc như cơm tấm giờ chả, phở Bắc, bún ốc, bún mọc, nem chua, chả cá, rượu làng Vân, cốm Vòng, bánh đậu xanh Hải Dương... được khách du lịch rất tán thưởng.

Về vui chơi giải trí, vùng này cũng có nhiều thứ, nhiều nơi mà khách du lịch hằng thích thú. Đó là các trò thả chim, chơi gà, chơi trâu, đi chợ hoa ngày Tết hoặc tham dự các ngày lễ hội, xem rối nước, bơi chải, đấu vật, đánh đu, ném cờn. Câu cá, đi săn cũng là thú tiêu khiển được nhiều người ưa thích. Ở một số điểm du lịch đã xây dựng được chỗ chơi thể thao, bể bơi, tổ chức vũ hội, biểu diễn nghệ thuật, trình bày trang phục dân tộc và mốt thời trang... thu hút được đông đảo khách du lịch.

V. CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC TRUNG VÀ CÁC ĐIỂM BÀN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CHỦ YẾU CỦA VÙNG

1. Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch
Bắc Bộ là du lịch văn hóa kết hợp với du lịch
tham quan nghiên cứu

2. Những sản phẩm du lịch cụ thể

Giao tiếp nhằm phát triển kinh tế-xã hội, hội nghị, hội thảo, triển lãm, công vụ...

• Tham quan nghiên cứu nền văn hóa Việt Nam:

- Các di tích lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam
- Các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống cội nguồn của cộng đồng người Việt và nhiều dân tộc khác.
- Các lễ hội và sinh hoạt tâm linh thuộc các nền văn minh, văn hóa các dân tộc.
- Các làng nghề truyền thống.

• Tham quan nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí ở các vùng cảnh quan:

- Vùng biển và hải đảo thuộc vịnh Hạ Long đã được UNESCO xếp hạng vào danh mục di sản văn hóa của nhân loại.
- Vùng các hồ chứa nước lớn và nghỉ núi.
- Vùng núi đá, hang động Karst.
- Vùng núi cao và rừng nguyên sinh.

Vùng đô thị đặc biệt - thủ đô Hà Nội:

- Thành phố cổ, lịch sử, còn nhiều di sản, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc cổ.
- Thủ đô, trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học, kinh tế, giao tiếp của cả nước.

- Thành phố nằm tại đầu mối giao thông lớn nhất của cả nước, điểm giao thoa của hai nền văn hóa lớn phuong Đông (Phật giáo từ Ấn Độ và Nho giáo từ Trung Quốc).
- Thành phố "xanh", thành phố cảnh quan nổi tiếng, thành phố của hệ sinh thái hồ, sông.

3- Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu

+ Địa bàn các di tích văn hóa lịch sử:

- Các di tích văn hóa - nghệ thuật, lễ hội truyền thống; chủ yếu ở Hà Nội và vùng phụ cận thuộc các tỉnh Hà Tây, Hà Bắc, Vĩnh Phú, trung tâm của nền văn minh Lúa Nước, văn hóa Đông Sơn.
- Các địa bàn có nhiều ảnh hưởng văn hóa các dân tộc: Tày - Nùng (Cao Bằng, Lạng Sơn), H'mông (Hà Giang, Lao Cai), Thái (Lai Châu-Sơn La), Mường (Hòa Bình).
- Các di tích giữ nước, dựng nước.

Cụm Việt Trì: Đền Hùng - Chùa Phong Mê Linh

Cụm Ninh Bình: Hoa Lư, Tam Đệp

Cụm Quảng Ninh - Hải Phòng: Vân Đồn, Yên Tử, Côn Sơn, sông Bạch Đằng

Cụm Lạng Sơn - Cao Bằng: Chi Lăng, Pắc bó, đường Quốc lộ 4 Đông Khê, Thất Khê...

Cụm Tuyên Quang - Bắc Thái: Các an toàn khu Sơn Dương, Tân Trào, Quan Chu, Chiêm Hóa, Bắc Sơn.

+ Các địa bàn cảnh quan, nghỉ dưỡng giải trí:

- Hệ thống cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển:

Cụm Quảng Ninh - Hải Phòng: Hạ Long, Bá Tủ Long, Đồ Sơn, Cát Bà - Mũi Ngọc - Trà Cổ.

Cụm điểm Thanh Hóa: Sầm Sơn - Hàm Rồng.

Cụm Nghệ An - Hà Tĩnh: Cửa Lò, Thiên Cầm.

- Hệ thống cảnh quan vùng hồ: Chủ yếu ở vùng trung du Bắc Bộ: Hòa Bình, Thác Bà (Yên Bái), Đại Lải, Xạ Hương (Vĩnh Phú), Cầm Sơn (Hà Bắc), Núi Cốc (Bắc Thái), Yên Lập (Quảng Ninh), hồ tự nhiên Ba Bể (Cao Bằng), suối Hai, Đồng Mô (Hà Tây), hồ Tây (Hà Nội).
- Hệ thống cảnh quan vùng núi: Các khu nghỉ dưỡng Sapa, Bắc Hà (Lào Cai), Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Tam Đảo (Vĩnh Yên), cao nguyên Nguyên Bình, Mộc Châu.

+ **Các khu núi cao: PhanxiPăng, Yên Tử...**

+ **Các khu hang động núi đá Karst:** cụm Hà Giang, cụm Cao Bằng (huyện Trùng Khánh - Bảo Lạc), cụm Lạng Sơn (Nhất, Nhị, Tam Thanh), cụm Cao Bằng (Bắc Sơn - Ba Bể), cụm Quảng Ninh (Hoành Bồ, Hòn Gai), cụm Sơn La - Lai Châu (dọc sông Đà), cụm Hòa Bình - Hà Tây (Mỹ Đức, Lương Sơn, Hòa Bình...), cụm Ninh Bình - Thanh Hóa (Hoa Lư, Bích Động, Đồng Giao, Bỉm Sơn, Thanh Hóa), cụm Hạ Long (hang Bồ Nâu, hang Luồn, hang Đầu Gỗ...)

+ **Các hải đảo**

- Các hải đảo có bãi tắm tốt, có người ở: Cô Tô, Quan Lạn, Ngọc Vừng, Tuần Châu (Quảng Ninh), Cát Bà (Hải Phòng).
- Các hải đảo cảnh quan nổi tiếng: Bạch Long Vĩ, Minh Châu (tên cũ: Đảo Lợn Rừng), đảo Khỉ, hòn Rều, hòn Dầu, hòn Mê.

+ **Đô thị đặc biệt:** Thủ đô Hà Nội, đầu mối giao thông lớn, trung tâm thông tin viễn thông hiện đại, trung tâm giao tiếp, trung tâm đào tạo khoa học kỹ thuật của cả nước, trung tâm của nền văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Qui mô dân số đến năm 2010 là: 2-2,5 triệu dân bao gồm: Khu thành phố cũ: (36 phố phường) và thành cổ, khu thành phố xây dựng thời Pháp thuộc.

Hệ thống trung tâm cũ (Hoàn Kiếm) và mới (Ba Đình)

Khu cảnh quan du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và thể thao dưới nước Hồ Tây sẽ xây dựng những khách sạn quốc tế lớn 3-5 sao, khu thể dục thể thao quốc tế, công viên văn hóa nghỉ ngơi, trung tâm các làng nghề truyền thống và các làng du lịch quốc tế mới.

Sân bay quốc tế chính: Nội Bài, sân bay phụ: Miếu Môn.

4- Các trung tâm lưu trú

Vùng đất liền, trung tâm hạt nhân chính: Hà Nội

Các trung tâm phụ: Hòa Bình (cho địa bàn Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình); Việt Trì (cho địa bàn Yên Bái, Lao Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Vĩnh Phú); Thái Nguyên (cho địa bàn Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái)

Vùng ven biển, trung tâm hạt nhân chính: Thành phố Hạ Long (cho địa bàn Quảng Ninh, Hải Phòng)

Các trung tâm phụ: Ninh Bình (cho địa bàn Thái Bình, Nam Hà, Thanh Hóa); Vinh (cho địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh).

VI. CÁC ĐIỂM DU LỊCH CÓ Ý NGHĨA QUỐC TẾ VÀ QUỐC GIA

A. Tiểu vùng du lịch trung tâm

* Các điểm du lịch thuộc trung tâm du lịch Hà Nội

I- Điểm du lịch Hồ Tây:

Hồ Tây nằm ở phía tây nội thành Hà Nội, ở khu vực giáp ranh giữa nội thành và ngoại thành: phần phía Nam hồ thuộc địa bàn quận Ba Đình, phần phía Bắc hồ thuộc huyện Từ Liêm. Hồ Tây có tọa độ địa lý ở vào khoảng $21^{\circ}05'$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}50'$ kinh độ Đông. Hồ Tây như một công viên lớn của Thủ đô Hà Nội, là nơi vui chơi giải trí tại chỗ rất thuận lợi cho nhân dân và khách du lịch.

Hồ Tây là một hồ tự nhiên có hình móng ngựa được hình thành từ một khúc uốn của sông Hồng trước đây, Hồ Tây khá

rộng, với diện tích 538 ha và chu vi hồ tới 17 km, rất sống động và hòa nhập với khung cảnh tự nhiên chung quanh, tạo nên một cảnh quan đẹp đẽ. Mặt hồ khi thì phẳng lặng như mặt gương, khi thì phủ kín sương mù (nên hồ còn có tên là Dâm đầm, tức là đầm mù sương), khi thì nổi sóng to mỗi khi có giông bão hoặc gió mùa đông bắc thổi mạnh về, nên hồ cũng có tên gọi là hồ Lăng Bạc (có sóng lớn).

Nhờ có mặt nước rộng, Hồ Tây có tác dụng điều hòa khí hậu: mùa hè bớt nóng rực, mùa đông nhu ấm áp hơn.

Do đất phù sa màu mỡ, khí hậu tốt và dồi dào nguồn nước tuối, lại được bàn tay lao động sáng tạo và tài hoa của người Hà Nội vun trồng, chăm sóc từ lâu đời nên chung quanh Hồ Tây đã xuất hiện các làng trồng hoa, chơi sinh vật cảnh, các vườn cây ăn quả nổi tiếng cả nước như Nghi Tàm, Tây Hồ, Nhật Tân, Quảng Bá, Ngọc Hà... Đây cũng chính là nguồn cung cấp hoa tươi, quả ngọt mùa nào thức nấy cho Hà Nội và là những điểm tham quan du lịch đầy hấp dẫn với du khách.

Điểm đáng tiếc là nước Hồ Tây không thật trong sạch do hồ nông và tù, lại phải chứa một phần nước thải của thành phố nên có hạn chế một phần đối với hoạt động du lịch. Tuy vậy Hồ Tây còn là nguồn cung cấp thủy sản dồi dào cho thành phố. Đặc sản có cá chép, ốc, tôm... Gần đây đã nuôi cấy thành công trai ngọc nước ngọt có khả năng đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách du lịch.

Hồ Tây còn có một ưu điểm nổi bật là nơi quần tụ nhiều di tích lịch sử cổ kính mà tiêu biểu nhất là đền Quan Thánh được xây dựng từ thời vua Lý Thái Tổ (1010-1028), chùa Trấn Quốc—là ngôi chùa vào loại cổ nhất ở Việt Nam, theo tương truyền được xây dựng từ thời Lý Nam Đế (544-548), có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách.

Từ lâu đời, Hồ Tây đã từng là nơi nghỉ mát, vui chơi của vua quan dưới các triều đại phong kiến. Nhiều cung điện đã được

xây dựng xung quanh hồ như cung Thúy Hoa, cung Từ Hoa (nay là chùa Kim Liên ở làng Nghi Tàm) từ thời nhà Lý; cung Ngọc Đàm (ngay ở làng Yên Phụ), điện Hàm Nguyên (nay là chùa Trần Quốc) được xây dựng từ thời nhà Trần.

Hồ Tây là một thăng cảnh đẹp nhưng thật sự chưa khai thác hết tiềm năng để phục vụ du lịch. Tuy vậy hiện nay có nhiều đơn vị, ngành quản lý khai thác, sử dụng với các mục đích khác nhau.

Cơ sở vật chất và phục vụ ở đây còn nghèo nàn, thiếu thốn. Đáng kể ở khu vực này mới có khu an dưỡng Quảng Bá, biệt thự Tây Hồ, khách sạn Thắng Lợi, khách sạn Tây Hồ, nhà thuyền Hồ Tây và du thuyền Tây Hồ.

Việc bảo vệ cảnh quan tự nhiên của hồ, nhất là chống ô nhiễm nguồn nước, còn gặp nhiều khó khăn và thiếu vốn đầu tư.

Mới đây đã có thêm một số dự án đầu tư xây dựng biệt thự và làng du lịch ở xung quanh hồ được cấp giấy phép và khởi công xây dựng. Chắc chắn trong những năm tới bộ mặt khu vực Hồ Tây còn được tiếp tục thay đổi, làm cho cảnh quan hồ ngày một đẹp hơn, phục vụ tốt hơn cho mục đích du lịch.

2. Điểm du lịch Ba Vì - Suối Hai

Điểm du lịch Ba Vì - Suối Hai nằm ở huyện Ba Vì, cách nội thành Hà Nội hơn 60km về phía tây với đường giao thông khá thuận lợi, có đường ô tô tới tận khu vực đỉnh núi và ven hồ. Đây là một cự ly rất phù hợp với khách du lịch từ Hà Nội vì chỉ mất hơn một giờ đi bằng ô tô hoặc xe máy. Điểm du lịch Ba Vì-Suối Hai nằm ở khoảng $21^{\circ}05'$, $21^{\circ}10'$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}23'$ kinh độ Đông.

Điểm du lịch Ba Vì - Suối Hai vừa mang sắc thái tự nhiên với cảnh núi rừng hùng vĩ, vừa mang đặc điểm nhân tạo do con người cải tạo thiên nhiên đắp đập giữ nước tạo nên một hồ chứa nước lớn ngay dưới chân núi.

Điểm du lịch Ba Vì - Suối Hai có những ưu thế rất nổi bật:

Đây là nơi có khí hậu tốt, không khí trong lành, đặc biệt trong mùa hè rất mát mẻ vì nhiệt độ giảm dần theo độ cao, trung bình giảm $0,5^{\circ}$ - $0,55^{\circ}$ mỗi khi lên cao 100m. Ở độ cao 400-600 m nhiệt độ giảm $2-3^{\circ}$, ở khu vực đỉnh núi với độ cao trên 1000m nhiệt độ giảm tới 6° . Vào thời Pháp thuộc ở khu vực này đã xây dựng tới 200 biệt thự và khách sạn phục vụ việc nghỉ mát.

Trải qua nhiều năm xây dựng và bảo vệ, gần đây Nhà nước đã ban hành quyết định thành lập tại đây vườn Quốc gia Ba Vì với chức năng chủ yếu là trồng, bảo tồn và phục hồi tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, nghiên cứu khoa học kết hợp mở rộng các hoạt động dịch vụ khoa học, tham quan, học tập, du lịch.

Cũng tại đây có nhiều điểm du lịch rất hấp dẫn như các đỉnh núi: đỉnh Vua 1296m, đỉnh Tân Viên 1226m, đỉnh Ngọc Hoa 1120m. Từ đây có thể quan sát bao quát cả một vùng rộng lớn của đồng bằng Bắc Bộ với các dòng sông lớn như sông Hồng, sông Đà, với các thành phố, làng quê, đồng ruộng đẹp như tranh vẽ. Các điểm du lịch khác mỗi nơi một vẻ đẹp đều có sức hấp dẫn khách du lịch như thác Hương, rừng thông Đá Chông, cánh rừng nguyên sinh Bằng Tạ, làng Cò Ngọc Nhị. Đáng chú ý nhất là các thang cảnh Ao Vua và hồ Suối Hai.

Ao Vua có phong cảnh tự nhiên đẹp mắt với nguồn nước suối tự nhiên chảy quanh năm từ sườn phía bắc núi Ba Vì chảy xuống với độ cao khoảng 100m, qua 3 thác và bồn chứa nước. Thác cuối cùng lớn nhất là thác Ao Vua.

Hồ Suối Hai là hồ nhân tạo được khai công xây dựng từ tháng 12 năm 1958 với hệ thống đập chính và phụ dài 4km - để giữ nước từ 2 suối chính Yên Cư và Cầu Rồng từ núi Ba Vì chảy xuống làm nguồn cung cấp nước tưới cho trên 7000 ha đất canh tác. Hồ Suối Hai có diện tích mặt nước gần 1000 ha, dài 7 km, rộng 4 km, chu vi hồ tới 36 km với lượng nước chứa trong hồ

khoảng trên 46 triệu m³. Trong lòng hồ có tới 14 đảo lớn nhỏ, diện tích khoảng 90 ha. Trên các đảo và ven hồ đã được trồng cây gác rừng, xây dựng các vườn cây ăn quả, các trại chăn nuôi. Hồ rộng, nước sạch, có nhiều bãi tắm đẹp nên được khách du lịch rất ưa thích. Hồ còn có khả năng cung cấp mỗi năm hàng chục tấn cá. Đặc biệt hệ sinh thái vùng hồ còn được bổ sung thêm các đàn chim trời như le le, mòng, két, vịt trời, sâm cầm, giang, sếu... đông đến hàng vạn con làm cảnh quan thiên nhiên thêm phong phú, sinh động và hấp dẫn.

Khu vực hồ Đồng Mô cũng đã được khai thác sử dụng cho mục đích du lịch, ở đây đã xây dựng một trong những sân golf đầu tiên ở nước ta.

Điểm du lịch Ba Vì - Suối Hai - Đồng Mô là nơi an dưỡng, tham quan, nghỉ mát rất tốt. Ở đây có những điều kiện lý tưởng để xây dựng khu nghỉ cuối tuần của thủ đô Hà Nội.

Khu vực Ba Vì - Suối Hai có những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Tuy vậy do nhiều hoàn cảnh khó khăn, việc khai thác phục vụ mục đích du lịch chưa được chú trọng đúng mức. Các cơ sở nhà nghỉ, biệt thự, khách sạn trên núi Ba Vì đã bị tàn phá trong chiến tranh chưa được khôi phục. Hệ thống đường sá đã bị xuống cấp và còn thiếu. Cảnh quan tự nhiên cũng bị phá hoại nhiều. Thảm rừng nguyên sinh còn lại rất ít, phần lớn là rừng thứ sinh và đồi trọc. Mấy năm gần đây địa phương đã có kế hoạch phát triển du lịch, đã đầu tư và xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ du lịch, bước đầu thống nhất quản lý và tổ chức cơ quan kinh doanh phục vụ du lịch, đã gây được tiếng vang và thu hút được khá đông, tới hàng vạn khách du lịch tới tham quan, an dưỡng, nghỉ ngơi ở đây. Việc trồng cây gác rừng, phủ xanh đồi trọc đất trống ở địa phương đã thu được kết quả tốt. Việc bảo tồn và phục hồi vốn rừng và hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới trên núi rất có giá trị về mặt khoa học, bảo vệ tự nhiên, nhất là bảo đảm nguồn nước cho các hồ chứa Suối Hai và Đồng Mô, có điều kiện để phục vụ cho tham quan du lịch.

3. Điểm du lịch Đại Lải

Điểm du lịch Đại Lải với trung tâm là hồ Đại Lải và vùng phụ cận nằm trên địa bàn hai xã Ngọc Thanh và Cao Minh, huyện Mê Linh (Vĩnh Phú), ở khoảng $21^{\circ}19'$ vĩ độ bắc, $105^{\circ}43'$ kinh độ Đông, chỉ cách nội thành Hà Nội trên dưới 50 km với đường đi lại thuận tiện cả hai phía cầu Chương Dương (hoặc cầu Long Biên) và cầu Thăng Long (đường bộ tới tận hồ Đại Lải, còn đường sắt tới ga Phúc Yên, cách hồ 10 km).

Điểm du lịch Đại Lải rất hấp dẫn đối với khách du lịch từ thành phố Hà Nội, từ các thành phố và khu đông dân ở chung quanh như Việt Trì (50 km), Vĩnh Yên (25 km), cũng như khách trên các tuyến đường du lịch đi Đền Hùng và các tỉnh vùng núi phía Bắc. Đặc biệt hồ Đại Lải cũng rất gần sân bay quốc tế Nội Bài (cách 20 km), rất thuận tiện đối với khách quốc tế dừng chân tại sân bay có nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí.

Điểm du lịch Đại Lải được hình thành trên cơ sở một hồ chứa nước nhân tạo được xây dựng để bảo đảm tưới nước cho gần 3.000 ha đất canh tác ở vùng chung quanh sườn phía nam của chân núi Tam Đảo.

Hồ Đại Lải rộng 525 ha, mặt hồ có độ cao trung bình 21,5m, chứa được 30,4 triệu m³ nước. Trên mặt hồ có đảo Chim rộng 3 ha, chỗ cao nhất trên 23m. Khi mực nước hạ thấp, trong lòng hồ còn xuất hiện thêm một số đảo nhỏ.

Phía bắc và đông bắc hồ là nguồn tập trung nước cho hồ với tổng diện tích trên 6000 ha, phần lớn là các đồi và thung lũng có độ dốc trung bình từ $12-20^{\circ}$. Phía tây và tây nam hồ là núi Thần Lần có địa thế cao có thể quan sát được toàn cảnh khu vực hồ. Gần sát hồ có địa thế đẹp, có nhiều bãi bằng phẳng, nước nông và sạch sẽ, có thể sử dụng làm bãi tắm rất thích hợp.

Điểm du lịch này có những điều kiện khí hậu rất thuận lợi: mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp, lượng mưa hàng năm thấp, khoảng 1300-1400mm, số ngày mưa ít phù hợp với nhiều loại hình du lịch trong suốt cả năm.

Nhờ việc đắp đập giữ nước nên hồ Đại Lải có chế độ thủy văn hồ chứa nước nhân tạo tương đối ổn định, 30 năm qua chưa hề xảy ra tai biến đáng kể. Trong trường hợp mưa nhiều lũ lớn nước hồ sẽ được xả bớt qua đập tràn để bảo vệ các công trình hồ. Những năm trước đây, ngoài mục đích tưới hàng năm khoảng 25 triệu m³, nước hồ Đại Lải còn được dùng cho sinh hoạt khoảng 6 triệu m³. So với các hồ tự nhiên và nhân tạo khác ở Hà Nội, hồ Đại Lải có chất lượng nước tốt nhất về tiêu chuẩn vệ sinh, hoàn toàn có khả năng đáp ứng các yêu cầu tắm mát, dạo chơi trên hồ và các môn thể thao nước.

Hồ Đại Lải là một điểm nghỉ ngơi, an dưỡng và du lịch ngoại thành Hà Nội đã được khai thác sử dụng từ nhiều năm nay. Tuy vậy các cơ sở phục vụ du lịch còn rất hạn chế. Hiện nay phần đông khách du lịch tới nghỉ ở hồ là tự phát và tự lo liệu phuông tiện đi lại cũng như việc ăn uống. Cơ sở vật chất đáng kể đã được khai thác là của Bộ văn hóa - Thông tin - Thể thao, có khả năng giải quyết 70 chỗ nghỉ đêm và số ghế nhà ăn tương tự. Khách sạn Xuân Hòa cách hồ 5 km có thể giải quyết chỗ ăn nghỉ cho 120 khách.

Điểm du lịch Đại Lải có phong cảnh thiên nhiên đẹp, khí hậu rất thích hợp với các loại hình du lịch cuối tuần của thủ đô Hà Nội, có thể nghỉ an dưỡng quanh năm và tắm mát trên hồ vào thời kỳ mùa hè. Rừng Ngọc Thanh ở khu vực hồ còn trên 500 ha rừng tự nhiên, đã trồng được trên 300 ha rừng trong nhiều năm nay. Hiện nay cả huyện Mê Linh đang thực hiện kế hoạch phủ xanh đồi trọc, trồng cây gây rừng. Rất cần có qui hoạch và đầu tư vào việc trồng rừng phong cảnh và trồng cây ăn quả kết hợp với việc phát triển nghề nuôi ong và sinh vật cảnh phục vụ các yêu cầu đa dạng của khách du lịch.

4. Điểm du lịch Đền Hùng

Đền Hùng là một thắng cảnh đẹp, một di tích lịch sử có ý nghĩa nhất đối với người Việt Nam vì đó là nơi thờ cúng, tưởng niệm các vua Hùng, tổ tiên chung của cả dân tộc.

Đền Hùng nằm ở phía tây bắc Hà Nội, cách thủ đô chưa đầy 90 km. Từ Hà Nội có thể đến Đền Hùng một cách thuận lợi bằng đường sắt (tuyến Hà Nội - Lao Cai) hoặc theo quốc lộ 2 qua Việt Trì lên Phong Châu, đến ngã ba Đền Hùng thì rẽ vào.

Đền Hùng được xây dựng trên núi Hùng, ~~cũng có tên gọi là~~ núi Nghĩa Linh, núi Cổ Tích, hay núi Hy Cương, cao 175 m, thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

Phong Châu vốn là đất kế đô của nước Văn Lang từ 4000 năm trước đây. Núi Nghĩa Linh là nơi các vua Hùng chọn để làm nơi tề trời đất, chủ thần và tiên tổ, sau này được chọn để xây dựng các ngôi đền và đặt mộ Tổ.

Toàn bộ khu di tích gồm 4 đền, 1 chùa và 1 lăng hài hòa trong phong cảnh thiên nhiên, có địa thế cao ráo đẹp mắt.

Sau khi qua cổng chính của khu di tích, qua 225 bậc đá, là lên đến đền Hạ. Ở khu vực đền Hạ có chùa Thiên Quang và cây Thiên Tuế 700 tuổi; gần đó có đền Ngọc và giếng Ngọc. Từ đền Hạ theo 168 bậc đá nữa là đến đền Trung và lên tiếp 102 bậc nữa thì đến đền Thượng. Ở khu vực đền Thượng có lăng vua Hùng, tượng trưng cho một Tổ.

Từ núi Nghĩa Linh có thể quan sát được cả một vùng rất rộng của trung tâm Bắc Bộ với ngã ba Hạ, nơi sông Lô đổ nước vào sông Hồng, với các dãy núi Tam Đảo, Ba Vì và các dãy đồi luộn sóng xen kẽ giữa những cánh đồng tốt tươi, những làng quê trù phú của vùng trung du.

Khu vực Đền Hùng đã được tôn tạo và bảo vệ chu đáo để trở thành một điểm du lịch có sức hấp dẫn rất lớn. Lễ hội Đền Hùng thường được tổ chức rất trọng thể vào ngày 10 tháng ba âm lịch hàng năm.

5. Điểm du lịch Chùa Hương

Chùa Hương là một thắng cảnh nổi tiếng vào bậc nhất nước ta, cách Hà Nội 60 km về phía Tây Nam. Đây là một khu vực

rộng lớn gồm cả núi, rừng, hang động, sông suối, nằm trên địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây. Có thể đến Chùa Hương bằng đường ô tô từ phía Hà Nội hay Hà Nam Ninh, hoặc đi bằng đường sông từ thị xã Phủ Lý tới Bến Đức, cửa ngõ của toàn khu thăng cảnh.

Chùa Hương là một quần thể của những thăng cảnh và di tích. Đó là các dòng suối Yên và suối Tuyết, con đường chính dẫn khách du lịch đến thăm các di tích; là các quả núi có hình dáng đẹp được gọi tên theo các hình vật quen thuộc: núi Mâm Xôi, núi Con Gà, núi Voi, núi Lân, núi Quy, núi Phượng...; là các động Chùa Tiên, động Hương Tích, động Hình Bồng, động Ngọc Long (Tuyết Sơn); là các chùa Ngoài (chùa Chò), chùa Trong (chùa Hương), chùa Hình Bồng, chùa Long Vân, chùa Báo Đài...; là 5 pho tượng bằng đá trắng ở Chùa Tiên, tượng Phật Bà Quan Âm bằng đá xanh, một kiệt tác của nghệ thuật điêu khắc Phật giáo có từ thời Tây Sơn, hay tượng Cửu Long bằng đồng được đúc cách đây hơn 200 năm. Trọng điểm của thăng cảnh chùa Hương là động Hương Tích với chùa Hương. Ở đây còn ghi lại bút tích của Tịnh Đô Vương Trịnh Sâm (1767-1782) khắc vào vách đá năm chữ "Nam Thiên Đệ Nhất Động".

Cùng ở khu vực chùa Hương đã tìm được dấu vết của người nguyên thủy, những hiện vật khảo cổ học rất có giá trị của thời kỳ văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn, Đông Sơn.

Ngoài các cảnh đẹp và di tích, chùa Hương còn có nhiều thú mà khách du lịch rất thích như các vị thuốc hoa Kim Ngân, củ Khúc Khác, củ Sâm Bay, cây ổi rồng chữa bệnh rất hiệu nghiệm hoặc các đặc sản nổi tiếng như mơ, rau sống, củ mài.

Hội chùa Hương hàng năm được chính thức diễn ra vào rằm tháng hai âm lịch, nhưng trong thực tế đã cuốn hút du khách náo nức dự hội từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba. Khách du lịch phải dành thời gian vài ba ngày mới có thể thưởng thức hết mọi vẻ đẹp của thăng cảnh chùa Hương.

6. Điểm du lịch Hoa Lư

Hoa Lư là một thăng cảnh, một di tích lịch sử và kiến trúc nổi tiếng ở Việt Nam. Hoa Lư cách Hà Nội 90 km về phía nam, nằm gần ngay quốc lộ 1 nên đường đi rất thuận tiện.

Hoa Lư là cố đô của nước Đại Cồ Việt, có từ thế kỷ thứ 10, nằm trên địa phận của hai xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ thuộc thị trấn Hoa Lư, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình hiện nay.

Thành cổ Hoa Lư rộng trên 300 ha, là một kỳ công kiến trúc, lợi dụng triệt để hình thế hiểm trở của vùng núi đá vôi ở đây tạo nên những vòng thành kiên cố và các tuyến liên hoàn trong nội bộ thành. Theo sử sách thì nơi đây đã được xây dựng nên một kinh thành bề thế với nhiều cung điện lớn và đến thời nhà Lý (1010-1225) đã xây dựng hai ngôi đền thờ vua Đinh (Đinh Tiên Hoàng, 968-980) và vua Lê (Lê Đại Hành, 980-1009) là những công trình kiến trúc nổi tiếng trên nền cung điện chính trước đây nằm ở trung tâm khu vực thành ngoại và đã được trùng tu lớn vào thời hậu Lê (cuối thế kỷ 17).

Các di tích chính của Hoa Lư ngày nay là đền vua Đinh còn có tên là đền Thượng (vì đặt ở làng Trường Yên Thượng) và cách đó không xa, chỉ khoảng 500m, là đền vua Lê đặt tại Trường Yên Hạ nên cũng có tên là đền Hạ. Lăng vua Đinh được xây dựng ở chính giữa đỉnh núi Yên Ngựa (Mã Yên Sơn) và lăng vua Lê cũng được xây cất ở phía nam chân núi này.

Lễ hội Hoa Lư thường được tổ chức tung bùng hàng năm vào ngày 10 tháng 3 âm lịch là ngày sinh của vua Đinh Tiên Hoàng. Hội có lễ dâng hương, có các trò chơi có tính chất thượng võ, đậm đà màu sắc dân tộc và thường kéo dài tới ba bốn ngày.

7. Điểm du lịch Vườn Quốc gia Cúc Phương

Vườn Quốc gia Cúc Phương rộng 25.000 ha nằm ở vùng núi đá vôi Hòa Bình - Thanh Hóa thuộc huyện Hoàng Long tỉnh Ninh Bình, khu vực giáp ranh của ba tỉnh Hòa Bình - Ninh Bình và

Thanh Hóa. Vườn Quốc gia Cúc Phương ở vào khoảng $20^{\circ}20'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}30'$ kinh độ Đông, cách thủ đô Hà Nội khoảng 100km về phía tây nam và cách bờ biển Ninh Bình 60km.

Vườn Quốc gia Cúc Phương nằm liền sát với vùng đồng bằng Bắc Bộ đông dân, trù phú, tiện đường đi lại, nhất là trên tuyến đường du lịch với những điểm du lịch đầy sức hấp dẫn như Bích Động, cố đô Hoa Lư, bãi biển Sầm Sơn... nên càng trở nên gần gũi với khách du lịch trong nước và ngoài nước.

Tuy nằm ở rìa đồng bằng nhưng do địa hình núi đá vôi khá hiểm trở, đi lại khó khăn nên rừng Cúc Phương mới được phát hiện vào năm 1960 và từ năm 1962 đã được Chính phủ quyết định cho phép xây dựng và đến năm 1966 chính thức trở thành vườn Quốc gia đầu tiên của Việt Nam.

Vườn Quốc gia Cúc Phương nằm trong một thung lũng chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam, được bao bọc bởi các núi đá vôi có độ cao trung bình 300-400 m. Đỉnh núi cao nhất trong vườn Quốc gia Cúc Phương là đỉnh Mây Bạc (656m).

Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm, gió mùa, Cúc Phương có nhiệt độ trung bình hàng năm 20° - 21°C , nhưng đặc biệt rất ẩm thấp với lượng mưa trung bình hàng năm trên 2000 mm và có tới 220 ngày mưa trong năm. Mùa mưa ở Cúc Phương thường kéo dài 7 tháng, từ tháng 5 đến tháng 11 và tập trung tới 90% lượng mưa cả năm, vì vậy vào thời kỳ mưa khô, từ tháng 12 đến tháng 4, đến thăm quan Cúc Phương là thích hợp hơn cả.

Vườn Quốc gia Cúc Phương đã được khẳng định là một khu rừng nguyên sinh mang tính chất điển hình của rừng nhiệt đới mưa ẩm chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa Đông Nam Á. Giá trị khoa học đặc sắc của rừng Cúc Phương được biểu hiện rõ nét trên các điểm sau:

- Rừng được cấu trúc tối 5 tầng trong đó có 3 tầng cây gỗ lớn (tầng vượt tán có những cây cao 40-50m mọc rải rác, tầng

tán rừng gồm các cây cao 20-35m và tầng dưới tán cao 10-20m), 1 tầng cây bụi và 1 tầng cỏ quyết.

- Thành phần thực vật rất phong phú với 2000 loài, trong đó thực vật bậc cao có 33 họ, 80 chi, 140 loài; ngành quyết thực vật có 29 họ, 57 chi, 149 loài; ngành hạt trần có 3 họ, 3 chi, 3 loài và ngành hạt kín có 152 họ, 749 chi, 1675 loài; gồm nhiều loài thực vật bản địa, là hệ thực vật á nhiệt đới kỷ đệ tam và các loài thực vật di thực từ các khu vực chung quanh Việt Nam tới như thực vật vùng nhiệt đới khô của Ấn Độ, Miến Điện (Chò Xanh, Chò Nhai, Sảng... có đặc tính rụng lá trong mùa khô), thực vật vùng nhiệt đới nóng ẩm phía nam lên (Chò Chỉ, Sao, Nhội), từ các vùng ôn đới như Chò Đãi hoặc một số cây thân gỗ và thân thảo có nguồn gốc từ Malaysia đến.

- Thực vật có các kiểu sống đa dạng, độc đáo như cây có bạnh vè, cây có hoa quả mọc trên thân cây, trên rễ, có các cây dây leo và cây phụ sinh (nổi tiếng là cây đà bóp cổ và các loài phong lan, dương xỉ).

- Có nhiều loài, nhiều giống thực vật mang tính chất nguyên thủy như các cây họ Ngọc Lan, các họ Gie, Na, Giẻ, Hồ tiêu, Hành, Tỏi...

- Khu hệ động vật, đặc biệt là khu hệ côn trùng ở đây rất phong phú và điển hình cho khu hệ động vật, côn trùng Đông Nam Á. Hệ động vật Cúc Phương có 233 loài có xương sống, 64 loài thú, 137 loài chim, 36 loài bò sát, 17 loài lưỡng thể và 1 loài cá đặc biệt. Một số lớn lần đầu tiên được phát hiện ở Cúc Phương như sóc bụng đỏ, cá niếc hang, trăn gấm, báo gấm, gấu ngựa. Có những loài chim rất đẹp như phượng hoàng đất, gà lôi, vàng anh, vẹt, son tiêu. Nhiều loài quý hiếm đã được đưa vào danh sách bảo vệ như cây hương, sóc bay, cheo cheo.

Ở Cúc Phương có tới 24 bộ côn trùng trong số 30 bộ côn trùng thường gặp ở Việt Nam, đặc biệt có nhiều loài bướm lạ và

đẹp như bướm phượng hoàng với hai sải cánh trải rộng tới 40-50cm, bướm nàng tiên có màu sắc rất sắc sảo, lộng lẫy.

Nguồn tài nguyên du lịch vườn Quốc gia Cúc Phương rất đặc sắc vì có:

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh rất điển hình cho rừng nhiệt đới ẩm ướt trên núi đá vôi.

- Có ý nghĩa lịch sử rất lớn vì chứa đựng những di tích khảo cổ học. Đó là các di chỉ của thời đại đồ đá mới ở hang Đắng, nay còn gọi là động Người xưa, có cách đây 7000 năm; di chỉ hang Con Moong thuộc thời kỳ văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn cách đây 10.000-12.000 năm, cho đến các thời kỳ lịch sử cận đại của người Mường cư trú cách đây 300-400 năm.

- Những thăng cảnh đẹp:

- + Cây Chò ngàn năm ở gần xóm Bống, cao trên 50 m, có 2 thân liền gốc chu vi tới 14-15 người ôm.
- + Cây Sấu có bánh bè khổng lồ, cao 6-7 m, bộ rễ lan rộng 8-9m.
- + Cây Chò Chỉ cao 70m, đường kính 3m.
- + Các hang động như động Người xưa, động Vui xuân, động Trăng khuyết, động Chua, động Con Moong.
- + Đỉnh Mây Bạc 656m.

Vườn Quốc gia Cúc Phương thích hợp nhất đối với khách du lịch tới tham quan, học tập và nghiên cứu khoa học.

8. Điểm du lịch Tam Đảo

Điểm du lịch Tam Đảo nằm trên dãy núi Tam Đảo, án ngữ ở phía bắc của đồng bằng Bắc Bộ với đỉnh cao nhất 1591m, chạy dài 50km theo hướng tây bắc - đông nam trên địa giới ba tỉnh Bắc Thái, Vĩnh Phú và Hà Tuyên, ở khoảng $21^{\circ}30'$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}30'$ kinh độ Đông. Tam Đảo cách thủ đô Hà Nội 75 km về phía tây bắc, với đường đi lại khá thuận tiện, lại rất gần sân bay quốc tế Nội Bài và nằm trên đường du lịch theo quốc số 2

đến Đèn Hùng và lên Việt Bắc, Tây Bắc. Từ rất xa đã có thể nhận ra dãy núi Tam Đảo với ba đỉnh cao là Thiên Thị, Thạch Bàn và Phú Nghĩa giống như ba hòn đảo nổi bật lên giữa biển mây.

Điểm du lịch Tam Đảo nằm ở độ cao 879m, có phong cảnh núi non hùng vĩ, có khả năng bao quát cả một vùng rộng lớn của đồng bằng Bắc Bộ.

Tam Đảo là một vùng núi có khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình hàng năm là 18°C . Vào những tháng hè oi bức, từ tháng 5 đến tháng 9, trong khi Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng nhiệt độ trung bình hàng tháng thường từ $27^{\circ}\text{-}29^{\circ}\text{C}$ thì Tam Đảo là nơi nghỉ mát rất lý tưởng đối với cả vùng.

Do có địa hình chấn gió, Tam Đảo là một trong những trung tâm mưa lớn ở miền Bắc Việt Nam, với lượng mưa trung bình hàng năm 2630mm. Cũng vì vậy cây rừng ở đây luôn xanh tốt, sông suối có nguồn cung cấp nước dồi dào và có khả năng dự trữ nước tưới cho cả vùng lân cận.

Ở Tam Đảo cũng đã xây dựng khu rừng cấm quốc gia với diện tích khoảng 19.000 ha. Tài nguyên rừng ở đây rất phong phú và đa dạng với trên 620 loài cây thân gỗ và thân thảo, trong đó tới 40% là các loại sồi, giẻ. Đặc biệt ở đây có cây Pomu là cây gỗ quý rất hiếm, điển hình cho vùng á nhiệt đới trên núi.

Về chim, có tới 120 loài mà hầu hết là các loài chim ăn sâu bọ, đã góp phần đặc lực vào việc bảo vệ rừng. Có nhiều loài chim cảnh có bộ lông màu sắc sỡ như vàng anh, sơn tiêu trắng, sơn tiêu đỏ, gà tiền, gà lôi hoặc có giọng hót hay như họa mi, khướu bách thanh... cùng làm tăng thêm vẻ đẹp của núi rừng. Ở đây cũng có nhiều loài chim có giá trị kinh tế và săn bắn như gà rừng, đà đà, phượng hoàng đất, chim cu gáy.

Thú rừng ở đây có chừng 45 loài, trong đó có nhiều loài quý hiếm, rất có giá trị như hổ, báo, gấu, sóc bay, chồn mực, vượn, voọc quần đùi, voọc đen. Một số có giá trị săn bắn như nai, hoẵng, lợn rừng, sơn dương, cầy...

Điểm du lịch Tam Đảo đã được xây dựng từ lâu để đón khách tham quan du lịch và nghỉ mát.

Ở đây có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành, phong cảnh đẹp mắt, đặc biệt có dòng Thác Bạc hùng vĩ càng làm tăng thêm vẻ hấp dẫn của điểm du lịch. Rừng cẩm quốc gia vừa là nơi tham quan ngắm cảnh, vừa có giá trị nghiên cứu khoa học về hệ sinh thái rừng nhiệt đới và á nhiệt đới trên núi.

Đặc sản của địa phương có nhiều cây thuốc đã được chế biến và có nhiều loại rau quả quý. Ngay vùng chân núi có các cơ sở kinh tế trù phú là nguồn cung cấp lương thực thực phẩm dồi dào cho khách du lịch.

Tam Đảo là nơi nghỉ mát trong mùa hè, nơi nghỉ cuối tuần đối với thủ đô Hà Nội và các khu vực chung quanh, hoàn toàn có đủ điều kiện để triển khai loại hình du lịch núi miễn là được đầu tư thích đáng.

Điểm du lịch Tam Đảo hiện nay chủ yếu phục vụ cho nhu cầu nghỉ mát nên hoạt động du lịch mang tính chất mùa rõ rệt.

Từ khi xây dựng khu rừng cẩm quốc gia, việc bảo vệ các nguồn tài nguyên rừng đã được chú trọng. Đặc biệt trong những năm gần đây việc trồng rừng và tu bổ, bảo vệ rừng có nhiều tiến bộ nên đã bước đầu khôi phục lại thảm thực vật rừng xanh tốt vốn có ở đây.

Các cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như đường sá, điện, nước, nhà nghỉ, khách sạn, chỗ vui chơi, giải trí đang được tiếp tục hoàn thiện, xây dựng mới và nâng cấp để phục vụ khách du lịch.

9. Điểm du lịch Hòa Bình

Điểm du lịch Hòa Bình với trung tâm là hồ chứa nước và nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông Đà ở khu vực thị xã Hòa Bình (thuộc tỉnh Hòa Bình) cách thủ đô Hà Nội 76km về phía tây - tây nam. Hồ chứa nước Hòa Bình được hình thành do công trình xây đập thủy điện ngăn sông Đà để tích trữ nguồn

Hồng Gai qua Hải Phòng theo quốc lộ 5 hoặc qua Bắc Ninh theo quốc lộ 18, từ Hà Nội còn có thể đến Hạ Long theo đường sắt Yên Viên - Uông Bí (130 km) hoặc từ Hải Phòng ra Hồng Gai bằng đường thủy (74 km). Trở ngại lớn nhất trên các đường tới Hạ Long là có nhiều cầu phà và nhiều đoạn đường cùn xấu.

Hạ Long là một vịnh kín trong một vùng biển rộng, có diện tích khoảng 1500km^2 , có đường bờ biển khúc khuỷu với bãi tắm đẹp Bãi Cháy ở ngay trung tâm, và cả một thế giới hàng nghìn hàng đảo lớn nhỏ, chủ yếu là các đảo đá vôi, quần tụ rất tự nhiên. Thế giới trong vịnh Hạ Long thật muôn hình muôn vẻ, nhiều đảo được gọi theo vật mà nó có hình giống, làm cho trí tưởng tượng của khách du lịch càng thêm phong phú như hòn Con Cóc, hòn Con Voi, hòn Gà Choi, hòn Mái Nhà... và có nhiều hang động đẹp, có tên gọi gắn liền với các truyền thuyết như hang Đầu gỗ (hang Đầu gỗ), hang Trinh nữ...

Hạ Long có mặt nước luôn phẳng lặng, ít khi có sóng lớn. Nước biển Hạ Long trong xanh màu ngọc bích. Khí hậu ấm áp, mát mẻ, trong lành. Hạ Long có nhiều đặc sản quý như các loại cá ngon, tôm he, hải sâm, bào ngư, sá sùng. Trên các đảo có nhiều chim thú, nhiều nhất là gà ri, chim xanh, sơn dương, khỉ, kỳ đà; nhiều đảo khai thác được ngọc trai, san hô.

Hạ Long có sức hấp dẫn kỳ diệu với khách du lịch bởi nó vừa hùng vĩ, vừa duyên dáng, thơ mộng. Cảnh sắc Hạ Long không bao giờ đơn điệu, luôn mới ở các góc độ quan sát và thay đổi theo thời gian. Khách du lịch đến thăm Hạ Long vào bất kỳ mùa nào trong năm cũng tìm thấy vẻ đẹp riêng đầy quyến rũ đến mê hồn của nó.

2. *Điểm du lịch Cát Bà*

Điểm du lịch Cát Bà là toàn bộ khu thăng cảnh trên đảo Cát Bà thuộc huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, cách Hà Nội 150 km về phía đông.

Từ Hà Nội đến Cát Bà thuận tiện nhất là đi bằng đường bộ hoặc đường sắt đến Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng đi ca nô hay tàu thủy ra đảo.

Đảo Cát Bà ở khoảng vĩ độ $20^{\circ}48'$ Bắc, kinh độ 107° Đông, rộng trên 100km^2 . Đảo Cát Bà chủ yếu là núi đá vôi có đường bờ biển khúc khuỷu và có nhiều đảo nhỏ bao quanh với nhiều bãi biển đẹp như Dương Gianh, Cát Cò, Cát Dứa và có nhiều bãi san hô rộng lớn như các bãi Vạn Hà, Áng Thảm, phong cảnh đẹp.

Khí hậu Cát Bà mát mẻ, trong lành rất thích hợp với hoạt động du lịch.

Thế giới động thực vật ở đây vô cùng phong phú. Biển có nhiều đặc sản quý như các loài cá ngon, sò huyết, sò lông, nhiều hải sản mỹ nghệ như đồi mồi, tôm rồng, trai ngọc, san hô, vỏ trai, ốc biển.

Vườn Quốc gia Cát Bà rộng 600 ha được thành lập từ ngày 23 tháng 5 năm 1983, bảo tồn hệ sinh thái rừng nhiệt đới nguyên sinh với hơn 600 loài thực vật, với nhiều cây quý như Báng, Gội Nếp, Sảng lẻ, Kim Giao cùng nhiều loại động vật rất có giá trị như voọc đầu trắng, voọc quần đùi, cầy giông, khỉ mặt đỏ, khỉ đuôi lợn...

Cát Bà là vùng đất trù phú, đã được khai phá từ lâu đời. Ở đây đã phát hiện được nhiều di tích khảo cổ học thuộc thời kỳ đồ đá mới, di tích văn hóa Hạ Long và dấu vết của người Việt Cổ.

3. Điểm du lịch Đồ Sơn

Đồ Sơn là bãi biển có nhiều phong cảnh tự nhiên đẹp nằm trên bán đảo Đồ Sơn thuộc huyện Đồ Sơn ngoại thành Hải Phòng, cách Hà Nội 120 km.

Đường đi từ Hà Nội đến Đồ Sơn rất thuận lợi, kể cả bằng đường bộ cũng như liên vận sắt-bộ.

Đồ Sơn có nhiều bãi tắm rộng, bờ thoải, nước nông; có khí hậu rất tốt, ám áp về mùa đông, mát mẻ về mùa hè; có nhiều

phong cảnh; có khả năng đón cùng một lúc hàng chục nghìn khách du lịch nghỉ mát, tắm biển.

Đồ Sơn đã được khai thác và sử dụng sớm từ những năm đầu thế kỷ nên đã xây dựng được cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch khá tốt, đường sá đi lại thuận tiện, nhiều khách sạn đẹp đẽ, khang trang cùng nhiều nhà nghỉ của một số ngành đã được xây dựng.

Bãi biển Đồ Sơn còn là một bãi cá và biển kề một thị trấn ven biển nên có nhiều điều kiện thuận lợi về cung cấp lương thực, thực phẩm tại chỗ. Gần đây địa phương đã khôi phục lễ hội chọi trâu, thường được tổ chức vào mùa hè, cũng rất hấp dẫn đối với khách du lịch.

Ưu thế nổi bật của Đồ Sơn là rất gần thành phố Hải Phòng (18km) và cách thủ đô Hà Nội không xa nên bên cạnh loại hình nghỉ mát, tắm biển còn có điều kiện rất thuận lợi để phát triển các loại hình nghỉ ngắn ngày (cuối tuần), hội nghị, thể thao để có thể tận dụng khả năng khai thác phục vụ du lịch quanh năm.

4. Điểm du lịch Trà Cổ

Bãi biển Trà Cổ là một trong những bãi biển đẹp nhất ở Việt Nam, nằm trên đảo Trà Cổ thuộc huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh, nơi địa đầu của vùng biển đông bắc Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc. Trà Cổ nằm ở khoảng $21^{\circ}25'$ vĩ độ Bắc, 108° kinh độ Đông.

Trà Cổ cách Hà Nội 334 km theo đường bộ Hà Nội - Hồng Gai (151 Km) rồi theo đường 18 tới thị trấn Tiên Yên và từ Tiên Yên theo đường số 4 đến thị xã Móng Cái để ra bãi biển Trà Cổ. Từ Trà Cổ về thị xã Móng Cái chỉ có 7 km và đến Mũi Ngọc có 8 km.

Đến Trà Cổ có thể đi bằng canô hoặc tàu thủy chạy ven biển từ Hải Phòng đến Móng Cái 206 km hoặc từ Hồng Gai thì chỉ có 132 km (gần hơn đường bộ 50 km).

Bãi biển Trà Cổ có một ưu thế nổi bật là rất gần thị xã Móng Cái, một thị xã cổ kính khá sầm uất ở sát biên giới với Trung Quốc (bên kia biên giới là thị trấn Đông Hưng thuộc tỉnh Quảng Đông).

Trà Cổ là một bãi biển tự nhiên rất rộng và bằng phẳng, nền cát trắng mịn và chắc chắn dài tới 15 km. Đây là một bãi tắm rất lý tưởng.

Bãi biển Trà Cổ là rìa bên ngoài của một đảo bồi tụ do tác động của sóng và dòng biển ven bờ tạo nên, cách đồng bằng ven biển Móng Cái bằng một dải phá hàng ngày có nước thủy triều ra vào. Hiện nay đã có hệ thống đê ngăn và có đường nối liền đảo với đất liền nên rất tiện đường đi lại.

Ở bãi biển này quá trình bồi tụ xen kẽ với quá trình mài mòn nên ở khu vực xây nhà nghỉ hiện nay bờ biển bị sói lở với tốc độ trung bình khoảng 1m/năm, trong khi đó ở khu vực phía nam của Trà Cổ lại được bồi đắp thêm.

Ven bờ biển là các cồn cát cao 3-4 m có làng mạc và dân cư đông đúc, chủ yếu làm nghề nông và chài lưới. Sát bờ biển là các dải rừng phi lao chắn gió, cố định cát, tạo nên phong cảnh rất đẹp mắt.

Do ở sát biển, lại cách rất xa các thành phố, khu công nghiệp và bến cảng nên Trà Cổ có khí hậu rất mát mẻ, không khí trong lành, không gian tĩnh mịch. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở đây là $22^{\circ}7C$, trong năm có 4 tháng (từ tháng 12 đến tháng 3) nhiệt độ dưới $20^{\circ}C$ và 5 tháng nóng nhất (từ tháng 5 đến tháng 9) nhiệt độ từ $26-28^{\circ}C$, thích hợp với yêu cầu nghỉ mát của khách du lịch.

Ở vùng lân cận bãi biển Trà Cổ có hệ sinh thái rừng ngập mặn, tuy không thật điển hình nhưng cũng khá phong phú, tạo nên một cảnh quan độc đáo và hấp dẫn khách du lịch.

Đặc sản của địa phương có những hải sản nổi tiếng như: sá sùng, hải sâm, cá và cua biển.

Điểm du lịch Trà Cổ thích hợp nhất với các loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm mát, thể thao nước kết hợp tham quan. Hiện trạng bãi biển Trà Cổ còn sơ khai, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn, thiếu điện, nước ngọt; đặc biệt là đường sá xa xôi, đi lại chưa thuận tiện.

C. Tiểu vùng du lịch núi Đông Bắc

1. Điểm du lịch Pắc Bó

Điểm du lịch Pắc Bó gồm khu di tích Cách mạng ghi lại những ngày đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau hơn 30 năm tìm đường cứu nước đã trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo Cách mạng Việt Nam.

Pắc Bó là vùng núi rừng hiểm trở thuộc xã Trung Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nằm ở sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cách Hà Nội hơn 300 km về phía Bắc.

Muốn đến Pắc Bó du khách phải đến thị xã Cao Bằng và đi theo đường ô tô qua thị trấn Nước Hai, huyện ly Hà Quảng, đến cây số 45 là có đường rẽ vào khu di tích.

Các di tích ở điểm du lịch này gồm có hang Pắc Bó, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 8-2-1941 đến tháng 7 năm 1942 và từ tháng 9 năm 1943 đến giữa năm 1945, có suối Lê Nin và núi Các Mác, cùng một số địa điểm ở lân cận như hang Bo Bam, bãi Cò Rạc, làng Khuổi Nậm, nơi Hồ Chủ tịch trực tiếp huấn luyện cán bộ và tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng của Trung ương.

Khu di tích này cũng ghi lại kỷ niệm lần Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tại Pắc Bó ngày 20-2-1961 sau 20 năm kể từ ngày đầu tiên Người đặt chân tới Pắc Bó.

Điểm du lịch Pắc Bó mặc dù ở rất xa xôi, nhưng với ý nghĩa lịch sử của nó đã đón tiếp rất nhiều đoàn khách quốc tế và khách du lịch từ mọi miền đất nước tới thăm.

2. Điểm du lịch Lang Son

Điểm du lịch Lạng Sơn là một thắng cảnh nổi tiếng nằm ở vùng biên giới phía Bắc, cách Hà Nội 151 km về phía Đông Bắc.

Khu vực thị xã Lạng Sơn từ lâu đời vốn đã là nơi tập trung đông dân, buôn bán sầm uất vì có vị trí địa lý đặc biệt. Đây là cửa khẩu quan trọng nhất trên đường biên giới Việt - Trung, gần thủ đô Hà Nội nhất và có đường giao thông rất thuận tiện. Lạng Sơn nằm ở ngã tư đường, nơi gặp gỡ của quốc lộ 1, nối Đồng Đăng với Hà Nội, và quốc lộ số 4 chạy dọc theo đường biên giới nối liền 3 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng. Lạng Sơn lại nằm trên bờ sông Kỳ Cùng, con sông lớn ở biên giới chảy về phía Trung Quốc.

Lạng Sơn có địa thế thuận lợi, có vị trí quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa ở khu vực biên giới Đông Bắc, khí hậu ấm áp trong lành, nhiều phong cảnh đẹp, có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch.

Lạng Sơn có những thắng cảnh nổi tiếng như động và chùa Tam Thanh, núi Vọng Phu, động Nhị Thanh, chùa Tiên và giếng Tiên, Chợ Kỳ Lừa ở ngay thị xã và thị trấn Đồng Đăng ở sát biên giới, cách thị xã 14 km, buôn bán nhộn nhịp suốt ngày có sức thu hút mạnh mẽ đối với khách du lịch.

3. Điểm du lịch Ba Bể

Hồ Ba Bể thuộc huyện Ba Bể, tỉnh Cao Bằng, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh rất gần nơi tiếp giáp ba tỉnh: Cao Bằng, Tuyên Quang và Bắc Thái. Hồ Ba Bể nằm ở khoảng $22^{\circ}25'$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}35'$ kinh độ Đông.

Đường đến hồ Ba Bể thuận lợi nhất là đường bộ từ Hà Nội theo quốc lộ 3 qua Thái Nguyên, Bắc Cạn đến Phủ Thông (thuộc Bắc Thái) rồi rẽ sang đường đi chợ Rã để vào hồ dài 240 km.

Từ thị xã Cao Bằng cũng có đường ô tô qua Nguyên Bình tới chợ Rã để đến hồ Ba Bể.

Vì điều kiện xa Thủ đô, lại nằm ở vùng rừng núi, hồ Ba Bể thường hay đón khách du lịch đi thăng từ Hà Nội tới.

Khách du lịch dài ngày ở Cao Bằng tham quan các di tích lịch sử hay danh lam thăng cảnh như hang Pắc Bó (huyện Hà Quảng), thác Bản Giốc (huyện Trùng Khánh), hồ Thang Hen (huyện Quảng Hòa) cũng thường hay đến với hồ Ba Bể.

Hồ Ba Bể nằm kẹp giữa hai dãy núi lớn ở Việt Bắc là cánh cung sông Gâm và cánh cung Ngân Sơn với những đỉnh núi cao trên 1000 km. Khu vực chung quanh hồ là vùng núi đá vôi hiểm trở, với những dạng địa hình Karst nhiệt đới điển hình, có những vách núi dựng đứng, đỉnh núi sắc nhọn lởm chởm đá tai mèo, với những hang động kỳ vĩ và những dòng sông suối ngầm khi ẩn khi hiện.

Hồ Ba Bể là một trong những hồ tự nhiên lớn nhất ở Việt Nam. Hồ ở độ cao 145m trên mực nước biển, có diện tích mặt nước khoảng 500 ha, dài trên 7 km, chỗ rộng nhất trên 2km, độ sâu trung bình khoảng 30m.

Hồ có tên gọi là Ba Bể vì lòng hồ được thắt khúc thành ba hồ Pé Lầm, Pé Lù và Pé Lèng. Trong lòng hồ còn nhô lên hai hòn đảo: đảo An Mã rộng 1km^2 có hình thù một con ngựa nằm quay nhìn ra giữa hồ và đảo Pô Gia Mải có nghĩa là Gò Bà Góá. Trên đảo có rất nhiều phong lan và chim muông. Toàn cảnh hồ như một bức tranh thủy mặc: mặt nước hồ trong xanh in đậm bóng núi, lồng lộng mây trời và những cánh rừng già tạo nên biết bao là cảnh đẹp.

Do ở vùng rừng núi, lại có mặt hồ rộng, khí hậu ở đây khá mát mẻ. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 22°C . Về mùa đông và mùa xuân là thời kỳ khô ráo thuận lợi cho việc tham quan,

dạo chơi trên hồ. Trong những ngày hè khách du lịch có thể tắm mát trong hồ.

Điểm du lịch hồ Ba Bể có nhiều thang cảnh đẹp, phong phú đa dạng, tiêu biểu là:

- + Thác Đầu Đẳng
- + Hang Puông (hay động Pông)
- + Hồ Ba Bể
- + Ao Tiên.

Tài nguyên rừng ở đây vô cùng phong phú, có diện tích rộng tới 4500 ha, trong đó có những cánh rừng gỗ nghiến gần như thuần loại với những thân cây cao gần 40m, thẳng tắp và rất nhiều loại gỗ quý như lát hoa, lát chun, sến, gụ, mun. Trong rừng có tới 30 loài thú với hươu, nai, lợn rừng, gấu, báo, và đặc biệt nhiều nhất là các loại khỉ, trong đó có vẹt mũi hέch là loại đặc hữu của Việt Nam và nhiều loài chim quý như chèo béo đuôi cờ, phường chèo, gà lôi trắng. Số lượng loài ở đây không thua kém gì khu hệ chim của Vườn Quốc gia Cúc Phương. Trong hồ có tới 17 loài cá, trong đó có 4 loài cá kinh tế, sản lượng cao là chép, diếc, vōng (bống), trôi và có rất nhiều ba ba, rùa, ốc, tôm. Có con ba ba nặng tới 20-30 kg. Ngoài ra còn các loài kiếm ăn dưới nước như cốc đế, bói cá, kỳ đà, càng làm tăng thêm vẻ sinh động của cảnh hồ nước tĩnh mịch.

Điểm du lịch Ba Bể đáp ứng được nhiều loại hình du lịch nghỉ ngơi, dạo chơi bằng thuyền độc mộc trên hồ, thể thao nước, dạo chơi trong rừng, nghiên cứu khoa học.

Vùng hồ Ba Bể và phụ cận rộng 5000 ha từ năm 1978 đã được Nhà nước quyết định trở thành khu rừng cấm để bảo vệ nguồn tài nguyên động, thực vật và một địa điểm du lịch có giá trị nhiều mặt.

Hiện nay chính quyền và nhân dân địa phương đã phối hợp với ngành lâm nghiệp tiến hành điều tra, quy hoạch, thống nhất

quản lý và khai thác, sử dụng tổng hợp, trong đó rất chú trọng đến mục đích du lịch. Tuy vậy, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở đây còn rất thiếu thốn. Điều đó cần sớm được khắc phục để khai thác tốt hơn tiềm năng của điểm du lịch đây hấp dẫn này.

D. Tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc

1. Điểm du lịch Sa Pa

Sa Pa là điểm du lịch núi nổi tiếng ở Việt Nam, cách Hà Nội 333 km về phía Tây Bắc.

Từ Hà Nội lên Sa Pa tốt nhất là đi bằng xe lửa rồi theo đường bộ Lao Cai - Lai Châu tới thị trấn.

Sa Pa ở độ cao 1.500m, nằm ở sườn Đông của dãy Hoàng Liên Sơn. Khí hậu Sa Pa mát mẻ quanh năm. Trong các tháng mùa đông có nhiều ngày rét lạnh, cá biệt có năm nhiệt độ xuống rất thấp, có tuyết rơi và nước đóng băng. Vì ở vùng núi cao nên Sa Pa rất sẵn các loại thực vật nhiệt đới và ôn đới, tạo nên phong cảnh tự nhiên khác lạ so với nhiều vùng khác. Diễn hình nhất là các rừng thông gai (hay sa mu), pomu và các loại đào, lê, mận, táo có năng suất và chất lượng rất cao.

Đây cũng là nơi rất thích hợp với việc ươm các loại rau và hoa ôn đới.

Sa Pa có nhiều cảnh đẹp tự nhiên như thác Bạc, động Thủy Cung, Hang Gió, Cổng Trời, rừng Trúc..., nhiều công trình đẹp như Cầu May, các biệt thự, khách sạn, nhà nghỉ ở thị trấn và Đài vật lý địa cầu.

Sa Pa còn là nơi xuất phát của các vận động viên, các nhà khoa học và những người ưa thích leo núi chinh phục đỉnh cao PhanXiPăng.

Những ngày phiên chợ ở Sa pa cũng thật nhộn nhịp, vui mẻ và có sức hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch từ phương xa tới.

2. Điểm du lịch Điện Biên

Chiến trường Điện Biên, một di tích lịch sử ghi lại chiến công oanh liệt của quân-dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp, đã trở thành một điểm du lịch có ý nghĩa rất lớn.

Chiến trường Điện Biên nằm ở phía tây huyện Điện Biên (Lai Châu), cách Hà Nội về phía tây 500 km nếu đi bằng đường bộ hoặc 300 km theo đường hàng không Gia Lâm - Điện Biên. Đường bộ từ Hà Nội lên Điện Biên tốt nhất là theo quốc lộ 6 qua Sơn La, Thuận Châu, vượt đèo Pha Đin sang Tuần Giáo rồi rẽ vào Điện Biên.

Điện Biên là một cánh đồng bằng phẳng chạy dọc theo thung lũng sông Nậm Rốm như một lòng chảo rộng với các dãy núi đồi trùng điệp bao quanh. Vùng đất này rất màu mỡ và đã sớm được khai phá ngay từ thế kỷ 11, 12.

Trong kháng chiến chống Pháp, từ cuối năm 1953 thực dân Pháp đã đổ quân chiếm đóng Điện Biên và thành lập nên ở đây một tập đoàn cứ điểm mạnh với rất nhiều trang bị, vũ khí hiện đại kể cả sân bay và pháo lớn. Ngày 13-3-1954 quân ta nổ súng tiến công mở màn chiến dịch Điện Biên lịch sử.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu vô cùng quyết liệt, ngày 7-5-1954 quân ta đã toàn thắng, loại khỏi vòng chiến đấu 16.000 quân địch, bắt sống tướng Đờ Catri và toàn bộ Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Chiến thắng Điện Biên đã gây tiếng vang lớn chấn động địa cầu và báo hiệu sự sụp đổ của chế độ thực dân Pháp.

Các di tích nổi bật của chiến trường Điện Biên năm xưa là các cứ điểm Hồng Cúm, Him Lam, Đồi Độc Lập, Đồi A1, cầu và sân bay Mường Thanh, hầm chỉ huy của tướng Đờ Catri.

Mặc dù ở vị trí xa xôi, hẻo lánh, đường đi lại khó khăn nhưng điểm du lịch Điện Biên đã đón rất nhiều đoàn khách quốc tế và trong nước tới thăm, đặc biệt vào những năm tổ chức kỷ niệm lớn.

E. Tiểu vùng du lịch Nam Bắc Bộ

I. Thành phố Vinh

Vinh là trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Nghệ An. Với diện tích 61,7km², dân số 192.313 người (1993), nằm trên tuyến giao thông đường sắt, đường bộ xuyên Việt, có sân bay nội địa, hải cảng quốc tế rất thuận lợi cho du khách trong và ngoài nước đến tham quan, giao dịch, tìm kiếm cơ hội đầu tư ở Nghệ An. Trung tâm Vinh nằm trong bán kính 20km có những điểm du lịch quan trọng như Kim Liên, Cửa Lò, khu di tích đài thi hào Nguyễn Du và khu di tích chùa Hương Sơn thuộc dãy núi Hồng Lĩnh.

Những điểm du lịch chính có xu hướng phát triển của thành phố Vinh:

Bến Thủy

Bến Thủy ở phía nam thành phố Vinh, tập trung di tích lịch sử quốc gia (ngã ba Bến Thủy, Phượng Hoàng, Trung Đô), cũng là nơi có cảnh quan tự nhiên đẹp. Tại đây có thể xây dựng thành lâm viên núi để khách thưởng ngoạn phong cảnh sông Lam, núi Hồng và thành phố Vinh. Ven chân núi về phía khách sạn Bến Thủy có thể xây dựng vườn bách thú và hệ thống villa cho thuê phục vụ du lịch gia đình. Tại chân núi phía nam giáp sông Lam du khách có thể bằng thuyền ngược dòng sông Lam lên Hưng Nguyên, Nam Đàm, Thanh Chương, Đô Lương... và cũng từ đây du khách có thể xuống thuyền đi đảo Ngư, bãi tắm Cửa Lò, Nghi Thiết, thăm viếng mộ cụ Nguyễn Du.

Hồ trung tâm

Hồ Goong nằm tại trung tâm thành phố Vinh, với quần thể kiến trúc hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt, tại đây có thể hình thành trung tâm dịch vụ, vui chơi, giải trí quanh hồ và trên hồ. Sau khi tham quan các điểm du lịch, khách có thể về đây nghỉ ngơi và thưởng thức văn hóa, nghệ thuật. Tại đây hiện

nay đã đủ điều kiện để khách quốc tế và trong nước nghỉ ngơi qua đêm.

Hồ Cửa Nam

Với vị trí thuận lợi nằm tại ngã tư giao nhau của đường quốc lộ 1 chạy qua và đường tỉnh lộ 49 lên Nam Đàn quê hương Bác Hồ. Bên cạnh có hệ thống sông và hồ phía Tây, Công viên cây xanh thành phố phía Nam và có một quần thể di tích văn hóa lịch sử ở Đông Bắc (thành cổ Vinh, Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bảo tàng Tổng hợp...). Do đó đây là điểm du lịch phía Tây Thành phố đầy hấp dẫn. Quần thể nghỉ ngơi và giải trí sau khi du khách đi thăm quê hương Bác Hồ trở về.

Quán Bánh, Quán Bàu

Nằm ở phía Bắc của thành phố Vinh, trên tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Việt, cạnh sân bay Vinh và tại ngã ba nối đường quốc lộ 1 xuống Cửa Lò 13km. Hướng lâu dài, đây sẽ là khu công nghiệp của Thành phố. Do vậy phát triển du lịch ở đây chủ yếu phục vụ cho khách thuê văn phòng đại diện, giao dịch, nghỉ ngơi, giải trí và là điểm khởi đầu phục vụ khách trước khi tới du lịch tắm biển Cửa Lò.

2. Điểm du lịch Nam Đàn và Kim Liên

Nam Đàn có diện tích 295,2 km² với số dân 159.450 người bao gồm các điểm du lịch thuộc làng Chùa, làng Sen xã Kim Liên, là quê nội và quê ngoại Bác Hồ, mộ bà Hoàng Thị Loan (xã Nam Giang), núi Thiên Nhẫn và thành Lục Niên gắn với cuộc khởi nghĩa Lê Lợi, mộ Nguyễn Thiệp (thuộc xã Nam Kim), khu vực thị trấn Nam Đàn có nhà cụ Phan Bội Châu, đền Hồng Long (xã Hồng Long), có dòng sông Lam chảy qua huyện.

Điểm du lịch Kim Liên là khu di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; cách Hà Nội 205 km về phía Nam.

Malaixia lên, đã tạo cho thiên nhiên vùng này một sắc thái đặc đáo, muôn hình muôn vẻ, Khoảng 4/5 diện tích tự nhiên của vùng là đồi núi và cồn cát bị chia cắt mạnh thành những vùng nhỏ hẹp, độ dốc lớn. Đi trên đường quốc lộ nhìn về phía Tây là dãy núi Trường Sơn kéo dài như "giăng" một bức tường thành với độ cao trung bình 600m-800m. Dãy Trường Sơn không chỉ chạy song song với biển, mà thỉnh thoảng lại đâm một nhánh ra biển như Hoành Sơn, Bạch Mã, tạo nên cảnh trí đẹp như huyền thoại với Đèo Ngang "cỏ cây chen lá, đá chen hoa" và Hải Vân được mệnh danh là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan". Nằm ở mảnh đất có chiều ngang hẹp nhất nước, có nơi chỉ 60km, phía Tây là dãy Trường Sơn chạy dọc song song với biển nên đồng bằng không thể phát triển theo chiều ngang, những cồn cát và đụn cát lấn sâu vào đất liền, bờ biển nhiều đầm, phá. Khí hậu của vùng này cũng rất phức tạp.

Dãy Hoành Sơn, Bạch Mã do đâm ngang ra biển nên đã trở thành những ranh giới khí hậu thực sự, tạo nên những nét khí hậu khác biệt giữa Nghệ Tĩnh và Quảng Bình, giữa Huế và Đà Nẵng, mặc dù khoảng cách không xa. Nghệ Tĩnh mang khí hậu của miền Bắc, Quảng Bình đã mang những nét của khí hậu miền Nam. Huế đã có một thời kỳ mưa liên miên "trắng đất trắng trời", Đà Nẵng thì chói chang ánh nắng và hầu như không có gió mùa mùa đông. Vùng du lịch này cũng chịu ảnh hưởng không ít những thiên tai do lũ lụt, bão và gió Lào khô nóng. Điều kiện khí hậu thời tiết khắc nghiệt ở đây buộc các nhà du lịch phải có sự nghiên cứu thấu đáo để xác định thời gian du lịch tối ưu cho khách và cả guồng máy hoạt động của mình.

Do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu, địa hình, nên đã tạo cho sông ngòi của vùng này ngắn và dốc, một lớp phủ thực vật rừng phong phú với nhiều loại gỗ quý như gụ, táo. Dưới độ cao 800m là loại rừng kín thường xanh mưa nhiệt đới. Thảm cỏ dại dưới rừng luôn ẩm uớt và đầy gai. Dưới tán rừng là cả một thế giới động vật còn được bảo tồn với nhiều loại quý hiếm. Biển

ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ có nhiều bãi cát phẳng, sạch đẹp vào loại nhất nước ta. Trong lòng biển là một nguồn tài nguyên hải sản phong phú, một nguồn thực phẩm dồi dào. Cồn Cỏ, quần đảo Trường Sa, cù lao Chàm đã là những địa danh nổi tiếng.

Do dải đồng bằng nhỏ hẹp, bình quân lương thực tính theo đầu người thấp, nên vùng này gần như luôn luôn thiếu lương thực. Bù vào sự thiếu hụt đó, kinh tế biển, kinh tế rừng, du lịch, có một tiềm năng và triển vọng to lớn. Tự cân đối lương thực, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, kinh tế rừng và du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đang được cán bộ, nhân dân quyết tâm thực hiện nhằm biến một vùng đất nghèo khó, chịu nhiều đau khổ, mệt mỏi trong chiến tranh trở thành một vùng kinh tế trù phú của đất nước.

II. TÀI NGUYÊN DU LỊCH

Nét đặc sắc, đa dạng của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên một mảnh đất chịu nhiều thử thách qua các biến cố lịch sử của dân tộc, đã tạo cho vùng du lịch Bắc Trung Bộ một tiềm năng du lịch phong phú, có giá trị thu hút khách cao và điều kiện phát triển đủ các loại hình du lịch từ tham quan, nghỉ mát điều dưỡng, tắm biển, thể thao đến nghiên cứu khoa học... Phần lớn các nguồn tài nguyên du lịch của vùng này đều tập trung với mật độ tương đối cao dọc theo quốc lộ 1A và phát triển thành cụm với bán kính không đầy 100km xung quanh Trung tâm Huế - Đà Nẵng.

Không phải ngẫu nhiên mà Brigel Triganô - ông chủ của các câu lạc bộ Địa Trung Hải có hàng trăm làng du lịch nổi tiếng nằm rải rác khắp thế giới đã chọn bãi biển Nam Ô (Quảng Nam - Đà Nẵng) để dự kiến xây dựng một làng du lịch tương tự như Phu - Khet (Thái Lan). Vùng du lịch Bắc Trung Bộ có những đối tượng du lịch nổi tiếng không chỉ mang ý nghĩa quốc gia mà còn là đối tượng tham quan, nghiên cứu của khách du lịch quốc tế.

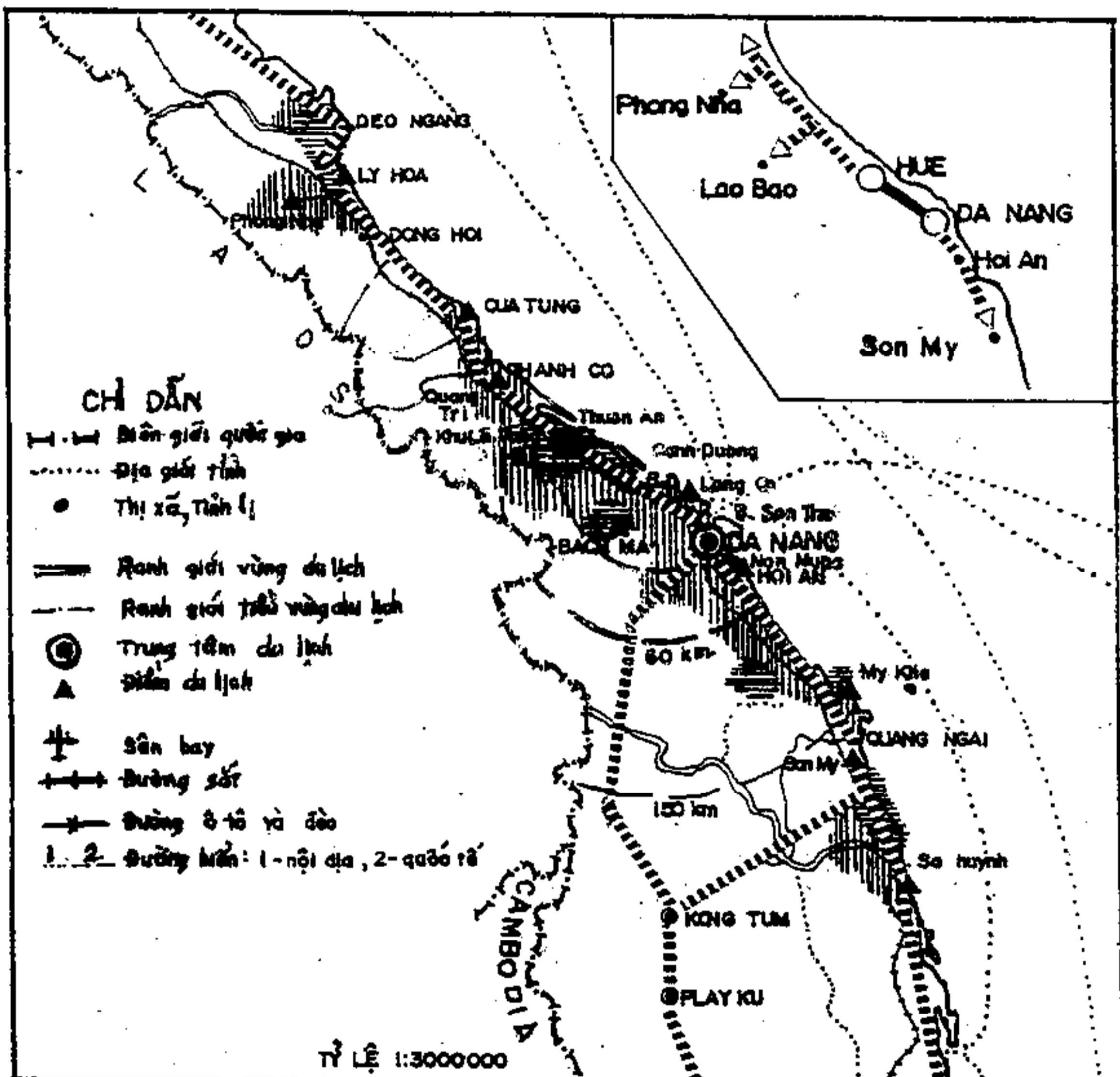
Động Phong Nha, đô thị cổ Hội An, cố đô Huế, Bảo tàng Chàm, Bạch Mã, Lăng Cô... (Bảng 5 và 6).

Bảng 5: Các tài nguyên du lịch tự nhiên điển hình

Số TT	Tên tài nguyên du lịch	Thắng cảnh		Bãi biển		Nước khoáng		Rừng (+)	
		Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng
1	Động Phong Nha	↑	↓	-	-	-	-	-	-
2	Bạch Mã	-	-	-	-	-	-	↑	→
3	Lăng Cô	→	-	↑	-	-	-	-	-
4	Đèo Hải Vân	-	↑	-	-	-	-	-	-
5	Bán đảo Sơn Trà	→	↑	-	-	-	-	→	-
6	Bãi biển Đà Nẵng	-	-	↑	↑	-	-	-	-
7	Ngũ Hành Sơn	↑	↑	-	-	-	-	-	-
8	Cù lao Chàm	-	-	→	↓	-	-	↑	→
9	Nước khoáng Mỹ An	-	-	-	-	→	→	-	-
10	Nước khoáng Bàn Thạch	-	-	-	-	→	↓	-	-
11	Bãi biển Mỹ Khê	-	↑	-	→	-	-	-	-
12	Bãi biển Sa Huỳnh	-	-	→	→	-	-	-	-

Chú thích (+) Rừng bao gồm cả vườn quốc gia, rừng cấm, khu dự trữ tự nhiên.

VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ
BẢN ĐỒ CÁC VÙNG CẢNH QUAN, DI TÍCH TẬP TRUNG

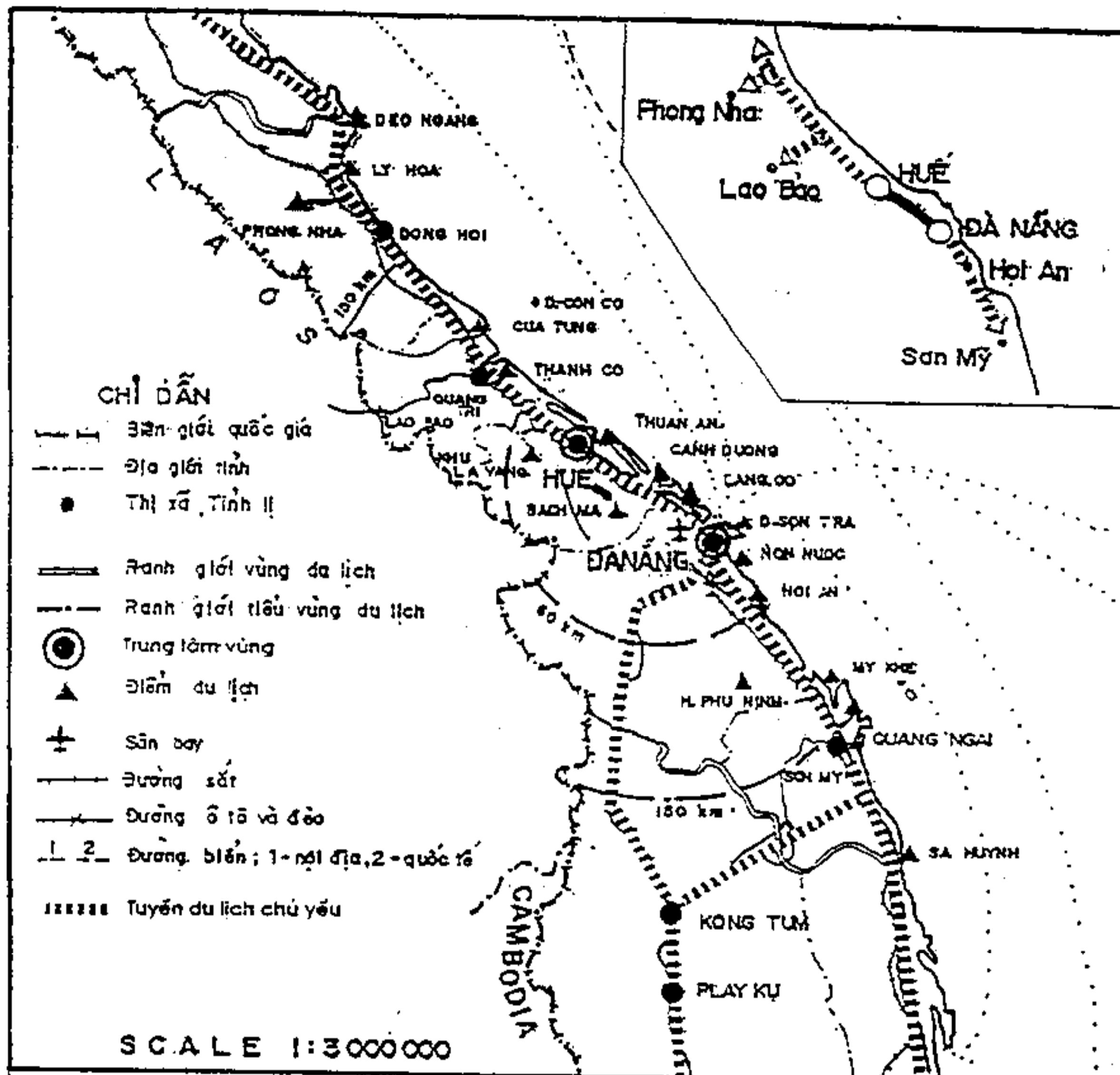


NGUỒN: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

KÝ HIỆU

- VÙNG DI TÍCH TẬP TRUNG
- VÙNG CẢNH QUAN TẬP TRUNG
- ▲ ĐIỂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG
- ◎ THÀNH PHỐ CÓ SÂN BAY QUỐC TẾ

VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ
BẢN ĐỒ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



PREPARED BY:
 INSTITUTE OF TOURISM
 DEVELOPMENT RESEARCH

Bảng 6: Các tài nguyên du lịch về nhân văn

Số TT	Tên tài nguyên du lịch	Lịch sử		Văn hóa		Kiến trúc		Bảo tàng	
		Các điểm du lịch	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri
1	Quảng Trị	↑	→	-	-	-	-	-	-
2	Huế	↑	↑	↑	→	↑	→	→	→
3	Tháp Chàm Mỹ Sơn	↑	→	-	-	↑	→	-	-
4	Khu phố cổ Hội An	↑	↑	-	-	↑	→	→	→
5	Di tích Sơn Mỹ	↑	→	-	-	-	-	-	-
6	12 điểm di tích trên đoạn đường Trường Sơn (Bình Tri Thiên cũ)	↑	↓	→	-	-	-	-	-
7	Bảo tàng Chàm	-	-	-	-	-	-	↑	↑

Chú thích: (các ký hiệu sử dụng trong các bảng 3, 4, 5, 6, 7, và 8)

Giá trị thu hút khách du lịch:

↑ cao → vừa ↓ thấp

Khả năng khai thác sử dụng cho du lịch:

↑ rất thuận lợi → thuận lợi ↓ không thuận lợi.

Ngoài các di tích lịch sử, văn hóa - nghệ thuật, kiến trúc..., những tài nguyên kinh tế - xã hội khác cũng có giá trị thu hút khách cao nếu trong việc tổ chức du lịch biết kết hợp trong hành trình của khách để làm phong phú thêm nhận thức và hiểu biết cho khách về phong tục, tập quán, sinh hoạt của cư dân địa phương như thêu ren, dệt thảm len, to tằm (Quảng Nam - Đà Nẵng), nghề chàm khắc đá ở chân núi Ngũ Hành (Quảng Nam - Đà Nẵng), ... các bản dân tộc ở miền núi, nghề thủ công ở Hội An...

III. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Nằm án ngữ giữa tuyến đường sắt và đường bộ huyết mạch Bắc-Nam, trung tâm của vùng Huế - Đà Nẵng tương đối cách đều Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh xấp xỉ từ 700km đến 900km. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ có đầy đủ điều kiện để phát triển mạng lưới giao thông vận tải với tất cả các hệ thống giao thông từ đường bộ, đường biển, đường sắt, đường hàng không. Cảng quốc tế Đà Nẵng dễ dàng thông thương với các cảng thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các cảng khác dọc theo bờ biển trong nước. Những hàng hóa vận chuyển cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng đều thông qua cảng này. Từ 1/4/1989 theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, sân bay Đà Nẵng đã trở thành sân bay quốc tế. Với hệ thống đường băng sẵn có, những máy bay có trọng tải lớn như Boeing 747 (từ 300 đến 400 khách/chuyến) có thể hạ cánh dễ dàng. Như vậy là ngoài Nội Bài (Hà Nội), Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh), sân bay Đà Nẵng là cửa ngõ thứ 3 của cả nước được trực tiếp đưa đón khách quốc tế và là một điểm dừng thuận lợi trên đường bay của một số hãng hàng không quốc tế vẫn bay ngang qua bầu trời Đà Nẵng (gần 100 lượt/chiếc/ngày). Cùng với cảng biển quốc tế Đà Nẵng, giao thông đường bộ sang Lào và xa hơn là Thái Lan qua cửa khẩu Lao Bảo. Sự kiện mở sân bay quốc tế Đà Nẵng là một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển du lịch quốc tế của địa phương và giúp địa phương trở thành một trung tâm giao lưu quốc tế của miền Trung, mở ra một triển vọng phát triển tốt đẹp cho nền kinh tế của khu vực. Ngoài sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Bài (Huế), một số sân bay quân sự cũ ở Quảng Trị, Quảng Ngãi trong một mức độ nhất định có thể hỗ trợ tích cực cho hoạt động du lịch đi theo những đoàn nhỏ, không có thời gian để đi theo lộ trình bằng đường bộ.

Hệ thống giao thông đường sắt và đường bộ phát triển chủ yếu theo hướng song song với đường biển. Quốc lộ 1A với chất lượng đường tương đối tốt từ Huế vào đến Quảng Ngãi. Còn đoạn

từ Quảng Bình đến Huế do ảnh hưởng của vùng chiến sự ác liệt trong thời gian chiến tranh hiện xuống cấp nhiều, ngày nay đang được Nhà nước và địa phương đầu tư bảo dưỡng. Đường quốc lộ số 9 dài 89km từ Quảng Trị đến cửa khẩu Lao Bảo để thông qua Xavăn Nakhet của Lào. Cửa khẩu Lao Bảo đã được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế vào năm 1993 càng tạo thuận lợi cho việc đón du khách theo đường bộ từ Thái Lan sang.

Đường giao thông đến các huyện lỵ trong vùng cũng đang được chú ý nâng cấp. Đường sắt xuyên Việt chạy song song với quốc lộ 1A và đi qua phần lớn các điểm du lịch chủ yếu trong vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch kể cả đường sắt và đường ô tô.

Hệ thống cung cấp điện và nước cho toàn vùng gặp rất nhiều khó khăn. Sản lượng tính theo đầu người thấp. Toàn vùng không có một nhà máy điện cỡ trung bình. Ngay như trung tâm công nghiệp Đà Nẵng sản lượng điện hàng năm chỉ đạt 100 triệu kwh. Bình quân đầu người chỉ đạt 58 kwh, thua mức bình quân cả nước. Hiện nay mạng lưới điện quốc gia với đường dây 500kv đã đến, trong tương lai nhà máy điện Yaly xây dựng xong, nguồn điện cho vùng này không còn là vấn đề gay gắt.

Mạng lưới thông tin liên lạc điện thoại, điện báo trong tỉnh, trong nước và liên lạc quốc tế giao dịch được, nhưng chưa phải thuận tiện và thông suốt ở mọi nơi. So với yêu cầu hiện nay thì còn ở mức thấp. Trong tương lai vấn đề cấp và thoát nước ở các đô thị và các điểm du lịch quan trọng còn phải đầu tư nhiều để khắc phục tình trạng cấp và thoát nước hiện nay, kể cả về số lượng và chất lượng.

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT DU LỊCH

So với hai vùng du lịch kể trên, vùng du lịch Bắc Trung Bộ có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch thấp hơn cả. Các khách sạn đang sử dụng phần lớn được cải tạo lại từ các cao ốc dùng cho các chức năng như khách sạn Hương Giang I,

khách sạn Phương Đông, khách sạn Thái Bình Dương trước kia là cư xá của lính Mỹ. Khách sạn Trường Sơn Đông được cải tạo từ một trường học của Lào. Có một số buồng giường của các nhà khách, nhà nghỉ có thể cải tạo và phục vụ được cho khách du lịch trong nước, các nhà hàng phát triển mạnh ở các đô thị. Khu vực vui chơi giải trí chưa được chú ý đúng mức.

V. CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC TRUNG VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CHỦ YẾU

1. Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng II là du lịch tham quan các di tích lịch sử, cách mạng kết hợp với du lịch biển, hang động, và du lịch quá cảnh

Các sản phẩm du lịch cụ thể:

- Tham quan nghiên cứu các di sản văn hóa truyền thống: di sản văn hóa thời nhà Nguyễn ở Huế; di sản văn hóa Chàm ở Quảng Nam-Đà Nẵng.
- Tham quan nghiên cứu các di tích chống Mỹ cứu nước.
- Nghỉ dưỡng, giải trí, cảnh quan ven biển, hồ và núi, hang động.
- Tham quan rừng quốc gia, khu dự trữ tự nhiên.
- Các hình thức du lịch biển (ven biển, hải đảo).

2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

+ Các di sản văn hóa truyền thống:

- Di sản văn hóa thời Nguyễn tập trung ở Huế và vùng phụ cận: Cố thành, khu lăng tẩm, cảnh quan, tài nguyên nước khoáng xung quanh Huế và các di tích dọc sông Hương, các khu nhà vườn theo kiểu cung đình.
- Di sản văn hóa Chàm: Mỹ Sơn (cố đô Chàm), kinh đô Trà Kiệu, Bảo tàng Chàm, đô thị cổ Hội An (cảng Chàm), thành cổ Quảng Trị, thành cổ Đồng Hới.

- Di sản văn hóa các dân tộc ít người ở các huyện vùng cao như A Sò, A Lưới, Hiên, Giồng, Hương Hóa, khu công giáo La Văng (Hải Lăng, Quảng Trị); cụm đền, chùa Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng).
- + Các khu cảnh quan, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển: các bãi tắm Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Mỹ Khê, Cửa Đại, Non Nước (Quảng Nam - Đà Nẵng), Cửa Tùng (Quảng Trị), đèo Ngang - Lý Hoa, bãi đá nhảy (Quảng Bình), Mỹ Khê (Quảng Ngãi).
 - Cảnh quan nghỉ dưỡng và giải trí vùng hồ: hồ Tam Giang, đầm Cầu Hai (Thừa Thiên - Huế), hồ Phú Ninh, vịnh Nam Ô (Quảng Nam - Đà Nẵng), sông Hương (Huế), sông Hàn (Đà Nẵng).
 - Cảnh quan nghỉ dưỡng vùng núi: Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế), núi Bà Ná (Đà Nẵng), đèo Hải Vân, đèo Ngang, đèo Lý Hoa, bán đảo Sơn Trà.
 - Cảnh quan núi đá, hang động: động Phong Nha (Quảng Bình) động lớn nhất của Việt Nam.
- + Các di tích chống Mỹ cứu nước
 - Cụm Vĩnh Mốc - Hiền Lương (Quảng Trị): địa đạo, di tích ở ranh giới tạm thời chia cắt giữa hai miền trên sông Bến Hải thời kỳ chống Mỹ.
 - Cụm đường quốc lộ 9: Cửa Việt, sân bay Ái Tử, Cam Lộ (Quảng Trị), căn cứ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời, Khe Sanh, sân bay Tà Cơn và đường mòn Hồ Chí Minh, nghĩa trang Trường Sơn.
 - Cầu Thạch Hãn, thành cổ Quảng Trị, cửa Thuận An, bán đảo Sơn Trà.
 - Các sân bay: Đà Nẵng, Nước Mặn, Chu Lai (Quảng Nam - Đà Nẵng), Phú Bài (Huế).

+ Thành phố cổ

- Huế, thành phố cảnh quan, bố cục hài hòa, có hệ thống di tích thời Nguyễn tập trung nhất.
- Hội An, cảng Chàm cũ, đã được Nhà nước công nhận là thành phố cổ cần được bảo vệ.

3. Các trung tâm lưu trú

Do yêu cầu của tổ chức hoạt động du lịch của vùng cần có sự liên kết chặt chẽ giữa Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam Đà Nẵng, nên trung tâm lưu trú chính của vùng là: Huế và Đà Nẵng.

Sau khi sân bay Phú Bài được củng cố và mở rộng, sử dụng thường xuyên, trung tâm phụ sẽ là Đông Hà, vì là vị trí đầu mối giao thông quốc tế quan trọng nối đường quốc lộ 9 với đường xuyên Việt và Lào Bảo đã được Nhà nước công nhận chính thức là cửa khẩu quốc tế.

VI. CÁC ĐIỂM DU LỊCH CÓ Ý NGHĨA QUỐC TẾ VÀ QUỐC GIA CỦA VÙNG BẮC TRUNG BỘ

A. Tiểu vùng du lịch phía Bắc

1. Đồng Phong Nha (Quảng Bình)

Đồng Phong Nha (Quảng Bình) còn gọi là động Trốc hay chùa Hang, nằm ở vùng núi đá vôi Kẻ Bàng, cách thị xã Đồng Hới 50km về phía Tây Bắc. Từ Đồng Hới có thể đi theo con đường ô tô đến thị xã Son Trach, sau đó đi thuyền trên sông Son khoảng 30 phút thì đến động. Các hang động đều do con sông ngầm - sông Chài - hòa tan đá vôi mà tạo thành.

Động có chiều dài 7.729m gồm 14 hang. Các hang ngoài cùng có trần cao hơn mặt nước sông chừng 10m, các hang trong, đặc biệt từ hang thứ 4 trở đi, trần hang đã cao đến 25-40m, từ hang thứ 14, người ta còn có thể theo các hành lang hẹp khác đi vào sâu hơn nữa. Ngay ở cửa hang đã có nhiều nhũ đá rủ xuống giống như những cái răng. Càng vào bên trong, các cột đá,

nhũ đá... càng tạo nên cảnh trí huyền ảo hơn, nhất là khi gấp ánh sáng, từ các cột đá, nhũ đá đó phát ra muôn tia hào quang rực rỡ. Điều thú vị là muôn đến được hang này chúng ta phải đi ngược dòng sông Son chừng 30 phút thì đến cửa hang. Con thuyền sẽ còn đưa bạn vào sâu trong hang khoảng 3,5km nữa, sau đó bạn sẽ tiếp tục cuộc du ngoạn trên hang khô. Trong khi đi thuyền, qua làn nước trong xanh, bạn có thể nhìn thấy một "rừng" cột đá, tháp đá uy nghi, tráng lệ chẳng kém gì "cung điện của Long Vương".

Khó có thể mô tả được hết cái đẹp của những buồng và hành lang đá vôi phủ đầy thạch nhũ long lanh dưới ánh đèn, của dòng sông ngầm hình như được lấp một lớp sáng mỏng nhung không đủ làm mờ màu đen của vực sâu bên dưới. Ở động Phong Nha, điều kỳ diệu là tất cả các hình dáng đó đều còn bảo tồn được tính chất nguyên thủy của nó. Khách đến thăm động có cảm giác sâu sắc như được đặt mình vào trong hành trình của một cuộc thám hiểm thực sự, đang ở thế giới của "Diêm Vương" nằm sâu trong lòng đất bên dưới đỉnh núi cao đến 800 - 900m.

Mặc dù hang dài gần 8km, nhưng khách du lịch vẫn cảnh sẽ phải dừng lại cách đầu kia của hang khoảng 3km, đoạn đường còn lại dành cho những du khách thích mạo hiểm và say mê hang động.

2. *Điểm du lịch Quảng Trị*

Bao gồm các cụm di tích lịch sử, đặc biệt là các di tích chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc trong thời kỳ chống Mỹ chiếm một vị trí quan trọng. Trong số các di tích, thành cổ Quảng Trị có ý nghĩa đặc biệt.

Thành được xây dựng từ năm Minh Mạng thứ 4 (1824) trên địa bàn xã Thạch Hán (huyện Hải Lăng cũ) nay thuộc huyện Triệu Hải. Thành có chu vi 481 trượng 6 thước, cao hơn 1 trượng, dày 3 trượng. Có 4 cửa theo hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Bên ngoài thành có hào rộng 4 trượng 6 thước. Năm 1972 xây

ra cuộc đụng đầu ác liệt giữa quân đội ta và bom đạn của Mỹ. Với chu vi không đầy 3 km, Mỹ Ngụy đã trút xuống thành cổ Quảng Trị một lượng bom đạn có sức công phá bằng 8 quả bom nguyên tử mà Mỹ đã thả xuống Hirôshima (Nhật Bản) năm 1945.

Các chiến sĩ quân giải phóng Việt Nam đã kiên cường bám trụ bảo vệ thành cổ suốt 36 ngày đêm cho đến khi có lệnh rút.

3. Đường mòn Hồ Chí Minh

Đường Hồ Chí Minh (đường Trường Sơn) lúc đầu chỉ là con đường mòn, nhỏ cho người đi, sau phát triển thành một hệ thống, bao gồm cả đường giao liên và đại lộ cho xe vận tải cỡ lớn, dài gần hai vạn km, len lỏi, dọc ngang trên suốt dãy Trường Sơn. Từ thung lũng sông Cả (Hà Tĩnh) đến Hải Vân (Quảng Nam - Đà Nẵng) là phần đường Trường Sơn Bắc. Từ Hải Vân đến giáp đồng bằng Nam Bộ (tỉnh Sông Bé) là phần đường Trường Sơn Nam.

Ngày 19-5-1959 tuyến vận tải chiến lược - quân sự Đường mòn Hồ Chí Minh được thành lập. Điểm xuất phát của con đường là huyện Gio Linh nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn. Đường mòn Hồ Chí Minh là tuyến vận tải đặc biệt từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam trong suốt hàng chục năm.

B. Tiểu vùng du lịch phía Nam

1. Các điểm du lịch ở cố đô Huế

Cố đô Huế là nơi tập trung hàng loạt điểm du lịch đặc sắc về cảnh quan và di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

Với hơn một ngàn năm lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ Huế là Kinh đô của nước Việt Nam (1802-1945), hàng trăm công trình kiến trúc văn hóa có giá trị của các đời vua triều Nguyễn đã được xây dựng, trong đó một số công trình tiêu biểu có giá trị đặc biệt bao gồm:

+ *Kinh thành Huế và Đại Nội* (117/214 công trình còn lại):

Kinh thành Huế: Được kiến trúc theo kiểu Vauban (của Pháp), chu vi khoảng 10km. Thành được xây vào năm 1805, bằng

đất và gạch, có 10 cửa ở 4 phía. Quanh thành có hào, các cửa đều có cầu đá bắc qua. Mặt thành có 24 pháo đài, trong thành có sông Ngụ Hà.

Đại Nội: Gồm Hoàng Thành và Tử Cấm Thành. Hoàng Thành có tường vòng 2.400m, cao 3,4m; dày 1,05m. Cửa chính là Ngọ Môn, sau Ngọ Môn là Điện Thái Hòa, tiếp đó là Điện Cần Chánh và Tử Cấm Thành. Hai bên Điện Thái Hòa có các Thái Miếu, Thế Miếu, Triệu Miếu, Hung Miếu để thờ tổ tiên vua. Phía ngoài Hoàng Thành có Quốc Tử Giám, có mạt viện, 6 bộ tòa di sứ, sứ quán, nội các, Viện lập hiến. Trong khu vực Đại Nội có tất cả 147 công trình thuộc nhà ở và Cung điện, hiện chỉ còn lại 80 công trình.

+ *Lăng tẩm của 7 đời vua triều Nguyễn*

Triều Nguyễn (1802 - 1945) có 13 đời vua, có 7 khu lăng tẩm: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Dục Đức, Đồng Khánh và Khải Định. Hầu hết các lăng được thiết kế kiến trúc khi nhà vua còn ở trên ngai vàng. Vị trí để xây lăng tẩm được chọn theo nguyên tắc son triều thủy tự, tiền án, hậu chấm, tả long, hữu hổ, huyền thủ minh đường... Nhờ vậy, các lăng tẩm có ngoại cảnh thiên nhiên hùng vĩ và tráng lệ, kết hợp được khéo léo giữa thiên nhiên tuyệt đẹp với sự sáng tạo của con người. Tổng giám đốc UNESCO - Ông Amadoumatrtar - M'Bon đã viết: "Lăng tẩm các vua nhà Nguyễn là một thành tựu tuyệt mỹ của nền kiến trúc cảnh vật hóa, và mỗi lăng tẩm khơi dậy trong cảm xúc của khách tham quan một âm vang đặc biệt. Lăng Gia Long giữa một khu vườn thiên nhiên bao la, gợi lên một ấn tượng hùng tráng và bình thản, lăng Minh Mạng đầy vẻ trang nghiêm và lăng Tự Đức đem đến cho du khách một "hồn êm thơ mộng".

+ *Khu đàn Nam Giao*

Đàn được khởi công xây dựng ngày 25/3/1806. Đến 1807 triều đình Gia Long đã cử hành lễ tế giao đầu tiên tại đây. Đàn Nam Giao được xây dựng trên khuôn viên rộng hơn 10 ha ở phía

Nam kinh thành Huế, kết cấu của nó gồm 3 tầng, tầng trên cùng tròn, hai tầng dưới vuông (ngụ ý trời tròn đất vuông), thiên thanh địa hoàng, chiều cao 3 tầng là 4,65m. Trong các di tích về tế trời, đền Nam Giao triều Nguyễn ở Huế là di tích tế trời duy nhất còn lại tại Việt Nam. Từ thời Gia Long, lễ tế giao được cử hành vào thượng tuần tháng 2 âm lịch hàng năm. Từ thời Thành Thái trở đi, triều đình thay đổi 3 năm tế một lần. Khu này hiện đang khôi phục.

+ *Hổ Quyền*

Hổ Quyền là một đấu trường được xây dựng vào năm 1832 để tổ chức các trận chiến giữa voi và cọp cho vua, đình thần và dân chúng xem giải trí. Hổ Quyền tuy không phải là tác phẩm mỹ thuật hay một kiến trúc tinh xảo, nhưng nó có giá trị cao về mặt lịch sử và văn hóa. Hổ Quyền không chỉ là một di tích đặc biệt và độc đáo của Việt Nam mà còn là một di tích quý hiếm của thế giới. Không xa Hổ Quyền có đền Voi Ré, nơi thờ những con voi từng chiến đấu lập công trên trận mạc. Hổ Quyền và đền Voi Ré là những điểm thu hút khách khá lớn.

Ngoài khu di tích triều Nguyễn đã được Nhà nước công nhận là một trong 15 di tích quan trọng đặc biệt của cả nước, và đã được UNESCO công nhận là một trong 315 di sản văn hóa của thế giới, tại Huế còn có 25 di tích đã được Nhà nước công nhận xếp hạng di tích quốc gia và nhiều di tích khác được địa phương xếp hạng.

+ *Chùa Thiên Mụ*

Được xây dựng năm 1601. Chùa có kiến trúc đặc biệt và được xây dựng trên một ngọn đồi, nằm ngay trên bờ sông Hương, ở khúc eo, làm cho nó có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Các công trình có giá trị nghệ thuật cao của chùa hiện còn gồm:

- + Phước Duyên Bảo tháp cao 7 tầng, 21m (cao 5 trượng 4 thước 3 tấc).

- + Đại Hồng chung: chuông cao 2,5m; đường kính 1,4m; nặng 3.285kg; là một tác phẩm bằng đồng xuất sắc của Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 18.
- + Bia đá cao 2,6m, rộng 1,25m; dựng trên lưng một con rùa bằng đá cẩm thạch dài 2,7m, rộng 1,6m; được khắc chạm tinh vi.
- + Điện Đại Hùng với kiến trúc đồ sộ, nguy nga, trong đó có nhiều tượng đồng và thánh đồng được đúc từ cuối thế kỷ 17.
- + Bảo tàng cổ vật.
- + Bảo tàng tổng hợp, Bảo tàng dân gian...

Với những tài nguyên du lịch nhân văn vô giá như vậy, có thể nói Cố đô Huế không chỉ là một điểm du lịch lớn có giá trị đặc biệt đối với du lịch Thừa Thiên - Huế mà còn là một trung tâm du lịch văn hóa vào loại lớn nhất nước ta hiện nay.

Ngoài các di tích văn hóa lịch sử, ở Huế còn có rất nhiều thăng cảnh đẹp có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch mà tiêu biểu là sông Hương, núi Ngự Bình và đồi Vọng Cảnh...

+ Sông Hương

Sông Hương là một thăng cảnh được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến. Sông dài 80km, độ dốc của dòng nước so với mặt biển khoảng 1% nên nước sông chảy chậm. Sông Hương uốn lượn quanh co giữa núi rừng, mang theo những hương thơm của thảo mộc rừng nhiệt đới Việt Nam. Sông chảy ngang qua các di tích lịch sử như miếu Văn Thánh, chùa Thiên Mụ. Sông uốn mình trước kinh thành Huế, xuyên ngang qua thành phố Huế, chảy dưới các cầu: Dã Viên, Phú Xuân, Tràng Tiền, qua cồn Hến, Bao Vinh rồi đổ vào phá Tam Giang và ra biển Thuận An.

Sông Hương là một nơi giải trí trên mặt nước thú vị đối với du khách. Du khách có thể đi thuyền đến các điểm du lịch như: lăng Minh Mạng, điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ, hoặc đi

dọc sông để ngắm những xóm làng, vườn tược xanh tươi của Kim Long, Nguyệt Biều, Vĩ Dạ, Đông Ba, Gia Hội, Chợ Vinh, Nam Phổ, Bao Vinh và ra phá Tam Giang, bãi biển Thuận An.. hoặc để thưởng thức các món ăn đặc sản trên sông, kết hợp với nghe ca Huế, ngắm trăng, uống rượu, hoặc tìm hiểu cuộc sống dân dã của dân chài.

+ Núi Ngự Bình

Là ngọn đồi cao 105m, hình thang cân, đứng ngay trước mặt Thành Nội như một bức bình phong. Đứng trên núi Ngự, du khách có thể chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố Huế thơ mộng.

+ Đồi Vọng Cảnh

Là ngọn đồi cao 55m đứng soi bóng bên bờ sông Hương cách thành phố Huế 9km. Từ trên đồi có thể thấy được một cách bao quát vẻ đẹp nên thơ của cảnh quan Huế.

2. Điểm du lịch Rừng Quốc gia Bạch Mã

Khu rừng Quốc gia Bạch Mã nằm ở phía Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế, cách thành phố Huế 40km về phía Nam (nếu tính theo đường ô tô là 51km). Khí hậu của Bạch Mã - theo khảng định của các chuyên gia nước ngoài là một trong những khu vực khí hậu dễ chịu của những nơi nghỉ núi ở Đông Dương. Đặc điểm ở đây gần giống như Đà Lạt, Sa Pa và Tam Đảo, nhưng lại có ưu điểm hơn là nằm gần biển. Do vậy, nhiệt độ thấp nhất vào mùa đông không bao giờ dưới 4°C, và nhiệt độ cao nhất vào mùa hè không vượt quá 26°C.

Tổng diện tích rừng là 22.031 ha được chia thành 3 phân khu chính là: Phân khu bảo vệ nguyên vẹn (Core Zone) chiếm 7.123 ha, phân khu vực hồi sinh thái (Restoration Zone) chiếm 12.613 ha và phân khu dịch vụ du lịch (Tourist Service Zone) chiếm 2.295 ha.

Tài nguyên sinh vật ở rừng Quốc gia Bạch Mã hết sức đa dạng và phong phú.

Qua điều tra bước đầu thống kê được 501 loài thực vật bậc cao thuộc 344 chi, 124 họ, trong đó có nhiều loại quý như cẩm lai (*Dalbergia bariaensis*), trắc (*D. cochinchinensis*), trầm hương (*Aquilaria crassna*)... Đặc biệt tại đây mới phát hiện một số loài mới cho khoa học như cẩm Bạch Mã (*Elaccocarpus bachmaensis* Gagnep), chà vôi (*Cissus bachmaesis*).

Riêng động vật có 55 loài thú, thuộc 23 họ, 9 bộ. Trong đó có nhiều thú quý như hổ, voi, vượn, báo gấm... Kết quả điều tra của Hội bảo vệ chim quốc tế (ICPB - 1991) tại khu vực này đã đưa số loài từ 150 hiện nay lên tới 233, trong đó có các loài đặc hữu hẹp và rất hẹp mà tiêu biểu là gà lôi lam mào đen (*Lophura imperialis*), gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsis*), trĩ sao (*Pheinardtia ocellata*)...

Tài nguyên sinh vật phong phú ở đây là sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách yêu thích loại hình du lịch sinh thái và nghiên cứu.

Ngoài những giá trị lớn về tiềm năng du lịch sinh thái như đã nêu trên, Bạch Mã còn là nơi nghỉ núi lý tưởng với những cảnh quan tuyệt vời. Từ năm 1932 đến năm 1938, người Pháp đã xây dựng tại đây một khu nghỉ mát lớn ở độ cao từ 1000m đến 1444 mét. Toàn khu nghỉ có 139 biệt thự, có chợ, ngân hàng, bưu điện, hồ bơi, sân quần vợt... và một hệ thống đường ô tô dài 19 km nối từ đường quốc lộ 1A đến khu trung tâm. Tuy nhiên do thời gian chiến tranh và tác động của con người, hiện nay các công trình hầu như không còn sử dụng được, hệ thống đường cũng bị xuống cấp nghiêm trọng, sụt lở nhiều.

Tại khu nghỉ mát này có nhiều cảnh quan tuyệt đẹp như Hải Vọng Đài, nơi chót vót tùng mây để ngắm nhìn cảnh biển trời non nước. Thác Đỗ Quyên cao sừng sững trên 300 mét, rộng 20-30 mét, uy nghi giữa núi rừng, giữa màu đỏ rực của hoa đỗ quyên. Thác Bạc Chì cao chừng 20m với làn nước bạc lung linh chảy quanh năm. Ngũ hồ là một hệ thống 5 hồ rộng, nước rất

trong và mát, được tạo bởi sự chia cắt của khối đá granit đen dọc theo suối Kim Qui. Đây là nơi có thể tổ chức cắm trại, tắm mát, vui chơi. Khu rừng chò đèn tập trung với những cây chò cao 30-50m, thẳng tắp, đường kính từ 1-1,5m, thật hấp dẫn giữa cảnh núi non trùng điệp...

Giá trị của điểm du lịch Bạch Mã còn ở chỗ đây là điểm du lịch núi duy nhất ở nước ta có vị trí gần những bãi biển đẹp, hấp dẫn như Cảnh Dương, Lăng Cô, Hải Vân. Sự bổ sung giữa các loại hình du lịch ở các điểm du lịch này đã làm tăng giá trị của bản thân các điểm du lịch đó, đồng thời tạo ra một cụm du lịch có tính hấp dẫn cao.

3. Điểm du lịch Cảnh Dương

Cảnh Dương là một bãi biển đẹp nhất ở Thừa Thiên - Huế, cách thành phố Huế chừng 60km về phía Đông Nam và cách đường quốc lộ 1A khoảng 4km.

Bãi biển Cảnh Dương dài chừng 8km, rộng 200m, có hình vòng cung, được giới hạn bởi các mũi Chân Mây Tây và Chân Mây Đông nên phong cảnh ở đây rất hấp dẫn. Với độ dốc thoai thoải, cát mịn trắng, nước biển trong xanh và tương đối kín gió, bãi biển Cảnh Dương thực sự là bãi biển đẹp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch, thể thao hết sức thuận lợi.

4. Điểm du lịch A Lưới

Đây là điểm du lịch nằm ở phía Tây Nam Huế, cách thành phố Huế khoảng 70km theo đường tỉnh lộ 12.

Nằm giữa vùng núi non hùng vĩ của dãy Trường Sơn, A Lưới là huyện miền núi biên giới nơi đồng bào dân tộc Pacô - Tà Ôi cư trú. Trải qua bao năm tháng, đồng bào các dân tộc ít người ở đây vẫn bảo tồn được những phong tục tập quán truyền thống của mình.

Du khách đến với A Lưới, ngoài tham quan nghiên cứu những cảnh rừng nhiệt đới, còn có được cơ hội tìm hiểu phong tục tập quán và các nếp sinh hoạt đặc đáo của đồng bào Pacô - Tà Ôi.

Sự hấp dẫn của điểm du lịch A Lưới còn được tăng lên gấp bội với di tích đường mòn Hồ Chí Minh vĩ đại, con đường đã đi vào huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam. Một khát vọng dệt thủ công vải Dèng của người Tà Ôi - A Lưới đủ làm cho nhiều khách nước ngoài và những nhà nghiên cứu nghệ thuật kinh ngạc do kỹ xảo dệt đặc biệt mà không tồn tại ở bất cứ nơi nào trên thế giới là cách lồng các hạt cườm vào vải đồng thời với lúc dệt vải.

5. Bãi biển Thuận An

Bãi biển Thuận An nằm cách thành phố Huế 13km. Đây là một nơi tắm biển thú vị cho mọi du khách sau một ngày tham quan lăng tẩm, chùa chiền, phong cảnh ở Huế. Từ trung tâm thành phố Huế, khách chỉ mất 15 phút đi ô tô là đến được bãi tắm Thuận An. Mùa hoạt động của bãi tắm từ tháng 4 đến tháng 8. Hiện tại bãi chưa được qui hoạch và quản lý chặt chẽ trong việc khai thác sử dụng nên vệ sinh biển chưa được duy trì tốt. Các công trình và dịch vụ dành cho khách tắm biển chưa đầy đủ, chưa tiện lợi để thu hút được đông đảo hơn khách du lịch tới đây. Khu tắm biển này đang cần khẩn trương qui hoạch.

6. Bãi tắm Lăng Cô

Bãi tắm Lăng Cô dài 10km, nằm cạnh đường 1A gần đèo Hải Vân và cách khu Bạch Mã 24km. Đây là một bãi tắm có bờ biển thoải, cát trắng, độ sâu trung bình dưới 1m, thủy triều ở đây lên xuống theo chế độ bán nhật triều, mức chênh lệch thấp (chỉ khoảng 0,7-0,8m). Vào mùa tắm biển (từ tháng 4 đến cuối tháng 7), nhiệt độ trung bình 25°C với số giờ nắng trung bình là 158 giờ/tháng. Biển ở khu vực này có nhiều loại tôm, cua, cá có giá trị cao, được khách rất ưa chuộng như tôm hùm, tôm sú, tôm bạc, tôm he, tôm vền, tôm đất, cua, cá thu, cá chim, sò huyết, v.v... gần bãi biển có những thắng cảnh như mũi Chân Mây, làng nghề dân số Võ Nhai, đèo Lăng Cô là một điểm có khả năng phát triển du lịch biển rất tốt.

7. Đèo Hải Vân (Quảng Nam Đà Nẵng)

Đèo Hải Vân được mệnh danh là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan" nằm ở độ cao 496m, đoạn quốc lộ số 1 qua đèo Hải Vân dài 20km. Con đường xe lửa xuyên Việt phải chui qua 7 hầm đèo trong lòng núi với chiều dài tổng cộng 3.920m, trong đó dài nhất là hầm Sem (562m). Nếu đi từ Huế đến Lăng Cô là bắt đầu của đèo Hải Vân. Từ Lăng Cô đến lưng chừng đèo có một đoạn băng phẳng, phía dưới là rừng rậm bát ngát. Trước chiến tranh còn nhiều thú hoang như khỉ già nòi, hươu, nai... Dãy núi đèo Hải Vân là một mạch núi của Trường Sơn Bắc đâm ngang ra biển, với nhiều ngọn núi cao và ngọn cuối cùng là ngọn Hải Vân cao 1.172m. Có thể đỉnh núi nằm trong mây, chân núi ngâm trong biển nên ngọn núi và đèo này mới mang tên Hải Vân. Dọc sườn núi có 5 cái khe chảy xuống, khi nào cũng thấy bày ra cảnh tượng hùng vĩ với hàng nghìn tảng đá hoa cương tròn trịa do bị xâm thực mài mòn từ hàng ngàn năm. Hải Vân được coi là quan ải hùng tráng nhất dưới bầu trời và được khắc vào đỉnh thờ ở Thái Miếu. Đèo cao nằm chênh vênh trên mặt biển. Đứng trên đèo nhìn ra phía Bắc thấy vùng Lăng Cô, phía Nam là toàn cảnh Đà Nẵng, phía Tây là núi rừng trùng điệp, phía Đông là biển bao la. Từ chân đèo lên đến đỉnh, ô tô phải quanh hơn 60 khúc ngoặt chữ chi. Bãi cát làng Vân nằm bên trái khi gần xuống đến chân đèo là một bãi cát sạch, đẹp, được đặt trong một khung cảnh yên tĩnh của núi, rừng và biển đan xen.

8. Dải ven biển từ bán đảo Sơn Trà đến Non Nước, Ngũ Hành Sơn (thành phố Đà Nẵng)

Điểm du lịch này là một dải bờ biển tuyệt đẹp kéo dài 20km như một dải đăng ten viền rìa phía Đông của thành phố Đà Nẵng, được bắt đầu từ bán đảo Sơn Trà (cách thành phố Đà Nẵng 10km về phía Bắc) đến bãi biển Non Nước, Ngũ Hành Sơn (cách thành phố Đà Nẵng 10km về phía Đông Nam). Điểm đầu tiên và kết thúc của đoạn bờ biển này là hai danh thắng nổi tiếng - Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn. Suốt từ Sơn Trà đến Non

Nước, Ngũ Hành Sơn là những bãi cát sạch, đẹp, có độ dốc vừa phải, có giá trị cao trong việc sử dụng chúng vào mục đích du lịch.

+ Bán đảo Sơn Trà

Thời xa xưa, Sơn Trà là một hòn đảo lớn trấn ngự ngoài biển. Đó là một khối núi gồm ba hòn nhô lên. Hòn phía Nam như hình con Nghê chồm ra biển gọi là hòn Nghê. Hòn phía Tây hình dạng như mỏ diều hâu gọi là hòn Mỏ diều. Hòn phía Bắc vươn dài ra như cổ một con ngựa gọi là núi Cổ ngựa. Với thời gian, những dòng nước ven biển Đông tải phù sa của nhiều sông bồi dần một doi đất chạy từ đất liền ra đảo, dính đảo vào bờ, thành một bán đảo hình như một chiếc nấm gọi là bán đảo Sơn Trà. Bán đảo này cùng với núi Hải Vân vây biển lại thành một cái vũng rộng và kín, mặt nước phẳng lặng trong xanh, gọi là vũng Đà Nẵng. Núi Sơn Trà nằm ở độ cao 693m, rừng mọc xanh um, trong rừng nhiều khỉ, hươu, nai và một số loài động vật khác. Bán đảo Sơn Trà được liệt vào danh sách rừng cấm với cảnh trí đẹp như thiên đường. Tục truyền rằng Tiên hay xuống vùng này nên người xưa còn gọi núi này là núi "Tiên Sa". Núi Sơn Trà nhô ra biển không chế cả một dải bờ biển dài của miền Trung Trung Bộ, đã tạo cho Đà Nẵng một vai trò quan trọng về mặt quân sự lẫn kinh tế.

+ Từ chân núi Sơn Trà chạy dài về phía Nam là dải cát dài 15km có đoạn hình cong như luôi liềm (bãi cát Nam Ô), có đoạn kéo dài 8km thẳng tắp như Mỹ Khê Bắc, Mỹ An, đến Ngũ Hành Sơn mới chẽch ra biển. Nét đặc biệt là chỗ nào bãi tắm cũng tốt, sau bãi tắm là rừng phi lao xanh tốt, phía trước là biển mênh mông, thấp thoáng trong sương mù buổi sớm là cù lao như hình một chiếc mai rùa nằm giữa biển khơi.

+ Ngũ Hành Sơn

Ngũ Hành Sơn nằm giữa sông Hàn và biển Đông, gồm 6 ngọn núi quây quần thành một cụm. Đó là: Thủy Sơn (lớn hơn cả), Mộc Sơn, Kim Sơn, Thủ Sơn và hai quả núi nhỏ liền kề nhau

với tên gọi Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn. Đã từ lâu đời, người dân ở đây quen gọi khu thắng cảnh này là Hòn Non Nước gắn liền với một huyền thoại từ khai thiên lập địa. Đường lên Thủy Sơn đá xếp thành bậc dốc dẫn tới chùa Tam Thai ở lưng chừng núi thờ Phật Di Lặc và 18 vị La Hán. Sau lưng chùa là hang động lớn nhất và nổi tiếng của Ngũ Hành Sơn - Động Huyền Không. Cách nay 10 thế kỷ, động Huyền Không là nơi thờ các vị thần Ấn Độ giáo, sau đó là Phật giáo, của người Chàm. Ở động Ngoài có tượng Phật Bà Quan Âm cao 4m, ở một ngách nhỏ tối động Trong thờ Phật Thích Ca, trần động khá cao, thông thoáng, phía trên có 5 lỗ hình tròn, tạo cho ánh sáng tỏa tùng chùm xuống tượng phật, nhũ đá với những hòa sắc huyền ảo. Không khí trong động luôn khô ráo, mát mẻ. Từ chùa Tam Thai quanh sang phía Đông gấp nhiều hang động nhỏ. Chùa Linh Ứng, Châu Ứng nằm trên sườn phía Đông hòn Thủy dưới vòm lá xanh um tùm hướng ra biển cả. Trên núi còn có Vọng Giang Đài nhìn thấy sông Hàn quanh co uốn khúc. Vọng Hải Đài nhìn ra biển Đông thấy cù lao Chàm và nhộn nhịp những cánh buồm nau của ngư dân trên biển. Các núi khác cũng có đền, chùa, có hang động, với cảnh sắc tinh mịch, thanh lịch. Chân núi Ngũ Hành Sơn là nơi tập trung các nghệ nhân với nghề chạm khắc đá tinh xảo, nổi tiếng từ lâu đời, góp phần làm tăng thêm vẻ đẹp kỳ vĩ của Ngũ Hành Sơn.

9. Cù lao Chàm

Cách Đà Nẵng 35km, ở ngoài biển khơi, có một chuỗi đảo nhấp nhô như đàn rùa bơi trong sóng nước, trong đó có một hòn lớn nhất được gọi là cù lao Chàm (còn có tên là đảo Chàm, hòn Cù lao, hòn Lao). Hiện nay cù lao Chàm là một khu dự trữ tự nhiên có diện tích 1.535 ha. Trên đảo có ba ngọn núi đá: Ngoa Long, Tiêm Bút và Bát Lao. Theo truyền thuyết, nơi đây vốn là nơi hành quyết các tử tù của Vương Quốc Champa. Ngày nay đảo là nơi cư ngụ của những người làm nghề chài lưới. Cù lao Chàm có thảm thực vật xanh tốt trên nền đá cuội và cát sỏi. Khí hậu mát mẻ, nhiều bãi tắm cát trắng, sạch và đẹp như bãi Chông,

bãi Hương ở bờ phía Tây của đảo. Rừng không lớn nhưng có độ che phủ cao, sạch và thoáng. Động vật rừng không nhiều nhưng đáng kể có khỉ vàng, sóc chân vàng. Đảo có nguồn đặc sản có giá trị cao là tổ yến. Trên đảo có các hang yến như hang Chà Cà, hang Cá, hang Tai, hang Khô. Số lượng san hô, tôm hùm cũng như ốc cát ở vùng ven đảo khá phong phú, hấp dẫn cho nhiều lứa tuổi và thành phần khách du lịch khác nhau.

10. *Đô thị cổ Hội An*

Đô thị cổ Hội An là một di tích kiến trúc đô thị nằm cách thành phố Đà Nẵng về phía Nam 30 km. Đây là một điểm du lịch độc đáo, đặc biệt quý hiếm ở nước ta và cả khu vực Đông Nam Á. Hội An có sức thu hút khách quốc tế cao thuộc nhiều lĩnh vực: sử học, địa lý, phục hồi di tích, nghệ thuật, kiến trúc, tạo hình... Đô thị Hội An được xây dựng vào giai đoạn từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII. Trong phức hợp di tích kiến trúc dân dụng ở khu đô thị có khoảng 80% công trình vẫn được bảo tồn nguyên vẹn. Hệ thống các công trình công cộng như đường phố, lối ngõ, cầu vẫn còn tồn tại. Cùng với sông Thu Bồn, sông Hội An đổ vào sông Cửu Đại để ra biển; cách xa 20 km là cù lao Chàm. Sinh hoạt của dân cư ven sông tập nập trên bến dưới thuyền. Hội An sẽ trở thành một điểm du lịch quan trọng của vùng du lịch Bắc Trung Bộ và cả nước. Gần đây được sự tài trợ của Nhật Bản, Hội thảo về Hội An đã được tiến hành với những báo cáo có giá trị nhiều mặt, với nhiều phương án tôn tạo, bảo vệ khu di tích kiến trúc độc đáo này.

11. *Thánh địa Mỹ Sơn và kinh đô Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, Quảng Nam - Đà Nẵng)*

Thánh địa Mỹ Sơn nằm cách Đà Nẵng 70 km về hướng Tây Nam, trong một thung lũng hẹp, kín, được bao bọc bởi núi non hiểm trở. Mỹ Sơn được chọn để xây dựng Thánh Đô của Vương Quốc Chăm Pa từ thế kỷ thứ IV. Xưa kia Mỹ Sơn có hơn 70 đền tháp, nhưng ngày nay chỉ còn lại 20 công trình. Những tác phẩm

điêu khắc và kiến trúc ở đây trải qua nhiều phong cách khác nhau, tiêu biểu cho nghệ thuật Chàm từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ XIII. Mỹ Sơn đang được phục hồi với sự giúp đỡ của các kiến trúc sư Ba Lan. Giữa vùng núi hoang vu, cô tịch, những công trình kiến trúc đền tháp được sắp xếp thành một quần thể di tích thâm nghiêm đã gây được ấn tượng và xúc cảm thẩm mỹ cho bất kỳ ai bước chân đến đây. Để chuẩn bị cho việc tham quan, du lịch cần có giải pháp trồng một vòng đai cây xanh quanh khu di tích, đường vào phải cách di tích ít nhất 2 km. Trên đường từ Mỹ Sơn về thành phố Đà Nẵng khoảng 10 km là đến Trà Kiệu, kinh đô cũ của Vương Quốc Chăm Pa, nhưng dấu vết của thời kỳ xa xưa còn lưu lại ở đây quá ít ỏi.

12. Viện Bảo tàng nghệ thuật điêu khắc Chàm

Bảo tàng Chàm được xây dựng trong 21 năm từ 1915 đến 1936. Nơi đây hiện lưu giữ rất nhiều tượng thần và tượng vũ nữ. Tất cả 297 tác phẩm nguyên bản bằng đá và đất nung được trưng bày trong 3 khu vực chủ yếu là khu Trà Kiệu, khu Đồng Dương và khu Tháp Mâm, toát lên sự phát triển rực rỡ của nghệ thuật điêu khắc Chàm ở thế kỷ thứ VII và thứ VIII. Bảo tàng Chàm nằm ở khu trung tâm thành phố Đà Nẵng. Hiện nay một số hiện vật bị thất lạc sau ngày giải phóng Đà Nẵng 29-3-1975 đang được phát hiện và thu hồi.

Chương III

VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ

I. KHÁI QUÁT

Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ bao gồm một lãnh thổ rộng lớn với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội rất đa dạng. Phía bắc vùng này giáp với vùng du lịch Bắc Trung Bộ, phía tây là đất nước chùa Tháp, còn phía đông và đông-nam nằm trọn trong vòng tay của biển Đông.

Toàn bộ vùng nằm trên lãnh thổ của 25 tỉnh thành, trong đó có 5 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, 4 tỉnh Tây Nguyên, 5 tỉnh thành Đông Nam Bộ và 11 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cả vùng có diện tích 147.184km^2 với tổng số dân 32.153.400 người - mật độ trung bình 218 người/ km^2 , chiếm 44,5% diện tích tự nhiên của cả nước.

Vùng này bao gồm 2 Á vùng du lịch: Nam Trung Bộ (9 tỉnh) và Nam Bộ (16 tỉnh). Trung tâm du lịch của vùng là Thành phố Hồ Chí Minh. Vùng này có tam giác tăng trưởng du lịch là Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang - Đà Lạt.

Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ có nhiều nét đặc trưng: đa dạng về tự nhiên, phong phú về sắc thái dân tộc và không đồng đều về trình độ phát triển kinh tế. Trong vùng phải kể đến vụa lúa lớn nhất toàn quốc nằm trên đồng bằng sông Cửu Long, vùng cây công nghiệp trù phú ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ với một số sản phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước... Đặc biệt sự có mặt của Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn nhất nước, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả vùng, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

Thông qua mạng lưới giao thông tương đối phát triển, vùng có thể liên hệ trực tiếp với nhiều vùng ở trong và ngoài nước. Quốc lộ 1 như một huyết mạch lớn chạy theo chiều dài của vùng từ Bắc đến Nam nối liền Thủ Đô và nhiều thành phố lớn trong cả nước với Thành phố Hồ Chí Minh và từ đây có thể tiếp tục giao lưu trực tiếp với thủ đô Cămpuchia. Tuyến đường sắt cũng có vai trò tương tự. Đó là chưa kể hàng loạt các tuyến đường khác (đường bộ, đường thủy, đường hàng không) và hệ thống sân bay, bến cảng như chắp thêm đôi cánh cho vùng có thể bay xa hơn nữa.

II. TIỀM NĂNG DU LỊCH

Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ có tiềm năng rất phong phú. Về phương diện tự nhiên, lãnh thổ của vùng trải trên phần cuối đồng bằng ven biển Trung Bộ, trên các cao nguyên xếp tầng, một phần gò núi Trường Sơn Nam, toàn bộ Đông Nam Bộ và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Điều đó tạo nên sự đa dạng về địa hình có sức thu hút khách du lịch. Đáng chú ý là khu vực duyên hải với các kiểu địa hình bờ, bãi biển, trong đó có nhiều bãi biển nổi tiếng. Bãi biển Nha Trang là một bãi biển tuyệt đẹp ôm lấy vành ngoài của thành phố. Ngoài ra, còn có thể kể thêm nhiều bãi biển đẹp khác như Quy Nhơn, Long Hải, Phước Hải, Vũng Tàu...

Bên cạnh các bãi tắm, các đảo cũng có thể là nơi tham quan du lịch. Nhiều đảo có những đặc sản nổi tiếng. Thí dụ, từ mũi Näy đến vùng vịnh Cam Ranh có hơn 20 đảo, trong đó 7 đảo có nhiều tổ chim yến nằm cheo leo trên vách đá hoặc trong những hành lang dài trên núi.

Các tỉnh Tây Nguyên nằm chủ yếu trên các cao nguyên xếp tầng cũng có giá trị về du lịch. Đà Lạt trong tương lai có thể trở thành thành phố du lịch được ưa chuộng nhất ở miền núi nước ta.

Nhìn chung, khí hậu của vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ ít nhiều thuận lợi cho du lịch. Đặc biệt trên các cao nguyên, khí hậu mát mẻ quanh năm. Nhiệt độ biến đổi nhanh chóng trong ngày, nhưng nhiệt độ cực đại năm chưa bao giờ vượt quá 30°C và nhiệt độ cực tiểu không xuống dưới 4°C .

Trong vùng còn có nguồn nước khoáng ở Tây Nguyên và đồng bằng Nam Bộ với ưu thế là bicacbonat natri, bicacbonat natri-canxi hoặc clorua bicacbonat.

Tài nguyên thực động vật của vùng khá phong phú. Ở đây có một số khu vực mang màu sắc của hệ sinh thái nhiệt đới ẩm với sự có mặt của thảm thực vật, hệ động vật hoặc phong phú, hoặc điển hình của tài nguyên sinh vật nhiệt đới. Đó là khu dự trữ thiên nhiên suối Trai thuộc huyện Tây Sơn (tỉnh Bình Định), khu dự trữ thiên nhiên Kon Cha Răng thuộc huyện Kbang (tỉnh Gia Lai), trạm thuần dưỡng động vật Ea Keo thuộc thị xã Buôn Ma Thuột, khu rừng cấm Nam Cát Tiên, hệ sinh thái rừng ngập mặn đất mũi Cà Mau...

Có thể sơ bộ đánh giá các tài nguyên du lịch về mặt tự nhiên điển hình ở vùng du lịch này như sau: (xem bảng 7)

Điểm	Mô tả	Đánh giá
1	Thiên nhiên	Đa dạng, phong phú
2	Thực vật	Đa dạng, phong phú
3	Động vật	Đa dạng, phong phú
4	Nước	Đa dạng, phong phú
5	Thiên nhiên	Đa dạng, phong phú
6	Thực vật	Đa dạng, phong phú
7	Động vật	Đa dạng, phong phú
8	Nước	Đa dạng, phong phú

Điểm 1: Thiên nhiên
Điểm 2: Thực vật
Điểm 3: Động vật
Điểm 4: Nước

Điểm 5: Thiên nhiên
Điểm 6: Thực vật
Điểm 7: Động vật
Điểm 8: Nước

Điểm 9: Thiên nhiên
Điểm 10: Thực vật
Điểm 11: Động vật
Điểm 12: Nước

Điểm 13: Thiên nhiên
Điểm 14: Thực vật
Điểm 15: Động vật
Điểm 16: Nước

Điểm 17: Thiên nhiên
Điểm 18: Thực vật
Điểm 19: Động vật
Điểm 20: Nước

Điểm 21: Thiên nhiên
Điểm 22: Thực vật
Điểm 23: Động vật
Điểm 24: Nước

Điểm 25: Thiên nhiên
Điểm 26: Thực vật
Điểm 27: Động vật
Điểm 28: Nước

Điểm 29: Thiên nhiên
Điểm 30: Thực vật
Điểm 31: Động vật
Điểm 32: Nước

Điểm 33: Thiên nhiên
Điểm 34: Thực vật
Điểm 35: Động vật
Điểm 36: Nước

Điểm 37: Thiên nhiên
Điểm 38: Thực vật
Điểm 39: Động vật
Điểm 40: Nước

Điểm 41: Thiên nhiên
Điểm 42: Thực vật
Điểm 43: Động vật
Điểm 44: Nước

Điểm 45: Thiên nhiên
Điểm 46: Thực vật
Điểm 47: Động vật
Điểm 48: Nước

Điểm 49: Thiên nhiên
Điểm 50: Thực vật
Điểm 51: Động vật
Điểm 52: Nước

Điểm 53: Thiên nhiên
Điểm 54: Thực vật
Điểm 55: Động vật
Điểm 56: Nước

Điểm 57: Thiên nhiên
Điểm 58: Thực vật
Điểm 59: Động vật
Điểm 60: Nước

Điểm 61: Thiên nhiên
Điểm 62: Thực vật
Điểm 63: Động vật
Điểm 64: Nước

Điểm 65: Thiên nhiên
Điểm 66: Thực vật
Điểm 67: Động vật
Điểm 68: Nước

Điểm 69: Thiên nhiên
Điểm 70: Thực vật
Điểm 71: Động vật
Điểm 72: Nước

Điểm 73: Thiên nhiên
Điểm 74: Thực vật
Điểm 75: Động vật
Điểm 76: Nước

Điểm 77: Thiên nhiên
Điểm 78: Thực vật
Điểm 79: Động vật
Điểm 80: Nước

Điểm 81: Thiên nhiên
Điểm 82: Thực vật
Điểm 83: Động vật
Điểm 84: Nước

Điểm 85: Thiên nhiên
Điểm 86: Thực vật
Điểm 87: Động vật
Điểm 88: Nước

Điểm 89: Thiên nhiên
Điểm 90: Thực vật
Điểm 91: Động vật
Điểm 92: Nước

Điểm 93: Thiên nhiên
Điểm 94: Thực vật
Điểm 95: Động vật
Điểm 96: Nước

Điểm 97: Thiên nhiên
Điểm 98: Thực vật
Điểm 99: Động vật
Điểm 100: Nước

Điểm 101: Thiên nhiên
Điểm 102: Thực vật
Điểm 103: Động vật
Điểm 104: Nước

Điểm 105: Thiên nhiên
Điểm 106: Thực vật
Điểm 107: Động vật
Điểm 108: Nước

Điểm 109: Thiên nhiên
Điểm 110: Thực vật
Điểm 111: Động vật
Điểm 112: Nước

Điểm 113: Thiên nhiên
Điểm 114: Thực vật
Điểm 115: Động vật
Điểm 116: Nước

Điểm 117: Thiên nhiên
Điểm 118: Thực vật
Điểm 119: Động vật
Điểm 120: Nước

Điểm 121: Thiên nhiên
Điểm 122: Thực vật
Điểm 123: Động vật
Điểm 124: Nước

Điểm 125: Thiên nhiên
Điểm 126: Thực vật
Điểm 127: Động vật
Điểm 128: Nước

Điểm 129: Thiên nhiên
Điểm 130: Thực vật
Điểm 131: Động vật
Điểm 132: Nước

Điểm 133: Thiên nhiên
Điểm 134: Thực vật
Điểm 135: Động vật
Điểm 136: Nước

Điểm 137: Thiên nhiên
Điểm 138: Thực vật
Điểm 139: Động vật
Điểm 140: Nước

Điểm 141: Thiên nhiên
Điểm 142: Thực vật
Điểm 143: Động vật
Điểm 144: Nước

Điểm 145: Thiên nhiên
Điểm 146: Thực vật
Điểm 147: Động vật
Điểm 148: Nước

Điểm 149: Thiên nhiên
Điểm 150: Thực vật
Điểm 151: Động vật
Điểm 152: Nước

Điểm 153: Thiên nhiên
Điểm 154: Thực vật
Điểm 155: Động vật
Điểm 156: Nước

Điểm 157: Thiên nhiên
Điểm 158: Thực vật
Điểm 159: Động vật
Điểm 160: Nước

Điểm 161: Thiên nhiên
Điểm 162: Thực vật
Điểm 163: Động vật
Điểm 164: Nước

Điểm 165: Thiên nhiên
Điểm 166: Thực vật
Điểm 167: Động vật
Điểm 168: Nước

Điểm 169: Thiên nhiên
Điểm 170: Thực vật
Điểm 171: Động vật
Điểm 172: Nước

Điểm 173: Thiên nhiên
Điểm 174: Thực vật
Điểm 175: Động vật
Điểm 176: Nước

Điểm 177: Thiên nhiên
Điểm 178: Thực vật
Điểm 179: Động vật
Điểm 180: Nước

Điểm 181: Thiên nhiên
Điểm 182: Thực vật
Điểm 183: Động vật
Điểm 184: Nước

Điểm 185: Thiên nhiên
Điểm 186: Thực vật
Điểm 187: Động vật
Điểm 188: Nước

Điểm 189: Thiên nhiên
Điểm 190: Thực vật
Điểm 191: Động vật
Điểm 192: Nước

Điểm 193: Thiên nhiên
Điểm 194: Thực vật
Điểm 195: Động vật
Điểm 196: Nước

Điểm 197: Thiên nhiên
Điểm 198: Thực vật
Điểm 199: Động vật
Điểm 200: Nước

Điểm 201: Thiên nhiên
Điểm 202: Thực vật
Điểm 203: Động vật
Điểm 204: Nước

Điểm 205: Thiên nhiên
Điểm 206: Thực vật
Điểm 207: Động vật
Điểm 208: Nước

Điểm 209: Thiên nhiên
Điểm 210: Thực vật
Điểm 211: Động vật
Điểm 212: Nước

Điểm 213: Thiên nhiên
Điểm 214: Thực vật
Điểm 215: Động vật
Điểm 216: Nước

Điểm 217: Thiên nhiên
Điểm 218: Thực vật
Điểm 219: Động vật
Điểm 220: Nước

Điểm 221: Thiên nhiên
Điểm 222: Thực vật
Điểm 223: Động vật
Điểm 224: Nước

Điểm 225: Thiên nhiên
Điểm 226: Thực vật
Điểm 227: Động vật
Điểm 228: Nước

Điểm 229: Thiên nhiên
Điểm 230: Thực vật
Điểm 231: Động vật
Điểm 232: Nước

Điểm 233: Thiên nhiên
Điểm 234: Thực vật
Điểm 235: Động vật
Điểm 236: Nước

Điểm 237: Thiên nhiên
Điểm 238: Thực vật
Điểm 239: Động vật
Điểm 240: Nước

Điểm 241: Thiên nhiên
Điểm 242: Thực vật
Điểm 243: Động vật
Điểm 244: Nước

Điểm 245: Thiên nhiên
Điểm 246: Thực vật
Điểm 247: Động vật
Điểm 248: Nước

Điểm 249: Thiên nhiên
Điểm 250: Thực vật
Điểm 251: Động vật
Điểm 252: Nước

Điểm 253: Thiên nhiên
Điểm 254: Thực vật
Điểm 255: Động vật
Điểm 256: Nước

Điểm 257: Thiên nhiên
Điểm 258: Thực vật
Điểm 259: Động vật
Điểm 260: Nước

Điểm 261: Thiên nhiên
Điểm 262: Thực vật
Điểm 263: Động vật
Điểm 264: Nước

Điểm 265: Thiên nhiên
Điểm 266: Thực vật
Điểm 267: Động vật
Điểm 268: Nước

Điểm 269: Thiên nhiên
Điểm 270: Thực vật
Điểm 271: Động vật
Điểm 272: Nước

Điểm 273: Thiên nhiên
Điểm 274: Thực vật
Điểm 275: Động vật
Điểm 276: Nước

Điểm 277: Thiên nhiên
Điểm 278: Thực vật
Điểm 279: Động vật
Điểm 280: Nước

Điểm 281: Thiên nhiên
Điểm 282: Thực vật
Điểm 283: Động vật
Điểm 284: Nước

Điểm 285: Thiên nhiên
Điểm 286: Thực vật
Điểm 287: Động vật
Điểm 288: Nước

Điểm 289: Thiên nhiên
Điểm 290: Thực vật
Điểm 291: Động vật
Điểm 292: Nước

Điểm 293: Thiên nhiên
Điểm 294: Thực vật
Điểm 295: Động vật
Điểm 296: Nước

Điểm 297: Thiên nhiên
Điểm 298: Thực vật
Điểm 299: Động vật
Điểm 300: Nước

Điểm 301: Thiên nhiên
Điểm 302: Thực vật
Điểm 303: Động vật
Điểm 304: Nước

Điểm 305: Thiên nhiên
Điểm 306: Thực vật
Điểm 307: Động vật
Điểm 308: Nước

Điểm 309: Thiên nhiên
Điểm 310: Thực vật
Điểm 311: Động vật
Điểm 312: Nước

Điểm 313: Thiên nhiên
Điểm 314: Thực vật
Điểm 315: Động vật
Điểm 316: Nước

Điểm 317: Thiên nhiên
Điểm 318: Thực vật
Điểm 319: Động vật
Điểm 320: Nước

Điểm 321: Thiên nhiên
Điểm 322: Thực vật
Điểm 323: Động vật
Điểm 324: Nước

Điểm 325: Thiên nhiên
Điểm 326: Thực vật
Điểm 327: Động vật
Điểm 328: Nước

Điểm 329: Thiên nhiên
Điểm 330: Thực vật
Điểm 331: Động vật
Điểm 332: Nước

Điểm 333: Thiên nhiên
Điểm 334: Thực vật
Điểm 335: Động vật
Điểm 336: Nước

Điểm 337: Thiên nhiên
Điểm 338: Thực vật
Điểm 339: Động vật
Điểm 340: Nước

Điểm 341: Thiên nhiên
Điểm 342: Thực vật
Điểm 343: Động vật
Điểm 344: Nước

Điểm 345: Thiên nhiên
Điểm 346: Thực vật
Điểm 347: Động vật
Điểm 348: Nước

Bảng 7: Các tài nguyên du lịch về mặt tự nhiên diễn hình

Số TT	Tên tài nguyên du lịch	Thắng cảnh		Bãi biển		Nuốc khoáng		Rừng (+)	
		Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng	Giá tri	Khả năng
Các điểm du lịch									
1	Nha Trang	↑	-	↑	-	-	-	-	-
2	Đại Lãnh	↑	→	↑	→	-	-	-	-
3	Quy Nhơn	-	-	↑	→	-	-	-	-
4	Biển Hồ	↑	→	-	-	-	-	↑	↑
5	Đà Lạt	↑	↑	-	-	-	-	→	→
6	Ea Keo	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Vũng Tàu	→	↑	↑	↑	-	-	-	-
8	Côn Đảo	↑	↓	→	↓	-	-	↓	→
9	Trị An-Nam Cát Tiên	↑	→	-	-	-	-	-	-
10	Hà Tiên	↑	→	-	-	-	-	-	-
11	Phú Quốc	↑	↓	-	-	-	-	-	-
12	Minh Hải	↑	↓	-	-	-	-	→	-
13	Vĩnh Hảo	-	-	-	-	↑	↑	-	-
14	Bạc Liêu	-	-	-	-	→	→	-	-

Chú thích: (+) Rừng bao gồm cả vườn quốc gia, rừng cấm, khu dự trữ tự nhiên

Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc. Ở vùng đồng bằng, bên cạnh dân tộc Kinh còn có nhiều dân tộc khác như dân tộc Chàm với nền văn hóa Chàm nổi tiếng từ lâu đời, nhiều kiến trúc cổ bằng đá hoặc bằng gạch còn để lại tới ngày nay. Đó là những tháp Chàm, di tích của một nền văn hóa cổ xưa. Dân tộc Khmer tập trung đông nhất ở Tây Nam Bộ và đã có đóng góp không nhỏ vào nền minh nổi tiếng của các dân tộc Nam Á trước đây.

Các dân tộc ít người ở Tây Nguyên có những đặc trưng riêng. Trên các cao nguyên xếp tầng và vùng núi cao có các dân tộc khác nhau như Giarai, Edê, Bana, Xođăng, Monông, Càtu, Tà Ôi... Tuy xã hội phát triển còn ở mức độ thấp, nhưng được tổ chức khá chặt chẽ nên nền văn hóa của họ có một bản sắc rất riêng biệt.

Về phương diện dân tộc, có thể khai thác những nét đặc đáo của từng dân tộc và coi đó như một trong những tài nguyên du lịch.

Đối với người Khmer đó là lễ mừng năm mới (chôï chnăm thmây); mừng nước, lễ Phật và tổ tiên. Đối với văn hóa Bana và các dân tộc cùng nhóm ở Tây Nguyên, đó là nền văn nghệ dân gian với các nhạc cụ đặc đáo (Trung, Krông pút...), với các điệu múa đặc sắc (hội săn, hội mùa), với nền nhạc dân tộc có giai điệu huyền bí mang màu sắc của núi rừng Tây Nguyên. Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian ở đây mang sắc thái riêng với lễ đâm trâu, tang lễ, lễ bỏ mả, hát về trường ca, thần thoại...

Như một loại tài nguyên du lịch, các di tích văn hóa - lịch sử ở vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ tương đối phong phú, tuy phân bố không đồng đều. Nhìn chung, đa số các tỉnh trong vùng đều có các di tích đã được Nhà nước xếp hạng. Đó là chưa kể một khối lượng lớn các di tích văn hóa - lịch sử do địa phương tự xếp hạng và công nhận.

Trong số các tỉnh có mật độ di tích khá dày đặc phải kể đến Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 400 di tích, trong đó có 17 di tích đã được Nhà nước xếp hạng. Côn Đảo, một khu di tích lớn tố cáo tội ác của bọn xâm lược, ca ngợi chí khí kiên cường của những người cộng sản có sức thu hút đông đảo khách du lịch (xem bảng 8).

Bảng dưới đây nêu số lượng di tích và danh mục các di tích

Bảng 8: Các tài nguyên du lịch về mặt nhân văn

Số TT	Tên tài nguyên du lịch	Lịch sử		Văn hóa		Kiến trúc		Bảo tàng	
	Các điểm du lịch	Giá trị	Khả năng	Giá trị	Khả năng	Giá trị	Khả năng	Giá trị	Khả năng
1	Tây Sơn	→	→	-	-	-	-	-	-
2	Tháp Chàm <u>Duong Long</u>	-	-	-	-	→	→	-	-
3	Tháp Đôi	-	-	-	-	→	→	-	-
4	Tháp Hoàng Đế và Tháp Cảnh Tiên	→	→	-	-	→	→	-	-
5	Tháp Chàm Pô Na Ga	-	-	-	-	↑	↑	-	-
6	Tháp Chàm <u>Poklong Garai</u>	-	-	-	-	→	→	-	-
7	Núi Sam	→	→	→	→	-	-	-	-
8	Chùa Linh Sơn	→	→	→	→	-	-	-	-
9	Tòa thánh Tây Ninh	→	→	-	-	↑	↑	-	-
10	Nhà tù Côn Đảo	↑	↓	-	-	-	-	-	-
11	Hội trường Thống Nhất	↑	↑	-	-	-	-	-	-
12	Lăng Lê Văn Duyệt	-	-	-	-	→	↑	-	-
13	Chùa Phụng Sơn	→	↑	→	↑	-	-	-	-
14	Chùa Giác Lâm	-	-	-	-	→	↑	-	-
15	Bảo tàng <u>TP Hồ Chí Minh</u>	-	-	-	-	-	-	↑	↑
16	Cảng Nhà Rồng	→	↑	-	-	-	-	↑	↑
17	Bảo tàng <u>Hải Dương học</u>	-	-	-	-	-	-	↑	↑

Hoạt động kinh tế nói chung (nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp...) có tác dụng rất lớn trong việc cung cấp những nhu cầu cần thiết cho khách du lịch (đặc sản, quà lưu niệm...). Hơn thế nữa, các cơ sở kinh tế (nhà máy, xí nghiệp hoặc

các cơ sở sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp độc đáo) cũng còn là các đối tượng tham quan du lịch.

Trong vùng có một số cơ sở kinh tế là nơi tham quan cho khách du lịch. Cùng với các đối tượng khác, các cơ sở này có thể được khai thác trong lộ trình của một tuyến du lịch. Thí dụ, theo tuyến Nha Trang - Phan Rang - Đà Lạt, du khách có thể dùng chân tham quan cơ sở chế biến hải sản Nha Trang (Đại Lãnh), trạm thủy điện Krôngpha - Đanhim, khu vực sản xuất muối Cà Ná, thành phố cảng cá Phan Thiết. Theo các tuyến du lịch khác, cần phải kể đến dải công nghiệp Tam Hiệp - Biên Hòa, xưởng đóng tàu Ba Son, nhà máy dệt Thành Công, xí nghiệp điện tử Thành phố Hồ Chí Minh, nhà máy in Trần Phú, Liên doanh dầu khí, xưởng sơn mài Sài Gòn, thủy điện Tri An, Liên hiệp chè - cà phê Bảo Lộc, to tăm Bảo Lộc...

III- CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH

Muốn phát triển du lịch, trước hết cần phải có mạng lưới giao thông. Trong vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ hệ thống giao thông có sự kết hợp chặt chẽ giữa các loại đường giao thông với nhau.

Hệ thống đường bộ trong vùng có tầm quan trọng hàng đầu. Ở đây các tuyến đường chính chạy theo hướng bắc nam, như:

- Quốc lộ 1 chạy dọc theo rìa phía đông của vùng đến Gò Dầu Hạ (Tây Ninh, biên giới Việt Nam - Cămpuchia).
- Quốc lộ 14 dài 600 km, chạy dài từ Huế đến Plâycu, Buôn Ma Thuột, Tây Ninh, Biên Hòa. Đây là con đường xuyên Tây Nguyên có giá trị đặc biệt về kinh tế.
- Quốc lộ 13 từ Thành phố Hồ Chí Minh qua Lộc Ninh.

Hoặc theo hướng đông tây nối liền vùng duyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên như quốc lộ 19 từ Quy Nhơn đi Kontum (136km), Quốc lộ 11 từ Phan Rang đi Đà Lạt (113km).

Ở Nam Bộ có quốc lộ 20 từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Lâm Đồng (còn gọi là đường rau, hoa quả và du lịch), quốc lộ 15 từ Biên Hòa đi Vũng Tàu, quốc lộ 4 từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Năm Căn (Minh Hải).

Trong hệ thống đường sắt, quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất chạy song song với quốc lộ 1. Ngoài ra còn các tuyến đường sắt khác song không có ý nghĩa đáng kể (Tháp Chàm - Đà Lạt, 84km; Sài Gòn - Lộc Ninh, 100km).

Mạng lưới đường sông trong vùng tương đối phát triển. Ở Nam Bộ, nó bao gồm phần cuối của hạ lưu sông Cửu Long chảy trên lãnh thổ nước ta (250km), hạ lưu sông Đồng Nai, các phụ lưu và hệ thống kênh rạch chằng chịt tạo nên mạng lưới giao thông rất thuận lợi. Hệ thống sông tự nhiên, kênh rạch ở đây không chỉ nối liền các thành phố, thị xã, thị trấn trong vùng, mà còn là một bộ phận quan trọng của 2 nước anh em trong mạng lưới giao thông phần nam bán đảo Đông Dương.

Trong hệ thống đường biển, cảng Sài Gòn có vị trí rất quan trọng. Ngoài các tuyến đường biển trong nước, từ đây còn có các tuyến đường đi Hồng Kông (930 hải lý), Xingapo (1117 hải lý), Băng Cốc (1180 hải lý), Công Pông Xom và xa hơn nữa tới Ôđexa. Đáng lưu ý nhất là cảng Sài Gòn nằm ngay trong lòng Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn có các cảng (hải cảng, giang cảng) khác nữa như Nha Trang, Rạch Giá, Hà Tiên.

Hệ thống đường hàng không khá phát triển với các tuyến đường bay trong nước và quốc tế tới trung tâm quan trọng là Thành phố Hồ Chí Minh. Trong nước, vùng du lịch này có thể liên hệ với các vùng khác thông qua các tuyến đường bay: Thành phố Hồ Chí Minh - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh - Quy Nhơn - Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh - Buôn Ma Thuột - Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh - Huế, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Minh Hải. Từ Thành phố Hồ Chí Minh có các tuyến bay quốc tế đến Băng Cốc, Pari, PhnômPênh, Matxcova, Manila... Trong

vùng có khá nhiều sân bay như Tân Sơn Nhất, Quy Nhơn, Nha Trang, Plâycu, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Trà Nóc...

Để phục vụ cho du lịch, không thể không nhắc tới việc sản xuất và cung cấp điện. Trong vùng có một số nhà máy điện, song quy mô tương đối nhỏ hơn so với vùng du lịch Bắc Bộ.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh có nhà máy điện Chợ Quán (53.180kw), Chợ Lớn (20.995kw), Cầu Kho (5360kw), Thủ Đức (165.000kw). Ở Tây Nam Bộ chỉ có nhà máy điện Trà Nóc (35.000kw) là lớn hơn cả. Ngoài ra còn có các nhà máy điện nhỏ khác dọc duyên hải như Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân. Hiện nay đang xây dựng hệ thống nhà máy điện chạy bằng khí ở Bà Rịa. Đây là nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất Việt Nam: 3.200MW

Về thủy điện, chủ yếu là nhà máy điện Đa Nhim, Tri An.

IV- CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT PHỤC VỤ DU LỊCH

Trên thực tế, phần lớn cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch tập trung trước hết ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó đến các thành phố lớn khác.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, mật độ các khách sạn, nhà hàng... rất dày đặc. Ngoài số lượng, chất lượng những cơ sở phục vụ cho việc ăn, ở, giải trí của khách khá tốt. Vũng Tàu cũng là nơi nghỉ ngơi, du lịch nhộn nhịp với cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối phong phú về số lượng, khá về chất lượng.

Ngoài ra, hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch còn tập trung ở các thành phố, thị xã duyên hải, tuy quy mô và chất lượng kém hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là các thành phố Nha Trang, Quy Nhơn, các thị xã Phan Rang, Phan Thiết... ở các nơi khác, hệ thống phục vụ này còn kém hơn, trừ một vài thành phố, thị xã lớn như Cần Thơ, Đà Lạt...

Ở Tây Nguyên, nơi tiềm năng du lịch tương đối phong phú, nhưng nói chung cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch nghèo nàn.

Tóm lại, vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ có những đặc điểm riêng khác với các vùng du lịch khác của đất nước. Bên cạnh những thế mạnh to lớn, trong vùng cũng bộc lộ những điểm yếu cả về phương diện tự nhiên (nhiều nơi thiếu nước trong mùa khô) lẫn cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch (sự phân bố không đều về hệ thống giao thông, hệ thống khách sạn, nhà hàng). Chính điểm này đã ít nhiều góp phần tạo nên sự phân hóa lãnh thổ trong hoạt động du lịch của vùng.

V- CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC TRUNG VÀ ĐỊA BÀN DU LỊCH CHỦ YẾU CỦA VÙNG

1- Các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng III là du lịch tham quan nghỉ dưỡng biển và núi (Á vùng III1), du lịch sông nước, du lịch sinh thái đồng bằng châu thổ sông Cửu Long (Á vùng III2).

Các sản phẩm du lịch cụ thể:

- + Giao tiếp về phát triển kinh tế - xã hội, hội nghị, hội chợ, triển lãm.
- + Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển, hồ, vùng ngập mặn và miền núi.
- + Tham quan nghiên cứu các di tích chống Mỹ cứu nước.
- + Tham quan nghiên cứu các di sản văn hóa Chàm và di sản tôn giáo khác.
- + Tham quan vùng sông nước, miệt vườn vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.
- + Tham quan nghiên cứu vùng văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

2- Các địa bàn cụ thể hoạt động du lịch

- + Thành phố Hồ Chí Minh: đông dân cư nhất, có cơ sở hạ tầng tốt nhất so với cả nước, có mạng lưới các ngành dịch vụ tương đối đầy đủ. Cơ sở du lịch đang khai thác: khu Thanh Đa - Bình Quới, hồ Kỳ Hòa,

Lâm Viên, Văn Thánh... sẽ phát triển mở rộng dọc sông Sài Gòn, dọc sông Đồng Nai, khu Thủ Thiêm, rừng Sác, Cần Giờ.

- + Vũng Tàu: khu dịch vụ dầu khí đã có cơ sở hạ tầng tốt, có bãi biển, núi cho cư dân tại chỗ và nghỉ cuối tuần của thành phố Hồ Chí Minh và khách du lịch quốc tế.
- + Biên Hòa: thành phố loại hai có khu công nghiệp tập trung lớn nhất, đang mở rộng thêm hơn 2 lần, và là đầu mối giao thông kinh tế chiến lược chính của miền Nam.
- + Cần Thơ: sau khi thành phố xây dựng cảng nước sâu cho tàu trên 1 vạn tấn và nâng cấp sân bay, sẽ trở thành trung tâm giao tiếp của đồng bằng sông Cửu Long.

— Cảnh quan nghỉ dưỡng giải trí:

- + Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển đẹp nhất thuộc Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa như: Vũng Rô, Đại Lãnh, Văn Phong, Dốc Lết, Bãi Tiêu, Đồng Đế, Nha Trang, Hòn Trū. Ngoài ra các bãi biển như: Ninh Chũ, Cà Ná (Ninh Thuận), Bình Châu - Long Hải - Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu), Hòn Chông (Hà Tiên), cần bổ sung cho sự hoàn chỉnh của dải du lịch ven biển của vùng này.
- + Cảnh quan nghỉ dưỡng núi: 3 bậc thềm của cao nguyên Lâm Đồng có 2 trung tâm du lịch nổi tiếng là: Đà Lạt với nhiều cảnh quan, núi, hồ, thác, một hệ thống biệt thự phong phú hấp dẫn, hồ Đan Kia, suối Vàng, đỉnh Lâm Viên, hồ Xuân Hương, Đà Thiện, Tuyền Lâm, sân golf...; Bảo Lộc trung tâm to tăm, chè và du lịch. Hệ thống thác của sông Đồng Nai. Rừng thuần chủng (thông) ở Đà Lạt lớn nhất so với cả nước, là

những tài nguyên cần được khai thác do sự hấp dẫn độc đáo đối với khách du lịch.

- + Các hồ: hồ Yaly (Kon Tum), Biển Hồ (Pleiku), hồ Lắc (Đắc Lắc), Dầu Tiếng (Tây Ninh), Thác Mơ (Sông Bé), Trị An (Đồng Nai), Thi Nại (Qui Nhơn), Hệ thống hồ của Đà Lạt.
- + Các công viên quốc gia: Nam Cát Tiên, Bù Đăng (Sông Bé), Côn Đảo, các bãi chim cần bảo vệ (Minh Hải), rừng thông (Lâm Đồng).

— *Các di tích kháng chiến chống Mỹ:*

Bán đảo Phượng Hoàng (Quy Nhơn), Cam Ranh (Khánh Hòa), sân bay Thành Sơn (Ninh Thuận), Xuân Lộc (Đồng Nai), chiến khu Đ (Lâm Đồng - Tây Ninh - Sông Bé), núi Bà (Tây Ninh), dinh Độc Lập, các sứ quán, Củ Chi, Bến Dược (Thành phố Hồ Chí Minh), Phước Long (Sông Bé), Đất Đỏ (Đồng Nai), Biệt Đinh (Đà Lạt), Bạch Dinh (Vũng Tàu), Bến Tre đồng khởi, các khám ở Sài Gòn, Sông Bé, Côn Đảo...

— *Các di tích khác:*

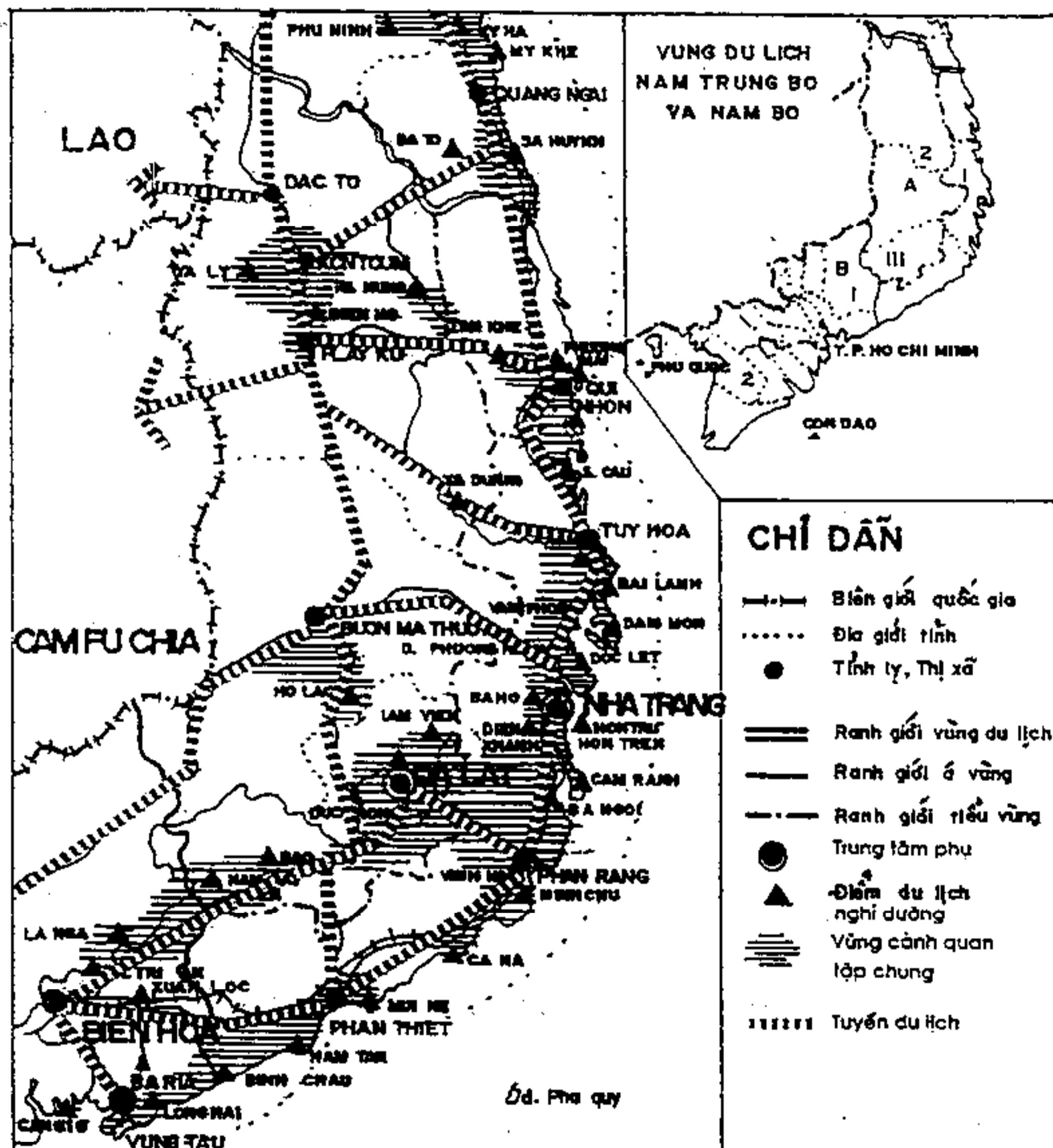
Các tháp Chàm (Ninh Thuận, Bình Thuận), Tây Sơn (Bình Định), tòa thánh Cao Đài, đền Bà (Tây Ninh), các chùa Bà núi Sam, núi Sập, khu di tích Óc Eo Tri Tôn, Thoại Sơn (An Giang), quê Bác Tôn (Long Xuyên), kênh Xà No (Tiền Giang).

3. *Các trung tâm lưu trú*

Trung tâm chính: Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang - Đà Lạt - Vũng Tàu.

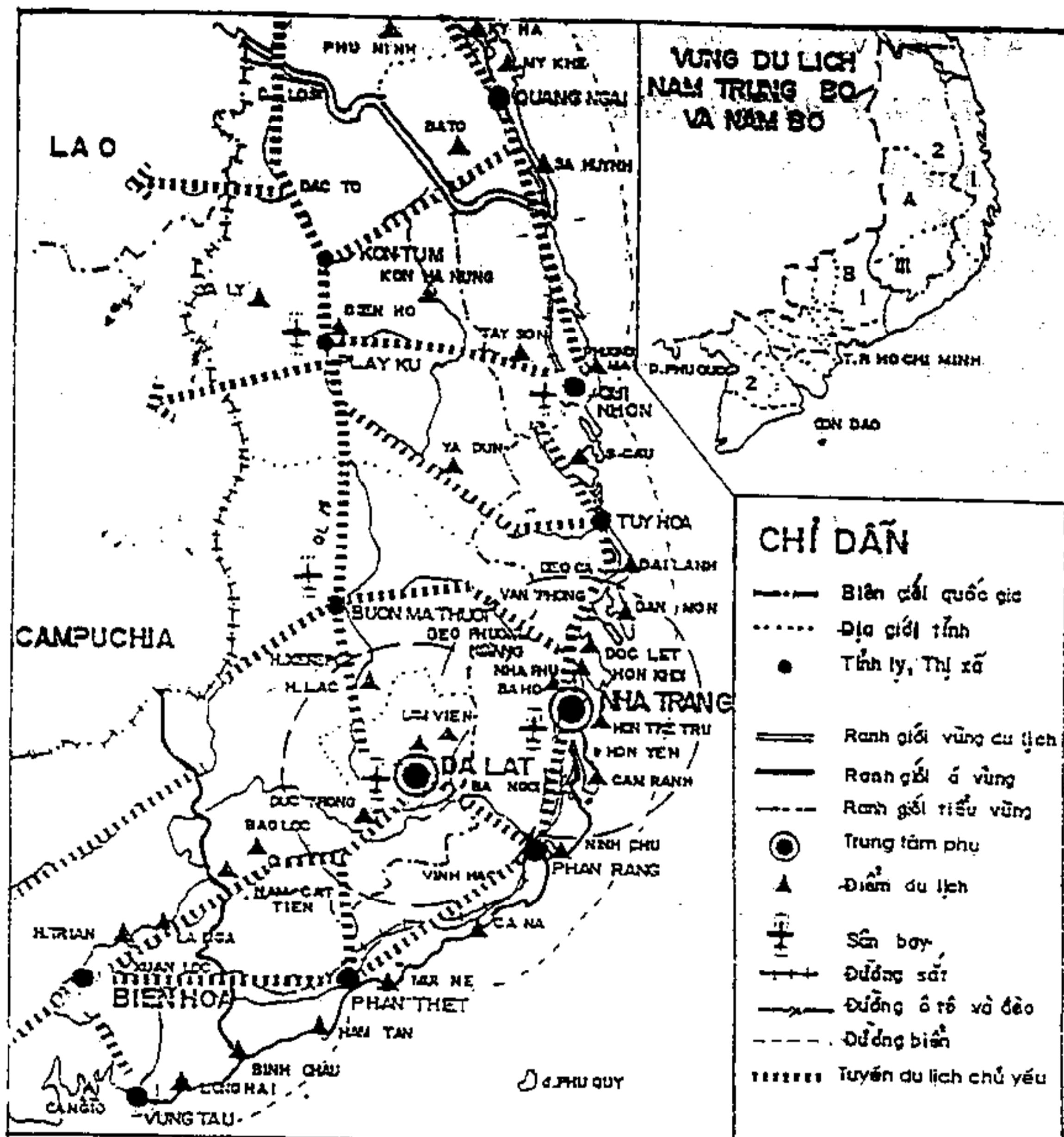
Trung tâm phụ: Qui Nhơn - Cần Thơ.

Á VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ
BẢN ĐỒ CÁC VÙNG CẢNH QUAN TẬP TRUNG
VÀ CÁC ĐIỂM DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



PREPARED BY:
 INSTITUTE OF TOURISM
 DEVELOPMENT RESEARCH

A VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ
BẢN ĐỒ HỆ THỐNG ĐO THỊ, ĐIỂM,
TUYẾN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



PREPARED BY:
INSTITUTE OF TOURISM
DEVELOPMENT RESEARCH

VI- CÁC ĐIỂM DU LỊCH CÓ Ý NGHĨA QUỐC TẾ VÀ QUỐC GIA TRONG VÙNG

A- Á vùng du lịch Nam Trung Bộ

A.1. Tiểu vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ

1- Điểm du lịch Nha Trang

Thành phố Nha Trang có diện tích 238km². Thành phố nằm trên quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt, đầu mối của đường 21 lên Buôn Ma Thuột, sang Crachê (Cămpuchia) và đường lên Đà Lạt, trung tâm của cao nguyên Di Linh. Thành phố còn nằm bên một vùng biển đẹp, giàu hải sản vào bậc nhất của đất nước, nơi được thiên nhiên ưu đãi đặc biệt, cách thành phố Hồ Chí Minh 450km, cách Hà Nội 1450km. Đất "cát trắng, dương xanh", bảy kilômét bờ biển toàn bãi tắm đẹp. Dải cát trắng phau, uốn cong như vòng nón, nghiêng nghiêng bên làn nước xanh thâm dạt dào tiếng sóng. Trời Nha Trang hầu như quanh năm xanh ngắt chảng khác gì bầu trời Địa Trung Hải. Quanh năm suốt tháng, lúc nào bờ biển cũng tràn ngập ánh nắng, nhiệt độ trung bình trên 23°C, tháng nóng nhất trên 28°C, nhưng nhờ có gió nam thổi mạnh nên trời vẫn mát mẻ. Mưa ở Nha Trang cũng ít hơn các nơi khác, lượng mưa hàng năm trung bình dưới 1.500mm. Trong tám tháng đầu năm lượng mưa không đáng kể, bão tố hầu như không có, khách đến đây chẳng mấy khi phải bận tâm đến thời tiết xấu. Biển Nha Trang có đủ hải sản quý, cả biển sâu lẫn biển nông. Ngư trường Khánh Hòa cùng với Phan Thiết - Bình Thuận đứng hàng đầu trong cả nước về sản lượng tôm, cá, mực, đặc biệt là ốc nhảy. Hàng ngày có nhiều loại cá biển được bán ngay tại các bến cá hoặc đưa vào trong chợ, mà nổi tiếng là Chợ Đầm. Hàng năm, từ ngoài khơi Nha Trang đưa về một sản vật quý, có thể gọi là một thú sơn hào trên biển vì nó chỉ có trên các vách đá và hốc núi ngoài hải đảo, đó là tổ yến. Nha Trang là nơi nhiều yến nhất nước ta. Ngoài khơi Nha Trang còn có nhiều san hô,

sau khi qua bàn tay khéo léo của người dân thành phố sẽ trở thành những cánh hoa đá rất đẹp.

Về phía tây thành phố là vùng đồi núi với những đỉnh cao trên dưới 1.000m, trên đó có nhiều chim, thú, nhất là trăn, cầy hương, dê rừng, công, cheo cheo. Du khách sau những ngày tắm biển, có thể tham gia các buổi đi săn lý thú. Nha Trang còn là xứ trầm hương và kỳ nam, nguồn đặc sản có giá trị cao.

Chênh chêch về phía đông - nam thành phố có một nhóm năm sáu hòn đảo đứng chụm với nhau, lớn nhất là hòn Tre rộng gần 25km^2 , có núi cao đến 460m, chỉ cách thành phố 3km, ra đảo bằng thuyền thường mất 2 giờ, thuyền gắn máy chỉ 20 phút. Từ đây nhìn thẳng ra khơi còn có vài ba đảo nhỏ: hòn Cau, hòn Nón và nhỏ nhất là hòn Yến.

Khách đến du lịch Nha Trang còn có thể lên đèo Cả để nhìn vũng Rô, mũi Kê Gà, lên đèo Có Mả ngắm vũng Hòn Đỏ và vũng Trần Nam hoặc đến Tu Bông, Vạn Giã ở phía bắc, xuống Cam Ranh ở phía nam.

Ngoài các thắng cảnh tự nhiên, Nha Trang còn có nhiều tài nguyên du lịch nhân tạo: các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, kinh tế đầy sức hấp dẫn. Đi về phía bắc không xa sẽ gặp chiếc cầu dài độ 200m, duyên dáng soi bên dòng sông nước xanh biếc, phảng lặng, đó là chiếc cầu Xóm Bóng, dưới chân là cù lao Bến Cá lắp nắp ghe thuyền. Qua hết cầu Xóm Bóng, chêch về bên trái là Tháp Chàm Pônaga cổ kính (còn gọi là Tháp Bà), một công trình văn hóa của dân tộc Chàm. Tiếp tục đi xa hơn nữa sẽ gặp một bãi tắm đẹp - bãi tắm Đại Lãnh. Ở đây có các khu khách sạn 5 tầng khá khang trang, tuy chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế song vẫn là nơi nghỉ mát lý tưởng cho du khách. Trong thành phố có Viện Hải Dương Học, thành cổ Nha Trang. Khách còn có thể tới thăm suối Dầu, trại thí nghiệm trồng cao su - và công trình thủy lợi Suối Dầu.

Không chỉ là một thành phố nghỉ mát, du lịch, Nha Trang đang dần dần trở thành một thành phố công nghiệp, trong đó công nghiệp thực phẩm (khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản) chiếm khoảng 50% giá trị sản lượng của thành phố. Nha Trang có ngành thủ công mỹ nghệ nổi tiếng từ lâu: nghề cẩn ốc biển, khắc chạm trên gỗ mun, trắc, cẩm lai, son mài, mây tre đan, thêu ren, làm các đồ lưu niệm từ sản phẩm của biển.

Nha Trang còn nổi tiếng bởi các sản vật địa phương như xoài, dừa...

Nha Trang còn là thành phố cảng, tiếp nhận và phân phối hàng hóa cho toàn vùng, là căn cứ hậu cần cho các tàu thuyền tiếp tế ra đảo xa. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Như một đầu nút giao thông lớn, từ Nha Trang, bằng các phương tiện đường sắt, đường bộ, đường không, đường biển có thể đi tới khắp mọi miền đất nước, đặc biệt thành phố có thể coi là cửa ngõ đến vùng núi miền Tây, nơi tập trung nhiều dân tộc ít người mà mọi sinh hoạt, sản xuất, văn hóa của họ đều mang nhiều nét độc đáo đang được các khách du lịch quan tâm.

Với tiềm năng tự nhiên hấp dẫn, mùa du lịch kéo dài, các di tích văn hóa - lịch sử độc đáo, lại có vai trò hạt nhân kinh tế tạo vùng, Nha Trang có môi trường du lịch thật phong phú và lý tưởng, nếu cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phát triển tốt có khả năng tạo vùng du lịch lớn.

Tháp Chàm Pônaga (Tháp Bà) là một thăng cảnh và di tích kiến trúc hấp dẫn nằm trong thành phố Nha Trang.

Nhóm tháp Chàm này xây trên một quả đồi đá hoa cương thấp trước đây đứng chờ vơ giữa biển, nay đã dính vào đất liền, nằm bên bờ bắc sông Cái.

Khu tháp Pônaga xây trong nhiều thời kỳ, từ thế kỷ VII đến thế kỷ XII. Những tháp đẹp nhất xây vào năm 813 và 817 đến nay một số đã đổ nát, chỉ còn 4 tháp nguyên vẹn. Mỗi tháp thờ một thần. Một tháp thờ thần Xiva, một trong ba vị thần tối

cao của Ấn Độ giáo. Một tháp thờ thần Ganêxa mình người đầu voi, là con trai của thần Xiva. Còn tháp lớn nhất là tháp Pônaga, thường gọi là Tháp Bà, cao 23 mét, xây năm 817, thờ Pônaga, chính là nữ thần Uma, vợ của Xiva. Từ khu đền với bốn ngôi tháp có thể ngắm cảnh xóm Bóng và cửa sông Cái.

Tháp Bà là một trong những ngọn tháp tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc Chàm, xây bằng gạch nung, hình tứ giác, trên có chóp tròn hình kim tự tháp. Trên cửa tháp có hình thần Xiva bốn tay, cuối con bò đực Nandin. Trong tháp có bàn thờ bằng đá, trên có tượng Pônaga mười tay, ngồi xếp bằng, đầu đội mũ hình bông sen. Riêng phần mặt tượng trước kia làm bằng gỗ trầm đã bị quân Pháp lấy đi mất năm 1946, người ta đã thay vào một mặt tượng khác, kiểu người Kinh, để thờ.

2- Điểm du lịch Đại Lãnh

Đại Lãnh là một thắng cảnh nằm trong đoạn bờ biển đẹp nhất nước ta ở giữa đèo Cả và đèo Cổ Mã, phía Bắc là vũng Rô - một vũng biển đẹp nổi tiếng, phía nam là bán đảo Hòn Gốm - điểm cực đông của nước ta. Ở đây núi ăn sát ra tận bờ biển nên ba mặt của Đại Lãnh là núi. Bãi biển Đại Lãnh rộng, đẹp, cát trắng, mịn, hình cong như lưỡi liềm. Nước biển ở đây xanh, trong vắt. Cách mép nước vài chục mét có một rừng dương xanh và một con suối nước lợ. Cách 9km về phía Nam là suối nước nóng Tu Bông.

Đại Lãnh có đầy đủ những điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch về mặt tự nhiên để trở thành một điểm du lịch vào loại đẹp nhất Đông Nam Á.

3- Điểm du lịch Cam Ranh

Vịnh Cam Ranh là một trong ba vùng biển thiên nhiên tốt nhất thế giới cùng với Xan-Franxixcô ở miền tây Hoa Kỳ và Riô Đô Janêrô ở đông nam Braxin. Vũng Cam Ranh rộng chừng 100km^2 , bề ngang tối 5-6km, bề dài gần 15km, vừa rộng, vừa sâu lại vừa kín vì bốn bờ đều có núi đá vây quanh, suốt năm nước lặng nhu

tờ, là hải cảng tốt nhất nước ta, có thể đón tàu biển trọng tải lớn: chừng 10 vạn tấn vào trong tận cảng, tàu 20 vạn tấn đậu ở ngoài cửa vũng. Trong cuộc chiến tranh Nga -Nhật, tháng 4-1905 hạm đội Viễn Đông đã vào trú ở Cam Ranh trên đường đến Nhật Bản, bao gồm 21 chiến hạm lớn, trong đó có tuần dương hạm Đô đốc Nakhimôp và tuần dương hạm hộ tống hạng nhất Rạng Đông - Avrora.

Là một thương cảng, Cam Ranh ở chính giữa đoạn bờ biển Việt Nam lồi ra phía đông nên khoảng cách với đường hàng hải quốc tế Viễn Đông - Xuyê thu lại nhỏ nhất so với các hải cảng khác ở nước ta. Cam Ranh nằm ở trung đoạn trên đường quan trọng nối liền Hương Cảng với Xingapo. Cam Ranh là một cửa ngõ lớn của nước ta, nơi xuất khẩu các sản phẩm phong phú của Tây Nguyên và miền Trung: lâm sản, cao su, chè, cà phê, thuốc lá, đường, hoa quả. Cam Ranh sẽ trở thành trung tâm công nghiệp lớn. Cát Ba Ngòi trắng và chứa nhiều silic sẽ là nguyên liệu quý cho công nghiệp hóa chất, thủy tinh - pha lê. Cơ sở đóng tàu và sửa chữa tàu biển dựa vào gỗ rừng Tây Nguyên. Ngư trường cá và chế biến hải sản cung cấp cho các khách sạn và xuất khẩu.

Khách du lịch đến Cam Ranh còn được thưởng thức cảnh trí hiếm có: núi và biển kết hợp với nhau thành một bức tranh tuyệt diệu. Ven bờ lại có dải đồng bằng xinh xắn, mọc lên những khu phố Ba Ngòi, Đá Bạc, vườn dừa Mỹ Thạch, ruộng vườn xanh tốt, xóm làng trù mật còn chạy sâu vào những thung lũng. Đến du lịch ở Cam Ranh, sau khi ngắm cảnh thiên nhiên tươi đẹp, tham quan hải cảng, các cơ sở kinh tế, khách còn được nếm nhiều món ăn đặc sản nổi tiếng như yến sào Hon Nội, ốc hương Ba Ngòi, tôm hùm Bình Ba, sò huyết Thủy Triều. Khách du lịch có thể mua bó dưa mun đèn bóng, min làm kỷ niệm.

4- Điểm du lịch Cà Ná

Làng du lịch Cà Ná nằm sát bờ biển, lại kề bên con đường sắt, có vị trí thuận tiện cho một lịch trình du lịch theo chiều dài

đất nước. Du khách có thể dừng chân tại đây để thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên và nghỉ ngơi lấy lại sức khỏe tiếp tục cuộc du ngoạn về thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu hay lên Tây Nguyên, Đà Lạt.

Dựa vào thế núi, nhìn ra biển, với không khí trong lành khách du lịch sẽ có các hoạt động phong phú. Khách có thể ngồi xe ngựa đi thăm các thăng cảnh của Cà Ná, Mũi Dinh - những hang động và di tích hóa đá gắn với các truyền thuyết làm xốn xang du khách: hang ông Phật, ghềnh ông Nồng, giếng Đức, núi Bạc ở Cà Ná, khách còn có thể tham gia môn thể thao leo núi hoặc đi vào những cánh rừng chuyên trò cung lá cây, chim chóc, hay tự do thả mình theo dòng chảy của suối nước khoáng Vĩnh Hảo. Nếu thích biển, khách có thể ngụp lặn giữa làn nước xanh biếc hay đi canô luôt trên mặt biển ngắm nhìn trời trong, nước xanh và cả cảnh núi rừng.

A.2. Tiểu vùng du lịch Tây Nguyên

1- Điểm du lịch Đà Lạt

Đà Lạt, thành phố nghỉ mát - du lịch, được xây dựng trên một cao nguyên tương đối bằng phẳng với độ cao 1500m gồm các mặt bằng lượn sóng thoải rộng được cấu tạo chủ yếu bằng đá phiến biến chất và đá granit.

Năm 1893 một thầy thuốc chưa đầy 30 tuổi, Alêchxăng Yecxanh, đi qua cao nguyên Lang Biang đã chú ý tới những rừng thông rộng lớn giữa cảnh trời đất bao la có giá trị rất lớn trong việc bồi dưỡng sức khỏe cho con người. Năm 1899, theo yêu cầu của Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume muốn tìm nơi lập khu nghỉ mát miền núi. A.Yecxanh giới thiệu vùng rừng thông này. Thế là vào cuối thế kỷ trước, giữa khoảng rừng quê hương của người Lạt, người Mạ mọc lên vài ba ngôi nhà gỗ, khai sinh cho thành phố tương lai. Cho đến năm 1911, Toàn quyền Anbe Xarô mới quyết định cho lập khu an dưỡng ở đây.

Đà Lạt có phong cảnh thiên nhiên hết sức ngoạn mục. Đó là một trung tâm du lịch với các tài nguyên du lịch phong phú nằm trên cao nguyên có độ cao tương đối lớn, Đà Lạt quanh năm mát mẻ. Nhiệt độ trung bình năm là 18°C . Tháng có nhiệt độ cao nhất không quá 20°C , còn tháng có nhiệt độ thấp nhất cũng không dưới 15°C .

Lấy hồ Xuân Hương nằm trong nội thành làm tâm điểm thì trên một vùng bán kính 15km, du khách có thể tham quan, dạo chơi, chiêm ngưỡng vẻ đẹp của "99 ngoạn mục cảnh Đà Lạt". Độ chênh của các bề mặt cao nguyên xếp tầng gây nên những "bước hụt" của các dòng sông, con suối mỗi khi chúng chuyển từ bề mặt cao hơn xuống bề mặt thấp hơn tạo nên xung quanh Đà Lạt hàng loạt thác nước. Thác Cam Ly nằm ngay trung tâm thành phố, cách hồ Xuân Hương chỉ có 2km về phía Tây. Đi về phía Tây Bắc khoảng 13km là đến một cảnh đẹp nổi tiếng: vùng Đankia có thác Angkrôet. Trên quốc lộ 20 từ Di Linh đến Lâm Viên, trước khi vào thành phố, chúng ta gặp một chùm bốn ngọn thác là Guga, Pôngua, Đa Tâm Ly và Pren. Thác Pren nằm ngay trên quốc lộ 20, cao chừng 13m, được coi là thác đẹp nhất trong chùm thác ở đây. Còn thác Pôngua cao tới 40m, trút nước ầm ầm, sủi bọt như sôi, tung tóe bụi nước xa hàng mấy chục mét.

Đà Lạt có nhiều hồ tự nhiên và nhân tạo như hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Chiến Thắng, hồ Da Thiện, hồ Vạn Kiếp... Mỗi hồ có một lịch sử, một tên gọi rất gợi cảm. Hồ Xuân Hương có hình dáng mảnh trăng lưỡi liềm gác chéch theo hướng đông bắc - tây nam. Viền quanh hồ là con đường nhựa láng bóng tiếp nối với hàng loạt con đường khác từ khắp các nẻo của thành phố đổ về. Bao quanh hồ còn có những đồi thông kế tiếp nhau. Đồi thông cũng là một nét riêng của Đà Lạt và có sức hấp dẫn đặc biệt. Có thể gọi Đà Lạt là thành phố trong rừng thông. Hồ Than Thở cách trung tâm Đà Lạt 5km về phía Đông Bắc nằm giữa rừng thông mênh mông. Ngoài tiếng thông reo, không gian ở đây thật yên lặng. Dạo chơi quanh hồ làm cho thư giãn thần kinh,

tâm hồn thư thái... Còn nữa, Đà Lạt với rừng Ái Ân, thung lũng Tình Yêu, Đà Lạt với sương giăng trên rừng thông, với khu săn bắn và nước khoáng.

Nói đến Đà Lạt không thể không nhắc đến hoa. Nhờ có khí hậu và đất đai phù hợp, Đà Lạt trồng được rất nhiều loại hoa. Có không dưới 1.500 loài hoa được trồng trong các trại hoặc trong gia đình ở thành phố. Nào là đỗ quyên, anh đào, mimôda, păngxê, cẩm tú cầu, linh lan, hoa "xin đừng quên em", côcolicô..., nào là những tên hoa Việt Nam như hồng, cúc, thuốc dược, huệ tây... Hoa Đà Lạt không chỉ làm tôn vẻ đẹp của thành phố, mà thực sự giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu cây trồng, một ngành kinh tế mũi nhọn, nguồn xuất khẩu đáng kể của Đà Lạt. Hàng năm Đà Lạt bán ra nước ngoài 20-30 tấn hoa tươi.

Là một nơi nghỉ ngơi, giải trí, Đà Lạt có ưu thế ở sự kết hợp hài hòa giữa tài nguyên du lịch tự nhiên với các di tích văn hóa - lịch sử và dân tộc. Cảnh quan tự nhiên tôn thêm vẻ duyên dáng của cảnh quan văn hóa. Theo ước tính, Đà Lạt có ít nhất 3.000 biệt thự. Mỗi biệt thự đặt trong một khung cảnh thiên nhiên thơ mộng với nét kiến trúc riêng. Ý thức tạo dáng, tạo thế cho mỗi ngôi nhà, vườn cây, chiếc cầu... là thuộc tính của người Đà Lạt. Chính vì thế, Đà Lạt không thể trộn lẫn với bất kỳ một thành phố nào khác.

Đà Lạt còn có nhiều công trình văn hóa, nhiều di tích lịch sử có giá trị. Đó là các khách sạn, nhà bưu điện, nhà bảo tàng, chợ, đèn Chăm Krayo và Sofnadronhay... Sản phẩm của Đà Lạt đa dạng và độc đáo, nhất là các sản phẩm bằng gỗ thông. Những bàn tay vàng của người thợ thủ công tạo nên các hình mẫu nhà, hộp đựng đồ trang sức, album, bìa lịch... Mỗi thứ có vẻ đẹp riêng được khắc chạm đen hoặc in hoa màu trên nền gỗ thông nhẵn bóng. Thịt thú rừng ở Đà Lạt săn và rẻ. Thịt nai, thịt dê nấu sốt vang, làm món tái. Các loại rau quả ôn đới có quanh năm. Nhiều sản phẩm từ lâu đã có tiếng như dây tây, atisô...

Du khách đến Đà Lạt tương đối thuận tiện nhờ mạng lưới giao thông từ các nơi khác dồn về. Nhiều tuyến đường huyết mạch của cao nguyên cắt qua Đà Lạt. Trong những con đường dẫn tới đây, dài nhất và có lề nhộn nhịp nhất là con đường xuất phát từ thành phố Hồ Chí Minh dài 293km. Quốc lộ 20 đối với Đà Lạt có ý nghĩa đặc biệt. Ngoài ra còn có các tuyến đường khác. Về phía Tây có quốc lộ 21 chạy từ Buôn Ma Thuột đến Đức Trọng rồi nhập vào quốc lộ 20 đi Đà Lạt. Về phía Đông có quốc lộ 11, quốc lộ 12...

Tuy nhiên, để phát triển du lịch, Đà Lạt gặp không ít khó khăn. Trước hết là sự xuống cấp nhanh chóng của cơ sở hạ tầng. Theo báo cáo đã có 36 khách sạn bị hư hỏng, 1/3 số biệt thự cần được sửa chữa. Đường giao thông ở nhiều đoạn cũng hư hỏng nặng. Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ còn thiếu nhiều...

Nhìn chung, điểm du lịch Đà Lạt có sức thu hút khách rất mạnh mẽ, nhưng nếu không biết sử dụng, quản lý, bảo vệ tài nguyên, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật thì sẽ không đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về du lịch.

B- Á vùng du lịch Nam Bộ

B.1. Tiểu vùng du lịch Đông Nam Bộ

B.1.1. Các điểm du lịch thuộc trung tâm du lịch thành phố Hồ Chí Minh

KÝ HIỆU:



ĐÔ THỊ LỚN CÓ SÂN BAY QUỐC TẾ



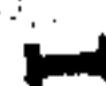
CÁC ĐÔ THỊ



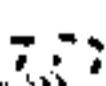
VÙNG CÁNH QUAN TẬP TRUNG



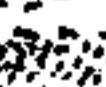
ĐIỂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG



BIÊN GIỚI QUỐC GIA

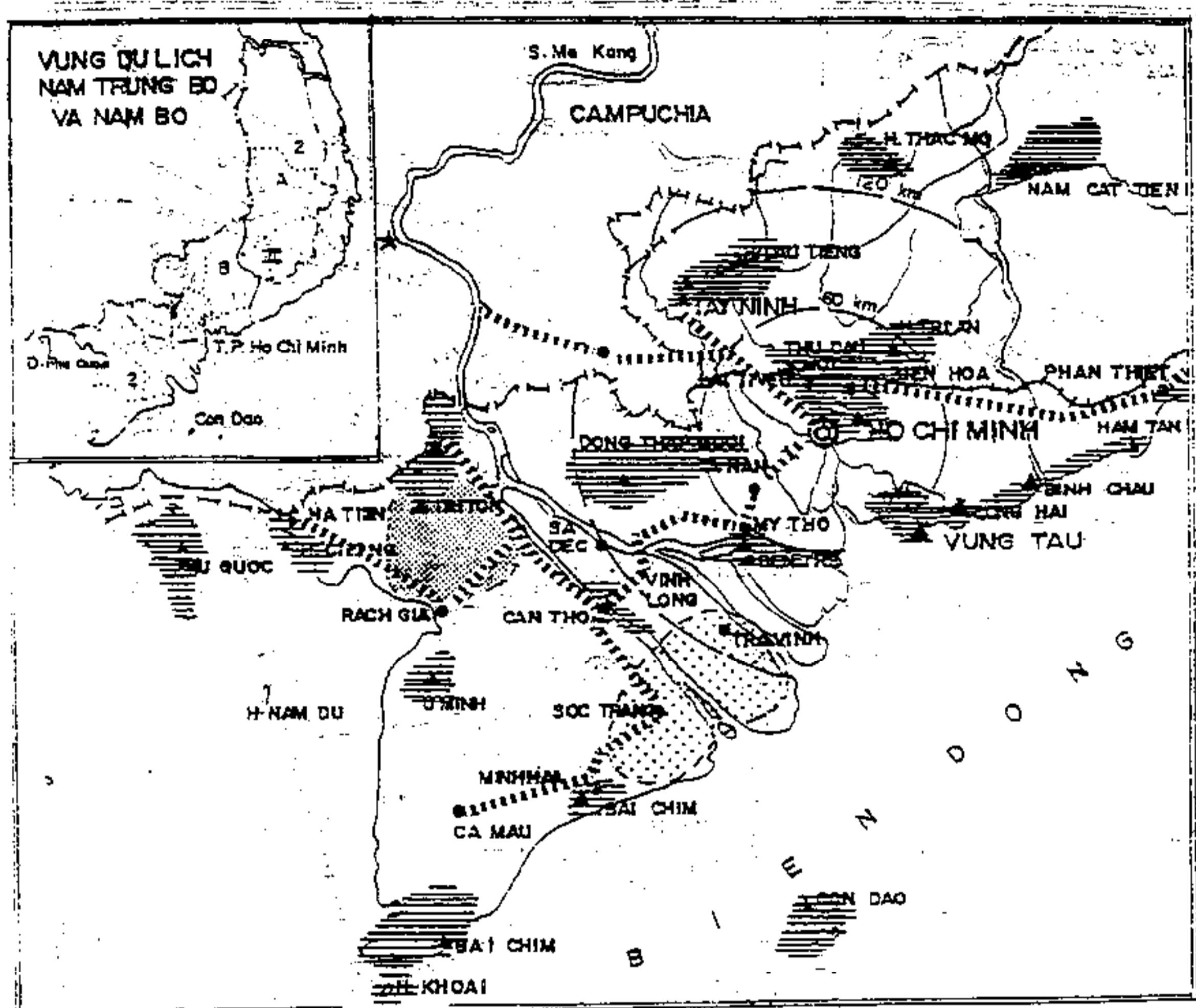


VÙNG CÓ NHIỀU ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA KHƠ ME



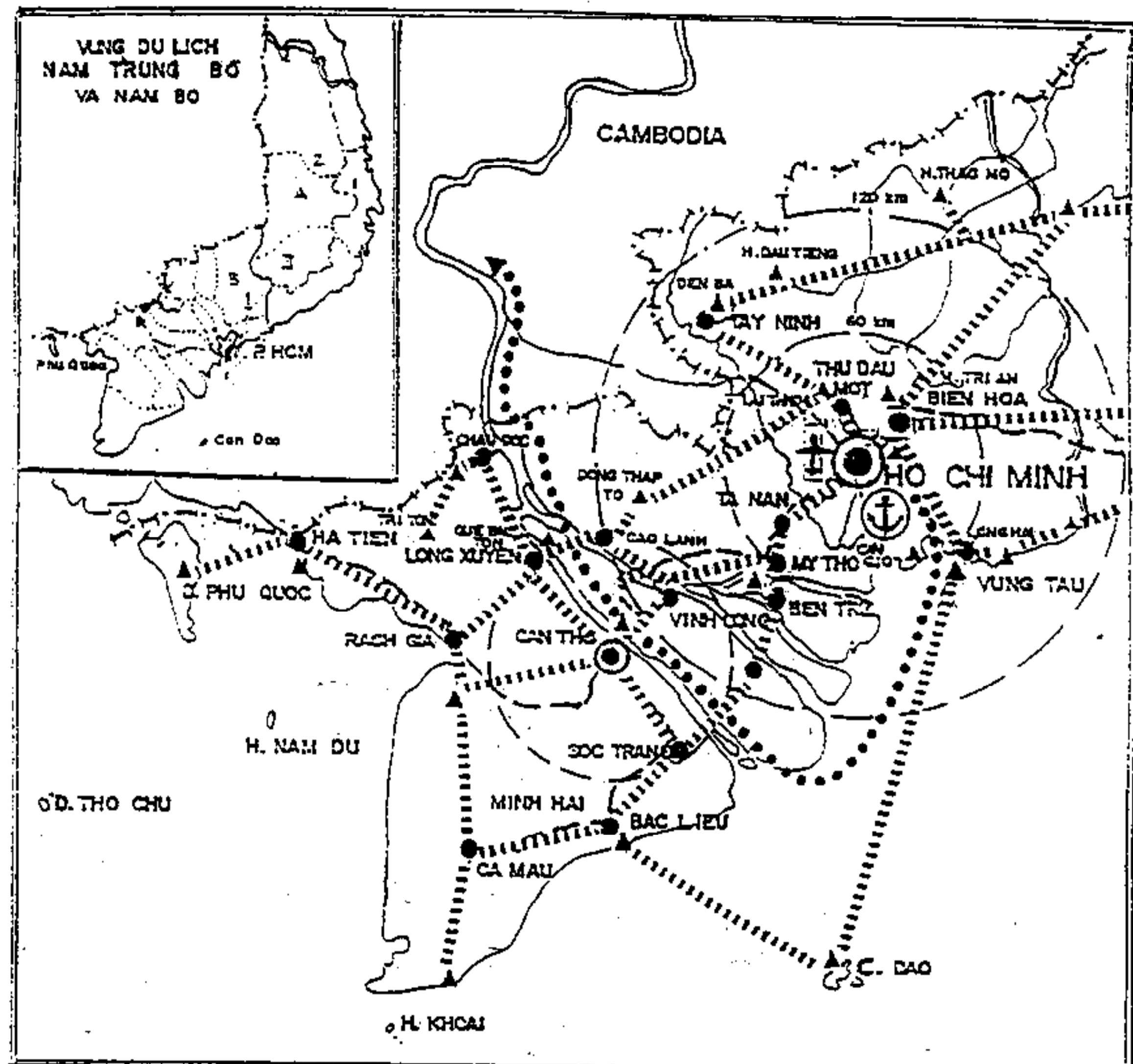
VÙNG CÓ NHIỀU ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA ỐC EO

**Á VÙNG DU LỊCH NAM BỘ VÀ
BẢN ĐỒ CÁC VÙNG CẢNH QUAN TẬP TRUNG,
VÙNG ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA, VĂN MINH DÂN TỘC**



PREPARED BY:
INSTITUTE OF TOURISM
DEVELOPMENT RESEARCH

Á VÙNG DU LỊCH NAM BỘ
BẢN ĐỒ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, ĐIỂM,
TUYẾN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG



PREPARED BY:
INSTITUTE OF TOURISM
DEVELOPMENT RESEARCH

KÝ HIỆU:

- TRUNG TÂM HẠT NHÂN VÙNG
- TRUNG TÂM PHỤ
- CÁC ĐÔ THỊ KHÁC
- TUYẾN DU LỊCH CHỦ YẾU
- TUYẾN DU LỊCH TRÊN SÔNG
- ▲ CÁC ĐIỂM DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG
- ↑ SÂN BAY
- Ⓐ BẾN CẢNG CHÍNH

1- Khu lưu niệm Bác Hồ

Địa chỉ: số 1 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP.HCM.

Còn gọi là bến Nhà Rồng, ngôi nhà được khởi công xây dựng năm 1863, trước là trụ sở của hãng đại diện chuyên chở Hàng hải Pháp (thuộc công ty vận tải đường biển Pháp Messageries Pharitimes) xây cát làm nơi ở cho viên Tổng quản lý và là nơi bán vé tàu. Tòa nhà có hình 2 con rồng trên nóc. Năm 1865 nơi đây có dựng cột cờ, còn gọi cột cờ Thủ Ngữ, làm hiệu cho tàu thuyền ra vào. Năm 1893 dùng đèn điện 16 nến (nhưng độ sáng vẫn kém đèn lồng thấp dầu lửa ở Catina). Năm 1899 xây dựng bến bằng ván dày. Năm 1930 có bến bằng xi măng cốt sắt. Ngày 5/6/1911 tại đây Bác Hồ xuống tàu "Đô đốc Latouche Tréville" ra đi tìm đường cứu nước.

Nay giữ nguyên vẹn kiến trúc cũ của tòa nhà để làm "Nhà lưu niệm Bác Hồ", khánh thành năm 1979, làm nơi trưng bày nhiều hiện vật và tư liệu quý về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch.

Qua đánh giá về hiện trạng và khả năng khai thác du lịch, nên tiếp tục quy hoạch nơi đây làm điểm tham quan chính của thành phố.

2- Dinh Thống Nhất

Với quy mô đồ sộ hơn nhiều so với Dinh Toàn Quyền cũ, theo đồ án thiết kế của KTS Ngô Viết Thụ và có sự tham gia

của nhiều KTS khác cũng như công nhân kỹ thuật Sài Gòn. Phần xây dựng gồm: một tầng nền - 03 tầng chính - 02 gác lửng - 01 sân thượng, máy bay trực thăng có thể lên xuống dễ dàng và một tầng hầm kiên cố. Chỗ cao nhất của Dinh cách mặt đất 26m. Dinh có nhiều phòng: phòng làm việc của Tổng Thống, phòng khánh tiết, phòng họp hội đồng nội các, phòng trinh ủy nhiệm thư, phòng đại yến. Ngoài ra còn có một số công trình phụ như hồ bán nguyệt, bồn hoa, vườn cây cảnh... Diện tích xây dựng hơn 20.000m². Thời gian xây dựng hơn 04 năm. Xung quanh phần xây dựng chính có rất nhiều cây cổ thụ và cây cảnh, tạo ra một không gian yên tĩnh và dịu mát, luôn luôn có màu xanh (theo các nhà địa lý thì mặt tiền Dinh hình chữ Đế, chung quanh tạo ra những vật biểu tượng cho Ngũ hành). Nhà cầm quyền Sài Gòn xây dựng và đặt tên DINH ĐỘC LẬP với ý đồ "Độc Lập Quốc Gia" tồn tại một cách bền vững. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, 8 giờ ngày 8-4-1975, Dinh Độc Lập bị phi công Nguyễn Thành Trung ném bom và 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngọn cờ đỏ sao vàng pháp phái bay trên nóc Dinh Độc Lập báo giờ cáo chung của chế độ Sài Gòn. Tháng 11 năm 1975 Dinh Độc Lập được đổi tên là DINH THỐNG NHẤT. Tên gọi giản dị nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu xa. DINH THỐNG NHẤT được công nhận di tích Lịch sử - Văn hóa theo quyết định số 77A/VHQĐ ký ngày 25/06/1976. Ngày nay Dinh Thống Nhất trở thành nơi được đông đảo khách trong và ngoài nước đến tham quan.

3- Địa đạo Củ Chi

Củ Chi nằm trên bờ sông Sài Gòn, là một huyện ngoại thành phía Tây Bắc của TPHCM, thị trấn cách trung tâm thành phố 30km. Thời kỳ chống Pháp, địa đạo chỉ dài 17km, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, địa đạo Củ Chi đã trở thành một công trình đánh giặc vĩ đại và độc đáo với trên 200km đường hầm tỏa rộng chằng chịt trong lòng đất, đã được đào bằng những dụng cụ đơn sơ nhất. Đây là một hệ thống có trục chính và nhiều nhánh phụ như xương cá, thông với các hầm bí mật, hầm trú ẩn hoặc

kết lên mặt đất. Địa đạo rộng từ 0,5 mét tới 1 mét, vừa đủ cho một người đi khoai hùng hoặc bò. Cách sân bay Tân Sơn Nhất 41km (đường chim bay), 70km đường bộ (nếu xuất phát từ trung tâm thành phố), khu Xóm Được còn giữ lại một phần công trình trước kia là căn cứ của Bộ Tư lệnh Quân khu và Thành ủy Sài Gòn-Gia Định. Đây là một trong những đoạn du khách có thể xuống thăm địa đạo để tận mắt thấy "làng ngầm của V.C". Ngoài ra còn nhiều mảnh khu khác như Nhuận Đức, Hồ Bồ... nơi xuất phát những cuộc tấn công vào Sài Gòn. Là vùng căn cứ của Việt Minh trong chống Pháp và của quân Giải Phóng trong chống Mỹ, nằm trong khu vực mà Mỹ gọi là "Tam giác sắt" nên Củ Chi phải đương đầu với cuộc chiến tranh hủy diệt tàn khốc nhất của Mỹ.

Khu Bến Được ngày nay là một điểm du lịch hấp dẫn, ngoài việc tham quan địa đạo, tại đây còn có tiết mục bắn đạn thật tạo thêm cho khách cảm giác về cuộc chiến tranh khốc liệt đã qua.

4- *Mười tám thôn Vườn Trầu*

Nằm cách TP.HCM 10km về hướng tây bắc.

Là khu nhà vườn tiêu biểu cho cách sống Nam Bộ, nằm sát TP.HCM mà vẫn còn giữ được những nét truyền thống trong sinh hoạt: xe ngựa như là phương tiện giao thông công cộng, trồng trầu, kiến trúc nhà ở... Địa danh còn nổi tiếng vì tinh thần chống giặc ngoại xâm trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của người dân nơi đây. Vùng đất này từng diễn ra cuộc khởi nghĩa của Phan Văn Hớn (1872), khởi nghĩa Nam Kỳ chiếm Hố Môn (23/11/1940) và là cơ sở của các đồng chí lãnh đạo Đảng.

Đây là một vùng có nhiều tiềm năng, nhưng đến nay vẫn chưa phát triển thành một điểm du lịch phục vụ du khách, mà mới chỉ là nơi dừng chân cho các phong trào "Về nguồn".

5- *Chùa Giác Lâm*

Địa chỉ: 118 Lạc Long Quân, P.10, Q. Tân Bình.

Đây là ngôi chùa cổ nhất ở TP.HCM, là thăng cảnh đất Gia Định, tọa lạc tại vùng Phú Thọ Hòa, trên một gò đất cao (xưa gọi là gò Cẩm Sơn), dưới những tàn cây xanh rợp bóng, từ thời vua Lê Cảnh Hưng. Vào thời gian người Việt đang trên đà di dân mở mang bờ cõi, ban sơ, ngôi chùa được cất lên bằng cây lợp lá gọi là Tra Am (am tu bằng cây lá) do hai vợ chồng cư sĩ tên Lý Khoái Long (Lý Thuỵ Long?) lập nên để ẩn dật (nay chưa rõ Lý Khoái Long là hậu duệ hoàng tộc thời nhà Lý còn sót lại hay từ Trung Hoa sang), tên riêng của ông là Cẩm, làm nghề dệt đệm nên dân địa phương thường gọi ông là ông Cẩm Đệm. Sau đó vài năm, vào năm 1774, một Đại Lão Hoa Thượng thuộc phái Lâm Tế (dân chúng từ đó quen gọi là Tổ Đinh Giác Lâm) pháp danh là Tiên Giáp, hiệu là Hải Tịnh, ngao du đến đây ghé thăm và được vợ chồng ông Cẩm thọ bái giáo sư, khẩn khoản cầm giữ nhà sư Hải Tịnh ở lại Tra Am tu hành. Từ thời nhà sư Hải Tịnh đến nay, trải qua gần ba thế kỷ, qua 8 đời sư tổ trụ trì, ngôi chùa trải qua nhiều lần trùng tu với 3 lần lớn là vào các năm 1789, 1804, 1909. Chính điện thờ Phật Di Đà, dưới là Phật Thích Ca, Di Lặc, hai bên là Quan Thế Âm và Thế Thái (Thế Chí). Ngoài ra còn có tượng Cửu Long, hai bên tường là Thập Bát La Hán, Thập Điện Diêm Vương, Tổ Sư Đạt Ma và tượng Long Vương. Các tượng Phật bằng gỗ quý, đặt thờ tại đây ít ra cũng khoảng 200 năm, cấu trúc thể hiện nền văn hóa phuong Đông, nghiêm trang, nhẹ nhàng, mỹ thuật; đặc biệt tượng Phật Địa Tạng đẹp có tiếng. Trước bàn thờ có đèn được sú 49 ngọn, mỗi ngọn có một tượng Phật nhỏ. Sau chính điện là bàn thờ Tổ, thờ các vị Hoa Thượng đã trụ trì tại chùa, bàn thờ Đức Chuẩn Đề, Phật A Di Đà và Thập Điện Diêm Vương.

Ngoài hơn 100 tượng cổ lớn nhỏ còn có trên 50 cột treo, chạm các lam, biển, liễn cổ xưa với các hình tứ quý, tứ linh, cửu long... đặc biệt có một đôi liễn Gia Long sắc tú vào năm thứ 3 (1804), câu đối của Trịnh Hoài Đức lúc còn làm Hiệp Tống trấn thành Gia Định. Xung quanh chùa có 50 tòa cổ tháp, không cái nào giống cái nào, thể hiện đường nét điêu khắc tinh xảo, nhất

là được gắn liền với các dĩa xưa, lưu lại nguồn gốc lịch sử của từng ngôi tháp đó. Sân chùa lót gạch vuông đỏ, phong kín rêu xanh, xung quanh lối đi trồng nhiều hoa kiểng quý, có những loài trong chậu sống hàng trăm năm, tạo thành loài cổ thụ nhỏ bé, hình thù long, lân, quy, phụng...

Trước chùa có cây bồ đề lớn (do Đại Đức Narada từ Xiri Lanca tặng, trồng năm 1953), dưới bóng cây bồ đề là tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, bên hông mặt chùa có cây bạch mai trồng đã gần trăm năm và mới đây có xây thêm một tháp Xá Lợi. Trước sân chùa còn có một tháp để hài cốt các chư tăng và có ghi khắc số chùa chiền trong nước tại đây. Các ngày cúng lớn như rằm, mùng một và ngày kỵ giỗ các tổ được tổ chức long trọng tại chùa. Chùa được công nhận là di tích lịch sử quốc gia.

Chùa cần được tiếp tục bảo quản và quy hoạch trong danh mục điểm tham quan thành phố.

6- Chùa Vĩnh Nghiêm

Địa chỉ: 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 15, quận 3.

Nằm trên đường từ sân bay Tân Sơn Nhất về trung tâm thành phố, Vĩnh Nghiêm là chùa Phật giáo Đại Thừa lớn nhất TP.HCM, là công trình kiến trúc tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam hiện đại do kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng thiết kế. Khởi công xây dựng năm 1964, hoàn thành năm 1973 (có tài liệu ghi 1971), hình chữ công, hai dãy ngang được nối bởi một dãy dọc. Tháp gồm 7 tầng mái, cao 40m, bảo tháp hình vuông, cạnh 6m, đỉnh tháp gọi là Long Xa (9 bánh xe hình tròn) và Qui Châu (các khối tròn), vọng chuông tháp, theo nghệ thuật bất cân xứng của Á Đông. Chuông đồng, gọi là đại hồng chung, đường kính 1,8m, do các Phật tử nhánh Tào Động (Nhật Bản) quyên tặng. Đây là ngôi tháp lớn của Phật giáo Việt Nam. Bên trong chùa được xây và trang trí theo kiểu hiện đại, pha trộn nghệ thuật kim cổ, đặc biệt không có gỗ, từ kèo cột đến mái đều làm bằng bê tông cốt sắt.

Bái điện là tòa nhà lớn rộng 22m, dài 35m, cao 15m, hai bên cổng vào có 2 tượng hộ pháp, các bao lam tứ linh, cửu long, các phù điêu chạm hình các ngôi chùa danh tiếng trong nước và ở các nước châu Á. Giữa chính điện thờ Phật Thích Ca và hai đệ tử, bên phải là Văn Thù Bồ Tát tượng trưng cho trí tuệ, bên trái là Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho hạnh nguyện túc lòng từ bi. Có nghĩa là muốn trở thành Phật con người phải tiến tới điểm hoàn hảo: trí tuệ và lòng từ bi (tài và đức).

Phần trang trí tại chính điện còn có hoành phi, câu đối, cửa võng, bảo cái.

- Hoành phi: bức treo ngang, ở trước và giữa chính điện, ghi tên các vị Phật thờ tại đó.
- Câu đối: treo dọc hai bên hoành phi, ghi các lời dạy của Phật.
- Cửa võng: chạm long, ly, qui, phụng để trang hoàng cho chính điện.
- Bảo cái: cái lọng quý che cho đúc Phật (thông thường lọng này phải đặt ngay bên tượng Phật Thích Ca).

Đọc hai bên tường của chính điện là bộ tranh về 18 vị La Hán (thực tế chỉ có 6 bức của 6 vị vì không đủ chỗ), là các đệ tử đắc đạo của Phật, mỗi vị cứu vớt chúng sanh theo các phương cách khác nhau, có vị thuyết pháp, có vị cứu rỗi, có vị giáo dục... Bốn tượng đồng (thường là 10 tượng) là 4 vị trong số Thập Đại Đệ Tử của đúc Phật. Gian phía sau:

- Tượng đứng chính giữa là vị Bồ Tát Địa Tạng, chuyên cứu độ chúng sanh ở địa ngục.
- Bức ảnh kế bên là "Thiền gia Pháp chủ Vĩnh Nghiêm" người có công chấn hưng Phật giáo Việt Nam từ sau 1954.

- Hai bên là bàn thờ người theo đạo đã quá cố, thân nhân của họ gởi chùa nhờ cầu kinh niệm Phật cho mau được siêu thoát.

Khu phuong truong trong cung chùa là dây nhà hình chữ L ôm bọc hồ sen với tăng xá và trai đường dành cho khách thập phương về nghỉ ngơi, ăn uống.

Ngoài ra, một tháp Xá Lợi công đồng mới xây (1984) để tro cốt người quá cố.

Vĩnh Nghiêm là tên vị Tổ trụ trì ở chùa núi Yên Tử, tỉnh Bắc Giang, là nơi khai tràng thuyết pháp của phái "Trúc Lâm Tam Tổ" có từ đời Trần.

Phái Trúc Lâm Tam Tổ khai sinh ra Thiền Việt Nam, có từ đời Trần, để tưởng nhớ, lấy tên Vĩnh Nghiêm đặt cho chùa. Chùa còn là cơ sở của trường Cơ bản Phật học, có một thư viện.

Chùa cần được tiếp tục bảo quản và quy hoạch trong danh mục điểm tham quan thành phố.

5- Công viên Đàm Sen

Địa chỉ: Số 3 Hòa Bình, quận 11, TP.HCM.

Trước năm 1975 Đàm Sen là vùng trũng ven đô bùn lầy. Ngày 15 tháng 12 năm 1976 bắt đầu công trình đào đắp thành hồ thả cá. Năm 1986 Đàm Sen được giao về cho Công ty Du lịch Phú Thọ quản lý cho đến nay. Hiện nay công viên du lịch Đàm Sen là một trong những điểm tham quan, vui chơi giải trí đông khách nhất thành phố. Diện tích Đàm Sen vào khoảng 52 ha, nằm tại góc đường Lạc Long Quân và Hòa Bình, bao gồm nhiều khu vực: 1. Khu vực vui chơi giải trí, gồm nhiều công trình phục vụ vui chơi giải trí như: nhà Tây Nguyên, hoa viên trung tâm với đài phun nước, nhà cười, nhà banh, trò chơi điện tử, phòng trang điểm (dành cho nữ), toilet, hòn non bộ và thủy cung (trẻ em dưới 6 tuổi miễn phí), hồ nước, đài hoa, đồi thông, vườn hồng, vườn Thượng Uyển, chùa cổ Giác Viên, vườn lan, vườn chim (được thiết kế đặc biệt: chim được thả tự do trong một nhà lưới khổng lồ,

khách có thể bước vào trong dễ dàng), trại sấu và vườn thú mini (gồm một số thú quý hiếm như: trăn, gấu, hươu, nai...), thung lũng tiền sử (thung lũng khủng long): các con khủng long nhân tạo có thể cử động và tạo âm thanh như thật, ngoài ra còn có mô hình núi lửa, lâu đài cổ tích, sân khấu và các trò chơi dành cho thiếu nhi như: xe đạp, xe hơi, đu quay, xe lửa... 2. Khu cắm trại: một khu đất trống được dành riêng cho khách có nhu cầu cắm trại. 3. Khu vực lòng hồ: gồm nhiều hoạt động trên mặt nước như: câu cá, cho thuê xuồng, nhà hàng thủy tạ, đảo khiêu vũ, sân khấu rối nước...

8- Làng du lịch Bình Quới

Vị trí: trên bán đảo Thanh Đa bên bờ sông Sài Gòn, thuộc quận Bình Thạnh.

Nội dung: Sự trong lành của môi trường là ưu thế nổi bật của khu du lịch Thanh Đa - Bình Quới.

Hàng đêm, sân khấu trình diễn văn nghệ dân tộc tại đây thu hút được nhiều khách nước ngoài đến xem.

9- Thảo Cầm Viên Sài Gòn

Nằm trên bờ sông Sài Gòn, khúc Thị Nghè. Được xây dựng trong 2 năm 1864-1865. Sáng lập viên và cũng là giám đốc đầu tiên là ông J.B.Louis Pierre, nhà thực vật học nổi tiếng thời bấy giờ. Diện tích 20 ha, sưu tập hàng ngàn loại cây, nhiều loại cây hiếm mà rừng Việt Nam không có, về động vật có nhiều lớp, họ, loài, giống. Ngoài ra còn có các khu vui chơi cho thiếu nhi, khu phong lan, cây cảnh...

Đây cũng là một điểm có khả năng thu hút khách du lịch nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu.

10- Trường Đua Phú Thọ

Địa chỉ: số 2-4 Lê Đại Hành, quận 11.

Câu lạc bộ Phú Thọ chiếm diện tích gần 1km², được bao bọc bởi các đường 3 tháng 2, Lý Thường Kiệt, Lũ Gia, Nguyễn

Thị Nhỏ và Lê Đại Hành. Đây là một sân vận động đa môn: bóng đá, đua ngựa, đua xe, thể hình và huấn luyện chó.

11- Khu rừng sác ngập mặn Cần Giờ

Điểm du lịch rừng Sác cách TP.HCM 70 km, theo đường Nhà Bè-Duyên Hải.

Với diện tích hơn 40.000 ha thuộc huyện Cần Giờ TP.HCM, rừng Sác kéo dài từ Nhà Bè đến vịnh Gành Rái. Trước đây, khu rừng này khá rậm rạp với quần thể động thực vật phong phú. Quần thể được đồi chiếm ưu thế, quần thể chà là phân bố trên vùng đất cao ít ngập nước hoặc chỉ ngập nước trong thời gian ngắn vào những ngày triều cường của tháng. Thứ tự phân bố từ thấp lên cao của các loại cây như sau: bần đắng - đước đồi - sú - vẹt - cúc đỏ - giá - chà là. Trong chiến tranh, rừng Sác luôn là căn cứ địa vững chắc án ngữ đường lưu thông ra biển của thành phố Sài Gòn. Nhằm tiêu diệt chiến khu này, Mỹ đã rải chất độc màu da cam khiến cho hệ sinh thái tự nhiên bị phá hủy nghiêm trọng. Từ sau ngày giải phóng, rừng Sác dần dần được phục hồi, trở thành vùng chuyên nuôi thủy sản: sò, nghêu, tôm... cung cấp cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

12- Vườn cò Thủ Đức

Địa chỉ: ấp Gò Công, xã Long Thạnh Mỹ, huyện Thủ Đức, cách trung tâm thành phố 20km.

Vườn cò có cảnh trí thiên nhiên rất đẹp, chưa được đầu tư nên còn hoang sơ. Ở vườn mới chỉ có một cái chòi do công ty Du lịch Thủ Đức dựng để khách ngồi uống nước. Mặc dù vậy đã có nhiều đoàn khách nước ngoài tới thăm và có khá nhiều giáo viên, học sinh đi dã ngoại. Có thể kết hợp với vài điểm tham quan ở Thủ Đức như: vườn cây cảnh An Khánh của Chị Yến, vườn Xương Rồng, Trại nuôi Cá Sấu... thành một cụm du lịch trong ngày. Khách có thể ngủ qua đêm trên những chiếc vông, đặc biệt không có muỗi (khu vực này chưa có điện, dân địa phương sử dụng điện bình acquy).

Cân tạo ra một môi trường sinh thái thích hợp để bảo đảm sự lưu trú của chim cò.

13- Khu vực Chợ Lớn

Năm 1788, nhóm người Hoa từ cù lao Phố và Mỹ Tho kéo về bờ rạch Bến Nghé lập chợ buôn bán, khu chợ đó phát triển thành Chợ Lớn ngày nay. Nơi đây tiêu biểu cho Chinatown của Việt Nam với những phố chợ san sát và đầy ắp hàng hóa từ lâm thổ sản đến những mặt hàng tiểu công nghiệp. Khu vực Chợ Lớn là nơi tham quan hấp dẫn cho du khách tìm hiểu cuộc sống thường ngày của nhân dân thành phố.

14- Chợ An Đông

Chợ An Đông là một chợ trung tâm của thành phố với các mặt hàng chính là vải, quần áo may sẵn, giày dép. Hiện nay chợ đã được xây dựng lại thành trung tâm thương mại An Đông gồm 5 tầng lầu và một tầng trệt, trong đó khu vực kinh doanh là 3 tầng. Một phần của khu vực chợ là khách sạn César và chi nhánh ngân hàng Việt Hoa. Bố trí các tầng như sau:

Tầng trệt: Hàng ăn uống, trái cây, hoa tươi, nữ trang...

Tầng 1: Vải vóc, đồng hồ, bánh kẹo...

Tầng 2: Quần áo may sẵn, giày dép...

Tầng 3: Hàng thủ công mỹ nghệ...

Chợ An Đông sau khi được xây mới hết sức khang trang và rộng rãi, mặt tiền có bãi đậu xe du lịch, khu vực chợ an ninh và sạch, giữa các tầng có cầu thang cuốn.

Nhìn chung có thể chọn nơi đây làm chỗ mua sắm cho khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế, khách nói tiếng Hoa.

15- Chợ Bến Thành

Tên chợ có từ trước cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp, nằm cận bờ sông Bến Nghé, gần chợ có bến để hành khách vào thành Gia Định nên gọi là chợ Bến Thành (hồi đó đường Nguyễn Huệ còn là một con kênh). Năm 1859 Pháp chiếm thành Gia Định,

chợ bị thiêu rụi. Sau đó Pháp cho xây lại ở địa điểm cũ (nay là Trường Đào tạo Cán bộ Ngân hàng) đường Nguyễn Huệ. Năm 1870 chợ bị cháy một gian, vẫn cất lại ở địa điểm cũ. Năm 1911 vì chợ cũ có thể bị sụp đổ nên cất lại tại địa điểm gần ga xe lửa Mỹ Tho, tức địa điểm mới ngày nay, hoàn thành năm 1914. Hiện là chợ trung tâm lớn nhất của TPHCM, chợ có 4 cửa. Sau ngày giải phóng chợ được tiếp tục sửa chữa và khánh thành 25/5/1985 để kỷ niệm 40 năm tổng khởi nghĩa. Diện tích chợ là 1km vuông.

16- Khu du lịch Suối Tiên

Khu du lịch Suối Tiên nằm ở đông bắc thành phố, thuộc huyện Thủ Đức, trên đường Hà Nội, cách thành phố 19 km. Khu du lịch Suối Tiên là nơi vui chơi giải trí cuối tuần của người dân thành phố và du khách trong và ngoài nước. Tới đây, du khách sẽ được tận hưởng phong cảnh tự nhiên hữu tình: suối, rừng cây, hồ cá... Đây là nơi nuôi nhiều loại thú quý hiếm mà đặc biệt nhất là cá sấu, đàn cá sấu ở đây hiện có gần 2000 con. Tới Suối Tiên du khách còn được đắm mình trong thủy cung với hàng trăm loài cá bơi lội trong hầm kính.

B.1.2. Vũng Tàu - Bà Rịa

Vũng Tàu - Bà Rịa là một cụm điểm du lịch đã được khai thác từ lâu cho khách nội địa và quốc tế với thế mạnh là 200km bờ biển trong đó có 40km bãi tắm, ngoài ra còn có một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 7371 ha rừng và khu suối nước nóng Bình Châu. Khách đến Vũng Tàu có thể bằng đường bộ (qua đường Hà Nội và quốc lộ 51) hay đường thủy (xuôi sông Sài Gòn và qua vịnh Gành Rái). Đây là điểm du lịch quan trọng nhất nằm trong bán kính 150km từ TPHCM.

I. Bãi Sau

Bãi Sau ở đông nam thành phố, cách trung tâm Vũng Tàu khoảng 3km, chạy dài trên 8km từ chân núi Nhỏ đến cửa Lấp.

Đây là bãi biển đẹp nhất Vũng Tàu và có khả năng tiếp nhận một lượng khách lớn. Bãi biển với cát trắng, sóng thay đổi theo mùa, mùa gió Tây Nam mặt biển phẳng lặng, nhưng mùa gió Đông Bắc thì sóng rất to, gió rất mạnh và hình thành nhiều dòng chảy ven bờ tạo xoáy nước. Bãi Sau tựa đầu vào núi Nhỏ, kéo dài theo những dải cồn cát và rùng phi lao, xa ra ngoài biển, trên đường chân trời về phía trái là dãy núi Long Hải, tất cả như làm cho bãi Sau thêm phần hấp dẫn.

Dọc theo bãi Sau với một hệ thống nhà hàng và khách sạn, mà từ đó khách chỉ đi bộ một quãng ngắn là có thể xuống bãi tắm, xong trở về khách sạn tắm lại nước ngọt. Riêng đối với khách vãng lai, không thể tìm được một phòng tắm nước ngọt và nhà vệ sinh sạch sẽ trên bãi, nhiều quán cơm ven đường Thùy Vân với kiểu xây dựng chắp vá, tạm bợ làm mất vẻ mỹ quan. Vệ sinh trên bãi biển chưa tốt, còn nhiều người bán hàng rong xả rác và chưa có thùng rác trên bãi. Sự ra đời của Marina Club (đưa vào hoạt động từ 2/9/1994) và Fairy Land (khai trương thử nghiệm ngày 19/3/1995) cùng với sân golf 9 lỗ là những tín hiệu đáng mừng về sự chuyển mình của khu vực bãi Sau trong hoạt động phát triển du lịch.

2. *Bãi Trước, Bãi Nghinh Phong, Bãi Đầu*

Đây là những bãi biển nhỏ nằm giữa các mũi đá của núi Lớn và núi Nhỏ, nằm dọc theo đường Trần Phú (đường vòng núi Lớn) và Hạ Long (đường ven núi Nhỏ). Tính hấp dẫn của những bãi biển này là tạo những khoảng không yên tĩnh cho du khách nghỉ ngơi với trời, biển, núi đá, bêng cây. Các bãi này tuy không là bãi tắm tốt (nhiều đá ngầm, nước không trong, cát không mịn, bãi biển hẹp) nhưng vẫn được ưa chuộng, nhất là đối với khách nội địa. Đặc biệt khách có thể câu cá giải trí trên các mỏm đá ven bờ.

Cũng như bãi Sau, các bãi biển này vẫn thiếu phòng tắm nước ngọt và nhà vệ sinh sạch sẽ. Mật độ người bán hàng rong trên bãi biển ít hơn so với bãi Sau.

3. Thích Ca Phật Đài

Thích Ca Phật Đài ở phía tây bắc sườn núi Lớn, nằm giữa Bến Đình và Bến Đá. Chùa gồm 2 khu vực: phía dưới là Thiên Lâm Tự và phía trên là Thích Ca Phật Đài, với tổng diện tích khoảng 5 ha. Trong khu vực này có nhiều pho tượng Phật Thích Ca và các công trình kiến trúc, nhưng nổi bật là tượng Kim Thủ Phật Tổ ngồi kiết già trên một tòa sen đường kính 6m, toàn bộ bệ tượng cao 12,2m và một Bảo Tháp cao 19m hình bát giác.

Khách bốn phương đến đây mong thưởng thức được không khí u tịch của nhà chùa nằm giữa phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, trên là núi, dưới là biển, chung quanh là cây xanh và những công trình kiến trúc độc đáo của Phật giáo. Nhưng toàn bộ mặt tiền nhà chùa đã biến thành hàng quán và là nơi tập trung người ăn xin cùng những người vô gia cư. Vệ sinh trong khuôn viên nhà chùa rất kém.

4. Bạch Dinh

Bạch Dinh nằm dưới chân núi Lớn. Bạch Dinh được xây dựng năm 1898 dùng làm nơi nghỉ mát cho viên Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume (Dinh Toàn Quyền - Villa Gouverneur). Những năm cuối thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, Bạch Dinh còn là nơi an trí của vua Thành Thái, nên Bạch Dinh còn gọi là Dinh Ông Thuượng.

Bạch Dinh là một trong những công trình xây dựng sớm nhất của Pháp ở Đông Dương, có sự kết hợp giữa kiến trúc cổ Châu Âu và một số yếu tố kiến trúc cổ Việt Nam. Những chi tiết trang trí kiến trúc bằng gỗ sú Việt Nam góp phần tạo cho Bạch Dinh một diện mạo kiến trúc riêng.

Hiện nay Bạch Dinh còn là nơi trưng bày các cổ vật gỗ sú được trục vớt lên từ ngoài khơi Vũng Tàu. Nơi đây là một điểm

tham quan tốt, có giá trị lịch sử, văn hóa. Ngoài ra khách có thể có cái nhìn toàn cảnh một vùng biển Vũng Tàu từ trên cao.

5. Hải Đăng

Được xây dựng từ năm 1907, lúc đầu thấp bằng đầu, năm 1911 được xây dựng thành tháp tròn đường kính 3m, cao 18m, trên đỉnh núi Nhỏ. Đèn tháp chiếu xa 35 hải lý, có kính viễn vọng để theo dõi và hướng dẫn tàu. Dưới chân tháp có 4 cỗ đại bác cổ của Pháp dài trên 10m. Từ tháp Hải Đăng du khách có thể bao quát được toàn bộ thành phố Vũng Tàu, thấy được các vùng Cần Giờ, Bà Rịa. Hải Đăng là điểm tham quan thú vị, tuy nhiên đường lên tháp còn hẹp, đôi đoạn còn xấu. Cần kết hợp với ngành du lịch đưa Hải Đăng thành điểm tham quan chính của TP. Vũng Tàu.

6. Lăng Cá Ông

Được xây dựng khoảng giữa thế kỷ XIX với kiến trúc đình chùa điển hình của Nam Bộ. Trong lăng có bộ xương con cá ông do ngư dân vớt được trên 100 năm trước đây và một bộ xương khác (vớt sau bộ xương trước 40 năm) dài 12m, ngang 1,5m. Năm Thiệu Trị thứ 5 (1846) lăng Cá Ông được vua ban sắc phong "Nam Hải Đại tướng quân". Lễ hội được tổ chức vào ngày 16/8 âm lịch với những hình thức lễ tế riêng của ngư dân miền biển.

Đây là điểm tham quan lý thú cho khách trong nước và quốc tế, đặc biệt trong ngày lễ hội, giúp du khách biết được nét tín ngưỡng đặc thù của ngư dân miền biển.

7. Suối khoáng nóng Bình Châu

Suối khoáng nóng có lưu lượng $8\text{m}^3/\text{s}$ với 70 điểm phun, nhiệt độ cao nhất trên mặt đất đạt 80°C . Vùng suối khoáng nóng rộng khoảng 1km^2 gồm nhiều hồ, vũng lớn, nhỏ liên kết với nhau bởi các mạch thông. Ở điểm phun 40°C du khách có thể dầm chân xuống nước để chữa bệnh, tại điểm phun 80°C du khách có thể luộc trứng. Đặc biệt, tại điểm phun 73°C nước được dẫn vào các bể tắm, bể bơi liệu pháp chữa các bệnh ngoài da, thần kinh, phu

khoa, bệnh phù, thấp khớp... Dù nước suối nóng nhưng cây cối xung quanh vẫn rậm rạp, tươi tốt. Suối khoáng nóng Bình Châu chỉ cách bờ biển 3-4 km và nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu với trung tâm là suối nước nóng, các khu vực lân cận rừng nguyên sinh, bờ biển, hồ cá sấu... hầu như còn trong tình trạng hoang sơ.

Tại đây nhà hàng và khách sạn mới xây chưa phù hợp với cảnh quan chung của rừng, công trình trắng toát làm mất đi vẻ mềm mại và quyến rũ tự nhiên của thiên nhiên. Quy mô nhà nghỉ (chỉ có 5 phòng có máy lạnh, đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế) và khu suối nước nóng còn nhỏ, dẫn đến tình trạng tập trung một số lượng khách quá mức làm phá vỡ sự yên tĩnh vốn có của rừng. Chất lượng nước trong hồ tắm nước khoáng rất kém, do khâu vệ sinh môi trường chưa được quan tâm, ảnh hưởng đến sức khỏe của du khách khi tắm (lây lan bệnh ngoài da, thúi lỗ tai...).

8- Côn Đảo

Côn Đảo hiện nay được xem như một di tích lịch sử cách mạng, nơi giam giữ những chiến sĩ cách mạng đấu tranh cho độc lập dân tộc. Cầu tàu Côn Đảo, khu Nghĩa trang Hàng Dương, các khu đê lao (hầm xay lúa, chuồng cọp, chuồng bò...) được in đậm nét trong từng trang sử đấu tranh của cách mạng Việt Nam. Côn Đảo còn là vườn quốc gia rộng 6043 ha ở trên 14 hòn đảo nằm trong quần đảo Côn Lôn, được bao bọc bởi đường hành lang biển rộng 4km. Về thực vật có 361 loài cây thuộc 22 lớp, 71 họ, 191 giống. Về động vật có: 100 loài chim và thú lưỡng cư thuộc 50 họ và 22 lớp; 18 loại động vật có vú; 62 loại chim; 19 loại bò sát; 6 loại ếch và 150 loại động vật thân mềm. Côn Đảo vừa có khí hậu mùa hè trên các bãi biển đẹp, vừa có khí hậu mát mẻ của vùng núi cao trên các sườn núi.

Hiện nay khách du lịch chỉ đến được Côn Đảo vào các tháng 4, 5, 6 bằng đường biển vì mới chỉ có những chuyến bay bằng trực thăng đến Côn Đảo. Đường vòng quanh đảo đang trong giai

đoan hoàn thành. Khách đến Côn Đảo chủ yếu là khách nội địa, rất ít khách du lịch quốc tế.

B.1.3. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế khác

1. *Làng son mài Tương Bình Hiệp (Sông Bé)*

Cách thị xã Thủ Dầu Một về phía Bắc 7km là làng son mài Tương Bình Hiệp. Tùy theo qui mô lớn nhỏ của từng hộ gia đình nơi đây, mỗi nhà có thể đảm nhận một khâu hay tất cả các khâu để hoàn thành một sản phẩm. Số hộ có hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành sơn mài ở đây có thể lên đến con số vài trăm. Đến với làng son mài Tương Bình Hiệp du khách không có cảm giác bước vào một xí nghiệp thủ công đã cơ giới hóa cao với những dây chuyền sản xuất rạch ròi, mà đây là ngành sản xuất truyền thống mang tính chất gia đình.

2. *Làng gốm sứ*

Tại Sông Bé có nhiều làng sản xuất gốm sứ như ở xã Hung Thịnh, Thuận Giao, Bình Hòa, Bình Nhâm, Tân Phước Khánh... và phường Chính Nghĩa của thị xã Thủ Dầu Một với gần 500 lò gốm sứ. Nghề làm gốm sứ Sông Bé đã phát triển đến trình độ khá cao từ đồ gia dụng, đồ trang trí mỹ nghệ đến đồ sứ công nghiệp. Qui mô sản xuất thường nhỏ, thậm chí chỉ gói gọn trong phạm vi một gia đình.

3. *Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh*

Đường Hồ Chí Minh là một hệ thống đường tiếp liệu từ miền Bắc vào chiến trường Nam Bộ, con đường ấy đã đi từ bí mật (1959 -1965) ra công khai (1965 -1975). Khu căn cứ Tà Thiết cách Bình Long 20km được xem như trạm tiếp vận cuối cùng. Bộ chỉ huy quân sự Miền (chính trị, hậu cần...) bám trụ ở đây để tiếp nhận, huấn luyện và phân phôi nhân lực cho các địa phương, các đội quân từ Bắc vào Nam chiến đấu đều dừng ở trạm cuối cùng này để được huấn luyện, biên chế lại. Nhiều doanh trại thời chiến, các kho hậu cần đã được xây cất nơi đây. Khu căn cứ được sửa sang lại và khánh thành vào ngày 20/04/1995 bao gồm: nhà

trung bày, nhà làm việc của tướng Trần Văn Trà, nhà làm việc của bà Nguyễn Thị Định, hội trường âm dưới lòng đất và nhà bếp âm dưới lòng đất. Theo kế hoạch của tỉnh, khu di tích được tiếp tục xây dựng trên diện tích 16km² và sẽ là điểm tham quan của du khách trong và ngoài nước.

4. Vườn cây Lái Thiêu

Vườn cây Lái Thiêu nằm ven Quốc lộ 13 cũ, cách TP.HCM khoảng 15km, trong một vùng bì bô dọc sông Sài Gòn với diện tích 1.200 ha, thuộc các xã An Sơn, An Thạnh, Bình Nhâm và Hung Định (tỉnh Sông Bé), với trung tâm là xã Hung Định có khu du lịch Cầu Ngang. Đây là vùng trái cây nổi tiếng từ lâu và là điểm tham quan cho du khách trong mùa trái cây từ tháng 5 đến tháng 8, chủ yếu là khách nội địa. Vườn cây Lái Thiêu đa dạng về chủng loại, bao gồm: mít tố nữ, măng cụt, chôm chôm, dâu da, sầu riêng. Khách du lịch từ cầu Ngang đến nhà vườn băng đường sông (qua những con rạch nhỏ) hay đường bộ (qua những con đường nhỏ rợp bóng cây), khách được phục vụ trái cây, dùng cơm trưa và nghỉ ngơi trong vườn cây.

5. Thánh thất Cao Đài (Tây Ninh)

Tháng 3-1927 Thánh thất Cao Đài được khởi công xây dựng tại làng Long Thành, cách chân núi Bà Đen khoảng 3km. Đó là quần thể kiến trúc trong khuôn viên 1km² với nhiều điện thờ, nhà việc, công viên, đường sá, khá quy mô và nguy nga. Thánh địa giống như một khu vực tự trị riêng của một quốc gia, có tường thành bao bọc xung quanh, nhiều cổng ra vào cao lớn. Thánh thất hoàn thành ngày 22-5-1937 với kiến trúc tôn giáo phối hợp giữa Thánh đường Thiên Chúa giáo và Chùa Phật giáo. Cao Đài là một tôn giáo mà những người sáng lập hy vọng có thể tổng hợp và hòa đồng các tôn giáo, đạo giáo ở Việt Nam cũng như trên thế giới từ Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Khổng giáo, Lão giáo...

Khách du lịch đến Thánh thất Cao Đài không chỉ chiêm ngưỡng công trình kiến trúc, mà đặc biệt vào buổi lễ 12h00 khách

được chứng kiến một nghi lễ tôn giáo trang nghiêm và mang đầy màu sắc văn hóa Việt Nam. Những chiếc áo dài trắng (cả đàn ông và đàn bà) chuyển động nhịp nhàng và đồng loạt trong âm vang bài thánh ca vốn lấy từ những làn điệu dân ca.

6. Núi Bà Đen

Núi Bà Đen cao 986m, cao nhất Nam Bộ, còn gọi là "Vân Sơn" vì hay có mây phủ, ngoài ra còn có các tên Bà Đinh, Điện Bàn, Linh Sơn. Núi cách tòa Thánh Cao Đài khoảng 3km. Đường từ chân núi đến chùa Linh Sơn cao khoảng 300m, có bậc thang, nhưng đá sấp lênh nhô khó đi. Trên núi có nhiều hang đá, nhiều chùa và đền được xây dựng trong hang. Từ đỉnh núi nhìn thấy phong cảnh rất đẹp. Núi Bà Đen đã từng là căn cứ và nơi trú ẩn của quân đội giải phóng. Trong thời gian chiến tranh nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc đụng độ ác liệt giữa quân đội Mỹ và quân đội giải phóng. Sau chiến tranh, tất cả những ngôi chùa trên núi đều bị hư hại nặng, nay đã được xây dựng lại. Vào dịp lễ hội, núi Bà Đen trở thành một điểm thu hút khá đông khách thập phương tới cúng lễ và tham quan.

7. Trung ương Cục (cục R)

Trung ương Cục miền Nam đóng cách thị xã Tây Ninh 55km về hướng bắc, trong đó có 17km đường rừng thuộc vùng đệm của biên giới Việt Nam - Campuchia, rộng 70.000 m². Trung ương Cục, tiền thân là Xứ ủy Nam Bộ, trước đây gọi là R - thành lập sau Đại hội Đảng lần thứ ba (1960), là căn cứ cách mạng nằm trong một khu rừng nguyên sinh thuộc huyện Tân Biên. Trong những năm 1960-1970, người Mỹ đã trả bất cứ giá nào để vào đây, bằng một loạt các chiến dịch lớn: Chiến dịch Attleboro (1966), Junction City (1967), xâm nhập Cambodia (1970).

Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam được công nhận là di tích lịch sử quan trọng, Bộ Văn hóa - Thông tin đã phê duyệt quyết định khởi công trùng tu và tôn tạo ngày 24-12-1992. Công trình gồm 8 căn nhà làm việc của các đồng chí lãnh đạo Trung

uong Cục, 13 hầm tránh pháo chū A, 1.253m giao thông hào, 1.271m đường nội bộ, 93 hầm chiến đấu, 2 hội trường, 1 văn phòng làm việc. Công trình đã chính thức khánh thành 28-4-1994.

8. Hồ Dầu Tiếng

Trong 4 năm xây dựng, từ ngày khởi công 29/4/1981 đến lúc hoàn thành 10/1/1985, một con đập chính đồ sộ với chiều cao 28m, dài 1.200m, chân rộng 200m và một đập phụ dài 27km đã làm dòng nước của sông Sài Gòn phải dừng lại làm nên hồ Dầu Tiếng với sức chứa 1,5 tỷ m³ nước. Từ đập chính lên thượng nguồn, hồ được phân thành nhiều nhánh nhỏ, các nhánh rộng đến vài km như rạch Trầu, suối Bà Chiên, suối Chà Và... Trong lòng hồ sót lại từ 5 đến 7 hòn đảo nhỏ, hai nhánh chính của hồ ôm lấy một bán đảo rộng đến hàng chục ngàn hecta.

Hiện nay du lịch hồ Dầu Tiếng chỉ mới hạn chế ở khách nội địa. Du khách đến với hồ để ngắm nhìn một công trình nhân tạo khá quy mô do chính công sức và tiền của họ xây dựng nên, công trình này đã cải tạo một vùng Đông Nam Bộ thiếu nước thành một vùng nông nghiệp trù phú. Cần phát triển thêm nhiều loại hình du lịch để thu hút khách nước ngoài, không chỉ đi canô quanh hồ như hiện nay mà còn câu cá, săn bắn tại những khu vực được quy hoạch, xây dựng những làng văn hóa dân tộc.

9. Khu du lịch Bửu Long (Đồng Nai)

Khu du lịch Bửu Long được xây dựng quanh một hồ nước nhân tạo do khai thác đá, đó là hồ Long Ân, với diện tích trên 10 ha và được xem như một Hạ Long thu nhỏ. Cạnh hồ là 2 ngọn núi thấp, trên núi Bình Điện có chùa Bửu Phong được xây dựng từ năm 1676, trên độ cao 33 mét. Bửu Phong Cổ Tự được xây dựng theo hình chū tam gồm phần chính điện, giảng đường và nơi thờ Tổ, ngoài ra còn có nhiều phòng Ni phái và nhà Duōng tăng. Một công đồng nhỏ người Hoa sống gần hồ còn giữ được nghề đúc đá truyền thống mang dấu ấn của nghệ thuật điêu khắc từ cuối thế kỷ XVII của miền Luōng Quǎng, Trung Hoa. Từ 2/1995,

một công viên khủng long được khánh thành làm cho khu du lịch Bửu Long càng thêm hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách nội địa.

Phong cảnh quanh chùa Bửu Phong rất nên thơ nhung trông hoang sơ vì thiếu sự chăm chút, đường lên chùa rất do bẩn do một số hộ dưới chân núi chăn nuôi gia súc. Trên núi còn nhiều am nhỏ mang tính chất đồng bóng, lường gạt du khách. Cần trồng thêm nhiều cây xanh, đầu tư thêm nhiều phuong tiện giải trí khác và nhà vệ sinh.

10. Rừng Quốc gia Nam Cát Tiên

Năm 1978, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định thành lập rừng cấm Nam Cát Tiên và đã được nâng cấp thành rừng Quốc gia từ tháng 3/1992. Rừng cấm có diện tích 36.600 ha, thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Rừng mang nhiều tính nguyên sinh, tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp. Theo thống kê, nơi đây có 600 loài thực vật bậc cao, trong đó có 100 loài gỗ, hàng trăm cây thuốc quý, trên 60 loài phong lan; 240 loài chim trong đó có các loài chim quý hiếm như trĩ lông đỏ, cò quăm xanh...; 53 loài thú, đặc biệt có loài tê giác một sừng và bò rừng Banteng; 37 loài bò sát, 13 loài lưỡng cư.

Rừng Nam Cát Tiên cách TP.Hồ Chí Minh 160km, trong đó có 30km đường đất đỏ (từ chợ Định Quán vào rừng) đi lại khó khăn trong mùa mưa, đặc biệt đối với xe bus lớn. Còn thiếu đường dây điện thoại liên lạc trực tiếp với ban quản lý rừng, và cơ sở hạ tầng phục vụ ăn, ngủ, đi lại (xe landcruiser, cano) cho khách trong rừng. Cần quy hoạch khu động vật hoang dã kiểu vườn thú ngoài trời cho khách quan sát khi thăm rừng. Cần xây dựng cầu bắc qua sông (tốt nhất là kiểu cầu treo) để tiện cho khách vào rừng.

11. Làng bưởi & làng gốm ven sông Đồng Nai

Kéo dài khoảng 10km ven sông Đồng Nai, từ Biên Hòa đến cù lao Mỹ Quối, có nhiều làng mạc và các đảo nhỏ, tạo nên cảnh

đẹp vừa hoành tráng vừa nên thơ. Du khách có thể viếng thăm những vườn bưởi (mùa bưởi từ tháng 10 đến tháng 12), những lò ép mía và nấu đường thủ công, tìm hiểu cuộc sống của cư dân trên cù lao. Khu vực Tân Vạn với hàng trăm lò gạch và gốm sứ, đặc biệt có nhiều xí nghiệp gốm có quy mô lớn, có thể tiếp đón từ 50 - 100 du khách cùng một lúc.

Trái mùa trái cây làng bưởi này trở nên tẻ nhạt, không hấp dẫn. Chưa xây dựng được những điểm dừng với phong cách đặc trưng của miệt vườn Đông Nam Bộ (con người và nhà vườn). Chưa kết hợp tuyến đường sông để khai thác điểm du lịch này.

12. Khu rừng Mã Đà

Mã Đà vốn là quê hương lâu đời của các loài cây cổ thụ, của những vật rừng già mênh mông, là mảnh đất của nhiều giống thú, bò sát và chim muông như voi, hổ, khỉ, trăn, rắn, cá sấu, kỳ đà, công, trĩ... Trong thời kỳ chiến tranh, hệ sinh thái đã bị chất độc hóa học hủy diệt. Nay ở đây đã mọc lên Lâm trường Mã Đà, khôi phục lại mầm xanh của khu rừng xưa: rừng bạch đàn, rừng keo lá chàm... đã lên xanh tốt bên hồ Trị An, các loài chim, thú đã đến tụ họp: sáo, vẹt bách thanh, Sơn Tiêu. Ở đây dòng điện Trị An đã bừng sáng.

13. Mộ cổ Hàng Gòn

Mộ cổ Hàng Gòn được phát hiện bởi một kỹ sư cầu đường người Pháp là Bouchot J. vào năm 1927 khi mở đường liên tỉnh số 2 nối liền giữa Long Khánh và Bà Rịa. Mộ có kiến trúc gồm 2 hàng trụ bao quanh một hầm mộ. Tổng số trụ là 10, làm bằng đá granit hay bazan, có chiều cao 2,5 - 3m, đặc biệt có 2 trụ là những tấm đan bằng granit với kích thước lớn: 7,2x1, 1x0,35m. Phần hầm mộ có dạng hình hộp, được ghép bằng 6 tấm đan bằng đá granit, kích thước 4,2x2,7m và cao 1,6m. Theo Saurin E., di tích này có niên đại cách nay khoảng 3950 năm. Từ năm 1992, mộ cổ Hàng Gòn đã được trùng tu: xây dựng tường bảo vệ, lát gạch quanh hầm mộ để chống xói mòn và trồng cây kiểng chung quanh.

Đây là điểm tham quan khá hấp dẫn vì là ngôi mộ cổ nhất và quy mô nhất tại Việt Nam còn được bảo tồn đến ngày nay. Cần xây dựng nhà tiếp khách để phục vụ du khách đến tham quan nghiên cứu.

B.2. Tiểu vùng du lịch Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long)

1. Chùa Vĩnh Tràng

Là một trong những ngôi chùa lớn nhất của tỉnh Tiền Giang, chùa Vĩnh Tràng được xây dựng vào năm 1849, có 5 lớp nhà với 2 sân cản, 178 cột. Đến năm 1907 mặt tiền nhà tổ được xây lại mang nét hòa hợp giữa kiến trúc Angkor và kiến trúc châu Âu. Hai cổng ra vào cũng được xây cất với những trang trí dùng các mảnh chén dĩa sứ mài và lắp ghép tỉ mỉ. Quanh chùa có nhiều mô hình tháp của những vị sư đã trụ trì được trang trí với các phiến đá chạm trổ công phu. Chùa tọa lạc tại một vườn cây trái sum sê thuộc xã Mỹ Phong - TP.Mỹ Tho.

2. Cù lao Thới Sơn

Từ 1990 cù lao Thới Sơn được xây dựng thành khu du lịch tìm hiểu cuộc sống của người dân đồng bằng sông Cửu Long. Sau khi đi đò một đoạn ngắn trên sông Mêkông, khách cặp bến để tiếp cận với cuộc sống thật của người dân: một căn nhà ngói ba gian với một gia đình gồm nhiều thế hệ, một khoảng vườn cây ăn trái trĩu quả được vun đắp thận trọng, một nhà hàng với kiểu cách đơn giản hòa hợp với màu xanh tự nhiên và các loại bonsai đủ kiểu bao quanh, là nơi dừng chân cho quý khách nghỉ ngơi và ăn trái cây. Hiện nay Du lịch Tiền Giang đã xây dựng Thới Sơn thành 3 khu riêng biệt, có khả năng đón tiếp cùng một lúc từ 300 - 500 khách. Với 5 nhà nghỉ kiểu bungalow đang được xây dựng trên cù lao, cùng với chương trình ca nhạc tài tử trên sông, trong tương lai gần sẽ hấp dẫn khách lưu đêm tại Mỹ Tho.

3. Trại rắn Đồng Tâm

Trại rắn Đồng Tâm hay Trung tâm nuôi trồng được liệu được thành lập năm 1977 trên diện tích rộng 30 ha, nằm gần bờ

sông Tiền, cách TP. Mỹ Tho 5km. Trung tâm chuyên nuôi rắn lấy nọc xuất khẩu, ngoài ra còn nghiên cứu để điều trị rắn cắn cho nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài hình thức nuôi công nghiệp (được tham quan), rắn ở đây còn được nuôi theo kiểu tự nhiên trong những chuồng âm dưới đất, còn có khu vực nuôi đại trà (không được tham quan) rộng 4.000 mét vuông, tường xây cao 3 mét bao chung quanh với hàng ngàn con rắn, chủ yếu là cạp nong và hổ mang.

4. Chợ nổi Cái Bè và cù lao Tân Phong

Chợ nổi Cái Bè nằm trên khúc sông Tiền bắt đầu từ cầu Cái Bè bắc qua kinh 28, xuôi theo cù lao Tân Phong về phía hạ lưu, kéo dài từ 500m đến 1000m tùy theo mùa. Chợ nổi nằm ở vị trí giáp ranh giữa 3 tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến Tre, hàng hóa chủ yếu là trái cây được cung cấp từ các miệt vườn của 3 tỉnh kể trên. Đây là một chợ bán sỉ, hàng ngày có khoảng 500 ghe lớn nặng trĩu trái cây neo dọc hai bên sông để chờ mồi lái, hàng hóa cần bán được treo trên những cây cao trên mui thuyền trông lá mắt. Ngoài ra còn có khoảng 200 ghe nhỏ chở đến chở đi như mắc cùi làm cảnh sinh hoạt trên sông thêm phần sinh động. Dọc theo chợ nổi phía hữu ngạn là cù lao Tân Phong, đây là điểm du lịch mới của Du lịch Tiền Giang nhằm kéo dài thời gian tham quan của khách tại Cái Bè. Cù lao Tân Phong đang được qui hoạch theo kiểu cù lao Thới Sơn, khách có thể dùng cơm trưa tại vườn nhà chú Ba Hân.

Đây là điểm du lịch hấp dẫn, giao thông đường bộ thuận lợi từ TPHCM theo Quốc lộ 1, chợ nổi Cái Bè dễ dàng nối tuyến với các điểm du lịch của Bến Tre (Cái Mơn), Vĩnh Long (Bình Hòa Phước) và Tiền Giang (Tân Phong).

5. Cù lao Bình Hòa Phước (Vĩnh Long)

Nằm không xa thị xã Vĩnh Long, khoảng 1 giờ ngồi trên đò máy là du khách đã đến được trung tâm của cù lao Bình Hòa Phước. Thông thường du khách phải mất 2-3 tiếng để tham quan điểm du lịch này, thực sự đây là chuyến thăm nhập thực tế tìm

hiểu cuộc sống của cư dân vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long với những điểm dừng như lò đường, lò gạch, xưởng đóng tàu, vườn cây ăn trái và quan sát cảnh sinh hoạt, giao thông bằng ghe thuyền của nhân dân hai bên bờ kinh rạch. Hấp dẫn nhất của chuyến du lịch này là điểm dừng tại khu vườn bonsai của nghệ nhân Nguyễn Thành Giáo, thường gọi là bác Sáu Giáo. Tại đây du khách được tiếp đón bằng tấm lòng hiếu khách mộc mạc và chân thành qua từng lời nói, thái độ, ly rượu để miệt vườn hay chút thức ăn đặc sản miền quê.

6. Khu du lịch Trường An

Khu du lịch Trường An với tổng diện tích 16 ha nằm sát bên bờ sông Tiền, cách thị xã Vĩnh Long 4km. Ở đây phong cảnh thiên nhiên hữu tình với màu xanh của cây trái, không khí trong lành. Hiện nay đã có những villa với kiến trúc thanh lịch, nhà hàng phục vụ các món ăn đặc sản của miền Tây.

7. Sân chim Ba Tri (Bến Tre)

Tên gọi chính xác hơn là sân chim Vầm Hồ ở huyện Ba Tri, gần cửa Ba Lai. Nơi đây sẽ là một điểm thu hút khách du lịch, không chỉ với sân chim gồm cò và vạc (ban ngày cò, ban đêm vạc), khoảng từ 1.000 đến 2.000 con, mà còn kết hợp đưa khách viếng thăm các di tích như mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu, mộ nhà thơ Suong Nguyệt Ánh con gái cụ Đỗ Chiểu tại xã An Đức hay viếng lăng cụ Võ Trường Toản, một thầy giáo nổi tiếng đã được đông đảo sĩ phu Nam Bộ kính trọng.

8. Làng cây kiểng Cái Mơn

Cái Mơn thuộc xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, là khu vực nổi tiếng về trái cây và cây kiểng ở đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, đây cũng là quê hương của danh nhân Trương Vĩnh Ký. Cái Mơn nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, cây xanh trái ngọt bốn mùa. Nơi đây đã hội tụ những nghệ nhân hình thành làng bonsai truyền thống với thế mạnh là các cây xanh tạo

dáng nai, rồng,... và các cây tắc hình tháp sai quả trang trí trong ngày Tết.

9. Điểm du lịch Cần Thơ

Cần Thơ nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, giữa một mạng lưới sông ngòi và kênh rạch phát triển, là trung tâm văn hóa, đầu mối giao thông quan trọng của vùng lúa gạo miền tây Nam Bộ. Cách thành phố Hồ Chí Minh 170km, thành phố không đồ sộ, bề thế như Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh. Ở đây không có nhiều đại lộ, nhà cao tầng, xe cộ tấp nập.

Mang nét đẹp riêng của một "Tây Đô". Cần Thơ có vẻ đẹp bình dị, nên thơ của làng chài, bến nước. Dân cư tập trung đông đúc, làng xóm trù mật nép dưới bóng dùa, lại có nhiều bến đẹp, nổi tiếng nhất là bến Ninh Kiều. Bến được xây bằng đá xanh. Cảnh bến là công viên với hàng dương lá luốt.

Cần Thơ có bến cảng khá lớn, tàu biển 5.000 tấn có thể ra vào được, có thể ngược sang Phnôm Pênh qua Vầm Nạo hay xuôi dòng sông Hậu nối liền với đường hàng hải quốc tế.

10. Hệ sinh thái rừng ngập mặn Cà Mau

Đây là hệ sinh thái chuyển tiếp giữa biển và đất liền, là nơi chưa có tác động của thủy triều ở vùng nhiệt đới. Với những loài thực vật chịu mặn điển hình như đước, vẹt, bần, dùa nước, chà là... và các động vật phổ biến như tôm, cá, cá sấu, kỳ đà. Đặc biệt hấp dẫn là quần thể chim với số lượng lớn. Có thể nói đây là bảo tàng cực kỳ sinh động về các loại chim.

11. Điểm du lịch Minh Hải

Minh Hải là vùng đất mới đã và đang tiếp tục được phù sa của sông Cửu Long bồi đắp. Điểm du lịch Minh Hải vốn nổi tiếng với những sân chim, rừng đước, rừng tràm và những cánh đồng bát ngát.

Sân chim ở đây thật là hấp dẫn. Mặc dù số loài và điều kiện thích nghi của các loài chim chưa thật phong phú, nhưng số

lượng cá thể nhiều tới mức ít nơi nào sánh kịp. Các loài chim thường sống ở các bãi lầy ven biển và trong nội địa. Đến mùa sinh sản, từ tháng tư đến tháng hai năm sau, chúng làm tổ ở các khu rừng ngập mặn thành từng tập đoàn lớn, được gọi là sân chim hay vườn chim. Trong chiến tranh, môi trường sống của chúng bị tàn phá, nhiều loài chim bị tiêu diệt, sân chim tan tác. Đến nay, nhiều sân chim được phục hồi.

Ở Minh Hải có 2 sân chim nổi tiếng là Vĩnh Thành (Vĩnh Lợi) và Tân Khánh (Ngọc Hiển).

Cách thị xã Minh Hải khoảng 8km về phía đông, *sân chim Vĩnh Lợi* có diện tích 18 ha. Thảm thực vật chủ yếu là chà là và giá. Thực chất, sân chim chỉ là phần sót lại của một vùng rừng ngập mặn rộng lớn xưa kia đã bị cải tạo thành đất canh tác, nay là nông trường Đông Hải. Khu vực này bị ngập nước vào mùa mưa và khô hạn vào mùa khô. Ở đây có khoảng 25 loài chim sinh sống.

Sân chim Ngọc Hiển là sân chim lớn, có diện tích 130 ha, nằm giữa vùng rừng ngập mặn cực nam Minh Hải. Chảy qua sân chim là sông Bảy Háp với hệ thống kênh rạch chằng chịt. Thảm thực vật chủ yếu là mắm, đước, vẹt, cốc, giá, chà là, ôrô, dừa nước, mọc xen với rừng ngập mặn... Ở đây có khoảng 40 loài chim, trong đó nhiều nhất là cốc, diệc, vạc, cò trắng, cò bợ, cò quăm, cò rắn. Vạc thường làm tổ ở khu riêng, nơi có cây thấp. Tổ vạc nằm rải rác ở độ cao 3-8m. Những khu có nhiều chà là là nơi làm tổ của loài cò bợ, cò lửa, cò ruồi, cò trắng... Riêng cò rắn làm tổ ở ngọn các cây mắm cao. Cò quăm đầu đen làm tổ thành tập đoàn đông đúc trên các cây vẹt, đước. Cốc đen cũng hay làm tổ quây quần ở một chỗ cao 2-3m trên cây giá.

Thảm thực vật có vai trò quan trọng trong việc xây tổ của chim. Ở đây có diện tích rừng khá rộng, nhiều loại cây, nên số lượng chim tụ tập về cư trú khá lớn về thành phần loài và về số lượng cá thể. Nhìn chung, ưu thế là các loài sống ở nước hoặc

gần bờ nước và vùng đất lầy lội như các họ bồ nông, cốc, diệc, cò v.v... Khoảng từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, chim trú đông từ miền Bắc về tránh rét, trong đó có choi choi, choắt, dẽ giun, cà kheo...

Một số loài chim quý ở đây đang được các tổ chức quốc tế quan tâm bảo vệ (IUCN, ICVP, WWF).

12. Điểm du lịch Phú Quốc

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất nước ta với diện tích 565km². Chiều dài của đảo là 50km, nơi rộng nhất hon 30km, còn nơi hẹp nhất cũng không dưới 15km.

Tuy là đảo nhưng địa hình của Phú Quốc khá đa dạng. Đảo được bao phủ bởi diện tích rừng khá lớn. Rừng ở ngay sau các làng chài Cây Dừa, Dương Đông, Cửa Cạn, Hàm Ninh. Khí hậu ôn hòa, mát mẻ của đảo tạo điều kiện tốt cho cây cối đâm chồi, nảy lộc.

Rừng Phú Quốc có thể là nơi tham quan du lịch. Trong rừng có nhiều cây cổ thụ: cây trâm hương hai người ôm mới xuể, cây lim vỏ xám đanh như vảy đồng với độ cứng không thua gì sắt thép, rồi còn kền kền, mun, quế...

Đi qua khu rừng già và vùng thung lũng hoa lan là khu rừng quế. Quế Phú Quốc thuộc loại quế bì, vỏ dày và có nhiều hương dầu. Bên cạnh rừng quế là một vùng đồi thấp với đủ loại hồ tiêu, cà phê, cao su, dừa. Hồ tiêu Phú Quốc vừa thơm, vừa cay, là một mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Trong rừng là cả một thế giới động vật. Vào mùa xuân có thể gặp tùng bảy huou, nai đủng đỉnh đi kiếm ăn. Rừng Phú Quốc không có thú dữ, trừ cá sấu sống từng đàn trong các vùng đất trũng lầy lội. Đi trong rừng Phú Quốc còn bắt gặp nhiều tổ ong bầu, mật trong như hổ phách. Mật ong Phú Quốc ngọt và thơm mùi của quế.

Thị trấn Dương Đông nằm bên bờ sông Dương Đông, nhà cửa, hàng quán nhỏ nhắn, xinh xắn. Chợ có nhiều nét phảng phất

chợ Tây Nguyên, nhưng lại có những nét riêng của chợ vùng duyên hải, hải đảo... Bên cạnh núi, sông, rừng, biển, du khách còn đến thăm mảnh đất có truyền thống đấu tranh chống xâm lược với tên tuổi của Nguyễn Trung Trực và của nhiều anh hùng vô danh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

13. Chùa Đất sét ở Sóc Trăng

Có thể nói ngoài chùa Dơi, chùa Đất sét - còn có tên là Bửu Sơn tự, có cách nay 200 năm - là một "kỳ quan" ở Sóc Trăng, một địa điểm du lịch lý tưởng. Chùa nằm ven đường Lương Định Của, cách trung tâm thị xã Sóc Trăng khoảng 1km. Chùa dài 30m, rộng 13m, với hàng ngàn tượng Phật lớn nhỏ, tượng rồng, kỳ lân, voi, sư tử, bạch hổ... làm bằng đất sét. Chùa có hai công trình cực kỳ tinh xảo đó là tháp Đa Bao và Bao Towa. Tháp Đa Bao cao 4m với 13 tầng, 4 cửa, mỗi cửa có một tượng Phật. Theo truyền thuyết, tháp Đa Bao để ngọc xá lợi của Phật Thích Ca. Tháp Bao Towa thờ Phật, cao gần 5m. Phía trên Bao Towa có một bông sen nghìn cánh với một nghìn đức Phật ngồi trên mỗi cánh sen. Trong chùa hiện còn 4 cây đèn khổng lồ, mỗi cây cao 2.6m, nặng 200kg. Nghe nói đèn cây được làm bằng sáp miếng mua từ thời Bảo Đại.

Chùa Đất sét là một di tích đặc biệt, là một minh chứng sống về tài năng và sự sáng tạo của người dân Việt Nam. Đây là một điểm đến hấp dẫn, không chỉ bởi kiến trúc độc đáo mà còn bởi ý nghĩa lịch sử và văn hóa sâu sắc.

Để đến chùa Đất sét, bạn có thể đi xe bus từ trung tâm thành phố Sóc Trăng đến ga xe khách, sau đó bắt xe ôm hoặc taxi.

Thời gian mở cửa: 06:00 - 18:00. Giá vé: 10.000đ/vé.

Lưu ý: Khi đến thăm chùa, bạn nên mặc trang phục modest và không mang dép lê vào chùa.

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, hãy liên hệ với ban quản lý chùa qua số điện thoại: 0912 345 678.

Chúc bạn旅途愉快! Nếu bạn cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn bạn đã đọc bài viết này. Chúc bạn có một ngày vui vẻ!

PHẨM SẢN XUẤT

ĐỊA LÝ DU LỊCH

Nhóm tác giả

*

Chịch trách nhiệm xuất bản :

TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : **ĐỖ LOAN**

Sửa bản in : **QUỲNH TRANG**

Trình bày và bìa : **THÀNH LONG – DUY NGỌC**

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.1

ĐT : 8225340 – 8296764 – 8220405 – 8222726 – 8296713 – 8223637

FAX : 84.8.298540

In 1.000 cuốn, khổ (14,5 x 20,5) cm tại Xưởng In Công ty XNK & Phát triển Văn hóa. Số XB 1066 34/CXB-QLXB cấp ngày 28/11/97. In xong và nộp lưu chiểu tháng tháng 11/1999

ĐỊA LÝ DU LỊCH

19. *Leucosia* *leucostoma* *Leucosia* *leucostoma*

[View Details](#) | [Edit](#) | [Delete](#) | [Print](#)

10. *Leucosia* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma*

195
195

19. *Leucosia* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma* *leucostoma*

2010 年 1 月 1 日起，对个人购买住房不足 2 年转手交易的，统一按 1% 的税率征收营业税。

1. *U.S. Fish Commission, Report for 1881*, p. 100.

THƯ VIỆN ĐHDL HÀI PHÒNG

Thư viện - DHDL Hải Phòng



2000DVU745

Giá : 18.000đ